

PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT SỬ TOÀN THƯ

(Từ Thương-Cổ đến Hiện-Đại)



This page is intentionally left blank

PHẠM VĂN SƠN

VIỆT-SỬ TOÀN-THƯ



*Kính dâng hương-hồn song thân đã
sớm hun đúc cho con một tấm lòng
thiết-tha với đất nước để viết nên
những trang sử oai hùng của dân-lộc.*

Phạm văn Sơn

CÙNG BẠN ĐỌC THÂN - MẾN

Từ mười hai năm nay, bước chân vào làng sử-học, chúng tôi đã được hân-hạnh giới-thiệu các bạn văn-gia trí-thức và học-sinh một số tác-phẩm nhỏ mọn như Việt-Nam tranh-đấu sử, Việt-Nam hiện-dại sử-yếu, Vĩ-tuyển 17, Việt-sử tân-biên quyển I, II, III.

Những cuốn sách này được tái bản nhiều lần và trước những sự đóng góp của chúng tôi đối với văn-hóa nước nhà, các bạn đọc đã tỏ có nhiều cảm tình và tin cậy, do đó đề tạ lòng tri-kỷ bốn phương hàng năm chúng tôi tiếp tục gửi đến tay các bạn những tác-phẩm về sử học.

Gần đây, Việt-sử tân-biên được các bạn trí thức trong nước và ngoài nước đặc-biệt lưu ý và tán thưởng trên các báo Bách-Khoa, Thế-Giới Tự-Do, Tân-Dân, Chỉ-Đạo, Ngôn-Luận, Tự-Do v.v... nhưng bộ sử này còn tới 4 cuốn nữa mới hết, tức là phải xuất-bản đều hòa luôn bốn năm mới hoàn thành.

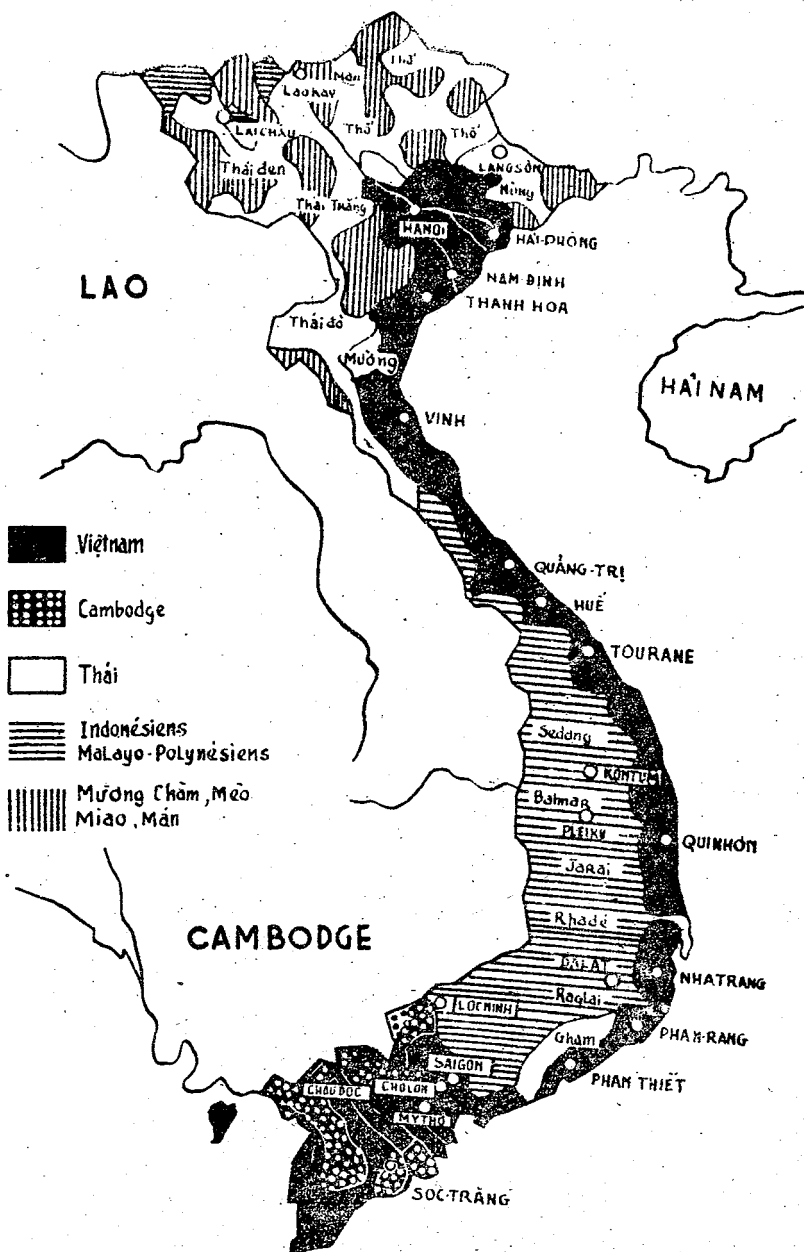
Trong lúc này, nhiều bạn giáo-sư và học sinh thường gửi thư đến chúng tôi yêu cầu nên gấp rút soạn một cuốn Việt-sử tân-biên thấu hẹp gồm đủ chi-tiết từ Thượng-cổ thời đại đến hết thời Pháp-thuộc để tiện dụng hơn trong các trường học. Theo ý các bạn, Việt-sử tân-biên gồm 7 cuốn chỉ lợi-ích nhiều cho các giáo-sư sử-địa, các văn gia trí-thức cần biên khảo rộng rãi và cho một số sinh viên nặng tình đặc-biệt với sử-học. Quả vậy, chúng tôi đã đọc khá nhiều sử sách, chuyện kỳ đề viết một bộ sách có mục-dịch giúp các bạn kẻ trên khỏi mất nhiều thời giờ tìm tòi sử-liệu và nghĩ ngợi về sự bình giải, mặc dầu công việc của chúng tôi vẫn có thể còn nhiều khuyết-diêm.

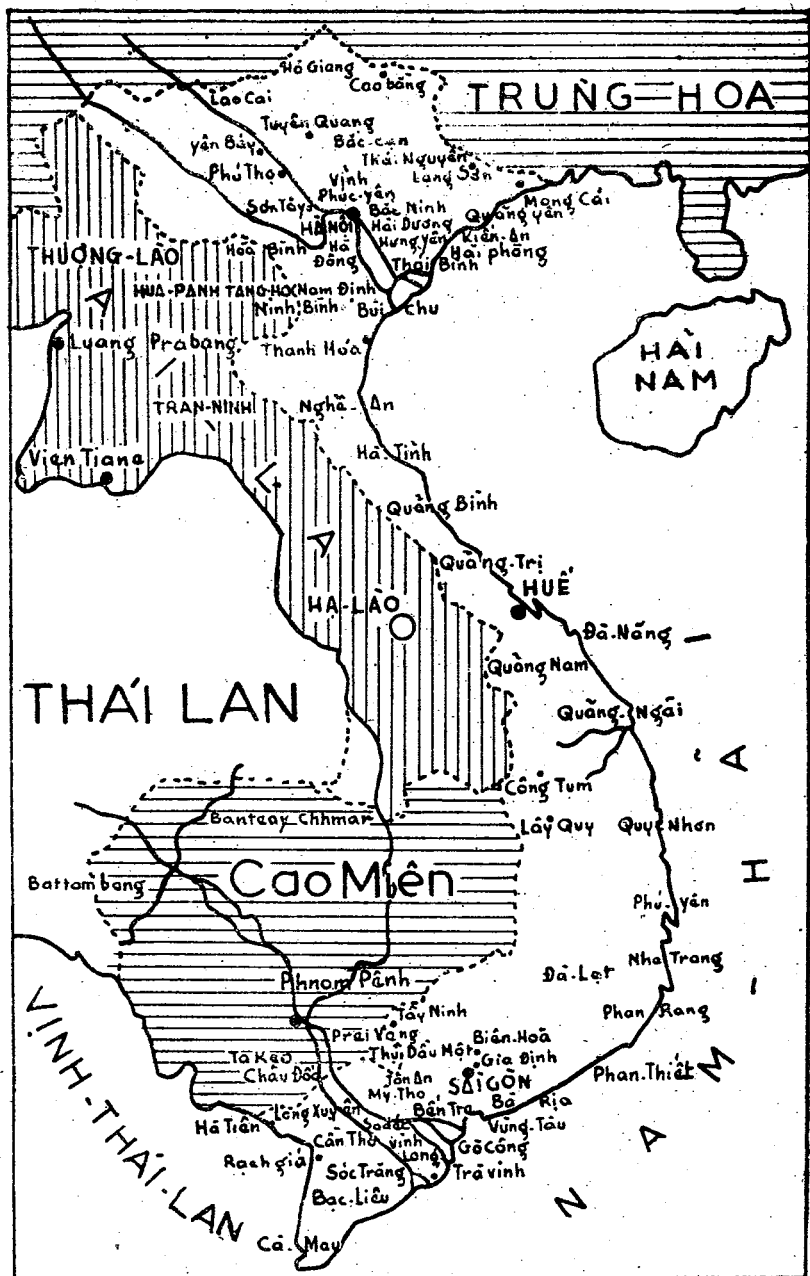
Ngoài ra, từ trên 30 năm nay, tuy trong các thư-viện của chúng ta đã có một số sách về lịch-sử, nhưng các sách này vẫn còn mang nặng ảnh-hưởng của tư-tưởng thời phong-kiến, đế-quốc. Nếu cần tiến-bộ, tất-nhiên ta phải có những cuốn sử mới viết theo quan-niệm rộng-rãi và tinh-thần phóng-khoáng của trào-lưu dân-chủ ngày nay cùng gồm thâu được nhiều điều mới lạ do sự khám phá hay sưu-tầm của các học-giả cận-đại, hiện-đại.

Hôm nay, Việt sử toàn-thư ra mắt các bạn. Chúng tôi hy-vọng tác-phẩm này sẽ hợp với nhu-cầu của tình-thế một phần nào, góp được ít nhiều công-quả cần-thiết cho sự phát-triển và xây-dựng văn-học của nước nhà trong giai-đoạn mới của lịch-sử. Tuy-nhiên do sử-học nước nhà chưa hết phôi-thai, ấu-trĩ, sử-liệu lại thất đắc khá nhiều qua các quốc-biến, sách này không khỏi có điều lỗi-lầm, sơ-sót. Trong khi chờ đợi một sự hoàn-thiện, chúng tôi xin sẵn sàng chấp đón sự uốn nắn và chỉ bảo của các bạn tri-thức gần xa.

Saigon ngày 14 tháng 3 năm Canh-tý
PHẠM VĂN SƠN

TRUNG - HOA





Bản đồ chánh trị của bán đảo Đông dương

CẨM ĐỀ LỊCH-SỬ

Ba xứ non sông một giải liền,
Máu đào, xương trắng, diêm tô nên.
Cơ trời dù đổi tro tang hải,
Mặt đất chưa tàn nghiệp tổ tiên.
Có nước, có dân, đừng rẻ rúng,
Muốn còn, muốn sống phải đua chen.
Giật mình nhớ truyện nghìn năm cũ.
Chiêm-Lạp xưa kia vốn chẳng hèn.

NHƯỢNG-TÔNG

This page is intentionally left blank

Phần thứ nhất

CHƯƠNG I

KHÁI-LUẬN VỀ XÃ-HỘI VIỆT-NAM XƯA VÀ NAY

— *Địa-lý thiên-nhiên Việt-Nam*

— *Người Việt-Nam*

— *Gốc tích của người Việt-Nam*

1 — **Địa-lý thiên-nhiên Việt - Nam**

Việt-Nam ngày nay là một nước trên bán-đảo Đông-Dương ở vào khoảng giữa Ấn-Độ và Trung-Hoa thuộc Châu Á hướng về phía Nam. Bắc, Việt-Nam giáp Trung Hoa (giáp-giới ba tỉnh miền Nam Trung-quốc : Vân-Nam, Quảng-Đông và Quảng-Tây), Tây giáp Ai-Lao, Cao-Mên, Đông giáp bờ bể Nam-hải. Một đàng khác, ở Đông-Nam Châu Á, bán-đảo Đông-Dương trong đó có Việt-Nam nhìn qua quần-đảo Phi-Luật-Tân và duỗi chân về phía Nam như đập xuống quần đảo Mã-Lai mà vị-trí cùng mối liên-hệ đối với bán-đảo Đông-Dương có thể ví với Địa-Trung-hải ở Âu-châu.

Nước Việt-Nam giống hình chữ S hẹp ở giữa, rộng hai đầu. Chiều cong vòng theo bờ biển bắt đầu từ vịnh Bắc-Việt, lượn vào đến đầu Trung-Việt dần dần uốn ra, xuống đến Nam-Việt thì chiều cong lại dần dần uốn vòng vào theo một đường rất êm dịu.

Diện-tích rộng chừng 312.000 cây số vuông trong đó :

Bắc - Việt : 105.000 cây số vuông

Trung-Việt : 150.000 cây số vuông

Nam - Việt : 57.000 cây số vuông

Bắc-Việt chia ra làm ba miền : Thượng-du có nhiều rừng núi chạy vòng cánh cung theo hình thềm xứ Bắc, như chiếc quạt xòe ra từ nơi giáp miền Thượng-Lào chạy sát các vùng biên-giới Việt-Hoa. Ngọn núi cao nhất là Hoàng-Liên sơn (3.141 thước). Trung-du là miền ở giữa trung-châu và thượng-du, sát các khu rừng núi. Trung-Châu đáng chú-ý vì có nhiều đồng-bằng, sản ruộng đất dễ cấy cấy và sông ngòi thuận-tiện cho mọi việc giao-thông (sông Hồng-hà phát nguyên tự Tây-tạng có nhiều chi-nhánh tản-mác khắp Trung-châu, sông thường không rộng lắm) — dân cư rất đông đúc, thóc lúa, ngô, khoai có nhiều.

Trung-Việt là một dải đất hẹp, có dãy Trường-sơn giống như cái xương sống chạy dọc từ Bắc-Việt vào Nam-Việt, có thể ví là cái bình-phong ngăn cách hai xứ Việt-Lào, ở đây ruộng đất hiếm hoi, khô khan, vì vị-trí sát bề và núi nên sự sinh sống của dân chúng trông vào lâm-sản và hải-sản hay ngư-lợi (nghề đánh cá). Kinh-tế nông-nghiệp ở đây không được phong-phú như ở miền Bắc-Việt và Nam-Việt có thể coi là hai vựa thóc của Việt-Nam.

Nam - Việt ở vào khúc dưới sông Cửu-Long có sông Tiền-Giang, Hậu-Giang, Vàm-Cỏ và Đồng-Nai chạy dài trên toàn cõi, lại có nhiều đất ruộng nên rất thịnh-dạt về nông-nghiệp. Nhân-dân ở đây không đông-đúc lắm, tương-đối với tổng-số diện-tích đất-dai, vừa sống với biển, vừa sống với ruộng vườn nên không chật-ật, vất-vả như dân Bắc-Việt bị nạn nhân-mãn từ bao nhiêu

đời. (Mật-độ dân-cư trung-bình lên tới 800 người trên một cây số vuông, có chỗ lên tới 2.000 người, điều ít thấy ở một nơi nào trên thế-giới ngày nay.)

Việt-Nam là một xứ thuộc nhiệt-đới, nhưng khí-hậu có khác nhau từ Nam ra Bắc, thường nóng và ẩm thấp. Bắc-Việt giáp-giới Trung quốc là một miền ôn-đới, có bốn mùa rõ-rệt, mùa xuân đầm-ẩm, có nhiều ngày lất-phất mưa, cũng có khi lạnh. Trong mùa này, cây cỏ mọc mạnh. Mùa hè nóng bức, có khi rất oi-ả, khó chịu, nhưng cũng là mùa dễ thảo-mộc sinh-sôi nảy-nở, thuận tiện cho nông-nghiệp. Các bệnh dịch-tả nhất là đối với con trẻ hay phát sinh trong vụ hè. Vào khoảng tháng sáu hay tháng bảy, thường có nước lớn do những trận mưa rào như trút nước từ các vùng thượng-du về đồng-bằng dễ sinh ra nạn nước lụt, xưa kia hay phá vỡ đê-điều, gây nên nhiều sự thiệt-hại về tài-sản và tính-mệnh cho dân-chúng vùng Trung-châu. Cuộc chống-chọi với nước lũ hằng năm đe-dọa đe-điều, đáng kể là một công cuộc vĩ-dại của dân-tộc Việt-Nam trải qua bao nhiêu thế-kỷ trong khi khoa-học chưa được áp-dụng. Đây là một cuộc chiến đấu giữa Người và Thiêu-nhiên, có lẽ đã hun-đúc cho dân-tộc chúng ta cái đức-tính kiên - nhẫn và một tinh-thần chiến đấu đáng kể. Trái lại vì lụt mà ruộng đất thêm màu - mỡ, nhất là ở đồng-bằng sông Cửu-long. Mùa thu có những ngày nắng dịu nhưng về những ngày chói, đời sống của cỏ cây bắt đầu ngưng-trệ cho đến mùa đông thì rõ rệt là một mùa tiêu-sái, không còn có những cơn gió mát như gió mùa thu, nắng hanh thường hay phát sinh các bệnh lặt-vặt và gió bắc lạnh thổi buốt kèm với mưa phùn, lại có những sự thay đổi thời-tiết rất đột-ngột, đang nóng đổi ngay ra lạnh.

Từ cửa Hàn trở vào Nam-Việt khí-hậu hình như riêng biệt. Ở đây có rõ-rệt hai mùa mưa, nắng, nhất là ở Nam-Việt, nghĩa là có 6 tháng mưa và 6 tháng nắng. Trong một ngày có nhiều trận mưa rào đổ xuống trong chốc lát rồi trời lại nắng ráo như thường. Buổi tối thường có gió mát. Ở địa-phương này vẫn-dễ thực-phẩm, khí-hậu và nông-nghiệp chịu ảnh-hưởng của biển rất nhiều.

Sống trên đất Việt-Nam, ngoài dân tộc Việt - Nam còn có nhiều giống khác nữa tại các vùng sơn-cước mà người Việt ngày nay gọi là các đồng-bào Thượng, vì trải qua bao nhiêu thế-hệ đã cùng sinh sống với nhau tuy không trực-tiếp nhiều, nhưng đã cùng chung lưng, đấu cật những khi xảy ra những biến-cố lớn lao của lịch-sử và không hề có sự mâu-thuẫn gì về quyền lợi tinh-thần hay vật chất.

Ở miền thượng-du Bắc-Việt có dân Thái, Thổ, Mường, Mán, Mèo, Nùng, Yao, Lô-Lô... Ở các miền rừng núi Trung-Việt có giống Mọi và Chàm. Ở Nam-Việt trong các vùng sơn-lâm cũng có dân Mọi, Chàm, các thành thị có Chà-Và, Hoa-Kiều, cùng người Thổ nguồn gốc Cao-Mên, lâu đời sinh sống ở đây vui vẻ êm-ấm như người Việt và không bị một sự đố-kỵ nào hết.

Nhân-dân Việt-Nam ở Bắc-Việt có vào khoảng 9 triệu người, Trung-Việt có độ 6 triệu, Nam-Việt có chừng 5 triệu, đó là con số ước lượng 30 năm về trước. Giờ đây có thể con số đó đã vượt quá rồi. Còn dân miền núi cũng tới trên dưới một triệu.

2 — Người Việt - Nam Người Việt-Nam thuộc giống da vàng. Kẻ làm nghề lao-động dầm mưa dãi nắng da ngăm-ngăm đen. Người làm các nghề nhàn-nhã ít ra ngoài trời thì da trắng màu ngà. Về chiều cao, người Việt-Nam phần nhiều tầm thước (không cao không thấp), nhỏ hơn người Tàu chút ít — mặt phần nhiều xương xương, trán cao rộng, mắt đen và hơi xếch về phía bên, gò má cao, mũi hơi tẹt, môi hơi dày, răng to thường khềnh, râu thưa, tóc đen và nhiều, cắt ngắn. Dáng đi lanh lẹ, vẻ mặt lanh lợi, thân hình mảnh dẻ nhưng cứng-cát và vững-chắc.

Y-phục của người dân ông Việt-Nam thường dài, rộng trong áo hẹp. Người lao-động vận quần áo ngắn, ở nơi tỉnh-thành dùng màu trắng, chốn thôn quê dùng màu nâu hoặc đen, đi ra ngoài hăm bè bạn, dự lễ-nghi thường mặc thêm chiếc áo thâm dài quá gối. Ở chốn thôn quê thì thêm chiếc khăn đen hay quần ngang đầu làm cho vẻ mặt thêm phần nghiêm trang. Ngày nay, ở các thành-thị, những

người tân-tiến như các công-chức, trí-thức, sinh-viên là những phần-tử có xúc-tiếp với văn-hóa Tây-phương thường vận Âu-phục do lẽ thuận tiện và mỹ-thuật.

Phụ-nữ Việt-Nam ở các đô-thị Bắc-Việt và Trung-Việt thường mặc quần trắng hay đen, nhưng áo dài thì thay đổi nhiều màu, chít khăn đen, cuộn tròn ngang đầu. Ở thôn quê thì mặc váy, có yếm che ngực, lại cũng có nhiều người mặc quần như đàn bà thành-thị. Ở Nam-Việt, đàn bà ưa mặc quần đen, áo ngắn và búi tóc.

Người đàn bà Việt-Nam có nhiều đức tốt hơn là thói xấu. Phần lớn từ thành-thị đến thôn quê, người đàn bà lo buôn bán, cày cấy, biết tần-tảo, chịu thương khó và rất hy-sinh cho chồng con. Sự kiện tốt đẹp này là do ảnh-hưởng của giáo-lý Khổng-Mạnh đã đi sâu vào đời sống tinh-thần của dân-tộc chúng ta từ ngót hai ngàn năm nay.

Gần một thế-kỷ trở về đây, Việt-Nam lại xúc tiếp với Tây-phương, phụ-nữ Việt-Nam hấp thụ văn-hóa Âu-Mỹ đã tỏ ra có nhiều khả-năng trên trường học-vấn và đã có những sự tranh đấu về quyền lợi gia-đình, xã-hội với nam-giới.

Bàn về các điều tốt xấu trong con người Việt-Nam, ta thấy đồng-bào ta thông-minh, nhớ dai, có óc nghệ-thuật, khéo tay chân, giàu trực-giác hơn là luận-lý, ưa điều đạo-đức, ham chuộng văn-chương. (Có người nói người Việt ta thích văn-chương phù-hoa hơn là thực-học, thiết-tưởng không đúng, chẳng qua chúng ta trong mười thế-kỷ mất độc-lập, chịu ảnh-hưởng văn-hóa nô-dịch nên không được hướng-dẫn phải đường, phải lối mà thôi, chớ không phải là ta không biết trọng thực-học). Chúng ta lại còn đức-tính lễ-phép và biết ơn, chuộng hòa-bình và giàu óc hy-sinh.

Người lao-động rất cần-cù và nhẫn-nại, có sức chịu đựng những việc nặng nhọc rất bền bỉ, nhất là các đồng-bào miền Bắc.

Người đi lính ra trận rất trọng kỷ-luật và can-dảm. Nói đến người lính đây tức là lớp nông-dân của chúng ta trong vai-trò tranh-

đấu cho Tự-do và Độc-lập của xứ-sở từ bốn ngàn năm lập-quốc đến giờ rất đáng phục.

Tinh-thần dân-tộc được như vậy là nhờ ở hoàn cảnh kinh-tế, địa-lý, văn-hóa và chính-trị cấu-tạo nên bởi :

1) Bắc giáp Trung-Quốc, Nam giáp Chiêm-Thành là hai gọng kìm ghê gớm, luôn luôn xiết chặt vào dân tộc chúng ta.

2) Rừng núi Bắc-Việt hoang-vu và nhiều thú dữ.

3) Đồng bằng Bắc-Việt hay bị lụt lội và hạn-hán.

4) Miền duyên-hải Trung-Việt hay nổi giông tố.

5) Vì hai vụ gió mùa đổi thay luân chuyển, khí hậu thường hay khô ráo và ẩm thấp.

Đó là những yếu-tố đã hun đúc cho chúng ta nhiều năng lực tranh đấu, sức chịu đựng với thiên-nhiên và các cường bang ngoại địch.

Chúng ta cũng có nhiều tính xấu như các dân-tộc khác :

Người dân trung-lưu và hạ-lưu hay nông-nòi, háo-danh, thích phô-trương, mê cờ bạc, tin ma quỷ, sùng việc cúng bái, không nhiệt-tín tôn-giáo nào cả, ham kiệu cáo, tình vật và quỷ-quyệt.

Tiếng nói của người Việt có thể cho là đồng - nhất, mặc dầu có sự phân biệt Trung-Nam-Bắc, giọng nói hơi nặng nhẹ ở một vài nơi, nhưng người Việt đi đến đâu cũng hiểu nhau. Tính tình, phong tục, tôn giáo cũng không có gì khác biệt lắm từ Nam ra Bắc.

Xã-hội Việt-Nam gồm 4 giai-cấp : Sĩ, Nông, Công, Thương, cùng sống dưới chế-độ phong-kiến lâu đời, nhưng không có nhiều chia rẽ quá đáng như ở nhiều dân-tộc khác.

Tóm lại, Việt-Nam, nếu đem so sánh với nhiều dân-tộc khác thì rõ rệt có rất nhiều đức-tính thuần-nhất nhờ đó mà có đủ sức mạnh

vật chất, tinh-thần để giải-quyết nhiều việc khó khăn nội ngoại, qua nhiều thế-hệ.

Tiếng nói của người Việt có thể cho là đồng-nhất vì mặc-dầu có sự phân-chia Trung-Nam-Bắc, giọng nói có hơi nặng nhẹ ít nhiều, nhưng người Việt đi đến đâu cũng hiểu nhau. Tính tình, phong-tục, tôn giáo cũng không có gì khác biệt từ Nam ra Bắc.

Đây là sự trình bày đại-khái về vị-t trí, tính tình, phong tục của người Việt-Nam. Chúng tôi xin nghiên-cứu kỹ-lưỡng thành từng vấn-đề ở những trang dưới đây tùy theo sự thuận-tiện của việc biên-khảo.

3 — Gốc tích của người Việt-Nam

Bàn về gốc tích dân tộc Việt-Nam, những nhà làm sử của chúng ta và các học-giả ngoại-quốc thường không đồng ý-kiến. Nguyên do dân - tộc Việt - Nam là một dân tộc rất cổ cữu ra đời trong khi khoa - học, nhân-chủng-học, địa-dư-học và sử - học chưa khai-triển. Thêm vào đó, dân-tộc Việt-Nam từ bốn ngàn năm lập quốc, trải qua bao nhiêu cuộc biến-chuyển của Lịch-sử, sống một cuộc đời bất-định từ lưu-vực sông Nhị-Hà, sông Mã cho tới ngày nay mới ngừng hẳn bên bờ biển Tiêm-La.

Nhiều nhà khảo-cổ Pháp cho rằng người Việt-Nam phát-tích ở miền núi Tây-Tạng cũng như người Thái, qua các triều-đại di-cư dần xuống Bắc-Việt, lần xuống phía Đông-Nam và lập ra nước Việt-Nam ngày nay. Còn người Thái lần theo sông Cửu-Long (Mékong) tạo ra nước Tiêm-La và Mên, Lào. Như vậy dân-tộc Việt-Nam là một trong nhiều dân-tộc đã do các miền Tây-Bắc Trung-Hoa là nguồn gốc. Đồng thời, một vài dân-tộc khác ở các quần-đảo Đông-Nam di-cư lên như dân Mã-Lai, dân Phù-Nam, Chiêm-Thành cũng tập-hợp trên bán-đảo Đông-Dương.

Có thuyết cho rằng người Việt thuộc giống Anh-đô-nê-diêng (Indonésien) bị giống A-ri-ăng (Aryens) đánh bật ra khỏi Ấn-Độ phải chạy qua bán - đảo Hoa - Ấn. Tới đây ta chia ra làm hai ngành, một ở lại bán-đảo Hoa - Ấn tiêu - diệt đám thổ-

dân ở đây là người Mê-la-nê-diêng (Mélanésien), một thiên xuống Nam-Dương quần-đảo — Ở mạn Bắc, ta hòa giống với người Mông-Cồ, chịu ảnh hưởng văn-minh Trung-Quốc. Ở mạn Nam giống Anh-đô-nê-diêng hợp thành giống Cao-Mên và Chiêm-Thành, chịu văn-hóa Ấn-Độ. Ngay ngành ở mạn Bắc cũng chia ra hai chi-phái : một sinh-tụ ở Trung-Châu sông Nhị-Hà và các miền duyên-hải, nhờ có đất cát phì-nhiều lại chịu nhiều cuộc biến-chuyển lịch-sử mà xúc-tiếp được với văn-hóa Trung-Quốc nên tiến-bộ mau-lẹ. Còn chi-phái kia lần lên các vùng cao-nguyên, sống với rừng núi — chịu ảnh-hưởng của giống Thái ở lân-cận tuy vẫn giữ được nền-nếp cũ là các tổ-chức và thể-chế phong-kiến. Các người Mường hiện cư-trú tại Hòa-Bình và Nghệ-An ngày nay là di-duệ của chi-phái này.

Ông Léonard Arousseau, căn-cứ vào sách Tàu, cho rằng người Việt-Nam thuộc dòng dõi người nước Việt đời Xuân-Thu tức là thuộc quyền Quốc-vương Câu-Tiến thời đó (cuối thế-kỷ thứ 6 trước Công-Lịch), đóng kinh-đô ở thành Thiệu-Hưng, tỉnh Chiết-Giang ngày nay. Năm 333 trước Công-lịch, nước Sở đánh bại nước Việt, người Việt chạy lùi thêm xuống miền Nam chia ra làm phái :

1) Đông-Âu hay là Việt-Đông-Hải thuộc miền Ôn-Châu (phía Nam tỉnh Chiết-Giang).

2) Mân-Việt tụ tập tại Phúc-Châu tức Phúc-Kiến.

3) Nam-Việt thuộc Quảng-Đông và phía Bắc Quảng-Tây.

4) Lạc-Việt hay là Tây Âu-Lạc ở phía Nam Quảng-Tây, và miền Bắc-Việt của chúng ta bây giờ.

Chúng ta thuộc thị-tộc nào ?

Tác-giả cuốn *“ Nguồn gốc dân tộc Việt-Nam ”* như chúng tôi xét, cũng không đứng ngoài thuyết này.

GIAO - CHỈ và
VIỆT-THƯỜNG

Theo sự khảo cứu của ông Đào duy-Anh, ở đời thái-cổ từ Nghiêu, Thuấn, Hạ, Thương trong lịch-sử Trung-Hoa, trong khi người Hán-tộc đương quanh-quần ở lưu-vực sông Hoàng-Hà và sông Vị-Thủy

thì ở miền Nam trong khoảng lưu-vực sông Dương-Tử, sông Hán và sông Hoài có những giống người văn-hóa khác hẳn với văn-hóa người phương Bắc. Trong thư-tịch của người Trung-Hoa, bọn người đó gọi là *Man-di* sống ở bên các bờ sông, bờ biển, các đầm hồ và trong các rừng hoang. Họ sinh-hoạt bằng nghề chài lưới, săn-bắn. Họ có tục đặc-biệt là xâm mình và cắt tóc ngắn; để giải-thích phong-tục đó người ta nói rằng người *Man-di* hằng ngày lặn lội dưới sông, biển thường bị giống Giao-Long làm hại nên xâm mình thành hình-trạng Giao-Long để Giao-Long tưởng là vật cùng giống mà không giết hại.

Từ đời Nghiêu-Thuấn, một dân-tộc khai-hóa rất sớm là người Giao-Chỉ đã giao-thiệp với người Hán-tộc. Đem đối-chiếu những điều trong thư-tịch thì Giao-Chỉ ở về miền Hồ-Nam ngày nay, gần hồ Động-Đình và núi Nam-Lĩnh.

Người Hán tộc gọi nhóm *Man-di* đó là Giao-Chỉ. Ban đầu người Giao-Chỉ xâm mình để thành hình trạng Giao-Long rồi dần dần chính họ phát-sinh mối tin tưởng mình là đồng chủng của giống Giao-Long. Quan-niệm "*Tô Tem*" bắt nguồn từ chỗ này. Người Hán thấy họ có hình-trạng Giao-Long, thờ Giao-Long làm tổ, nên gọi nơi họ ở là Giao-Chỉ tức là miền đất của giống người Giao - Long.

Một thuyết khác cho rằng người Giao-Chỉ có tên này do hai ngón chân cái giao nhau.

Theo hai Bác-sĩ P. Huard và Bigot trong *Bulletin de la Société Médico-chirurgicale de l'Indochine* quyển XV, số 5 tháng 5, năm 1937 trang 489-506, dưới tiêu đề: "*Les Giao-Chỉ*" thì việc người Giao-Chỉ có hai ngón chân cái giao nhau không đáng coi là một điều đặc-biệt, tức là nhiều dân-tộc khác ở Á-Đông cũng có hình-tích này.

Bộ *Từ-Nguyên* (quyển Tí, trang 141) chép: Theo nghĩa cũ bảo hai ngón chân cái giao nhau là Giao-Chỉ, nhưng xét đời cổ bên Hy-Lạp có tiếng đối-trụ, lân-trụ để gọi loài người trên thế-giới (đối-trụ là phía Nam phía Bắc đối nhau, lân-trụ là phía Đông phía Tây liền nhau). Sở dĩ có tên Giao-Chỉ là hợp với nghĩa đối-trụ vì dân-tộc

phương Bắc gọi dân-tộc phương Nam đối nhau, không phải thực là chân người giao nhau. (Chữ Giao-Chỉ chỉ chép ở Sử Tàu trước nhất vào đời Thần-Nông).

— Ngoài nghề đánh cá là nghề căn bản, người Giao-Chỉ ở nơi đầm lầy hay đất bồi đã biết trồng trọt và làm ruộng. Trong lúc này, ở khoảng giữa hồ Động-Đình và hồ Phiên-Dương từ đời Nghiêu-Thuấn đã có giống người Tam-Miêu biết nghề canh-nông rồi; và người Giao-Chỉ đã ở trên một phần đất của người Tam-Miêu. Căn-cứ vào nghề đánh cá, nghề nông cùng chế-độ vật-tổ là đặc-tính của xã-hội thị-tộc, người ta cho rằng người Giao-Chỉ bấy giờ ít nhất cũng là ở cuối đời đá cũ và đầu đời đá mới (đá đeo với đá mài) tuy chưa tìm được di-tích sinh-hoạt gì của họ ở dưới đất. Còn về thời Nghiêu-Thuấn, những đồ làm ruộng toàn bằng đá cả, xét vào các di-vật đào được ở Ngưỡng-Thiếu tỉnh Hà-Nam và ở lưu-vực sông Hoàng-Hà.

Họ làm nhà bằng cây, bằng tre hay nứa, có lẽ như nhà sàn của người thượng-du ngày nay, trên các đầm, hồ hay khe núi. (Theo thiên *Vũ-Cổng* ở miền đất châu Kinh có nhiều tre).

Sách xưa chép ở phía Nam đất Giao-Chỉ, cuối đời Chu nước Việt-Thường đã nó phen thông-sứ với Chu-Thành vương và có cống một con bạch-tri. Nước Việt-Thường xuất-hiện có lẽ đã lâu lắm từ đầu đời nhà Chu ở trên địa-bàn cũ của nước Tam-Miêu (ở giữa hồ Động-Đình và hồ Phiên-Dương), trung-tâm diêm của nước ấy là xứ Việt-Chương. Vua Sở Hùng-Cử (thế-kỷ thứ 9) phong cho con út là Chấp-Tý ở đây. Nước Việt-Thường bắt đầu suy từ khi có Sở thành-lập ở miền Hồ-Nam, Hồ-Bắc sau những cuộc lấn đất về phía Tây (của Việt-Thường qua đến đời Hùng-Cử đất Việt-Chương ở miền hồ Phiên-Dương thời hết.) Người Việt-Thường cũng sinh-hoạt bằng nghề đánh cá như người Giao-Chỉ, có lẽ cũng có tục xâm mình nhưng họ thông-thạo nghề nông hơn. Theo thiên *Vũ-Cổng* thì miền châu Kinh và châu Dương có những sản-vật như vàng, bạc, gỗ quý để làm nhà, các thứ trúc để làm nỏ, lông chim, da bò, ngựa voi, da tê-ngru, vải gai v...v... Dân Việt-Thường còn biết chế đồ đồng đỏ. Trình-độ kỹ-thuật đã tới

trình-độ *đá mới*. Họ cũng sống theo chế-độ thị-tộc và cũng có tín-ngưỡng '*Tô-Tem*' như người Giao-Chỉ.

Mối quan-hệ giữa người Giao-Chỉ và Việt-Thường thế nào đến nay vẫn chưa được rõ-rệt chỉ biết rằng khi Việt-Thường xuất-hiện thì tên Giao-Chỉ không còn nữa. Và địa-bản ước-đoán của Việt-Thường choán một phần Đông-Nam của địa-bản ước-đoán của người Giao-Chỉ.

Ngoài ra Việt-Thường với Giao-Chỉ đều là người *Man-Di* thuộc về Việt-tộc là giống người đã sinh-tụ ở khắp lưu-vực sông Dương-Tử, từ miền Vạn-Huyện (đời Chu là nước Quý-Việt) tỉnh Tứ-Xuyên ra tới biên, nghĩa là suốt châu Kinh, châu Dương trong *Vũ-Cổng*.

Cứ những điều chúng ta biết về đặc-tính văn-hóa thì Việt-tộc vào thời đó có lẽ không thuộc ảnh-hưởng chủng-tộc Mông-Gô-Lích một phần nào như người Hán, tuy chưa thể nói thấy tục xâm mình là tục đặc-biệt của các dân-tộc thuộc giống Anh-đô-nê-diêng ở miền Nam và Tây-Nam Á-châu, (từ người Miêu-tử, Lô-Lô, Mán, Lái, Lê, Dơ, Xơ, Đơ). Đông cho đến người Dayak ở đảo Bornéo đều là di-duệ của người *Man-Di*). Đám người này, theo các nhà nhân-chủng học chia ra hai giống Tạng-Miến (Tibéto-birman) và Anh-đô-nê-diêng. Nhưng họ không khác biệt nhau mấy, ngay cả về đặc-tính kỹ-thuật. Theo các nhà bác-học Leroy, Gourhan về nhân-loại-học, người Anh-đô-nê-diêng và giống Tạng-Miến gần nhau quá, nếu có khác nhau thì sự khác-biệt đó cũng hết sức mỏng manh, có lẽ vì sự pha trộn tức là sự lai giống. Hai đám dân-tộc này phải chăng đã sống gần-gũi nhau nên có sự-trạng này hay là đã cùng thoát-thai ở một gốc? Và chúng tôi nghĩ rằng cái gốc người ta đề-cập đó có lẽ là Việt-tộc. Các nhà tiền-sử-học và ngôn-ngữ-học phát-biểu rằng suốt từ miền A-Xam ở phía Bắc Ấn-Độ trải qua Nam-Bộ Trung-Hoa xuống tới Nam-Dương quần-đảo có một thứ văn-hóa hiện nay còn di-tích trong các dân-tộc Anh-đô-nê-diêng. Chúng ta có thể ngờ rằng người Việt-tộc xưa có lẽ là một nhánh, của chủng-tộc Anh-đô-nê-diêng. Chủng-tộc này trong thời thái-cổ đã có mặt hầu khắp miền Đông Nam Á-châu.

BÁCH-VIỆT

Căn-cứ vào các sử sách của Tàu trong đời nhà Chu, ta thấy Bách-Việt có mặt ở lưu-vực sông Dương-Tử rồi sau này tàu-mác khắp miền Nam-bộ Trung-Hoa. Nói là Bách-Việt, người ta căn-cứ vào thuyết truyền-kỳ về Lạc-Long-Quân kết duyên cùng Bà Âu-Cơ sinh ra trăm con trai. Sự thực, về thời thượng-cổ giống Bách-Việt có nhiều nhóm, nhiều bộ-lạc sinh sống rời rạc như các dân-tộc thiểu số ngày nay tại các miền Thượng-du. Đến đời nhà Chu, các bộ-lạc này đi dần đến chỗ thống-nhất do những biến-thiên của Lịch-sử, các bộ-lạc nhỏ dần bị các bộ-lạc lớn kiêm-tính và hợp lại thành năm nhóm lớn sau đây đã đạt đến hình-thức quốc-gia là : Đông-Việt hay Đông-Âu, Mân-Việt, Nam-Việt, Tây-Việt hay Tây-Âu và Lạc-Việt. Sau này ba nhóm trên bị đồng-hóa theo Hán-tộc, còn lại trên lịch-sử đến ngày nay là nhóm Tây-Âu và Lạc-Việt.

Vào thế-kỷ thứ 9, một số thị-tộc người Việt ở Chiết-Giang có lẽ có quan-hệ với những phần-tử Việt-tộc ở Nam-bộ Trung-Hoa và đối với Lịch-sử của chúng ta là người Việt-Nam ngày nay nữa. Họ lập thành nước Việt do một nhà quý-tộc họ Mị thuộc về thị-tộc Mị cùng họ với vua nước Sở. Buồi đầu trên bốn thế-kỷ trước đời Câu-Tiến, nước Việt chỉ là một nước phụ-dung của nước Ngô, một nước lớn ở lưu-vực sông Giang và sông Hoài. Cuối thế-kỷ thứ 6 vua nước Ngô là Hạp-Lư giận vua nước Việt là Doãn-Thường không theo mình đi đánh nước Sở nên đem binh đánh nước Việt, thắng Doãn-Thường ở Tuy-Lý (phủ Gia-Hưng). Doãn-Thường chết, con là Câu-Tiến đem quân quyết-tử trả thù giết được Hạp-Lư. Cháu Hạp-Lư là Phù-Sai, cũng trả thù cho ông, diệt được nước Việt. Sau này Câu-Tiến nhờ được bề tôi giỏi là Văn-Chủng và Phạm-Lãi khôi phục được nước Việt, phá được Ngô, xưng bá miền Giang-Hoài (năm 402). Ngôi bá chủ này, con cháu Câu-Tiến còn giữ được ba đời nữa, đến đời thứ 4 thì thất bại ở Giang-Đông. Bốn mươi tám năm sau đời Câu-Tiến thì nước Việt suy. Bốn mươi sáu năm sau nữa, nước Việt bị Sở thôn-tính.

Trong lịch-sử 600 năm của nước Việt, Câu-Tiến đã là người anh hùng làm nước Việt nhỏ bé bán-khai ở miền Giang-Nam nổi lên

thành một nước mạnh tung-hoành non một thế-kỷ ở một phương, mở rộng cương-vực choán một phần lớn tỉnh Chiết-Giang về phía Nam, và một phần lớn tỉnh Giang-Tây về phía Bắc, tuy miền Giang-Tây chỉ là phạm-vi thế-lực.

Trạng-thái sinh-hoạt vật-chất của nước Việt-dại khái như sau đây : cũng như người nước Ngô, người Việt vẫn sinh nhai bằng nghề đánh cá là nghề chính. Nông nghiệp của họ chưa phát-đạt vì đất xấu, kỹ-thuật canh-tác còn thô sơ, lại chưa biết dùng cây bừa và trâu bò. Có lẽ người Việt chỉ trồng được lúa nếp ở trên các khoảng đất cao và đồ ăn trọng-yếu là tôm cá, sò hến.

Về y-phục, người Việt dệt bằng sợi gai hay đay, và biết dệt vải hoa như người Mường, Thổ là một thứ sản-phẩm rất được người Hán ham chuộng. Người Việt biết pha đồng và thiếc để làm binh khí. Người ta đào được ở Chiết-Giang những đồ đồng như đỉnh ba chân, dao, thương, dao găm, mũi giáo, chuông nhỏ, chuông lớn, nhất là thứ kiếm đồng hai lưỡi là vật quý báu ở đời Xuân-Thu.

Họ sinh-hoạt dưới nước nhiều hơn là ở trên cạn nên bơi lội rất giỏi, biết làm các thứ thuyền nhỏ là *Linh* và thứ thuyền nhỏ dài là *Đĩnh*, thuyền lớn gọi là *Tu-lự*, thuyền có lầu tức là *Lâu-thuyền* và thứ thuyền có gán mũi qua tức là *Qua-thuyền*. Ba thứ thuyền sau là thuyền chiến. Các sách chép : người Việt rất sỏ-trường về thủy-chiến (Điều này làm ta nhận thấy dân-tộc Việt-Nam quả có tài chiến đấu đặc-biệt về mặt thủy trong các cuộc xung-đột với Trung-quốc từ 20 thế-kỷ nay).

Về kiến-trúc, hình như họ ở nhà sàn bằng tre và gỗ, tuy họ biết xây mộ và thành bằng đá và gạch. *Việt-tuyệt thư* chép : nước Việt có rất nhiều thành và lăng mộ, còn di-tích đến đời Hậu Hán.

Về văn-hóa, tinh-thần của người Việt chúng ta chưa được nhiều tài-liệu để xét-đoán, về ngôn-ngữ chẳng hạn. Ta chỉ biết rằng tiếng nói của người Việt khác với tiếng nói của người Hán nhiều, thường một tiếng Việt phải phiên-âm bằng hai ba tiếng Hán.

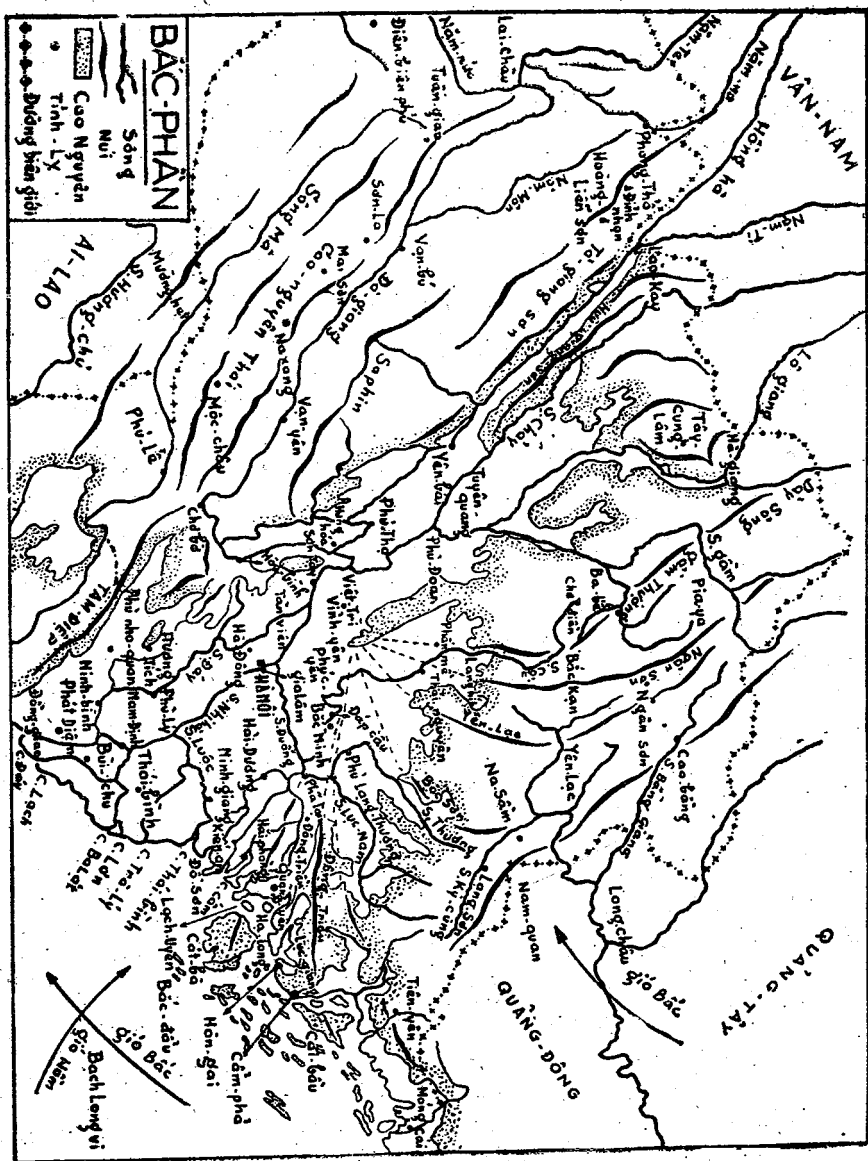
Về phong-tục thì có tục xăm mình, cắt tóc, là đặc-tục của toàn-thể Việt-tộc. Họ còn tục khắc cánh tay để ạn thề, khác với tục xăm-

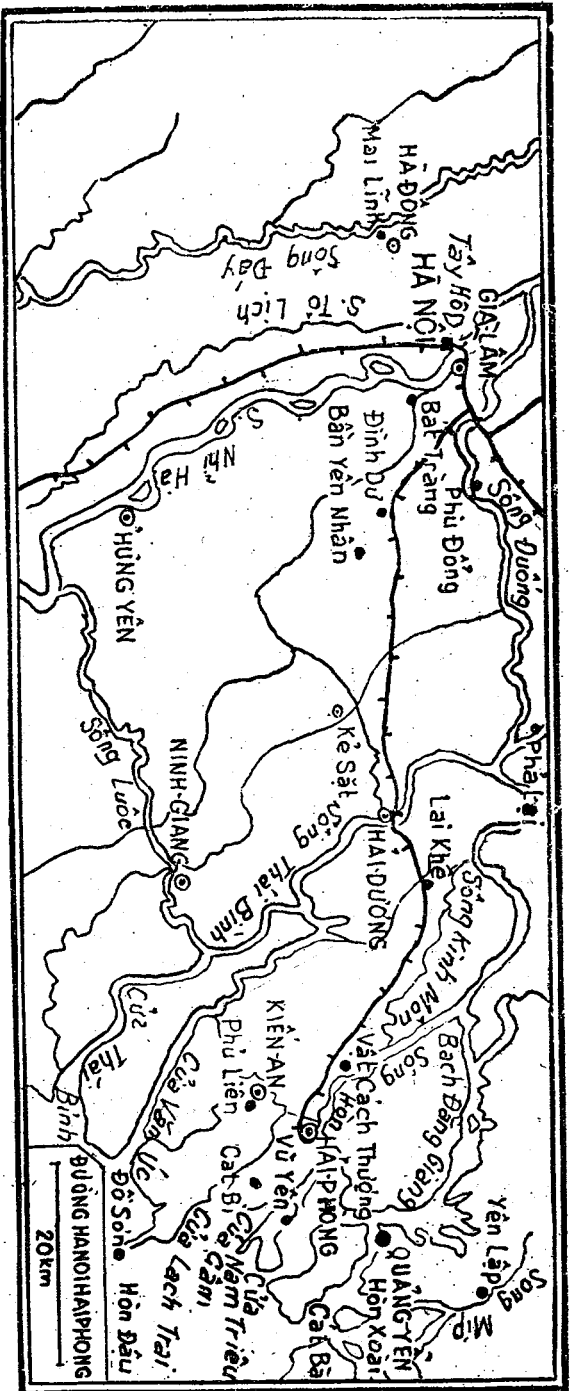
mình có ý nghĩa “ *Tổ Tem* ”. Họ thờ quỷ thần, tin điều họa phúc, chuộng phù-pháp, thờ người chết rất thành-kính. Các nhà quý tộc xây mộ bằng đá và bằng gạch lớn, bỏ đồ binh-khí bằng đá, đất hay đồng, vào áo quan để người chết có các thứ dùng.

Xét các đồ đồng và đồ gốm khai quật được ở Chiết-Giang, các nhà khảo-cổ buộc các nghệ-thuật của các đồ ấy vào một nghệ-thuật lớn gọi là nghệ-thuật Đông-Son, có nhiều đặc-diểm tương-tự với nghệ-thuật đời chiến-quốc ở miền sông Hoài. Những đặc-diểm ấy là hình tròn-ốc cặp đôi và hình giầy bện. Ông Đào duy-Anh cho rằng nghệ-thuật ấy chính ở miền Ngô-Việt lúc thịnh thời đã có rồi. Sau đó sự xúc-tiếp với người Hán ở miền Bắc, nghệ-thuật đó có ảnh-hưởng đến nghệ-thuật Chu-mạt hay Chiến-quốc và do sự di-cư của Việt-tộc xuống miền Nam thành nghệ-thuật Đông-Son.

Về tính tình, người Hán cho người *Man-Di* (Việt) có tính khinh-bạc, hiếu-chiến, sắc-sảo về việc binh, không sợ chết. *Việt-tuyệt thư* viết : Họ ở núi mà đi đường thủy lấy thuyền làm xe, lấy chèo làm ngựa, đến thì như gió thoảng, đi thì khó đuổi theo. *Sử-ký* chép : Vì dễ kiếm ăn, họ không lo xa, dằn-dum, bon-chen. Tóm lại người Hán có ý ghê sợ tinh-thần, quật-cường của Việt-tộc, luôn luôn chống trả kịch-liệt các cuộc xâm-lãng của họ, ngoài ra người Việt lại thường hoài-vọng phát-triển về miền Bắc nữa. Đáng chú ý là cái tinh-thần bất-úy tử của người Việt mà Câu-Tiến trong khi đánh Ngô, đã có dịp phô-trương. (Câu-Tiến sai quân đến trước quân Ngô khiêu chiến, la ó om-sòm, rồi tự cắt cổ mà chết. Giữa khi quân Ngô ngạc nhiên ngấm cái trò tự sát này, thì quân chủ-lực của Việt ập đến).

Về chính-trị, nước Việt dưới đời Câu-Tiến đã vượt qua chế-độ bộ-lạc và thành một quốc-gia theo chế-độ quân-chủ phong-kiến. Sau khi đánh được Ngô thì Việt vẫn xưng thần với nhà Chu. Sau một trăm năm cường thịnh, nước Việt lại suy-vi. Bao nhiêu chế-độ kinh-tế, chính-trị phỏng theo người Hán lại sụp đổ và người Việt lại trở về chế-độ bộ-lạc, một phần phiêu-lưu về miền Lĩnh-Nam, một phần bị đồng-hóa với người Hán tộc.





TRUNG - CHÂU BẮC - PHẦN

(Đây là nơi, từ hai mươi thế kỷ đã trải bao nhiêu cuộc tranh giành đầu máu giữa ta và các cường - quốc xâm - lăng)

Các nhóm khác là Đông-Việt, Mân-Việt và Nam-Việt là thế nào, ngoài U-Việt hay Vu-Việt mà di-chủng hiện còn lưu trên lịch-sử là dân-tộc Việt-Nam do những quan-hệ xa gần ? Các nhóm này có từ bao giờ, chưa sử-gia nào có thể trả lời một cách thỏa-đáng, chỉ biết rằng họ đã có mặt ở các miền Nam-bộ Trung-Quốc đã lâu đời, trước khi nhà Tần đem quân vượt núi Ngũ-Lĩnh, xuống chinh-phục họ. Bấy giờ họ đã thành các quốc-gia tuy tổ-chức về mọi phương diện chưa được quy-củ lắm.

Đây số phận của họ từ triều-dại nhà Tần qua triều đại nhà Đông-Hán ! Năm 218, năm đạo quân Tần gồm những người lưu-vong, những rêu thừa và lái buôn mở cuộc Nam-chinh. Đạo quân thứ năm ngừng lại trên sông Dư-Can trong tỉnh Quảng-Tây ở phía Nam hồ Phiên-Dương phụ-trách việc đánh Đông-Việt và Mân-Việt khi đó còn là những quốc-gia mới chớm nở. Hai nhóm này xưa kia thần phục Sở. Sau Trung-Quốc rối loạn, họ nhân đó mà giành lấy độc-lập.

Đông-Việt bấy giờ đóng ở trung tâm miền Vĩnh-Gia, thuộc Ôn-Châu, tỉnh Chiết-Giang về phía Nam Tâm-Môn-Loan. Mân-Việt ở trung-tâm miền Mân-huyện, thuộc Phúc Châu trong địa hạt Phúc-Kiến ngày nay.

Thế quân Tần bấy giờ đang mạnh, việc bình-dịnh được Trung-nguyên với cái kết-quả rực-rỡ huy-hoàng của nó khiến hai nhóm Đông-Việt và Mân-Việt khiếp sợ, nhờ vậy mà quân Tần thắng nhanh-chóng, dễ-dàng ngay trong năm đầu. Việc chinh-phục xong, Tần hợp hai nước lại làm một, đặt thành quận Mân-Trung. Quốc-vương bản-xứ hạ xuống làm quân-trưởng (tù-trưởng) để cai trị dân như cũ.

Đến ít năm sau Tần suy biến, Đông-Việt và Mân-Việt theo chư hầu đánh Tần rồi lại giúp Hán đánh Sở. Hán Cao-Đế năm thứ 5 (202) thưởng công cho tù-trưởng Mân-Việt là Vô-Chu bằng tước Mân-Việt vương. Đến Huệ-Đế năm thứ 3 (192) chia lại đất Mân-Trung cũ mà đặt thêm nước Đông-Hải và cũng đề-dền cấp cho tù-trưởng Đông-Việt là Dao. Hán phong cho tước Đông-Hải vương, đóng đô ở miền Vĩnh-Gia.

Sau này Mân-Việt và Đông-Việt xung-đột với nhau đã là cơ-hội rất tốt cho sự kiểm-tính của nhà Hán. Buổi đầu hai nước này thần phục nhà Hán nhưng vẫn nuôi hoài-vọng tiến về phương Bắc nếu có dịp thuận-tiện cho nên cả hai đã phụ-lực cho Ngô-Vương Ty và Hoài-Nam vương trong việc phản Hán. Nhà Hán e-ngại Mân-Việt hơn hết. Rồi Hán dụ được Đông-Việt giết Ty mà quay về với mình. Con Ty là Tu-Câu xin Mân-Việt đánh Đông-Việt năm thứ ba đời Vũ-Đế (138). Đông-Việt thế nguy cầu cứu Hán nhưng khi tướng Hán là Nghiêm-Trợ xuất binh thì quân Mân-Việt đã rút lui về Nam, vì trong nước có loạn; Nghiêm-Trợ đến Đông-Âu lấy danh nghĩa cứu nạn đổi liễn dòi một phần đông dân Đông-Âu về Giang-Hoài có ý rút bớt thực-lực của Đông-Âu để tránh hậu-hoạ sau này. Có lẽ một phần dân Đông-Âu đã chống lại chính sách này nên theo vua di-chuyển xuống miền Nam gần Tuyên-Sơn tỉnh Phúc-Kiến.

Năm thứ 6 hiệu Kiến-Nguyên (135), Mân-Việt đem quân đánh Nam-Việt. Nam-Việt cũng cầu cứu nhà Hán — Vương-Khôi được Hán-Đế cử đi đánh Mân-Việt cùng Hàn-An-quốc một do đường Dự-Chương, một do đường Cối-Kê, nhưng chưa tới cõi Mân thì Mân-Việt vì nội loạn phải xin hàng.

NAM-VIỆT

Nhóm Nam-Việt cũng như Mân-Việt và Đông-Việt là một trong nhiều nhóm Việt-tộc. Nó mang tên Nam-Việt có lẽ từ khi nó có mặt ở miền Nam-bộ Trung-Hoa cùng-thời với các nhóm trên đây, rồi sau này dưới đời Tần, Triệu-Đà chinh-phục được nhóm Nam-Việt và Âu-Lạc lập thành một đế-quốc ở miền Đông-Nam Á-châu và tự xưng Đế. Chính đạo-quân thứ tư trong năm đạo quân Tần đã ở phía Nam Dự-Chương do đường Đại-Du (nay là đèo Mai-Lĩnh) tiến vào Quảng-Đông là lĩnh-thổ của nhóm Nam-Việt? Có lẽ đạo quân thứ 5 sau khi chiếm được Đông-Việt và Mân-Việt đã theo đường bề do đèo Yết-Dương tấn công vào Phiên-Ngung (Quảng-Châu ngày nay). Đạo thứ nhất, thứ nhì, thứ ba tiến vào phía Bắc Quảng-Tây và Tây-Bắc Quảng-Đông không gặp sức kháng-chiến nào đáng kể. Những ít lâu sau họ bị người Tây-Âu chống trả kịch-liệt ở miền Quảng-Tây, vì vấn-đề tiếp tế khó-khăn do đường xá xa xôi, vì do khí hậu quá độc nên

luôn trong ba năm đoàn quân viễn-chinh của nhà Tần bị khốn đốn và hao mòn vô kể. (Xin coi việc kháng chiến của Tây-Âu ở đoạn dưới đây) Bị ngừng lại, nhà Tần thiết-lập bộ máy cai-trị ở các nơi đã chiếm được như ở Đông-Việt và Mân-Việt — Quảng-Đông và Quảng-Tây thành ra ba quận Nam-Hải, Quế-Lâm và Tượng-Quận. Năm 214 việc đặt Quận, huyện thành tựu, nhà Tần cử Nhâm-Ngao làm Đô-Úy quận Nam-Hải và Triệu-Đà làm Huyện-lệnh Long-Xuyên (Huyện thuộc Quận). Đến khi Trung-Quốc có loạn, chư hầu nổi lên đánh đổ nhà Tần, nhà Hán ra đời thì Triệu-Đà xưng Đế ở Nam-Việt, chiếm địa-phương này làm của riêng trong một giai đoạn nhưng sau cũng thần-phục nhà Hán. Sau này Triệu-Đà chết đi, các con cháu kế-nghiệp bất tài, nhà Hán liền chiếm hẳn Nam-Việt. Âu-Lạc bấy giờ nằm trong phạm-vi ảnh-hưởng của Nam-Việt cũng nhào theo. Rồi Nam-Việt cũng bị chia làm quận huyện. Tuy dân Nam-Việt không bị cưỡng-bức di-cư như Đông-Việt và Mân-Việt để đồng-hóa với Hán-tộc, nhưng từ đời nhà Tần họ ăn chung ở lộn với mấy vạn quân Nam-chinh và một vạn năm ngàn phụ-nữ Hán mà Triệu-Đà được nhà Tần cấp cho để giữ việc may vá cho quân lính nên ngay từ thời Nam-Việt còn thịnh-dạt đã có sự pha-trộn giữa hai dân-tộc Hán-Việt..

Một điều đáng chú ý là sau khi nước Việt bị diệt, nhiều nhóm tàn-dân U-Việt đã chạy xuống các miền Quảng-Đông, Quảng-Tây, Phúc-Kiến tụ họp với những người đồng-tộc là Mân-Việt và Đông-Âu đã di-cư từ trước. Họ có trình-độ văn-hóa cao nên khi họp với các thị-tộc chiếm đóng miền Nam trước họ thì họ đem đến đó một hình-thức chính-trị kinh-tế cao hơn. Những nhà quý-tộc của họ họp thành những bộ-lạc lớn mà tự xưng là quân trưởng (tù trưởng) hay tổ-chức thành các quốc-gia rồi tự xưng vương. Ngay từ khi họ còn sinh-tụ tại miền Chiết-Giang cho tới lúc họ tản-mác dần xuống miền Đông Nam Trung-Quốc.

Đề có một nhận định rõ-rệt về mối liên-hệ giữa người Việt-Nam chúng ta ngày nay và các nhóm đồng-tộc trên đây, chúng tôi xin trình bày các đặc-tính văn-hóa của người Bách-Việt sau khi đã nói về U-Việt cũng cùng về một vấn-đề. Căn cứ vào những tài-liệu rải rắc

ở các cò sử như Sử-ký, Hán-thư và nhất là tác-phẩm của Ho-li-Nam vương Lưu-An là người Hán sơ sinh-trưởng ở miền tiếp cận của Bách-Việt thì biết rằng người Việt xưa kia sống một cách rất đơn-giản. Họ không có thành quách, thôn ấp. Họ ở trong các vùng rừng núi, bờ lau, khe suối. Họ rất thạo thủy-chiến, rất quen dùng thuyền, ở trên cạn ít mà ở dưới nước nhiều. Họ cắt tóc, xăm mình, đóng khố ngắn để tiện bơi lội, tay áo cộc để tiện chèo thuyền. Ở đảo Hải-Nam cũng là nơi thuộc địa-bản của người Bách-Việt, theo sách *Hán thư* dân-ông cấy ruộng trồng lúa nếp, lúa tẻ, đay và gai. Đàn bà trồng dâu nuôi tằm. Có lẽ ở miền đồng bằng trong lưu-vực sông Tây-Giang miền Quảng-Đông và Quảng-Tây người Bách-Việt cũng làm ruộng theo kỹ-thuật thô-sơ như dân Hải-Nam vậy.

Người Bách-Việt đã biết nuôi gia-súc như bò, dê, lợn, gà, chó. Họ có các sản-vật quý-giá như : sừng tê, ngà voi, đồi mồi, trân-châu, ngọc đỏ, bạc, đồng, trái cây (quả nhãn, quả vải) vãi, gai. Hẳn họ cũng biết kỹ-thuật đồ đồng như người Ngô-Việt nhưng chắc không tinh bằng dân Ngô-Việt. Họ ít giao-thông bằng đường bộ nên không dùng ngựa. Họ không giỏi thương-mại nhưng vì có nhiều sản-phẩm nên hay giao-dịch với người Trung-Quốc tại Quảng-Đông. Hợp-Phố, Tư-Văn và Phiên-Ngung một thời đã trở nên nơi đô-hội lớn.

Về kiến-trúc họ chưa có gì đáng kể vì chỉ ở nhà sàn, nhà gác bằng tre và gỗ, vì ngay như thành-trị đề phòng-ngừa quân địch họ cũng không có như người nước Việt trong thời cường-thịnh. Họ chỉ nhờ thế rừng núi hiểm trở để tự-vệ thôi.

Về văn-hóa tinh-thần, họ cũng không khác người nước Việt mấy và người Hán cũng cho họ là khinh bạc và hiếu-chiến. Họ vẫn còn sống theo chế-độ thị-tộc. Có lẽ riêng nhóm Đông-Âu và Mân-Việt đã tiến bộ hơn và đã tiến qua chế-độ gia-tộc. Về chính-trị có lẽ họ ở giữa chế-độ bộ-lạc và phong-kiến.

LẠC - VIỆT Theo tác-giả «*Nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam*» tổ tiên
và **TÂY-ÂU** trực tiếp của dân tộc Việt-Nam là nhóm Lạc-Việt
sinh tụ ở miền Trung-Châu Bắc-Việt và miền Bắc
Trung-Việt, nhưng nói một cách chuẩn-dịch rằng nhóm này đến chiếm

đóng ở đây từ bao giờ thì chúng ta chưa có câu trả lời dứt khoát, chỉ biết khi Triệu-Đà cát-cứ ở huyện Long-Xuyên thuộc Nam-Hải (Quảng-Đông) thì người Lạc-Việt đã có mặt ở lưu-vực sông Nhị-Hà rồi. Ở đây họ đã tổ-chức thành quốc-gia tuy chưa ra khỏi tình trạng bán-khai, và ngự-trị quốc-gia Lạc-Việt bấy giờ là họ Hồng-Bàng.

Căn cứ vào Từ-Quảng (do *Sử-ký sách án dẫn*) người Mân-Việt ở Phúc-Kiến đều họ Lạc cả khiến ta ngờ rằng người Lạc-Việt ở Việt-Nam bây giờ với Lạc-Việt ở Phúc-Kiến có mối liên-hệ với nhau.

Về Nhân-L loại-học, ông Cl. Madrolle trong bài *Le Tonkin ancien B.E.F.E.A. XXXVII* đã phát-biểu ý-kiến này rồi ước-đoán ở Phúc-Kiến có một nhóm Việt-tộc làm nghề chài lưới, hàng-hải đã dùng thuyền gỗ hay mảng tre có buồm, hằng năm theo gió mùa, nhân gió bắc phiêu-lưu theo dọc miền duyên-hải rồi ghé vào miền Trung-Châu sông Nhị, sông Mã (Việt-Nam). Nhóm này cũng đã có phen vượt biển xuống cả Nam-Dương, rồi lại nhân tiết gió nồm quay về căn-cứ. Có thể một số đã ở lại Bắc-Việt để sinh sống, vì ở đây đất cát có nhiều mầu-mỡ, cho tới khi dân Việt tại miền Đông Nam Trung-Quốc bị Sở diệt liền kéo cả toàn thể bộ-lạc xuống Bắc-Việt. *Hán Từ-Quảng* đã căn-cứ vào một số người họ Lạc còn sót lại ở đất Phúc-Kiến nên nói rằng người Mân-Việt họ Lạc.

Tại sao có cái tên Lạc-Việt ?

Ông Đào duy-Anh cho rằng nhóm Lạc-Việt ấy đã thường tự sánh mình với một giống chim hậu-diều cứ đến mùa gió bắc lạnh lẽo cũng rời bờ biển Giang-Nam với họ và tiến xuống miền Nam, đến khi mùa nóng trở về thì chim và người cùng quay lại chốn cũ. Dần dần trong tâm-lý của họ phát-sinh ra quan-niệm *tổ tem* (giống chim Lạc là một giống chim hậu-diều về loại ngỗng trời). Họ nhận giống chim Lạc là vật tổ rồi lấy tên của giống chim này đặt cho thị-tộc của mình. Rồi họ mang lông chim Lạc ở đầu và ở mình, lại trang sức thuyền của họ thành hình vật-tổ, hoặc đeo khắp nơi trong thuyền những huy-hiệu vật-tổ cốt để cầu một sự hộ-vệ của vật-tổ trong khi lặn-lóc giữa sóng gió bề khơi. Ngày nay người ta thấy trên mặt trống

đồng Ngọc-Lư có chạm các hình-ảnh này. Các nhà khảo-cò Pháp như Goloubew và Finot cho rằng sự kiện này do ý-nghĩa *"tô-tem"*. Đây chỉ là một sự ước-đoán căn-cứ vào các di-tích mà các nhà khảo-cò đã tìm thấy.

Lân-cận với nhóm Lạc-Việt là nhóm Tây-Việt hay Tây-Âu ở mé Đông-Nam tỉnh Quảng-Tây đã nằm trong chương-trình chinh-phục Bách-Việt của nhà Tần, trong khi quân Tần sẽ sông ngòi để chuyên-vận binh lương xuống các vùng Quế-Lâm, Nam-Hải. Tần diệt được Đông-Âu và Mân-Việt nhưng đã vấp phải sức kháng-chiến của nhóm Tây-Âu mặc dầu họ được tù-trưởng là Dịch Hư-Tổng. Sau này một mặt quân Tây-Âu rút vào rừng sâu, một mặt, cứ đêm lại tiến ra đánh du-kích giết được Đồ-Thư là quan Ủy nhà Tần và làm hao mòn mấy chục vạn quân của Tần nữa. Cớ lời Lưu-An, sau sự thất-bại đau đớn trên đây quân Tần rút về miền Bắc chiếm đóng ở phía Bắc sông Ly-Ảnh-hưởng của Đế-quốc Tần bấy giờ mới choán được địa phận quận Quế-Lâm tức Uất-Lâm bây giờ và miền Nam-Hải (tức là Quảng-Đông và Quảng-Tây) mà thôi.

Ngày nay người ta ngờ rằng người kế tiếp tù-trưởng hay thái-tử chết ở núi Bạch-Lộc là một người con thứ của vua Thục mà sử chép là Thục-Phán (An-Dương vương) đã có công chống Tần trên đây sau khi nước Thục (ở Tứ Xuyên) bị Tần diệt được (Sử ký chép việc ấy vào năm thứ 5 đời Chu-thành-vương tức năm 316), khi dư đảng chạy về phía Nam-lãnh nấu mình ở đất Diên-Trì là đất của nước Sở cừu địch của Tần mới chiếm được.

Rồi Phán cảm thấy đất dung thân chật hẹp nghèo-nàn, nên chiếm đất Tây-Âu và Lạc-Việt, theo lối con đường xe lửa Diên-Việt ngày nay, qua Khúc Tĩnh, Mộng Tự rồi theo sông Hồng-Hà chiếm Lạc-Việt hợp Tây-Âu và Lạc-Việt vào làm một thành ra Âu-Lạc sau này, lấy Cồ-Loa làm kinh đô, tự xưng hiệu là An-Dương vương (Có lẽ muốn nhớ lại tên cổ-hương là Hoa-Dương, tên miền đất Thục ở Tứ-Xuyên).

Việc Thục-Phán vào đất Việt có lẽ xảy ra trước khi quân Tần đánh Tây-Âu. Lúc này Tây-Âu đã thuộc về Thục-Phán.

Đến ngày nay, căn-cứ vào thuyết của L. Auroousseau và tài-liệu của Đào duy-Anh người ta gần như có thể quyết-định rằng người Việt-Nam bây giờ tức là người Lạc-Việt thuở xưa sinh-tụ ở miền Nam-bộ Trung-Quốc, sau này trôi rạt xuống lưu-vực sông Nhị-Hà. Các nhà khảo-cổ gần đây đào sâu các tầng đất thấy hài cốt người Anh-dô-nê-diêng, Mê-la-nê-diêng ở dưới, còn hài cốt người Lạc-Việt hay Giao-Chi ở trên nên cho rằng người Lạc-Việt đến lập cơ sở ở Bắc Việt chưa lâu lắm.

Lấy gì căn-cứ để nói rằng chúng ta là một trong đám Bách-Việt và các nhà sử-học và cổ-học đã dẫn chứng bằng những hình-dáng, tính-tình, phong-tục và các đặc-tính văn-hóa của người Việt là những tiêu-chuẩn vững-chắc nhất xưa nay về nhân-chủng-học, để ấn-định nguồn-gốc và giòng-giống của một dân-tộc.

Thuyết nói rằng người Việt chúng ta đến miền Trung-Châu sông Nhị và sông Mã chưa lâu lắm có thể đúng vì trên khu-vực này giống người Anh-dô-nê-diêng đã đến trước chúng ta. Họ do bán-đảo Ấn-Độ di-cư tới và chiếm đóng những miền đồi núi giáp Trung-Châu Bắc-Việt (Phó Bình-gia và làng Cườm ở Bắc-Sơn, Hòa-Bình, Chợ Gành) và miền Bắc Trung-Việt (Đa-Bút ở Thanh-Hóa, Cầu Giát ở Nghệ-An). Nhà bác-học Sylvain Lévy lấy kỹ thuật đồ đá trau tìm thấy ở suốt bán đảo Hoa - Ấn mà cho rằng những thứ này đã do người Anh-dô-nê-diêng đưa tới. Nhiều nơi còn có những đồng vỏ sò, vỏ điệp được coi là di-tích sinh-hoạt của người Anh-dô-nê-diêng có lẽ đã sống về nghề chài lưới ở ven sông và bên bờ biển. Người Lạc-Việt mà chúng tôi đoán cũng là giống Anh-dô-nê-diêng làm nghề chài lưới đã tiếp xúc với người Thổ-trước miền Bắc Việt-Nam cùng phương-thức sinh-hoạt tương-tự rồi dần dần đồng-hóa họ. Một phần của đám người Thổ-trước vì sự phát triển quá mạnh của người Lạc-Việt đã bị dồn lên đồi núi, còn để lại ngày nay những di-tích như hài-cốt và các đồ dùng trong đời sống hàng ngày của họ, đã do các nhà địa-chất-học khai-quật lên được. Khi còn ở Phúc-Kiến, người Lạc-Việt đã tiếp-xúc với người Hán-tộc thuộc giống Mông-gô-lích từ lâu, lại tới khi qua Âu-Lạc pha máu với người Anh-dô-nê-diêng là giống

chiếm cứ địa-bản ấy từ xưa, cho nên ta có thể nói rằng người Lạc-Việt là một giống tạp-chủng gồm nhiều yếu-tố Anh-dô-nê-diêng và một phần nào yếu tố Mông-gô-lích. Nữ-sĩ Colani tìm được trong một cái hăm mộ làng Cừm (Bắc-Son) một cái đầu lâu gồm cả tính chất Anh-dô-nê-diêng và Mông-gô-lích. Có lẽ là đầu của một người Lạc-Việt nào lạc-lỡng vào trong đám Anh-dô-nê-diêng bị dồn lên miền sơn - cước.

Truy-cứu theo đặc-tính sinh-lý, ở nơi chúng ta, người ta cho rằng có sự pha máu giữa giống Anh-Dô-Nê-Diêng với giống Mông-Cồ, nếu xét tầm vóc người Việt-Nam cao độ 1 thước 58, chân tay khăng khiu, cái sọ tròn (chi-xuất 82,8), môi hơi dày, miệng hơi vầu, mặt dẹt và hơi tròn, mắt có mí và hơi xếch, gò má cao, râu thưa và cứng, da ngăm ngăm, ta không thể không nhận đây là đặc-tính sinh-lý của người Mông-Cồ. Sự pha trộn này đã tạo thành con người Việt-Nam có thể coi là một thực-tế, nhưng qua các biến-chuyển của lịch-sử và do ảnh-hưởng của thời-tiết, thổ-ngoi, con người Việt-Nam cũng chịu nhiều sự thay đổi và có nhiều sắc-thái khác đề trở nên riêng biệt...

Đến Bắc-Việt sau khi đã làm chủ-nhân-ông lưu-vực sông Nhị và sông Mã, hẳn người Lạc-Việt vẫn tiếp tục nghề chài lưới nhưng có lẽ chỉ một phần nào sống gần biên, ngoài ra dân Lạc-Việt đã theo sinh-hoạt định-cư và lấy nghề nông làm căn-bản do đó sách *Quảng-Châu-ký* chép về Giao-Chỉ nói : vua là Lạc-vương, dân là Lạc-dân, ruộng là Lạc-diên và Lạc-dân đã biết dùng nước thủy-triều lên xuống để làm ruộng. Theo sách *Hậu-Hán-thư* khi Lạc-Việt đã thuộc về Hán mà dân Lạc-Việt ở Cửu-Chân vẫn chưa biết cày bừa bằng trâu bò, có lẽ vì sự tiến hóa của dân Lạc-Việt mới chỉ phát-triển tới lưu-vực sông Nhị mà thôi chăng ? Ở Trung-Châu Bắc-Việt người ta tìm thấy lưới cây và lưới cước bằng đồng. Vì đồ dùng ở lưu-vực sông Nhị, sông Đáy, nhất ở Đông-sơn trên bờ sông Mã, người ta tìm thấy đồ đá, đồ gốm và đồ đồng của người Lạc-Việt. Về những đồ đá, các nhà khảo-cổ cho là thuộc về thời đại đồ đá mới còn sót lại. Đồ gốm đào được ở Đông-Sơn thuộc về hậu-kỳ của thời-đại đồ đá mới mà hình-thức cùng kỹ-thuật tương-tự với các đồ đào được ở Chiết-Giang. Người ta cho rằng kỹ-thuật

này có lẽ do người Lạc-Việt đem đến vì người Anh-đô-nê-diêng chưa tới một trình-độ kỹ-thuật cao như vậy. Đồ đồng phần nhiều là bình-khí, búa, rìu, mũi thương, mũi mác, dao găm, mũi tên, lưới qua giống hệt như các thứ tìm được ở miền Giang-Hoài và Chiết-Giang của người Việt-tộc. Song từ khi truyền đến Việt-Nam thì kỹ-thuật đồ đồng của người Lạc-Việt mà xuất xứ là miền Ngô-Việt, có lẽ đã chịu ít nhiều ảnh-hưởng của văn-hóa Anh-đô-nê-diêng rồi nhờ điều-kiện sinh-hoạt dễ-dàng được phát-đạt dần đến một trình-độ khá cao. Cái trống đồng Ngọc-Lư hiện giữ được ở viện Quốc-gia bảo-tàng ở Hanoi đã chứng tỏ lời chúng tôi nói đây. Và chính Mã-Viện đã lấy ở đất Lạc-Việt một cái trống đồng loại này đem về nước, đúc tượng ngựa đồng. Theo *Lâm-Áp ký dẫn ở Thủy-Kinh Chú* : người Lạc-Việt còn đúc cả thuyền bằng đồng nữa. Xem các đồ đồng tìm được ở Đông-Son người ta thấy hình người có tóc búi sau gáy, có bịt một cái khăn ngang hai mối thắt lại thả dài xuống lưng. Ở mỗi tai có đeo một cái vòng lớn. Hình như lưng có thắt một cái dây, ở sau lưng có một cái tua bỏ thông xuống. Lại có một hình người khác, tai cũng đeo vòng lớn, nhưng phần thân dưới mang một cái váy như váy Mọi ngày nay. Ở trước váy có thêm miếng lá phủ, tóc thì búi cao lên đỉnh đầu, một nửa kết thành bím bỏ thông xuống lưng. Búi tóc có bịt một cái khăn. Kiểu tóc và kiểu khăn này giống hệt cách trang sức của người Dayak ngày nay.

Hai hình người này cho ta phỏng-đoán cách phục sức ngày xưa của người Lạc-Việt. Theo lời tâu của Tiết-Tôn làm quan ở Giao-Châu dưới đời Tam - Quốc, người Lạc-Việt bầy giờ búi tóc và đi chân không.

Người Lạc-Việt có tục xâm mình, tin mình là con cháu Giao-long (truyền-thuyết con Rồng cháu Tiên) mà họ gọi là Lạc Long quân. Họ tin tưởng quỷ-thần, có tục chôn người chết, bỏ đồ bình-khí bằng đá và bằng đồng vào quan-tài trước khi hạ xuống đất. Tôn-giáo có tính-cách nông-nghiệp. Mỗi năm về mùa Xuân, họ mở hội cho trai gái tự do vui đùa múa hát có ý nghĩa ghi dấu mùa Xuân và mở mùa Hạ, trai gái dùng trâu cau làm lễ cầu hôn. Trong những hội hè ở các nơi, dân đã có lễ rất thành kính. Nhiều miền thượng-du ngày

nay, dân sơn-cước cũng rất ham chuộng và vẫn bảo-tồn phong-tục này. Về chế-độ xã-hội khi mới đến, dân Lạc-Việt còn theo chế-độ thị-tộc như người thổ-trước Anh-đô-nê-diêng. Sau này nông-nghiệp phát đạt, tiến đến chế-độ gia-tộc phụ-hệ, còn ở những miền hẻo lánh, rừng núi chế-độ thị-tộc vẫn còn tiếp-tục.

Hậu-Hán-thư quyển 116 chép về văn-hóa của người Lạc-Việt như sau : « Người Giao-Chỉ không phân biệt trường ấu... Không biết lễ giá-thú, chỉ theo dâm-hiếu mà không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng, nghĩa là không có tổ-chức gia-tộc theo chế-độ phụ-hệ, chế-độ tôn pháp như Trung-Quốc.. »

Trong số của Tiết-Tôn ở đời Tam-Quốc (*Tam-quốc-chí* 9.53) có đoạn nói rằng khi mới thuộc Hán, người Giao-Chỉ ở huyện Mê-Linh, và Cửu-Chân ở huyện Đồ-Lương, hễ anh chết thì em lấy chị dâu, đó là di-tích của chế-độ mẫu-hệ. Sau này xúc-tiếp mỗi ngày một sâu với văn-hóa Bắc-phương những phong-tục dấu vết của thời man mọi này tiêu-ma dần cho đến mất hẳn từ thời Tích-Quang và Nhâm-Diên tức là thời Đông-Hán. Trong cuốn *Xã-Hội Việt-Nam* ông Lương-Đức-Thiệp có nêu ra điểm này và trong cuốn *Les Grandes époques de l'Indochine, Bulletin de la S.E.M. du Tonkin*, Tome XV — N° 2 pp. 281-287, ông L. Finot cũng có nói : Dân Văn-Lang trước thế-kỷ thứ 2 và thứ 3 còn sống ở trong trạng-thái gia-đình mẫu-hệ (matriarcat) và có tục đàn bà góa phải tái-gia với anh em chồng (lévirat). Trạng-thái này, đời đời lần lần do sự đồng-hóa với Tàu đề từ gia-tộc mẫu-hệ biến thành gia-tộc phụ quyền. Ông Nguyễn-văn-Tổ bác bỏ kịch-liệt thuyết này cho rằng không có chế-độ thị-tộc mẫu-hệ vì họ Hồng-Bàng từ vua Đế-Minh đến Lộc-Tục (Kinh-Dương Vương) đã có việc hôn-phối tức là không có việc đàn bà chung chạ với nhiều người đàn ông, các con chỉ biết có mẹ, và cũng không có tục đàn bà góa phải tái-gia với anh em chồng. Chúng tôi thiết nghĩ chế-độ mẫu-hệ có thể xuất-hiện với đời thái-cổ ở bất cứ nơi nào khi người ta chưa có văn-minh, đạo-đức. Lời phản-đối của ông Nguyễn-văn-Tổ phải chăng vì lòng tự-ái dân-tộc chăng ?

Về tổ-chức chính-trị, các thị-tộc Lạc-Việt còn là những bộ-lạc đặt dưới quyền một tù-trưởng và khi thị-tộc Lạc-Việt đến, Bắc-

Việt khuynh - hướng tập - trung bắt đầu rồi thành một chế-độ phong-kiến sơ-sài. Tình-trạng này khởi từ họ Hồng-Bàng nên sử chép bấy giờ có vua là Lạc-Vương, dân gọi là Lạc-dân, các cấp chỉ-huy là Lạc-hầu, Lạc-tướng, Bộ-chính chia nhau các thái-ấp lớn nhỏ tùy theo địa-vị của mỗi đẳng, cấp. Và cũng do việc phân chia đất đai này ta nhận thấy đời sống của Lạc-Việt khi đó đã là đời sống định-cư từ các miền Cao-nguyên cho tới các địa-phương Trung-châu trên lưu-vực sông Nhị-Hà và sông-Mã. Chế-độ phong-kiến đó hiện nay còn ở các nơi người Mường trú-ngụ cho ta một hình ảnh có thể phù-hợp với đời sống cổ, xưa của dân ta kể từ họ Hồng-Bàng...

Trong khi xét về nguồn-gốc của người Giao Chỉ, Đông-Âu, Mân-Việt, Tây-Âu và Lạc-Việt chúng tôi đã trình-bày các điểm tương đồng của các thị-tộc trên đây với thị-tộc Lạc-Việt chúng ta, và chúng tôi có cảm-tưởng rằng :

1) Người Việt của chúng ta xuất hiện từ đời thượng-cổ ở miền Bắc Nam-bộ Trung-Hoa và dần dần tản-mác xuống miền Bắc bán-đảo Hoa-Ấn.

2) Chủng-tộc của chúng ta do các biến-thiên của Lịch-Sử đã lẫn lộn với người Hán-tộc mà yếu-tố Mông-gô-Lích là một yếu-tố quan-trọng trong dòng máu của họ. Chúng ta lại hỗn-hợp cả với giống Anh-đô-nê-diêng là một giống rải-rác ở khắp Đông-Nam Á-châu và đã đến bán-đảo Hoa-Ấn trước chúng ta.

3) Người Lạc-Việt chúng ta đã tiên-phong phiêu-lưu xuống Bắc-Việt và miền Bắc Trung-Việt trước áp-lực của người Hán-tộc. Các chủng-tộc ở Á-châu phát-tích ở miền đại-lục, thường chỉ tiến về phía Nam theo đường biển gần như một công-lệ...

4) Người Việt chúng ta là những phần tử dũng-cảm nhất có lẽ vì được hưởng nhiều đặc-tính quý báu nhờ sự pha máu với nhiều chủng-tộc, nên đã đương-đầu được với nhiều cuộc xâm-lăng của Bắc-phương mặc dầu đã phải trải qua nhiều phút thăng-trầm bi-đát. Và cũng có thể nói rằng những cuộc hưng vong thế-thảm này đã hun đúc cho dân-tộc chúng ta một tinh-thần tranh-đấu bền bỉ, đề tồn-tại đến ngày nay, oanh-liệt dưới vòm trời Đông-Nam-Á.

5) Xét 15 bộ của nước Văn-Lang thì cương-vực của người Việt-Nam ngày nay gồm miền Bắc-Việt và Bắc Trung-Việt đã được xác-định từ thời Hồng-Bàng và xét niên-biêu thì họ Hồng-Bàng đã xuất-hiện trước Thiên-Chúa tới gần 30 thế-kỷ, cuộc phiêu-lưu của dân-tộc chúng ta về phương Nam chỉ trước Công-lịch độ năm ba thế-kỷ và ở trên bán-hảo Hoa-An ta là giống đến sau cùng đối với người Mê-la-nê-diêng và Anh-dô-nê-diêng.

CHƯƠNG II

ĐỜI SỐNG THƯỢNG-CỒ CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM

Đời sống vật-chất của ông cha chúng ta trong thời cổ-xưa dĩ-nhiên là khó khăn, chật-vật hết sức. Sử sách tới nay chưa có sự kê-cứu rõ rệt về vấn-đề này vì đây là một vấn-đề thuộc về thuở tiền-sử và khuyết-sử.

Ta có thể căn-cứ vào câu "Ẩn lông ở lỗ" để hình-dung đại-khái đời sống của người thượng-cổ khi còn dã-man. Dân-tộc nào trên thế-giới buổi nguyên-thủy đều cũng vậy. Họ đã sống như bầy thú, trú-ngụ trong các hang hốc. Họ lấy lá che thân, làm lều, túp trên các cành cây. Ăn thì ăn sống, nuốt thì nuốt tươi khi chưa biết dùng lửa, hằng ngày rủ nhau săn bắn hoặc chài lưới, để tìm ra thực-phẩm. Cuộc sống luôn luôn phải di-chuyển vì chưa tìm ra được nhiều khả-năng kinh-tế (khi chưa có nghề giồng cây, giồng lúa, chế-tạo các dụng-cụ) và chống với Thiên-Nhiên tàn bạo. Tâm hồn lúc nào cũng bị hoảng-hốt vì mọi vật (động-vật hay cả bất-động-vật) đều có thể là thù-nghịch của họ. Họ cảm thấy mình là những sinh-vật nhỏ mọn, yếu đuối vật-vờ giữa cái vũ-trụ mệnh-mông, bất-ngát đầy huyền-bí. Dòng thác đổ, cành cây rơi, cơn lốc thổi, tảng đá lăn, cơn sóng gầm, tiếng thú thét, hết thảy đều là những thứ ngày đêm khủng-bố, ám-ảnh họ. Họ cho đấy là sự hờn-giận của các hung-thần. Không có ý-niệm về các hiện-tượng trong trời đất và vạn vật, và lại không có cách gì đối-phó, thắng hoặc có đối-phó thì cũng vẫn e-sợ nên họ phải tôn-

thờ mọi vật, bởi trong đầu óc người cổ xưa, mọi vật đều có linh-hồn và linh-cảm, có thể sinh-hoà hay tác-phức. Vì vậy tục bái vật và thuyết đa thần đã chi-phối họ rất mạnh mẽ. Với thuyết đa thần người ta tin có Thần sấm sét (thần thiên-lôi), Thần Mưa, Thần Gió, Thần Sông, Thần Đất, Thần Nước, Thần Núi v.v... có lẽ bởi các vị thần này có thể có ảnh-hưởng đến đời sống của họ. Với tục bái vật, người ta thờ cây đa, cây đề, ông bình vôi, hồ, rãnh, cho rằng các thứ đó đều có quan-hệ mật-thiết đến đời sống của mình, cai quản mình trực-tiếp hay gián-tiếp. Những phong-tục và dị-đoan đó đến ngày nay cũng hãy còn lác-đắc ở các thôn-quê Việt-Nam cũng như ở nhiều bộ-lạc da đen (châu Phi, châu Mỹ hay châu Á).

Thời-gian trôi qua, người cổ của chúng ta mỗi ngày một tiến rồi một ngày kia biết lặn lội trong những khoảng ruộng bùn lầy, tưới những giọt mồ hôi xuống đất cứng để sinh sống. Bấy giờ chưa có gia-súc, chưa có dụng-cụ tinh-xảo, họ trần lực lấy sức tay chân tranh đấu với Thiên-nhiên. Họ đeo đá làm thành các lưỡi cuốc nhọn để sới đất khô và đập cho nhỏ chờ lúc nước sông tràn vào ruộng, ruộng sẽ có bùn ngầu cho họ gieo giống. Họ biết tháo nước ra vào để khỏi nạn úng-thủy hay thiếu nước. Gần bề về mùa hanh, họ biết dùng mực nước thủy triều lên xuống ở các ngành sông để lấy nước vào ruộng. Nhờ vậy ngay thời bấy giờ tại Trung-châu Bắc-Việt đã có nơi làm ruộng được cả hai mùa. Sáu này sum họp với người Tàu họ biết dùng lưỡi cây sắt và trâu bò.

Vào thời cổ miền Trung-châu Bắc-Việt đâu có rộng lớn như ngày nay. Đầm lầy, gò đồng còn rải rác khắp nơi vì chưa khai-thác. nhiều đồ nông nghiệp còn manh-nha. Ngoài bờ biển và các cửa sông lau sậy cùng cây sú mọc đầy, rừng cây um-tùm ở các đồi núi. Người cổ ở thưa-thớt tại các thung-lũng và các miền ruộng hợp thành từng làng từng xóm. Năm bảy chục nóc nhà tranh, vách đất quây tụ im-lìm sau những lũy tre cao ngất. Ngoài làng là những cánh đồng, không có đồn trại, thành thị, phố-phường gì hết.

Sông Nhị-Hà bấy giờ là mạch máu chính nếu ta ví vùng Trung-châu là cái thân. Con sông này đã bồi đắp nên mảnh đồng

bằng hằng năm, bằng những lớp phù-sa trở qua các thác ghềnh từ miền núi Vân-Nam đem về nuôi nấng trang-diêm đưa con nuông. Sông bở Đông hây còn rào-rạt ở ngoài đồng bãi thuộc tỉnh Hải-Dương, Hưng-Yên, Kiến-An bây giờ. Hai chục thế-kỷ qua, chỗ đất liền tiến rộng ra miền nước mặn được hàng trăm cây-số mở rộng Trung-châu thêm được mấy tỉnh. (Đại để hai huyện Tiền-Hải, Kim-Son cách đây trên dưới 100 năm, còn là vùng biển rồi bỗng hiện lên nhiều làng mạc sầm-uất như do một phép lạ).

Đây là lời Lưu-An về đời Hán đã am-hiểu tình-trạng dân-tộc chúng ta khi nền đô hộ của Bắc-phương đã thành hình trên đất Giao-Chi.

Ngay thuở đó, về chính-trị dân ta đã lập thành nước (do họ Hồng-Bàng) theo thể - chế phong - kiến. Trong mỗi nóc nhà đã có chế-độ gia-tộc, gia-trưởng. Ngoài làng mạc có chế-độ tù-trưởng, lạc-hầu, lạc tướng v.v...

Sau này nhờ cuộc xúc-tiếp với văn-hóa Bắc-phương, kỹ-thuật canh-tác được cải-thiện, sức người được sức trâu bò hỗ-trợ, nông nghiệp trở nên phát-dạt. Nhân khẩu bắt đầu tăng-gia, trí-não mỗi ngày thêm cứng rắn trước Thiên-Nhiên và vạn-vật, đời sống hoạt-động và rồi-rào trông thấy.

Những ngày mùa Đông tháng giá qua, xuân về dầm-ấm, cây cỏ xanh tươi lại dưới ánh mặt trời, tinh-thần của con người như bị kích-thích do cái vui, cái tươi, cái linh-động của vạn-vật. Người có cảm-trưởng trong khoảng thời-gian này vị chúa-tể thế-gian đến với họ, gần-gũi để thi-ân thi-dức. Họ cũng vui theo cái vui của vạn-vật. Họ khởi các công việc đồng-áng nhưng ung-dung thông-thả rồi mở hội-hè đình-đám để làm vui từ già đến trẻ.

Trai gái hợp nhau xúng-xính áo quần trên những ngọn đồi rộng hay bên các lũy tre xanh, hoặc giữa nơi đình trung điểm sở, hoặc rún-rầy trên các cây đu, hoặc tung còn, đánh phết, hoặc cất lên những câu hát đúm để ea ngời cái tuổi trẻ đầy hứa hẹn mơ mộng, hoặc hy-vọng những chuyện lứa đôi dầm thắm, hoặc mừng buổi thanh-bình, thịnh-tại. Đây là những điệu ca, những bài thơ mô-tả

cái đời sống mộc-mạc, thuần-phác hoàn-toàn có tính cách bình-dân giữa những buổi sáng huy-boàng của ngày xuân hay giữa những đêm trăng-trong, bên cạnh ngọn cỏ lá cây qua những đôi môi thắm của các cô thôn nữ luôn luôn mỉm cười để hé hàm răng đen-nhức.

Rồi sau tiết Xuân có những cuộc vui công-cộng, trai gái trưởng thành quen biết nhau, yêu nhau đính-ước việc gia-thất. Người con trai đem trầu-cau đến xin bố mẹ người con gái rồi mới được cưới. Đám cưới là một dịp làng xóm, hương-thôn vui-chơi ăn uống, nhai trầu nói chuyện. Trầu cau là một món cần trong sự xã-giao vậy.

Về trầu cau có một chuyện cổ-tích rất là cảm động lâm-ly : Vào thời thượng-cổ hai anh em nhà họ Cao thương yêu một người con gái ; Người anh lấy được cô gái đó khiến người em đau đớn tuyệt vọng bỏ ra đi. Rồi anh đi tìm em, vợ đi tìm chồng, rút cục ba người vì thương nhau trong cái nghĩa anh em chồng vợ quá thiết-tha mà chết cả. Kẻ hóa ra hòn đá vôi, kẻ hóa ra cây cau, kẻ thành cây trầu quấn quít lấy nhau. Người ta đem nhai quả cau và lá trầu cùng vôi (của hòn đá) thì thấy thành một chất đỏ tươi, đậm đà. Màu đỏ tươi, vị đậm đà, phải chăng là cả mối tình thương yêu chân thật, nồng thắm ? Trai gái lấy nhau, bè bạn kết giao đều lấy miếng trầu gây tình thân-mật, thật là có ý-nghĩa vô cùng.

Về việc hôn - nhân của người Việt chúng ta xưa kia thì lập gia-đình chẳng phải là để cùng mưu cuộc sống mà thôi. Hôn-nhân còn có ý nghĩa vì người chết hay người sẽ chết nữa. Lấy nhau, người Việt có lẽ nghĩ trước hết đến vấn-đề sinh con để cái đề có người lo việc khói hương cho tổ-tiên và cả cho mình sau này nữa. Không người kế tự, đó là một sự đau đớn, nhục-nhã hết sức cho người Việt, và đây cũng là một căn-nguyên của chủ-nghĩa đa-thê ngoài ảnh-hưởng của chế-độ phong-kiến. Người Việt tin rằng người chết nhưng linh-hồn còn phảng-phất ở chốn nhân-gian do sự luyến tiếc con cháu, thì con cháu lo việc thờ cúng để tỏ lòng thương nhớ và cung-kính người quá-cổ. Một lẽ nữa là sự mong mỏi người chết phù-hộ cho kẻ sống, mỗi tin tưởng ở hầu khắp các tầng lớp dân-tộc chúng ta từ xưa đến nay.

Người chết, vào thời thượng-cồ, xác còn phải quản ở trong nhà. Người nhà đục gỗ làm áo quan, hằng ngày dâng cơm nước thờ phụng như khi còn sống (phong-tục này các đồng-bào thiểu-số nhất là dân Mường, Thổ vẫn còn giữ đến bây giờ). Lúc đem chôn cũng phải chôn theo đồ ăn, thức đựng cho linh-hồn khỏi phải thiếu-thốn (tục đốt vàng mã đã do quan-niệm này, bây giờ gần mất hẳn).

Trước khi Khổng-Giáo tràn qua và có ảnh-hưởng nhiều vào văn-hóa của chúng ta, chúng ta còn tập tục này nữa : nếu trong một nhà người anh chết đi thì người em út phải lấy chị dâu để cúng đáng mọi việc thay anh và trông nom các cháu. Các nhà chép sử cho rằng tục này phát sinh vì lý-do kinh-tế, tức là không muốn người đàn bà trẻ tái-giá, đem của cải và con cái của bên chồng đi. Phong-tục này còn đến cuối đời Hán vẫn còn và có lẽ đã bị bãi bỏ trong thời Nhậm-Diên, Sĩ-Nhiếp và Tích-Quang là những người có nhiệm-vụ du-nhập văn-hóa Trung-Quốc vào đất này và thủ-tiêu những tập tục của dân bản-thô.

Buổi nguyên-thủy người Việt sống theo chế-độ bộ-lạc tức là sống trong tình-trạng dã-man. Đời sống lại không có phong-tục và đạo-đức như trên đây đã nói rõ, và sự xúc-tiếp giữa các bộ-lạc đã xây-dựng trên sức mạnh tàn-bạo. Các bộ-lạc yếu phải tùng phục các bộ-lạc mạnh, do đó chế-độ phong-kiến ra đời cho tới sau này họ Hồng-Bàng, một bộ-lạc mạnh nhất xuất đầu lộ-diện ngự-trị tất cả các bộ-lạc khác (xin coi dưới đây cội rễ của họ Hồng-Bàng).

Về y-phục, người thượng-cồ khi chưa biết dệt vải, may áo đã sống trần truồng, rét mướt thì lấy lá hay vỏ cây che thân. Sau này có nghề dệt mới biết đóng khố, quần khăn, mặc quần áo. Người bình-dân khi xưa lúc ở nhà chỉ đóng cái khố và mặc cái áo ngắn. Đàn bà mặc thêm cái váy. Có lẽ từ giai-đoạn người Việt biết đóng khố, biết làm nhà cửa, biết dùng đồ kim-khí là khi đã có tiếp-xúc với các di-tộc, nhất là người Hán văn-minh hơn họ. Tuy vậy y-phục của họ rất là đơn-giản do xứ ta thuộc vùng nhiệt đới, nóng nhiều rét ít. Ngày nay người ta tìm thấy trên mặt các trống đồng, các tảng đá hình người ở trên, đóng khố, đầu đội mũ bằng lông chim. Có

thề đây là những di-tích về hình-ảnh người Việt-Nam cổ. Còn khi người Trung-Hoa sang chinh-phục chúng ta, bấy giờ sự ăn vận mới bắt đầu tề-chỉnh và đồng thời nông-nghiệp của ta trở nên thịnh-dạt. Ta biết búi tóc hay quần khăn, mặc áo khếp về tay phải hay mở ở giữa, Y-phục của người Mường, Thổ ngày nay có lẽ là y-phục của ông cha chúng ta thuở xưa.

Phần đông hạng bình-dân cắt tóc ngắn để tiện làm lụng, chỉ có đàn bà và các nhà quý-phái mới để tóc dài cũng do ý muốn làm dáng và để phân - biệt giai - cấp. Họ bện tóc quần quanh đầu hay búi thành một búi tóc to ở sau gáy, ngoài bịt một chiếc khăn màu nhỏ để giữ cho chặt.

Họ không biết đi giày, guốc. Giày, nón là sau khi có người Tàu đem sang, ta mới có. Tính thích trang-diêm, họ đeo dây cổ và chân tay những vòng bằng đồng, xương hổ-phách hay đồi-mồi.

Đối với khách lạ, dân Việt rất tử-tế ân cần. Họ ưa mời ăn uống, coi khách như người nhà. Lệ tiếp khách bao giờ cũng có coi trầu, chén nước, đôi bên vừa nói chuyện vừa ăn trầu. Cũng vì tính hay ăn trầu nên họ có tục nhuộm răng. Điều này có lợi là răng được bền chặt thêm và nếu giữ-gìn răng cứ đen nhánh mãi.

Bàn về phong-tục của dân ta, chúng tôi phải nghĩ tới bài khảo-luận về văn-hóa Đông-Dương (*Les civilisations de l'Indochine*) của ông G. Coedès. Nhà khảo-cổ này đã nhận thấy ở dân-tộc chúng ta không phải chỉ có những phong-tục thuần-túy « Trung-Quốc » mà từ vua chúa đến dân thứ của ta hầu hết đều theo cả ; ở nơi chúng ta còn có những phong-tục trong gia-đình, ngoài làng mạc như những việc thờ thần ở đình, miếu khác hẳn Trung-Quốc. Những phong-tục này có trước khi người Tàu qua đây, và tồn-tại đến ngày nay mặc dầu ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-Quốc trên mảnh đất này khá mạnh. Ông Coedès ngờ rằng trước khi văn-học Trung-Quốc du-nhập vào đây (đầu thế-kỷ thứ hai trước Thiên-Chúa) người Việt-Nam chúng ta đã chịu ảnh-hưởng của nền văn-hóa Nam-Á (*Austro-Asiatique*) nên mới có những phong tục riêng biệt này. (Đáng chú ý có nhiều phong-tục của Tàu trên đất Việt mà chính người Tàu cận-lai không còn giữ nữa).

Nhận xét này được nhiều học-giả hiện đại cho là đúng vì văn-hóa Ấn-Độ đã đặt dấu vết và ảnh-hưởng ở miền Nam-Á (nói chung) và miền Nam Đông-Dương (nói riêng) trước khi người Trung-Quốc có mặt ở Bắc-Việt ít nhất trên một thế-kỷ, tức là vào khoảng thế-kỷ thứ nhất theo Thiên-Chúa kỷ-nguyên. Ngoài ra người Giao-Chỉ đến Bắc-Việt lại không phải là những người đầu tiên. Ông cha chúng ta đi dần xuống đây xua đuổi người thổ trước là giống Anh-đô-nê-giêng, hợp chủng với những phần-tử còn lại nên đã có những phong-tục khác Tàu đến nay đã thành những đặc-điểm của chúng ta. Tóm lại, có thể rằng chúng ta đã có thâm-nhập một mớ phong-tục thuộc văn-hóa Nam-Á nữa. Rồi văn-hóa Trung-Quốc hợp với một phần văn-hóa Nam-Á đã tạo nên nhiều cá-tính quốc-gia của người Việt-Nam chúng ta ngày nay.

Sa-Déc, Aug 28, 2015
Originally posted on TVE-4U

CHƯƠNG III

NHÀ HỒNG - BÀNG

(2879 — 258 trước Tây-lịch)

- *Truyền thuyết về nhà Hồng Bàng*
- *Nước Văn-Lang của chúng ta.*

1 — Truyền - thuyết về nhà Hồng - Bàng Các nhà chép sử gọi dòng họ đầu-tiên
ngự - trị giống Lạc - Việt là Hồng -
Bàng-thị.

Trong *Lịch-sử xã-hội Việt-Nam* truy-cứu ở Từ - Nguyên
Hoàng thúc-Trâm giải-thích ba chữ Hồng-Bàng thị như sau :

1) Hồng là tên một thứ chim nước to hơn con nhạn cánh
đen, bụng trắng, màu tro, tính mạnh dạn, thính-giác lạnh-lẹ.

2) Hồng theo ý-nghĩa thông-dụng là lớn. Tỉ - dụ Hồng-
thủy (nước lớn).

3) Chim " Hồng " nói trong sách cổ thường chỉ về con
" Hồng-hộc " tức là con ngỗng trời.

Nếu đi với " Hoang " thì hồng-hoang nghĩa là thái-cồ.

Bàng cũng theo *Từ-Nguyên* tức là đầy, lớn, bác-tạp không
thuần-túy.

Thị theo *Thuyết-văn* là gò, núi như Hoàng-đế ban đầu ở đất Hữu-Hùng nên gọi là Hữu-Hùng-thị, sau đến đời Hiền-Viên Chi-Nguu gọi là Hiền-Viên-thị. Như vậy chữ « *thị* », chỉ do chỗ đất mà được gọi tên và « *thị* » không có nghĩa là họ mà là bộ tộc hay « *thị-tộc* » theo danh-từ xã-hội-học ngày nay. Như vậy Hồng-Bàng chỉ là một thị-tộc do Kinh-Dương vương và Lạc-Long quân lãnh-đạo.

Theo lời tục truyền thì vua Đế-Minh cháu thứ ba đời Vua Thần-Nông đi tuần thú phương Nam đến miền núi Ngũ-Lĩnh thuộc tỉnh Hồ-Nam gặp một nàng tiên, lấy nhau rồi sinh ra Kinh-Dương vương đặt làm vua phương Nam. Sau này Kinh-Dương vương lấy con gái Động-Đình quân là Long-Nữ sinh ra Lạc-Long quân. Lạc-Long quân lấy Âu-Cơ sinh ra một bọc có trăm trứng nở ra 100 con trai, nửa theo mẹ lên núi, nửa theo cha xuống bể Nam-Hải, vì mẹ là giống Tiên và cha là giống Rồng do đó có giống Bách-Việt rải rác khắp miền Nam Trung-Quốc (nước của Kinh-Dương vương lấy quốc-hiệu là Xích-Quỷ gồm tỉnh Hồ-Nam, Quảng-Tây bây giờ). Người Việt ngày nay tự cho mình là con Tiên cháu Rồng là do sự-tích này. (Cũng như người Nhật tự xưng mình là con cháu của Thái-Dương thần-nữ (Amatérasu), người Tàu cho mình là con cháu Hoàng-Đế, người Đức dưới chế-độ Quốc-xã vừa qua tự cho mình là một giống người thượng-đẳng sinh ra để thống-trị các dân-tộc khác (theo thuyết Mein Kampf của Hitler đảng-trưởng Quốc-Xã). Các nhà làm sử-sách vì lòng ái quốc, trọng nòi giống mà tô-diêm cho dân-tộc của mình những điều tốt đẹp đó hoặc có ý muốn làm phấn khởi tinh-thần dân-tộc).

Lạc-Long quân phong cho con cả làm vua nước Văn-Lang (quốc hiệu đầu tiên của nước ta) xưng là Lạc-Vương.

Họ Hồng-Bàng kể từ Kinh-Dương vương, Lạc-Long quân và 18 đời Lạc-Vương là những triều-đại trước hết. Những triều-đại này theo ý chúng tôi và cũng dựa vào thuyết của Léonard Auroseau, đã ra đời vào cuối đời Xuân-Thu (6 thế-kỷ trước Công-lich) bởi nếu cho rằng họ Hồng-Bàng xuất-hiện từ năm Nhâm-Tuất (2879)

đến năm Quý-Mão (258 trước Công-lịch) vừa đúng 2621 năm, thì mỗi triều vua trung-bình 150 năm, chúng tôi e rằng có sự sai lầm quá lớn.

Bản về danh-hiệu của Kinh-Dương vương và Lạc-Long quân ta không thể quên chữ Kinh tức là đất Kinh và Dương là đất Dương, hai châu thuộc địa-bản của giống Giao-Chỉ chúng ta. Với chữ Lạc-Long quân cũng vậy. Danh hiệu này chỉ có nghĩa là vua của giống Lạc-Long cũng như Kinh-Dương vương là vua miền châu Kinh, châu Dương, Văn-Nam vương, Hán-Đế văn vân... nó nhắc tên đất đai hay chủng-tộc của các vua chúa, Lạc-Long quân lấy Âu-Cơ tức là nàng con gái đất Âu.

Chữ Âu lại gặp trong chữ Âu-Giang tên một con sông nước Việt (Chiết-giang) ngày nay vẫn còn tên ấy. Nó nhắc chữ Âu-Lạc, Âu-Việt, Đông-Âu, Tây-Âu...

Như trên đã nói, vào thế-kỷ thứ 9 một số thị-tộc Việt lập ra nước Việt do một nhà quý-tộc họ Mị cùng họ với vua nước Sở, do đó ta thấy các vua Sở lấy chữ *Hùng* làm hiệu thì 18 ông vua nhà Hồng-Bàng cũng làm theo các vua nước Sở, tỷ-dụ :

- | | |
|----------------|--------------------|
| 1.— Hùng-Dịch | (1122-1078 tr T.C) |
| 2.— Hùng-Nghệ | (1078 — tr T.C) |
| 3.— Hùng-Đán | (1052 — tr T.C) |
| 4.— Hùng-Thắng | (1001 — tr T.C) |
| 5.— Hùng-Dương | (946 — tr T.C) |
| 6.— Hùng-Cừ | (887 — tr T.C) |
| 7.— Hùng-Chấp | (877 — tr T.C) |
| 8.— Hùng-Duyên | (876 — tr T.C) |
| 9.— Hùng-Dống | (847-837 — tr T.C) |

Và 18 ông vua của nhà Hồng-Bàng lấy hiệu như sau :

- | | |
|--|------------------------------------|
| 1.— Kinh-Dương vương
(Lục-dục vương), | 3.— Hùng-Lân
(Hùng-quốc vương). |
| 2 — Lạc-Long quân
(Hùng-hiến vương). | 4.— Hùng-Việt vương. |
| | 5.— Hùng-Hi vương. |

- | | |
|------------------------|-------------------------------------|
| 6.— Hùng-Huy vương. | 13.— Hùng-Việt vương. |
| 7.— Hùng-Chiêu vương. | 14.— Hùng-Anh vương. |
| 8.— Hùng-Vị vương. | 15.— Hùng-Triều vương. |
| 9.— Hùng-Định vương. | 16.— Hùng-Tạo vương. |
| 10.— Hùng-Uy vương. | 17.— Hùng-Nghị vương. |
| 11.— Hùng-Trinh vương. | 18.— Hùng-Duệ vương. ⁽¹⁾ |
| 12.— Hùng-Vũ vương. | |

Còn nói một nửa theo cha xuống biển, một nửa theo mẹ lên núi, tức là một phần qui tụ ở miền sơn-cước, một phần ở rải rác vùng đồng bằng và ra tới bề tức là lưu-vực sông Dương-Tử tới miền núi ở giữa Nam-Lĩnh. Dân tiến xuống bề được nhiều điều-kiện thuận-tiện nên tiến-bộ nhiều vì vậy đã sống vào trạng-thái phụ-hệ, còn đám người lên non chậm việc khai hóa nên còn ở vào chế-độ mẫu-hệ. Đó là các dân dã-man tỉnh Quý-Châu, Vân-Nam (ở Quý-Châu có dân Miêu-Tử. Ở Vân-Nam có dân Sâm-Lý hay Xa-Lý đến đời Nguyên mới bị chinh-phục. Họ tương-truyền đời Chu-Thành vương có sai sứ triều cống khi về được Chu công-Đán làm xe chỉ Nam tiến chân, cho nên họ có tên là Xa-Lý. Cũng có bộ-lạc tên là Lão-Qua, xưng là Việt-Thường dưới đời Chu, bộ-lạc này bị nhà Minh chinh-phục. Tài-liệu này ở cuốn *Les barbares du Yun-nan* trong *B.E.F.E.O. tome 8-1908*).

Nhưng một điều quan-hệ khác cần phải xét lại là Việt-tộc hay họ Hồng-Bàng có phải là con cháu Thần-Nông không và Thần-Nông là người Hán-tộc hay Việt-tộc.

Chúng tôi không đồng ý với các sử-liệu Tàu cho rằng họ Hồng-Bàng là con cháu Thần-Nông, điều mà nhiều người Việt chúng ta tin có thật vì quên rằng đây chỉ là một truyền-thuyết.

Thần Nông đây thực ra chỉ có nghĩa là vị thần dạy nghề nông, ông tổ nghề Nông. Có lẽ người ta đã làm thần Nông của ta với Thần-Nông-thị là dòng họ đã làm vua giống Hán sau Phục-Hi-thị (4480 — 4350 tr. C.L.)

1) Có nơi chép Hùng-Vương 18 là Hùng-Tuấn vương hiện nay còn ở làng Cờ Tích, phủ Lâm-thảo, tỉnh Phú-thọ (Bắc-phần).

Ta nhận thấy rằng truyền thuyết trên đây dù sao cũng vẫn có một phần nào sự thật. Ngày nay căn cứ vào các tài-liệu của các nhà khảo-cổ và sử-học, ta có thể giải-thích như sau để hiểu rõ tình-trạng của dân-tộc ta dưới thời thái-cổ rõ rệt hơn :

Vào thế-kỷ thứ 30 trước C.L., dân Hán-tộc sống ở dọc sông Hoàng-Hà. Tại lưu-vực sông Dương-Tử thì có dân bản-thổ : bên bờ sông phía Bắc có dân Miêu và Man, bên bờ phía Nam vùng Động-Đình và Phiên-Dương có dân Việt chúng ta ở rải rác đến núi Ngũ-Linh, các dân ở đây đã có trình-độ xã-hội canh-nông.

Một nhà quý-tộc dạy dân nghề khai-khăn ruộng đất, sau dân nhớ ơn thờ người ấy làm thần Nông.

Dân Việt, Miêu, Man tuy không cùng một chủng-tộc nhưng cùng ở dưới quyền một nhà quý-tộc thuộc dòng dõi thần Nông. Người cháu ba đời của thần Nông đi tuần thú về phương Nam đến Ngũ-Linh gặp một nàng con gái đẹp như tiên, ăn ở cùng nhau sinh được một con trai đặt tên là Lộc-Tục. Sau vua phong cho con trưởng làm vua dân Miêu và Man ở phía Bắc sông Dương-Tử và cho Lộc-Tục làm vua dân Việt ở phương Nam, nghĩa là ở đất Kinh và Dương lấy quốc hiệu là Xích-Quí vào khoảng thế-kỷ thứ XXIX trước C.L.

Bấy giờ là thời-dại phong-kiến, Xích-Quí chia ra ba nước (theo *Vũ-Cổng* trong *Kinh-thư*). Trong 3 nước ấy, vùng Động-Đình là một, vua Kinh-Dương vương lấy con gái vua kế Động-Đình là Long, Nữ được một trai tên là Sùng-Lãm nối ngôi vua, xưng là Lạc-Long quân. Vua Lạc-Long cưới con gái vua một nước láng giềng đất Âu, nàng Âu-Cơ. Đến đây ta gặp một thời kỳ khuyết-sử. Sau này Hán-tộc tràn xuống phía Nam qua nước Sở thì nước Xích-Quí có 100 nhà quý tộc đều xưng là dòng-dối của vua Lạc-Long và Âu-Cơ. (Ở đây ta có thể loại bỏ việc Âu-Cơ đẻ ra trăm con do một bọc nở ra 100 trứng là hiện-tượng không từng thấy trong y-học). Có lẽ trong dịp bị áp-lực của Bắc-phương, có người mưu-trí trong các nhà quý-tộc đó đã nêu lên thuyết một trăm thị-tộc cùng máu mủ, một cha mẹ phải đoàn-kết để tự-vệ, như vậy chắc trước kia họ thường có sự xung-đột với nhau.

Vào thế-kỷ thứ 24 trước C.L. trong 3 nước kề trên có nước Việt-Thường kinh-dô đóng ở phía Nam hồ Phiên-Dương trở nên cường-thịnh làm bá chủ vùng Phiên-Dương và Động-Đình, năm 1352 trước C.L. có sai sứ sang cống vua Đế-Nghiêu một con rùa lớn và năm 1109 tr. C.L. có cống chim trĩ cho vua Thành-Vương nhà Chu.

Trước thế-kỷ XII tr. C.L., trong các quý-tộc có người tên là Hùng-Dịch chinh-phục được dân Miêu, Man miền sông Hán chảy vào sông Dương-Tử, tổ-chức thành một quốc-gia, Tàu gọi là Kinh-Man, đóng đô ở Đan-Dương gần thành Nghi-Xương (Itchang) ngày nay. Đến đời vua Hùng-Cử đem binh đánh lấy nước Đông và Dương-Việt (nghĩa là người Việt đất Dương-Tử, Việt-Chương trước kia là Việt-Thường, luôn dịp nước Ngạc ở vào khoảng thành Vũ-Xương (Ou-Tchang) thuộc tỉnh Hồ-Bắc cũng bị kiêm tính nốt.

Rồi Hùng-Cử cho con trưởng là Khang ở đất Cú-Đàn, con thứ hai là Hồng ở đất Ngạc, con thứ ba là Chấp-Tỳ làm vua Việt - Chương. Đó là nguyên-nhân của chữ Hùng-Vương trong truyền-thuyết của ta.

Dân Việt quen sống trong cảnh thái-bình, bỏ lâu chinh-chiến, không chống nổi quân Kinh-Man nên phải thua. Vì dân số đông, nên dân Việt, một phần phải tiến lên núi Nam-Linh và đa-số đã tiến xuống Nam-Hải rồi lại gặp nhau ở đất Quảng-Đông và Quảng-Tây sau gọi là Bách-Việt vậy.

Từ vua Chấp-Tỳ trở về sau lịch-sử Việt-Thường ra sao ? Có lẽ có lúc thịnh, suy vào năm 581 trước C.L., con cháu Chấp-Tỳ có người làm vua Việt-Thường xưng là Hùng-Vương thứ nhất. Người Việt bấy giờ ở theo dọc bờ Nam-Hải và Nam ngạn sông Dương-Tử cho đến hồ Động-Đình, họ đều có xâm mình nên người Tàu gọi là Văn-Lang.

Bấy giờ nước Sở trước kia ở Kinh-Man trở nên cường-thịnh và theo văn-hóa Hán-tộc bành-trướng về phương Nam trở nên nguy-hiểm cho nước Việt-thường.

Thế rồi một ông vua họ Hùng bèn thiên đô qua đất Thiệu-Hưng tỉnh Chiết-Giang đặt quốc hiệu là U-Việt. Đến đời vua Hùng-Vương thứ VI mà người Tàu gọi là Câu-Tiến (496 tr. C.L.) Việt chiếm được Ngô trở thành cường-quốc, làm bá chủ một khoảng đất rộng phía Bắc tiến đến gần tỉnh Sơn-Đông, phía Tây gồm Việt-Thường, phía Nam giáp Hồ-Tôn.

Câu-Tiến mất, đế-quốc chia cho con cháu. Một người con của Câu-Tiến được làm vua đất Lạc-Việt ở tận phía Nam giáp Hồ-Tôn xưng Hùng-Vương VII hoặc vì có lẽ là con trưởng, hoặc vì có ý dòm ngó các nước Việt ở phía Bắc nên xưng như vậy để tỏ ý là chúa tể chính-thức của dân Văn-Lang.

Đến đời Hùng-Vương thứ XVIII, phía Bắc Lạc-Việt có nước Âu-Việt. Vua nước này là Thục-An-Dương vương cướp được Lạc-Việt nhập hai nước làm một gọi là Âu-Lạc. Vì hai dân đều thuộc thị-tộc Việt, ngôn-ngữ cũng giống nhau nên con gái Hùng-Vương thứ 18 gọi là Mị-nương, con gái An-Dương vương tên là Mị-châu đều có chữ Mị cả. Ấy là bằng chứng dân Âu-Lạc tuy là hai nước mà vẫn là người Văn-Lang, tức người Việt.

2 — Nước Bờ cõi của nước Văn-Lang theo sử cũ gồm có 15 bộ :
Văn-Lang 1. — Văn-Lang : (Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên).

2. — Châu-Điền : (Sơn-Tây vùng núi Ba-Vì).

3. — Phước-Lộc : (Miền đồng bằng).

4. — Tân-Hưng : (Hưng-Hóa, Tuyên-Quang).

5. — Vũ-Định : (Thái-Nguyên và một phần đất của Hoa-Nam).

6. — Vũ-Ninh : (Bắc-Ninh).

7. — Lục-Hải : (Lạng-Sơn và một phần Quảng-Tây).

8. — Ninh-Hải : (Quảng-Yên và một phần Quảng-Đông).

9. — Dương-Tuyền : (Hải-Dương).

10. — Giao-Chỉ : (Hà-Nội, Hưng-Yên, Nam-Định, Ninh-Bình)

11. — Cửu-Chân : (Thanh-Hóa).

- 12.— Hoài-Nam : (Nghệ-An — Hà-Tĩnh).
 13.— Cửu-Đức : (Lưu-vực sông Đà, sông Mã).
 14.— Việt-Thường : (Quảng-Bình, Quảng-Trị) không phải là vị-trí nguyên thủy.
 15.— Bình-Văn : (?).

Xét địa-thể 15 bộ trên đây, ta thấy dưới đời những ông vua cuối cùng Hồng-Bàng (thời Chu-Mạt) vị-trí địa-dư của nước Văn-Lang đã lui xuống Bắc-Việt, và phía Nam của Văn-Lang gồm hai tỉnh Nghệ-An, Hà-Tĩnh ngày nay.

Còn cương-vực của nước Văn-Lang phía Bắc giáp hồ Động-Đinh (tỉnh Hồ-Nam), phía Tây giáp Ba-Thục (tỉnh Tứ-Xuyên) phía Nam giáp Hồ-Tôn (Chiêm-Thành), phía Đông giáp bể Nam-Hải, là cương-vực cổ xưa của toàn thể gia-đình Bách-Việt hay là của nước Xích-Quỷ, mà chúng ta chỉ là một chi phái. Trong đoạn bàn về Bách-Việt chúng tôi đã có dịp nói vào những thời khởi thủy dân Giao-Chi sinh-tụ ở Nam-bộ Trung-Quốc tại lưu-vực sông Dương-Tử, rồi từ-tiên chúng ta di-cư dần xuống lưu-vực sông Nhị và sông Mã. Tới nơi cuối này, địa bàn của chúng ta quả gồm đúng có 15 bộ đã kê trên. Sở dĩ có sự sai lầm mà ta thấy trong một vài cuốn sử chữ nho về vấn-đề cương giới sau này của nước Văn-Lang là vì chữ Văn-Lang (trong cái tên Văn-Lang) với chữ Dạ (trong cái tên Dạ-Lang) hơi giống nhau. Dạ-Lang đầu đời Hán là tên một nước Miêu-Tử (Mèo) ở phía Nam Trung-Quốc. Đây không phải là điều ước-đoán bởi sách chép nhầm thật. Quyển *Thống-Điền* (Quyển 181 — tờ 25b) chép : Phong-Châu là nước Văn-Lang đời xưa (chỗ này viết chữ lạng 'lương' bên chữ nguyệt và chưa rằng có sông Văn-Lang. *Nguyễn-Hòa Quận Huyện-chí* (quyển 38 tờ 9b) nói quả quyết rằng Phong-Châu là đất của Dạ-Lang đời xưa. Thực thế, trong địa-phận huyện Tân-Xương bấy giờ có khe nước Dạ-Lang và đây là địa-bàn của nước Miêu-Tử.

Nước này ăn qua một phần Quảng-Tây và Quý-Châu, phía Tây giáp La-La (lô-lô) gọi là Điền ở phía Tây Vân-Nam, phía Đông hồ Vân-Nam thuộc quận Kiện-Ví, khi lệ-thuộc về Hán từ năm 111 trước T.C. Sáu quận ấy chia làm hai, phía Bắc là Kiện-Ví, phía

Nam là Thương-Ngô. Cuối đời Tiền-Hán, quận Kiện-Vĩ giáp phía Bắc và phía Tây sông Dương-Tử.

Còn quận Thương-Ngô giáp phía Bắc quận Kiện-Vĩ và phía Tây quận Tân-Ninh. Tân-Ninh là nước Điền ngày xưa ở phía Đông-Bắc Thương-Ngô giáp quận Vũ-Lăng, ở đây có hồ Động-Đình. Tóm lại, vì Dạ-Lang và Văn-Lang đã lẫn nhau, tất nhiên người ta phải lầm cho bờ cõi Dạ-Lang là của Văn-Lang.

Về vấn-đề này, ô. Lê chí-Thiệp phát-biểu một ý-kiến khác. Theo ông, trong thư-tịch cũ của Trung-Quốc không thấy nói tới tên Văn-Lang, đến đời Thái-Bình Ngự Lâm nhà Đường mới có. Văn-Lang chỉ đề gọi chung người Kinh-Man (dân Sở) ở dọc sông Dương-Tử, người Việt ở Chiết-Giang và người Lạc-Việt là những dân có vẻ mình, sau này sống ở lưu-vực sông Dương-Tử trôi dạt dần xuống tới bờ-biển Nam-Hải, vì vậy các cổ-sử mới ghi bờ cõi Văn-Lang: Bắc giáp hồ Động-Đình, Đông giáp Nam-Hải, Nam giáp Hồ-Tôn (Chiêm-Thành) v v...

Tên Văn-Lang này được đặt ra do một quan-niệm về chủng-tộc để phân biệt với Hán-tộc là giống dân không về mình chớ không phải là tên một nước...

Vậy nên kết-luận rằng cương-vực cũ của chúng ta khi còn là Giao-Chỉ gồm hồ Động-Đình, biển Nam-Hải, Tứ-Xuyên và Hồ-Tôn. Sau này dân ta di-cư xuống vịnh Bắc-Việt thì nước ta chỉ gồm 15 bộ kể ở trên, hoàn-toàn trên đất Bắc-Việt và vào tới Nghệ-An. Đây là vị-trí địa-dư cuối cùng của ta sau cuộc Nam-chinh của nhà Tần và sau khi đế-quốc Nam-Việt của Triệu Đà thành-lập.

Ngoài ra ta còn thấy sử chép nước Văn-Lang có 15 bộ. Trong đó có bộ Văn-Lang, Giao-chỉ, Việt-thường là thế nào? Phải chăng vì nhớ nguồn - gốc của mình xưa kia ở miền Hoa-Nam, nên dân gian giữ các tên cổ để đặt quốc-hiệu hay đặt tên cho các bộ?

Giai cấp phong-kiến thời thượng-cổ của chúng ta thế nào?

Theo Maspéro trong cuốn *Le Royaume de Văn-Lang BEEO* trang 9, mỗi Lạc-tướng coi vài làng xóm, thuộc quyền Lạc-hầu là chủ những đất đai rộng bằng một tỉnh hay vài huyện ngày nay. Cũng có khi một vị Lạc-hầu đem chia bớt gia tài cho các con cháu và phong chúng làm Lạc-tướng. Công việc của các Lạc-hầu. Lạc-tướng cai-trị nhân-dân. khi họ nhàn rỗi thường họp nhau săn bắn. Tính họ hoạt-động và hiếu chiến nên hay xung-đột với các dân láng giềng. Ra trận họ mặc bộ áo giáp dày dệt bằng lông chim hay bện bằng vỏ cây đề tránh dấu tên hay mũi giáo áo giáp có hai mảnh che đằng trước và đằng sau, từ ngang lưng thông xuống đến bắp chân. Mình mặc áo ngắn chên đề hở cổ và 2 cánh tay trạm hình sặc sỡ. Họ mang lá mộc (có chỗ gọi là lá chắn) hình vuông đan bằng tre trên mặt có kẻ hoa và vẽ mặt người. Đầu họ đội một thứ mũ cũng bằng lông chim thực dài kết các hình rừ-rời. Họ đeo cung lớn, mang giáo dài và dao nhọn, luôn luôn bắn, phóng và đâm. Mũi tên có tầm thuốc độc chạm vào da thịt dù chỉ sức qua loa, thuốc cũng ngấm vào và phải chết. (Theo Parmentier :— trong cuốn *Les tambours de bronze*).

Dân lo việc giồng lúa cho họ ăn, làm nhà cho họ ở, cắt người phục dịch họ mà không được đòi công sá.— Xét như vậy dân chỉ là một thứ tài-sản của họ mà thôi. Ngày nay các dân-tộc thiểu-số dưới chế-độ quan Lang ở miền Bắc Trung Bắc-Việt có thể nói là hình ảnh hoàn-toàn của chế-độ Lạc-hầu Lạc-tướng thuở xưa.

Các vị Lạc-hầu, Lạc-tướng tuy giữ quyền tự-trị ở khu-vực của mình nhưng phải theo về một vị tù-trưởng giàu mạnh ở phía Tây Bắc Trung-châu sát với Trung-du gồm địa-phận tỉnh Phú-thọ, Vĩnh-Yên, Sơn-Tây ngày nay. Đây là một miền có nhiều thung-lũng phì-nhiều, đồi đất tốt, dân đông đảo phát đạt hơn cả.

Kinh-đô của Lạc-Vương đóng ở Phong-Châu (vào địa hạt huyện Bạch-Hạc tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ) Họ nhà vua gọi là Hồng-Bàng. Lạc-Vương đặt quan-chế như sau : tướng văn gọi là Lạc-hầu, tướng võ gọi là Lạc-tướng, các quan nhỏ gọi là Bồ-chính. Con vua gọi là quan Lang, con gái gọi là Mị nương. Các Lạc-hầu được đặt

trên các Lạc-tướng, và có thôn, ấp lớn hơn. Hết thầy từ vua đến chúa đến các Lạc-hầu, Lạc-tướng đều có quyền thế-tập.

Nước Văn-Lang ra đời đã chịu uy-thế của các vương-triều Trung-quốc nên ngay buổi bấy giờ đã biết lập chính-sách ngoại-giao. Về đời vua Nghiêu, nhà Đường bên Trung-Quốc, sứ-thần Văn-Lang đã có lần đem dâng con rùa lớn. Về đời Chu Thành Vương (nhà Chu) Việt-thương sai đem chim Bạch-trĩ sang cống. Mỗi liên-lạc đã có nói ở đoạn trên của sách này.

CHƯƠNG IV

NHÀ THỤC (257-207 trước Tây-Lịch)

Sử chép Thục-Vương Phán cướp nước Văn-Lang cuối đời Hồng-Bàng tức đời Lạc-Vương thứ 18. Vấn-đề này đã làm nảy-nở nhiều mối dư-luận khác nhau trong các nhà viết Sử.

Lê-thần Trần Trọng-Kim cho rằng Thục-Phán có lẽ là một họ nào độc-lập ở gần nước Văn-Lang và căn-cứ vào địa-dữ nếu Ba-Thục (Tứ-Xuyên) là xuất-xứ của Thục-Phán đối với Văn-Lang phải qua nhiều đường đất, núi sông cách trở, việc chinh-phục Văn-Lang như vậy ắt không có thể có được.

Vệ-thạch Đào Duy-Anh nghĩ rằng, Thục-Phán có thể là một người con trai của vua Thục ở Tứ-Xuyên. Năm 316 là năm thứ 5 đời Chu Thành-Vương, nước Thục bị nước Tần diệt, dân Thục chạy về phía Nam-Lĩnh nương-náu ở đất Diên-Trì là đất của nước Sở cừu-dịch của nhà Tần mới chiếm được. Phán thấy đất dung thân chật hẹp liền từ miền Nam-Lĩnh tỉnh Vân-Nam, tiến xuống lưu-vực sông Nhị-Hà, thôn-tính Tây-Âu và Lạc-Việt (nước Văn-Lang) rồi lập ra nước Âu-Lạc.

Phải chăng đây là một lời giải-thích đối với sự hoài nghi của tác-giả *Việt-Nam Sử-lược* ?

Lại một chỗ bất đồng nữa !

Theo Đào Duy-Anh, việc chinh-phục Văn-Lang do Thục-Phán đã xây ra trước đời nhà Tần nghĩa là trong đời nhà Chu khi đó dân-tộc ta mang tên là Lạc-Việt.

L. Aurousseau cho rằng Lạc-Việt vong-quốc từ năm 210 trước kỷ-nguyên là năm Tần Thủy-Hoàng mất đến năm 207 là năm Triệu-Đà đang oanh-liệt ở miền Nam-Hải. Nhân lúc Trung-Quốc rối loạn, một người con vua nước Thục nào đó đã thừa cơ chiếm đất Tượng-Quận của nhà Tần để dựng nước (Tượng-Quận tức là Tây-Âu gồm phủ Khai-Việt, Thái-Bình thuộc địa-phận Quảng-Tây, phủ Liêm và phủ Lô phủ Liêm thuộc địa-phận Quảng-Đông).

L. Aurousseau đã lầm vì cho rằng Tây Âu với Lạc-Việt là một, ông bằg vào lời chú-giải của cổ-sử ở Tiền-Hán-thư (K. 95) nói rằng Tây-Âu tức là Lạc-Việt để thích chữ Tây-Âu. Lạc là nước Triệu-Đà kiêm-tính. Vì sử cổ không nói rõ rằng bấy giờ sô-dĩ gọi là Tây-Âu-Lạc là vì nhóm Tây-Âu hay Tây-Việt và nhóm Lạc-Việt là hai nhóm trong Bách-Việt ở miền Quảng-Tây và Bắc-Việt ngày nay đã do An-Đương Vương gồm làm một nước tức sử ta gọi là nước Âu-Lạc.

Trên đây chúng tôi đã có dịp nói đến việc đánh Bách-Việt của nhà Tần trong đó Thục-Phán đã đóng một vai trò quan-trọng. Nay xin dẫn thêm ít tài-liệu theo sách *Hoài-Nam-Tử* để hiểu cuộc tranh-đấu giữa Thục-Phán và quân nhà Tần trong cuộc Nam-chinh của họ :

Khoảng năm 221, giữa lúc toàn-thịnh nhà Tần (năm 33) đời Tần-Thủy-Hoàng dùng bọn lưu-vong, rề thừa và lại buôn làm lính tiến xuống miền Nam là nơi sinh-tụ của người Bách-Việt. Việc này xảy ra khoảng năm 221-214 trước Tây-Lịch. Quan Hiệu-Úy là Đồ-Thư đem quân lâu-thuyền cùng tướng Sử-Lộc đào sông vận-lương đi sâu vào đất Lĩnh-Nam, chiếm đất Lục-Dương, Quế-Lâm (nay là huyện Minh-Quý tỉnh Quảng-Tây) Nam-Hải (Quảng-Đông ngày nay) sau khi diệt được nhóm Đông-Âu và Mân-Việt.

Đến lượt Tây-Âu cũng bị cuộc xâm-lăng của đạo quân viễn-chinh Trung-Quốc. Từ-trưởng Tây-Âu là Dịch-Hu-Tổng bị hại nhưng ở đây quân Tần vấp phải sức kháng-chiến dẻo dai của Tây-Âu. Người Việt (Tây-Âu) rút vào rừng sống cùng cầm thú, và cứ đêm tối lại đem quân ra tập-kích quân Tần. Cuộc kháng-chiến kéo dài 10 năm. Sau quân Tần chết rất nhiều. Đổ-Thư bị hại, quân Tần hao tổn tới vài chục vạn, phần vì không chịu được lam-sơn chướng khí. Tần-triều đành ngừng lại và thiết-lập bộ máy cai-trị ở các miền đất đai đã lấy được lập ra ba quận Nam-hải, Quế-Lâm (Quảng-Tây) Tượng-Quận.

Về Tượng-Quận. *Việt-Nam Sử-lược* chép là Bắc-Việt. Chúng tôi không đồng-ý vì nếu Bắc-Việt khi đó là Âu-Lạc đã thành Tượng-Quận thì sau này đâu có sự kiêm tính của Triệu-Đà bằng binh đao, chúng tôi cũng không thấy sách nào nói như *Việt-Nam Sử-lược* rằng An-Dương vương xin thần-phục nhà Tần để quyết-định rằng vì sự thần-phục này mà Âu-Lạc biến-thành Tượng-Quận.

Tóm lại ảnh-hưởng của nhà Tần bấy giờ chỉ mới đến địa-phận Tây-Âu là tỉnh Quảng-Tây và miền Uất-Lâm cùng Nam-Hải. Sau đó Tần-triều phái 50 vạn người tù đầy đến chiếm đóng các nơi đã cướp được để bảo-vệ bộ máy cai-trị vừa mới thiết-lập.

Ài đã cầm đầu cuộc kháng chiến có hiệu-quả của Tây-Âu ? Theo *Quảng-Châu-Ký* và *Giao-Châu ngoại-tửc-ký* trọng lúc từ-trưởng bị hại, nhóm Tây-Âu vô chủ thì người Kiệt-Tuần được nhân-dân Tây-Âu cử ra là An-Dương vương nhà Thục, vào khoảng năm 219 đến năm 207. Thục-Phán đã nhân cơ-hội nhà Tần suy, quân Tần thất-bại mà thu phục nhóm Lạc-Việt lập ra nước Âu-Lạc. Trong việc chống nhau với Tần, Thục-Phán tỏ được một tinh-thần dũng-cảm phi-thường. Có thể nói như vậy là vì lúc này Tần vừa gồm thâu 6 nước,

CHÚ-THÍCH.— Theo Trúc-Khê tiên sinh : Sử ta nói Tượng-Quận nhà Tần là đất Bắc-Kỳ Trung-Kỳ bấy giờ song so sánh địa-lý và dẫn chứng với các sách thì Tượng-Quận chính thuộc về một phần đất của tỉnh Quảng-Tây nước Tàu ngày nay. *Việt Nam sử-lược* của Trần-Trọng-Kim nói Tượng-Quận là đất Bắc-Kỳ có thể không đúng.

nhất thống thiên-hạ Trung-Quốc, xây-dựng thành Vạn-Lý, bên trong đẹp được mọi phần-lực của giai-cấp phong-kiến có nền móng từ mấy ngàn năm, bên ngoài khuất-phục được các phiên-bang ngang-tàng hùng mạnh. So với sự tiến-hóa của giống Hán-tộc bấy giờ thì quả thật các thị-tộc Việt đáng gọi là ‘Man-di’, vậy mà Thục-Phán đem sức ‘Mọi’ chống với một đế-quốc phú-cường, hùng-hậu thì cái tinh-thần bất-khuất ấy cũng là đáng phục. Lại nhân lúc nhà Tần lâm vào thế biến, Thục-Phán chinh-phục Văn-Lang dựng nên một quốc-gia riêng một phương trời, Phán quả là một kẻ có óc tự-cường và biết lợi-dụng thời-cơ.

Thục-Phán chiếm được Văn-Lang từ năm Giáp-Thìn (257 trước Công-Lịch). Xong việc chinh-phục Phán xưng là An-Dương vương, lập kinh-đô ở Phong-Kê tức huyện Đông-Anh tỉnh Phúc-Yên bây giờ, và hai năm sau cho đắp thành Cồ-Loa (tên thành là Cồ-Loa vì xây cuốn nhiều vòng như hình tròn ốc, hiện nay còn dấu tích ở huyện Đông-Anh và cái giếng Trọng-Thủy, thành này lại còn có tên là Tu-Long. Người Đường gọi là thành Côn-Luân vì thành ấy cao lắm, rộng nghìn trượng).

Thục-Phán đã đem văn-hóa quê-hương mình là nước Thục du-nhập vào đất Việt, thiết lập mọi quy-mô chính-trị quân-sự, dạy cho người Việt xây thành bằng đất, lấy tẻ làm cung nỏ, tên bịt đồng là hai kỹ-thuật sở-trường của người Thục. Rồi nhờ địa-thể hiểm-trở của Tây-Âu và Âu-Lạc lắm rừng nhiều núi lại thêm tinh-thần quật-cường của người Việt, Thục-Phán đã lập nên sự nghiệp trên đây (đã nói trong việc đương đầu với làn sóng Nam-tiến của giống Hán).

Dân-tộc Âu-Lạc bước chân vào trường tranh-đấu và được phát-triển mọi khả-năng có lẽ từ khi được Thục-Phán lĩnh-đạo, tiếc rằng không có cuốn Sử nào nói kỹ về sự-nghiệp của Thục-Vương. Sau này với Triệu-Đà, một tướng có tài thao lược của Trung-Quốc hùng cứ miền Hoa-Nam, tình thế của Âu-Lạc không bao lâu phải đi sang chỗ rẽ. Rồi năm thứ 50 đời An-Dương vương, Âu-Lạc bị lọt qua tay họ Triệu và thành một nước phụ-dung của đế-quốc Nam-Việt. Trong lúc này nhà Tần đã đổ, nhà Hán lên thay. Việc xâm-chiếm Âu-

Lạc xây vào năm 180 sau khi Cao-Hậu nhà Hán qua đời và lúc này Triệu-Đà đã xưng đế ở Nam-Việt.

Theo thuyết chính-thống, An-Dương vương không thuộc về một thị-tộc Việt nào hết, nhưng một vài sử-gia ngày nay cho rằng An-Dương vương là người ngoài cũng chưa có chứng-cớ đầy đủ. Theo tác-giả trong giai-đoạn lịch-sử này, Hán-tộc chưa có mặt miền Hoa-Nam, Thực-Phán có thể là một linh-tụ phong-kiến cũng thuộc Việt-tộc như nhiều linh-tụ khác trong đám con Hồng cháu Lạc. Miền Hoa-Nam quá rộng lớn, sông núi cách trở nhiều, Việt-tộc lại phân tán khắp nơi mới có sự bở-ngỡ này.

VINH BI-KỊCH THANH LOA

Thành Loa trăm thước chẳng là bền,
 Móng rùa ba tấc chẳng là thiêng.
 Nước nhà dấy mất tại người cả,
 Gió mưa gây dựng công khó nhọc.
 Nam gồm Văn-Lang, Bắc Ba Thục,
 Dư đồ muôn dặm mở mang tới.
 Một tấm sơn-hà một tấm vóc,
 Sẵn sàng cơ-nghiệp không biết giữ.
 Chiến đã không xong, hòa cũng ngộ,
 Biên phòng chèn-mảng, thù hận quên.
 Quanh quần một lăm hai tại lỗ,
 Thân già đâu nói kẻ thù gia.
 Chồng nào thương vợ, con lia cha,
 Giặc ngồi sau lưng nói chi nữa,
 Nước ôi, nhà ôi, biên Đại-Nha !...

DƯƠNG BÁ-TRẠC

CỒ-LOA HOÀI CẢM

Thành quách còn mang tiếng Cồ-Loa,
 Trãi bao gió táp với mưa sa.
 Nỏ thiêng hồ-hững giầy oan buộc,
 Giếng ngọc vơi đầy giọt lệ pha.
 Hoa cỏ vẫn cười ai bạc mệnh,
 Cung-đình chưa sạch bụi phồn hoa.
 Hưng-vong biết chứa người kim cở ?
 Tiếng cuộc năm canh bóng nguyệt tà.

TRẦN-TUẤN-KHAI

CHÚ-THÍCH.— 1) Theo Sử-ký của Tư Mã-Thiên là cuốn sử lâu đời hơn tất cả và đáng tin hơn hết, việc chinh-phục Âu-Lạc do Triệu-Đà vào năm 180 trước kỷ-nguyên chứ không phải vào năm 207 như *Việt-Nam sử lược* đã dẫn, tức là năm Giáp-Ngo theo sử ta.

2) Theo Đào Duy-Anh trong *«Nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam»* Mãn-Việt mãi vào khi quân Tần đánh Bách-Việt chứ không phải do Triệu-Đà, sau này cùng thời với việc cướp nước Âu- Lạc của An-Dương Vương.

3) Thuyết nội rằng An-Dương Vương chưa chắc đã là người ngoài, căn-cứ vào sách *Quảng-Châu-Ký* và *Giao-Châu ngoại-sử-ký*. Sách này chép : Khoảng 221-214 quân Tần đánh người Việt, giết được vua Tây-Âu (tức Âu-Lạc) gọi là Dịch-Hu-Tống. Cõi đoạn sách này thì ta có thể cho rằng trước khi có cuộc xâm-lăng của nhà Tần đất Giao-Chi đã gọi là Tây-Âu. Vua Tây-Âu là Dịch-Hu-Tống bị giết có thể là vị Lạc-Vương cuối cùng. Sau này dân Việt giữa lúc vô chủ và nguy biến đã cử người Kiệt-Tuấn đứng ra lãnh đạo cuộc kháng-chiến là An-Dương Vương nhà Thục. Vậy Thục-Phấn chẳng phải là người nước Thục ở miền Tứ-Xuyên. Còn cái tên Tây-Âu hay Tây-Âu-Lạc, Lạc hay Âu là do người Tạng đặt ra để gọi xứ ấy cho có sự phân-biệt với các-vị Việt khác.

CHƯƠNG V

XÃ-HỘI TRUNG-HOA TRONG THỜI THƯỢNG-CỔ

- Các tổ-chức chính-trị, xã-hội, văn-hóa... dưới các triều-đại Hạ — Ân — Chu.
- Các học-thuyết cổ-điển của Trung-quốc (Khổng-tử, Lão-tử, Trang-tử v.v...

Đề biết trình-độ của dân-tộc Việt-Nam chúng ta vào thời thượng-cổ thế-nào, ta có thể lấy cái văn-minh của Trung-Quốc cũng trong thời-kỳ này làm mực thước để đo lường. Và cũng ở điểm này ta tìm hiểu ảnh-hưởng của Trung-Quốc bắt đầu lan-tràn sang đất Việt qua các biến-thiên của Lịch-Sử.

Về chính trị, Trung-Quốc khởi đầu tổ-chức quốc-gia và chính-trị bằng chế-độ phong-kiến khi người Hán còn là các bộ-lạc dã-man, lạc-hậu rải-rắc khắp các nơi trên lãnh-thò Trung-Hoa. Trải qua thời kỳ man-mọi và du-mục, dân-tộc Trung-Quốc thượng-cổ đã biết làm nhà cửa để ăn-nấu, chế-tạo ra dụng-cụ cần-thiết, tìm ra mọi phương-kế nông-nghiệp, sáng-lập ra chữ viết để phổ-diễn ý-tưởng tâm-tĩnh, các công-cuộc văn-hóa, chính-trị, kinh-tế bắt đầu thành-hình, tiến-triển và đi dần đến chỗ thống-nhất.

Trung-Quốc rộng lớn mênh-mông đã chia ra nhiều địa-phương. Mỗi địa-phương có một linh-tụ cát-cứ, và chịu uy-quyền của một vị

lĩnh-tụ lớn nhất mà họ tôn-thờ là vị Hoàng-Đế hay Thiên-Tử. Các lĩnh-tụ nhỏ giờ đó là các chư-hầu phải chịu mệnh h-lệnh của Thiên-Tử. Vào thời thái-cổ chư-hầu có hàng ngàn nước. Đó là tình-trạng dưới đời vua Đại-Vũ nhà Hạ, nhưng đến vua Vũ-Vương nhà Chu các chư-hầu đã bớt đi nhiều lắm nghĩa là chỉ còn độ 800 nước. Cho đến đời nhà Tần việc thống-nhất được thực hiện sau bao nhiêu cuộc nội-chiến liên-miên khiến dân-chúng lâm-than, điêu-đứng hết chỗ nói. Cuộc nội-chiến này bắt đầu từ đời Tam-Đại (đời nhà Hạ, nhà Ân và nhà Chu).

Vũ-Vương nhà Chu dẹp được Trụ-Vương nhà Ân số chư hầu còn lại là 70 chia ra làm 5 bậc : công, hầu, bá, tử, nam. (Xin coi việc ấn định quyền-lợi và trách-vụ của họ ở trang sau đây).

1 — Xã - hội và văn-hóa

Trung-Quốc phát-triển trước hết về nông-nghiệp. Đến đời Hoàng-Đế (2704 trước Thiên-Chúa) nhân dân đã có đầy đủ các thứ cho đời sống hàng ngày (các thứ ăn uống, mặc, ở, dụng-cụ sinh-sản) biết làm nghề nhuộm, phát minh thuyền bè, xe cộ, chế-tạo cung tên, chày, cối v.v...

Đời Hoàng-Đế có đặt quan Đào-Chánh để điều-khiển việc làm đồ gốm, quan Mộc-Chánh trông nom việc làm các đồ gỗ để cung-ứng mọi sự cần thiết xã-hội. Hoàng-Đế biết dùng đồ gỗ để dựng nhà cửa. Vợ Ngài là Lão-Tổ dạy dân chăn tằm, ươm tơ.

Từ đời Hoàng-Đế trở về sau nền văn-hóa Trung-Quốc cũng xuất hiện và tiến-triển dần. Qua đời Đường-Ngu (2356 trước C.L.) áo quần có vẽ màu nghĩa là từ sự cần che thân, người ta đã tiến đến sự trang diêm. Đời vua Hạ-Vũ đã có khoa trị thủy, có dây làm mực, có thước đo. Mọi thứ bắt đầu lìa bỏ sự thô-sơ để trở nên hoàn-bì và có mỹ-thuật. Nghệ-thuật kiến-trúc phát-đạt mạnh cho nên đời Hạ-Khai có Điều đài-Toàn, đời vua Hạ-Kiệt có Khuynh-cung dao-dài, đời vua Thương-Trụ có Lộc-dài tức là những cung điện nguy-nga để yến tiệc chơi bời, chớ chẳng phải chỉ để che mưa gió như thuở trước.

Khi văn-tự chưa phát-minh, để ghi nhớ công việc người ta chỉ biết thắt nút. Đời Phục-Hi đặt ra tám quẻ Càn, Khôn, Tốn, Chấn, Khảm,

Ly, Cấn, Đoài (bát quái) để chỉ Trời, đất, gió, sấm, nước, lửa, núi, đầm. Dần dần người ta lấy dấu hiệu thay cho việc thắt nút. Tục truyền đời Hoàng-Đế có Thương-Hiệt dùng móng thú và dấu chân chim in trên đất, cát để đặt ra văn-tự. Văn-tự dần dần lại theo lối tượng hình nghĩa là ghi-chép hình ảnh của sự-vật mà đặt thành chữ.

Cũng từ đời Hoàng-Đế người ta dùng Giáp-Tý để tính năm tháng và phát-minh bói toán (bói cỏ-thì). Xét như vậy, giống Hán đã có một nền văn-hóa khá cao 27 thế-kỷ trước khi Thiên-Chúa Giáng-Sinh.

2 — **Trật-tự xã-hội, gia - đình** Giữ quyền chúa-tể trong thiên-hạ là Thiên-Tử. Thiên-Tử có địa-vị độc-tôn, vô thượng. Theo quan-niệm Á-đông, Thiên-Tử thay Trời-trị dân.

Dưới Thiên-Tử là các chư-hầu được đặt theo cấp bậc : Công Hầu, Bá, Tử, Nam và được lĩnh phần thái-ấp. Thiên-Tử có ngàn dặm đất, Công, Hầu được trăm dặm, Bá được bảy chục dặm, Tử, Nam được năm chục dặm.

Thiên-Tử có vạn cỗ xe, chư-hầu được ngàn cỗ trở xuống. Có nhiều xe thì có nhiều binh vì xe dùng vào việc chiến-tranh.

Y-phục của vua, chúa cũng có sự phân biệt. Vua mặc áo màu vàng, thêu rồng (hoàng-bào) các chư-hầu và các quan chức dùng màu khác.

Đến phi-hậu cũng có sự ấn định rõ-rệt : Thiên-Tử có Đông-cung và Tây-cung và mười hai cung-phi (nhưng đến Tần-thủy-Hoàng cung A-Phòng đã chứa đến ba ngàn mỹ-nữ). Chư-hầu có chín người.

Thiên-Tử được riêng quyền cúng tế trời đất và có những bản nhạc dùng cho lễ-nghi triều-trung của Thiên-Tử.

Các chư hầu hàng năm phải tiến cống Thiên-Tử nhân tài, mỹ-nữ, báu vật. Mỗi khi Thiên-Tử đi chinh-phạt, chư-hầu có bổn-phận đi theo đánh giúp hay tiếp-tế binh-lính, quân-lương.

Dưới chư-hầu có các quan đại-phu cũng là những nhân-vật quan-trọng dưới chế-độ phong-kiến, họ cũng được hưởng quyền thế-tập được chia đất, nhưng sau này đại-phu được lựa chọn trong đám người hiền vua biết đến hay có người tiến dần.

Gia-đình của người Trung-Quốc thời cổ cũng đã chịu một trật tự nghiêm-minh. Ông nội hay người Cha là chủ, phụ-trách việc khời hương, ra các mệnh lệnh cho mọi người theo. Kế tiếp ông hay cha là người con trưởng hay cháu trưởng (đích-tôn). Cha mất, quyền trong gia-đình qua tay người con cả, đầu có mẹ hay chị lớn, (*quyền huynh thế phụ*). Đây là một nguyên-tắc.

Thường dân chia ra 4 giới : Sĩ, Nông, Công, Thương và không có giai-cấp nô-lệ như ở La-Mã và ở nhiều xã-hội Âu-Châu. Nhà Nông cũng được trọng như kẻ Sĩ nhưng Thương-nhân thì bị khinh-khi do đó có sự hạn-chế mặc áo đẹp, ở nhà lớn.

Làm dân phải trung với Vua, vì Vua là tiêu-biểu cao-quý nhất cho quốc-gia. Bất trung với Vua tức là phạm tội phản-quốc. Bất hiếu với Cha, Mẹ, tội cũng lớn vào bậc nhất và phải trọng hình...

VIỆC QUAN-CHẾ Nhà Hạ đặt chức tam công là ba chức lớn nhất triều - đình — cửu - khanh, 27 đại - phu và 81 nguyên - sĩ.

Nhà Ân đặt hai quan tướng, sáu quan Thái : thái-tề, thái-tôn, thái-sư, thái-chức, thái-sĩ, thái-bốc — năm quan : tư-đồ, tư-mã, tư-không, tư-sĩ, tư-khẩu — sáu phủ : tư-thê, tư-mộc, tư-thủy, tư-thảo, tư-khi, tư-hỏa — sáu công : thờ-công, kim-công, thạch-công, thủy-công, thú-công và thảo-công.

Đến nhà Chu có sự canh cải chút ít. Chu-Công đặt ra sáu quan : thiên-quan, địa-quan, xuân-quan, hạ-quan, thu-quan, đông-quan. Dưới quyền mỗi quan có 60 thuộc-quan.

Đứng đầu thiên-quan là chức Chung-tề (sau này tức là chức Tề-tướng) coi tất cả mọi việc chính-trị và lý-tài trong nước và kiểm-soát cả mọi việc trong cung.

Đứng đầu địa-quan là chức Đại-tư-đồ trông nom các việc thường, việc nông, việc giáo-dục và cảnh-sát.

Đứng đầu xuân-quan là chức Đại-tôn-bá coi việc tế, tự, triều, sinh hội-đồng v.v...

Đứng đầu hạ-quan là chức Đại-tư-mã coi việc quân-sự đánh dẹp, giữ trật-tự trong nước.

Đứng đầu thu-quan gọi là Đại-tư-khẩu coi việc dân sự, kiện tụng.

Đứng đầu đông quan là Đại-tư-không, giữ việc khuyến-khích công-nghệ, nông-nghiệp, thờ-mộc.

Trên sáu quan có tam công là : thái-sur, thái-phó, thái-bảo và tam-cô : thiếu-sur, thiếu-phó, thiếu-bảo có nhiệm-vụ trông coi, kiểm điểm, đặt-đề đường lối chính-trị trong nước và không dự việc hành-chánh.

PHÁP CHẾ Đời thái-cổ có 5 hình để trừng-phạt các tội nặng nhất — ngoài ra có tội p hải xử-trị bằng roi da và tội lưu. Qua đời Hạ, Ân, Chu đặt thêm tội chặt chân, gọt đầu và tội đồ, và cuối đời nhà Chu vì sự biến loạn mỗi ngày một nhiều, nhà vua đặt thêm tội bêu đầu, xé xác, lăng trì, mổ muối v.v...

BINH CHẾ Tới nay không có sách nào nói rõ về tổ-chức quân-sự đời nhà Hạ và nhà Ân. Dưới thời nhà Chu, người ta đặt 5 tên lính là một ngũ — 5 ngũ là một lượng — bốn lượng (100 người) thành một tốt — Năm tốt thành một lữ — Năm lữ thành một sư — Năm sư (12.500 người) thành một quân,

Quân có quan Mạnh-khanh làm Tướng.

Sư có quan Trung-đại-phu làm Sứy.

Lữ có quan Hạ-đại-phu cũng làm Sứy.

Tốt có quan Thượng-sĩ làm Trưởng.

Lượng có quan Trung-sĩ làm Tư-Mã.

Thiên-tử có 6 quân. Chư-hầu nào lớn có 3 quân. Chư hầu

vừa có 2 quân. Chư hầu nhỏ có 1 quân. Để giúp việc quân-sự được mạnh-mẽ, nhân-dân phải tham-gia vào các việc tổ-chức sau đây :

Nước chia làm nhiều tỉnh. Mỗi tỉnh có 8 nhà.

Bốn tỉnh là một ấp (32 nhà)

Bốn ấp là một khấu (128 nhà)

Bốn Khấu là một điện (512 nhà)

Mỗi điện phải chịu một cỗ binh xa, 4 con ngựa, 12 con bò, 3 giáp-sĩ, 72 người bộ tốt, 25 người làm việc khuân vác các đồ nặng (tức là dân công nô-dịch chiến-trường). Tổng số là 100 người.

ĐIỀN-CHẾ Việc chia ruộng đất về đời thái-cổ, đến nay chưa rõ ra thế nào, chỉ biết từ đời nhà Hạ triều-dinh chia 50 mẫu làm một gian — 10 gian là một Tồ. Cứ 10 nhà cấy một khoảng ruộng (?) và quận phân hoa-lợi. Nhà-nước thu-thuế 1/10 tức là cống-xuất.

Dưới triều Ân và Chu, nhà vua đặt phép tỉnh-diền tức là chia đất ra làm 9 khu hình chữ tỉnh. Những khu ở chung quanh là tự-diền. Khu ở giữa là công điền. Mỗi tỉnh phải cho 8 nhà cấy cấy công điền rồi nộp hoa-lợi cho Vua.

Dưới đời nhà Ân mỗi tỉnh có 630 mẫu. Mỗi nhà được 70 mẫu. Phép đánh thuế gọi là phép *trợ*. Qua đời nhà Chu, mỗi tỉnh có 900 mẫu. Mỗi nhà được 100 mẫu. Phép đánh thuế gọi là phép *triệt*. (Cứ xét như trên đây mỗi tỉnh có 8 nhà và mỗi nhà được cấy cấy từ 70 mẫu đến 100 mẫu, ắt rằng dân số của mỗi nhà đây phải khá đông do nhiều gia-đình tập hợp lại, trái lại một gia-đình thượng-cổ có 5 hay 10 người làm thế nào mà khai khẩn được hàng 100 mẫu ruộng trong khi nông-nghiệp chưa mở mang, điền-khí còn thô-sơ. Ta có thể coi mỗi nhà ngày xưa ở Trung-Quốc như một xóm lớn hay một làng nhỏ ngày nay hoặc một họ mới hợp-lý-hóa được việc trên đây.

Sử lại chép dưới đời nhà Chu có lệ cứ 20 tuổi thì được chia cho 100 mẫu ruộng và số ruộng này được giữ tới 60 tuổi mới phải trả lại cho nhà Vua. Nhà nào có con thứ nhì gọi là dư-phu, đến 16 tuổi

được lĩnh 25 mẫu ruộng. Nhờ có phép chia ruộng như vậy nên trong dân gian không có sự chênh-lệch quá đáng về tài-sản. Theo thiên-ý chúng tôi, sự ghi chép trên đây có sự sai lầm vì không thể nào từ đời nhà Ân đến đời nhà Chu tình-trạng đất đai lại có thể phân-phối như vậy. Nhà Ân cấp cho mỗi nhà 70 mẫu, nhà Chu cấp cho 100 mẫu rồi lại có thể cấp cho những trai tráng từ 20 tuổi mỗi người 100 mẫu. Như vậy số ruộng đất ở đâu ra mà cấp phát nhiều thế và mỗi trai tráng 16 tuổi hay 20 tuổi đảm đương sao được từ 25 đến 100 mẫu ? Đây là tài-liệu trích trong *Việt-Nam Sử-lược* trang 34. Ngoài ra chúng tôi cũng chưa từng thấy nói mẫu ruộng ngày xưa nhỏ hẹp hơn mẫu ruộng ngày nay, để có thể tin một phần nào.

Đến đời Chiến-quốc, phép chia đất bỏ đi, dân gian được tự do cày cấy tùy sức kể từ Lý-Khôi làm tướng nước Ngụy và Thương-Uồng giữ chức tướng quốc nước Tần.

HỌC CHÍNH Nhà Hạ lập nhà Đông-Tự và Tây-Tự cho hai cấp đại-học và tiểu-học. Nhà Ân đặt Hữu-học và Tả-học cũng theo ý-nghĩa đó. Các nơi này còn là chỗ tập bắn, làm văn và dưỡng-đường cho các người già cả.

Nhà Chu lập nhà *Tích-Ung* hoặc *Thành-quân* làm trụ-sở dạy học cho con cháu vua, quan và những người tuần-tú lựa ở các thôn-xã. Ở các Châu. *Đảng* (1), thì đặt nhà tiểu-học gọi là *Tự* và nhà *Tường* cho dân chúng. Bấy giờ việc học cũng hạn định về tuổi : từ 8 tuổi đến 14 tuổi cho bậc Tiểu-học, từ 15 đến 20 tuổi cho bậc Đại-học.

Chương-trình Đại-học gồm có : Lễ, nhạc, thi, thư.

Chương-trình Tiểu-học có : luân-lý, đạo-đức và cách ứng-đối v.v....

Văn-minh, học thuật Trung-Quốc từ đời nhà Chu đến đời *Xuân-Thu* đã tiến nhiều, xét qua các cơ-cấu chính-trị, kinh-tế và xã-hội trên đây nếu so với tình-trạng của nhiều dân-tộc khác bấy giờ. Điều

(1) Cứ 500 nhà gọi là một *Đảng*, 12.500 nhà gọi là một *Châu*.

đáng chú ý hơn cả là những học-thuyết, tư-tưởng và giáo-lý đã được đề-xướng do mục-dịch cải-tạo hoàn-cảnh xã-hội Trung-Quốc trong giai-đoạn này hết sức nhiều-nhưng vì nhiều cuộc biến loạn liên miên đã xảy ra giữa các phe nhóm phong-kiến và quý-tộc trước vấn-đề quyền-vị và danh-vọng. Dân chúng dĩ-nhiên là nạn-nhân truyền-kiếp của tình-thế tam-phân, ngũ-liệt, của các vụ tranh vương đồ bá giữa vua chúa và các chư-hầu.

Những nhân-vật khả-kính đã ra đời trong thời-kỳ này là Không-Tử, Lão-Tử và Trang-Tử v.v... Không, Lão đã xướng ra hai đạo-thuyết tuy khác nhau nhưng đều hướng vào chỗ lập lại trật-tự xã-hội và giải-phóng con Người ra khỏi vòng hệ-lụy. Nhiều học-giả khác cũng góp phần trong cái lâu-dài tư-tưởng của Trung-Quốc như Mặc-Địch, Dương-Chu, Thân bất-Hại, Hàn-Phi, Thi-Giáo, Điền-Biền, Quỷ-Cốc v.v...

Mặc-Địch chủ-trương thuyết *Kiên-đi*, Dương-Chu lập ra thuyết "*Vị-ngã*", Thân bất-Hại, Hàn-Phi thuộc phái pháp-gia đề-xướng việc triệt-đề dùng luật-pháp trị thiên-hạ...

Qua nhiều thế-hệ người đời sau lưu-tâm đến đạo-thuyết của Không-Phu-Tử và của Lão-Tử (tự là Lý-Đam) hơn cả.

KHÔNG-TỬ Không - Tử tên là Khu, tự là Trọng - Ni sinh năm 551 trước Công - lịch tức là năm 25 đời Tương-Công nước Lỗ và Linh-vương nhà Chu, ngày 27-8 ở huyện Khước-Phụ nước Lỗ, mất năm 479, thọ được 72 tuổi, Ngài xuất thân hàn-vi từng làm Ủy-lại coi việc gặt thóc, giữ kho, sau này làm Tư-chức-lại trông nom việc nuôi bò dùng vào việc cúng tế. Đến khi đạo-đức của Ngài được người đương thời chú ý, có lần ngài đã giữ chức Tư-không nước Lỗ, nhưng không thi-hành được ý muốn cứu dân cứu đời, vẫn hồi nhân tâm thế-tục. Ngài bỏ đi chu-du thiên-hạ luôn 13 năm. Ngài từng đặt gót chân ở Tống, Tề, Sở, Vệ, Tần, Thái vẫn không gặp được người tri-kỷ. Đến năm 68 tuổi Ngài trở về cố-hương (Lỗ) viết sách dạy học, môn-sinh có tới 3.000 người.

Ngài đã lấy các quan-thư của các thời trước chỉnh đốn thành

Kinh thi, lấy thi-ca lịch-dại soạn thành *Kinh thư*, định-định kinh Lễ, kinh Nhạc và làm Kinh Xuân-Thu đề thuật lịch-sử nước Lỗ.

Tư-tướng luân-lý đạo-đức của Ngài, gồm ở mấy điểm : *Nhân*, *hiếu*, *đễ*, *trung*, *thứ* và *lễ nhạc*. Như vậy, người ta trước hết phải sửa mình để thành con người đạo-đức. Có đạo-đức là có tư cách, có nhân-phẩm, đây là những yếu-tố căn-bản tạo nên giá-trị của con người, trong gia-đình và xã-hội. Mà muốn gây được cái đức, người ta phải theo đạo trời là « *Nhân* » nó bao gồm cả vạn vật trong vũ-trụ, nó là sự yêu thương mọi người như yêu thương chính mình vậy. Mạnh - Tử sau này giải-thích chữ *Nhân* là « Lòng trắc-ân, là mối đầu của đức *Nhân* » mà ta có thể nói cách khác : người có *Nhân* là người có lòng trắc-ân. Lòng nhân đó, theo Khổng-Tử, trước hết phải đem áp-dụng hằng ngày với cái xã-hội quanh mình là gia-đình, giữa những người thân-thiết là cha mẹ, anh em, chị em rồi mới ra đến ngoài. Đức *Nhân* ở đây phát-sinh ra điều *Hiếu* và *Đễ*. Nó có thiên-hình vạn-trạng để thích-hợp với mọi người, mọi hoàn-cảnh và gây nên những sự tốt lành.

Với chữ « *Trung* » Khổng-Tử muốn rằng ta phải đem hết tấm lòng của ta đối với người khác (*tận kỳ chí tâm*) và thi-hành chữ « *thứ* », thì phải xét khi ta làm việc gì cho ai, ta có muốn người ta làm cho ta điều đó không, tức là phải tính lẽ hơn thiệt, lợi hại. Tóm lại, nếu ta làm điều gì cho ai, ta phải xét có lợi thì hãy làm, cũng như ta làm cho ta vậy. Nếu có sự thiệt-thòi cho người ta, ta phải tránh.

Khổng-Tử hiểu chữ « *Nhân* » có nhiều bậc. Đạt được bậc cao nhất của chữ « *Nhân* » là bậc thánh tức là người siêu-quần bát-chúng. Dưới thánh-nhân là *Quân-tử* tức là người có nhân-cách, đạo-đức, mô-phạm để giữ địa-vị diu-dắt dân chúng và làm gương-mẫu cho họ nữa.

Tuy Khổng-Tử chủ-tương lấy « *Đức* » mà trị người, nhưng cũng nhận lễ-phép là điều cần-thiết. Mục-dịch của lễ-phép là giữ mối giềng cho quốc-gia, giữ vẻ tôn-nghiêm của vua, duy-trì trật-tự phân-minh ngoại xã-hội. Ngài còn cho rằng *Nhạc* cũng phải có, để điều-hòa tâm-tình con người và chính-trị làm bằng *Lễ nhạc* là chánh-trị lý-tướng.

Về phương-diện xử-thế, Khổng-Tử còn nêu ra đạo *Trung-dụng*. Khổng-Tử nói : người quân-tử trong khi xử-dối việc đời phải giữ lẽ triết-trung, nghĩa là không thiên quá nhiều về một bề nào, không cực-doan, không thái quá, bất thiên bất ý, do đó người ta tránh được những điều quá đáng bao giờ cũng có hại. Các nhà Nho của ta chịu ảnh-hưởng của thuyết « *Trung-dụng* » thường khuyên kẻ hậu-sinh trong mọi cuộc giao dịch trong ngoài nhớ câu : *Hồng thắm thời hồng chóng phai, thoang-thoảng hoa nhài mà lại thơm lâu. .* », quả thật là thiết-thực vậy.

Một nho-gia, ông Tô-Canh Trần đình-Sóc gần đây giải-thích *Trung-dụng* một cách khoa-học như sau :

« Ta đem thả một khối đặc xuống một thể loãng ví như thả một khúc gỗ xuống một cái hồ sâu nước. Khúc gỗ bắt đầu chìm ; ta tưởng nó chìm tới đáy, nhưng không, nó chỉ chìm tới chừng nào để đạt tới quân bình giữa trọng-lực đè nó xuống với sức nước đẩy nó lên. Hai bên đều nhau thì nó sẽ lơ-lửng ở giữa. Ở đây là thể « Hòa » của khối đặc trong hoàn-cảnh loãng của nó. Chỗ nó đứng là vị-trí an-bài đặc-kỳ-sở ở thể quân bình. Ta nhận thấy ở khối đặc và thể loãng ấy có hai thể-lực chống nhau : một thể động và một thể phản-động thừa trừ lẫn nhau mà sinh ra một thể thứ ba là thể « Hòa » hay là thể « quân bình » nó đã dung-hòa được hai phương-diện mâu-thuẫn, hai khuynh-hướng đối-lập của nó.

Cùng một lý ấy ta suy rộng ra thì thấy các vì tinh-tú dundầy, hấp-dẫn nhau đứng vào vị-trí của thể quân bình nên vẫn luân-chuyển mà không xô-xát. Thời-tiết được thể quân bình thì vạn-vật sinh thành nảy-nở v.v... cho nên người ta nhận lấy cái định-luật này để noi theo và ứng-dụng vào cuộc đời mới mong thành-công trong mọi việc...

Về chính-trị (Khổng-Tử còn là nhà chính-trị nữa) Khổng-Tử nêu lên thuyết chính-danh, đó là một tư-tưởng chủ-yếu của Ngài. Và nếu Khổng-Tử có tư-tưởng này là vì Ngài sinh ra giữa thời Phong-kiến, xã-hội đang đảo-lộn, trật-tự đang ngửa-nghiêng, nhân

tân đang suy-bại. Muốn chấm dứt cái thời-đại vô kỷ-cương đó, Ngài khuyên các vua chúa và thứ-dân phải xử sự cho hợp cái địa-vị, cái danh-nghĩa của mình, nghĩa là kẻ làm vua phải biết đạo và theo đúng đạo làm vua, kẻ làm tôi, làm cha, làm con cũng vậy, đừng ai xâm-phạm đến địa-vị quyền-lợi của kẻ khác, trên dưới một lòng đề đi tới chỗ thống-nhất cho quốc-gia về mọi phương-diện.

Tóm lại từ đấng vương-giả đến dân chúng đều phải tuân theo *tam cương ngũ thường* và liên đới trách-nhiệm trước mọi cuộc thịnh suy của dân-tộc, xã-hội. Mọi điều khuyến cáo này xét ra được khảo-sát trong lệ tục nhà Chu trước khi xuất-hiện trong *Lễ kinh* và *Nhạc kinh* mà Ngài đã biên soạn sau nhiều năm đi chu du các nước. Họ Không khuyên vua chúa có đức-độ trong cái nhiệm-vụ thay trời trị dân (*thừa thiên thụ mệnh*) nhưng phải cố kiêng dùng chế-độ vô-lực và chuyên-chế. Họ Không lại tin rằng người ta sinh ra vốn có tính thiện (*Nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn*) và sau này sinh ra gian ác là vì chịu ảnh hưởng xấu-xa của những kẻ chung quanh. Như vậy hình phạt để ngăn tội lỗi chỉ nên dùng một cách bất đắc dĩ mà thôi, ngoài ra nên lấy lễ nhạc để cảm hóa lòng người là hơn.

Nho-giáo cũng phản-đối kịch-liệt các hôn-quân, bạo-chúa nên trong *Kinh-lễ* có câu : *Quân mệnh thuận tắc thần hữu thuận mệnh, quân mệnh nghịch tắc thần nghịch mệnh*. Rồi một nho giả đã từng viết : *Vua là thuyền, dân là nước, nước đỡ thuyền nhưng cũng có thể làm đắm được thuyền*. Như vậy Nho-giáo rõ rệt đã có tinh thần dân-chủ và cách-mạng ở trong và đã khuyên vua chúa hành-động sao cho hợp lòng dân và ý trời. Nếu trái ý dân là vi thiên mệnh thì dân có quyền chống lại.

Tư-tưởng này đã phát-sinh ra ở một vài quan-niệm chính là Người và Trời có mối tương-quan hay là có hai trật-tự : Trật-tự thiên-nhiên và trật-tự nhân-sinh mật-thiết liên-lạc với nhau, hòa-hợp với nhau. Nếu so với các tư-tưởng chính-trị cổ của các nước Âu-châu, Nho-giáo đặt quyền-lợi của người dân trên quyền lợi của Vua chúa thì quả là tư-tưởng Nho-giáo cấp tiến hơn nhiều. Âu-châu trước xưa coi Vua chỉ chịu trách-nhiệm với Trời tức là Thượng-đế hay Thiên-chúa mà thôi và dân không có quyền kiểm-soát Vua chúa.

Có điều đáng đề ý là Nho-giáo không đề-cập cách kiểm-soát Vua chúa hoặc quyền hành của họ do dân chúng trao cho để ngăn trừ những hành-dộng chuyên chế và lạm-dụng. Phải chăng phái trí-thức tức nho giả đời xưa không tin ở năng-lực của Đại-chúng nên chỉ biết kêu cái thiện-tâm, thiện-chí của các nhà cầm-quyền khiến ta phải nghĩ rằng Nho-giáo chỉ biết nêu cao tinh-thần đạo-đức mà thôi. Ngoài ra về chính-trị Nho-giáo đã thiếu hẳn một cái gì thực-tế trong căn-bản nên không đi tới một kết quả đề văn hồi ngay được nhân-tâm, thế-tục thuở ấy. Cái quan-niệm thật sự và triệt-đề dân-chủ ngày nay là *Chính-phủ phải là của dân, phụng-sự dân và tùy quyền dân* (Tổng-thống Abraham Lincoln đã giải-thích chính-thể dân-chủ ở Hợp-chúng-quốc ngày nay như vậy : The Government of the people, for the people and by the people).

LÃO - TỬ

Bên cạnh Nho-giáo, có Lão-giáo là một đạo-giáo đã từng được nêu cao như mọi giáo-thuyết khác ở Trung-Quốc. Và sau Lão-giáo có Phật-giáo ngoài Nho-giáo. Ba thứ đạo-giáo này quan-hệ vô cùng cho nền học-thuật của Đông-phương, vì vậy đã được ấn-định vào các chương-trình khoa-cử sau này và về mặt thực hành các đạo-giáo này đã được hoan-ngheh, cổ-vô khắp nơi nhưng không gây ra những sự xung đột gắt gao như các tôn-giáo khác ở nhiều dân-tộc trên thế-giới. Vì vậy người ta gọi ba đạo-giáo này là «*Tam-giáo đồng nguyên*».

Phải chăng Không-giáo cũng như Lão giáo hay Phật-giáo đều cũng phát-sinh ở mục-dịch cứu dân, cứu đời, sửa chữa nhân tâm, triệt bỏ mọi tham-ý, tà-dục và tiêu cao tình ưu-ái giữa Gia-đình, Xã-hội và Nhân-loại để con người đi tới một tập-thể có Hòa-Bình, Cơm-áo, Tự-do và Hạnh-phúc ? Từ nguyên-lý đến phương-pháp, đến cứu cánh, Nho-Phật-Lão chỉ khác nhau ít nhiều ở mặt thực-hành ; chẳng hạn Nho-giáo đi tìm chân-lý trên con đường Nhân-sinh tương-đối ở phạm-vi nhập-thế, mà Lão-trang hay Phật-giáo thì đưa ra những điều cao-siêu, huyền-diệu ở phạm-vi xuất-thế, tựu-trung cả ba đều mưu sự hòa vui cho nhân-loại giải-phóng con người trên mọi phương-diện.

Dưới đây, chúng tôi xin trích bản khảo-luận ngắn về thân-thể và tư-tưởng của Lão-tử vị lãnh-tụ của tư-trào phương Nam trên 20 thế-kỷ trước và cả ngày nay nữa.

Lão-Tử, là người ở nước Sở, họ là Lý, tên là Nhị tự là Đàm. Không rõ ngài sinh và chết vào năm tháng nào, cứ Hồ-Thích dẫn chứng thì đại ước ngài sinh vào khoảng năm 570 trước C.L., hơn Không-Tử chừng 20 tuổi. Ngài từng làm quan Trụ-hạ-sử nước Chu, coi giữ kho sách nhà vua. Ngài tuy làm quan song vẫn tu hành đạo-đức, lấy sự tự ăn vô danh làm chủ. Ở nước Chu lâu ngày, sạu thấy nhà Chu suy nhược không thể vãn hồi được bèn bỏ đi, rồi không rõ tung tích thế nào. Sách của ngài làm ra, chỉ có một bộ Đạo-đức-kinh thôi.

Nhưng trái với Không-Tử và Mạnh-Tử chú trọng đến nhân-nghĩa, lễ nhạc để cứu vãn tình thế đương thời, lập lại trật-tự xã-hội, Lão-Tử tuy cùng quan-niệm như Không-Tử có một trật-tự thiên-nhiên, nhưng trật-tự ấy không có nghĩa bó buộc người đời trong một khuôn khổ nào hết. Chính-trị, đạo-đức, giáo-dục, học vấn đến cả Trời đều không là gì hết (*Thiên-địa bất nhân*) mà lại còn có hại là đằng khác. Lão-Tử bài-xích hết thầy các tiên vương, tiên thánh : Thần Nông, Hoàng-Đế, Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ... nên đã dám nói rằng : Làm loạn thiên-hạ là ông Nghiêu, ông Thuấn — Làm dói thiên hạ là Thần Nông (*Loạn thiên-hạ giả Nghiêu, đứ Thuấn, cơ thiên-hạ giả Thần Nông*) ; chế-độ chính-trị nào cũng chỉ là những phương-sách bóc-lột, đè nén dân chúng của một hay nhiều giai-cấp xã-hội. Lập ra nhiều phép tắc, luật lệ càng đưa dân chúng đến chỗ nghèo-nàn, khổn-cực, gian-ác, những phương-pháp làm giàu càng đưa gia-đình đến chỗ bại-hoại, suy đốn.

Phủ-nhận và bài-xích hết thầy mọi qui-mô và tồ-chức đã sẵn có, Lão-Tử nêu ra *Vô vi chủ-nghĩa*.

Sách *Đạo-đức-kinh* của Ngài khuyên người đời sống hòa-hợp với thiên-nhiên, tự cải-hóa, cởi bỏ mọi điều dục-vọng. Đưa trẻ sơ-sinh là hình-ảnh của Thiên-nhiên, của đời sống hồn-nhiên thuần-nguyên-thủy. Một khi loài người và Tạo-vật đã hòa-hợp được với nhau,

nghĩa là đều vô-tri, vô hám thì không còn sự tranh-giành, xô-xát. Thế-giới sẽ có Hòa-bình, hạnh-phúc.

Lão-Tử là tiên phong cho tư-tưởng đương thời, phạm chư tử bách gia đời sau, phần nhiều là gốc ở Lão-học. Nội-dung của Lão-học đại-khái như sau đây :

1) THIÊN - LUẬN Trước Lão-Tử thì trong tư-tưởng-giới người ta đều cho trời là có ý-chí và chủ tề hết thảy. Đến đời Xuân-Thu, Chiến-quốc là buổi chiến-loạn liên-miên, người ta đối với trời bèn sinh lòng hoài nghi, rồi đến oán vọng trách mạ. Lão-Tử thuộc giòng quý-tộc, thấy chế-độ phong-kiến đương ở vào cảnh vỡ lở, lại càng có phần khải nhiều, cho nên ngài cho rằng : *“ Trời đất là bất nhân, xem vạn vật như đồ chó rơm ”* (1). Ngài đã không tin trời cho nên mới nêu ra một cái gọi là *“ Đạo ”* là cái *“ tự nhiên hỗn thành trước khi có trời đất, im lặng quanh quẽ, đứng một mình mà không đòi, chỗ nào cũng đi mà không mỏi, muôn vật trong vũ-trụ đều gốc ở đó mà sinh ra ”* (2). Tác-dụng của Đạo là : *“ Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật ”* (3). Đạo chỉ là tự nhiên không có ý-chí, cho nên Ngài lại nói rằng : *“ Trời bắt chước đạo, đạo bắt chước tự nhiên ”* (4). Hai chữ *“ tự nhiên ”* ấy là không thừa nhận trời làm đấng chủ tề của muôn vật vậy.

2) VÔ VI-LUẬN Lão-Tử đã trọng tự-nhiên, cho rằng vạn vật đều có một cái đạo-lý *“ độc-lập nhi bất biến, chu hành bất đãi ”*, là không cần có trời làm chủ-tề, cũng không cần đến người gây dựng sắp đặt. Do tư-tưởng ấy rồi thành ra tư-tưởng phóng-nhiệm, tức là lý-thuyết Vô-Vi. Nhân-sinh triết-học của Lão-tử là ở thuyết Vô-Vi ấy. Ngài cho rằng người ta phải giữ lòng cho

1) Thiên-dịa bất-nhân, dĩ vạn vật như số cầu.

2) Hữu vật hỗn thành, tiện thiên-dịa sinh tịch hễ, liên hễ, độc-lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu.

3) Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật.

4) Thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.

bao giờ cũng thanh tĩnh, cái gì cũng đề theo lẽ tự nhiên, đừng nên thiết đến cái gì cả. “Thường có bỏ hết được cái lòng ham muốn thì mới biết được chỗ huyền-diệu của Đạo. (1). “Người đã giữ được đạo thì không ra khỏi cửa mà biết được cả muôn vật trong thiên hạ, không dòm ra ngoài cửa sổ mà biết được cái đạo trời thống-trị cả thế-gian, người ta hề muốn đi xa bao nhiêu thì lại càng biết ít bấy nhiêu. (2) Về việc học cũng vậy “càng học càng biết nhiều mới thì lại càng vô ích mà hại cho mình, chứ đã đem tâm-trí mà chú vào đạo thì cái biết càng ngày càng ít đi, càng ít mãi cho đến bậc vô vi, tuy vô vi nhưng mà không có cái gì là không có ảnh-hưởng của mình (3).

Về chính-trị Lão-tử cũng theo nguyên-lý vô vi cho rằng “*không làm gì mà dân tự hóa thành hay, cứ yên lặng mà dân tự ngay thẳng* (4). Tuy nhiên, vô vi không phải là cứ ngồi yên không hành-động gì cả đâu, nhưng đã làm việc chính-trị thì phải phòng ngừa từ trước, lo việc từ trước, từ lúc chưa có việc gì xảy ra thì mới được (5). Ngài cho rằng : *Đạo lớn đã bỏ thì mới đặt ra nhân-nghĩa; có kẻ trí tuệ thì mới có những điều gian ác phản nghịch, vì cha con vợ chồng không hòa với nhau nên mới sinh ra hiếu tử, vì quốc gia biến loạn cho nên mới có trung-thần* (6). nghĩa là những điều ước-thức của luân-lý, đạo-đức đều là trái với đạo cả.

Những nhà chính-trị biết theo đạo thì không cần lấy nhân-nghĩa lễ trí mà dạy dân, chỉ cần khiến cho dân giữ lấy tính giản-dị chất phác mà theo tự nhiên. Cái xã-hội lý-tưởng của Lão-tử là “nước nhỏ ít người, không cần kỳ xảo, văn vật, không cần đến binh mã,

-
- 1) Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu.
 - 2) Bất xuất hồ tri thiên đạo, bất khuy hữu kiến thiên đạo, kỳ xuất dĩ viễn kỳ tri dĩ thiên.
 - 3) Vi học nhật ích, vi đạo nhật tồn, tồn chi hữu tồn, dĩ chí ư vô vi. Vô vi chi vô bất vi.
 - 4) Vô vi nhi dân tự hóa.
 - 5) Vi chư ư vị hữu, tri chí ư vị loạn.
 - 6) Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa, trí tuệ xuất, hữu đại nguy, lục thân bất hòa, hữu hiếu tử, quốc-gia hỗn-loạn, hữu trung-thần.

quân lính, không cần giao-thông, không cần những đồ xa-xỉ trang sức, miễn được ăn no, mặc ấm, ở yên, giữ lấy phong-tục dịu-dàng hòa-nhã (1).

Những quan-niệm *« thiên địa bất nhân », « thanh tịnh vô vi »*, ấy rất hợp với tư-tưởng yếm-thế ở xã-hội đương thời cùng những ý-thức tiêu-cực và phản oán của giai-cấp quý-tộc phong-kiến đương suy đốn.

TRANG-TỬ Chủ-nghĩa xuất-thế của Trang-Chu cũng theo chủ-nghĩa vô-vi của Lão-tử mà suy diễn ra. Song vô-vi chủ-nghĩa của Lão-tử còn có hàm ý-vị xử thế, chứ xuất thế chủ-nghĩa của Trang-Chu thì cho rằng : *« Trời đất với ta cùng sinh, vạn vật với ta là một »*, cho nên vô thủy, vô chung, vô tiền, vô đại, vô yếu, vô thọ, vạn sự vạn vật đều là nhất tề. Nhân thế mà Trang-tử có cái nhân sinh-quan tự-nhiên nhi nhiên, hễ gặp lúc nào sống mà sống là hợp thời, gặp lúc nào chết mà chết là thuận cảnh (2). Trang-tử nói : *« Kẻ chân nhân ở đời xưa không biết ham sống, ghét chết. Đẻ ra cũng không mừng, chết đi cũng không chống, thoát qua thoát lại, không quên lúc mới sinh, chết cũng đề mặc kệ, sinh ra rồi thì thường tự đắc, có chết nữa thì cũng là trở lại với trời, không cần dùng tâm mà vực đạo, không cần lấy sức người mà giúp trời, như thế gọi là chân nhân vậy »* (3).

Tư tưởng Lão-Trang quả là một thứ triết-học cao-siêu kỳ-diệu khiến trí não người ta bay bổng lên những cảnh-giới siêu-nhiên huyền-

-
- 1) Tiêu quốc quả dân, sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng, sử dân trọng tử nhi bất viện tử. Tuy hữu chu xa, vô sở thừa chi, tuy hữu binh giáp vô sở trăn chi, sử dân phục kết thắng nhi dụng chi. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ túc. Lân quốc tương vong, kê câu chi thanh tường văn, đan chi Lão-tử bất tương vãng lai.
 - 2) Yên thời nhi xử thuận.
 - 3) Có nhi chân nhân bất tri duyệt sinh, bất tri ố tử, kỳ xuất bất tố, kỳ nhập bất cử, tiêu nhiên nhi vãng, tiêu nhiên nhi lai nhi dĩ hi. Bất vong kỳ sở thủy, bất cầu kỳ sở chung, thu nhi dĩ chi, vong nhi phục chi? Thi chi vi bất dĩ tâm áp đạo, bất dĩ nhân trợ thiên. Thi vi chấp nhân.

điều chứ không như tư-tưởng của Nho-giáo chỉ giữ tinh-thần người ta ở trong vòng thực-tế tầm-thường, ở trong vòng lễ giáo chật hẹp. Bởi vậy tuy trong thời trung-cổ và cận-cổ, Nho-giáo độc-tôn, mà những nhà nho-học lỗi-lạc vẫn thường nghiên-cứu học thuyết của Lão-Trang, mượn nó làm mối an-ủi những nỗi khổ-não ở đời.

Tuy nhiên, cái ảnh-hưởng trực-tiếp của Lão-Trang ở trong tư-tưởng-giới nước ta không lấy gì làm quan-trọng lắm, mà cái ảnh-hưởng của Lão-giáo bị Đạo-giáo lợi-dụng lại sâu-xa, phổ-cập vô cùng. Kể từ đời Tần-Hán, nho-học được độc-tôn thì học thuyết Lão-Trang suy dần. Đến khoảng 147-167 đời Hậu - Hán, có Trương-Đạo-Lăng học được đạo trường-sinh rồi lên ở núi Hộc-minh-sơn ở đất Thục làm một bộ Đạo-thư 24 thiên đề dẫn dụ nhân-dân. Phạm ai nhập môn thì phải nộp năm đấu gạo nên người ta gọi là “*ngũ-mễ-đạo*”. Phép trị bệnh của đạo ấy là dùng nước bùa (phủ-thủy) cho người bệnh uống, hay là viết tên họ người bệnh vào ba tờ giấy, một tờ giắt ở trên núi, một tờ chôn ở dưới đất và một tờ ném chìm xuống nước. Con Lăng là Hoành, cháu là Lỗ, cũng tu-đạo ở đấy. Đến con Lỗ là Trương-Thịnh thì dời đến Long-hồ-sơn ở tỉnh Giang-Tây rồi đạo-thống kế tục mãi mãi.

Trương-Đạo-Lăng phụ-hội thuyết thần quái của bọn phương-sĩ đời Lưỡng-Hán và lợi-dụng Hư-vô chủ-nghĩa cùng Phá-hoại chủ-nghĩa của Lão-học để lung-lạc những kẻ bất bình trong xã-hội cho nên kết nạp được rất nhiều tín-đồ. Lại nhân văn-thê của Lão-tử có văn dễ tụng có nhiều chỗ mập-mờ khó hiểu, hoặc những đoạn thư “*thiên vông khôh khôh, sơ nhi bất lậu*” có vẻ thần bí, cho nên lại càng khiến người ta sợ hãi và mê-tín thêm. Gia-dĩ cuối đời Hán sang đời Tần, học Hoàng-Lão thịnh-hành, những kẻ sùng bái học ấy, lấy điều siêu-nhiên cao cả làm chủ, cho nên rất lưu-ý về phép trường-sinh bất-tử, vũ-hóa đẳng-tiên. Từ đó Đạo-giáo nghiêm-nhiên thành phép tu tiên, đến đời Đông-Tấn có Cát-Hồng qui-định rất là chu-đáo, rồi sinh ra vô số những phương-thuật và mê tín khác.

Qua đời nhà Đường các thi-bá, trí-thức như Mạnh-hạo-Nhiên, Tống-chi-Văn, Vương - Duy, Lý-Kỳ, Trương-cửu-Linh, Lạc-tân-

Vương, Lưu-vũ-Tích, Lý-thương-Ân v.v... rất tôn sùng các đạo-sĩ.
 Tỉ-dụ Kỳ-đạo-sĩ về quán Ngọc-Thanh, Lý-kỳ có bài thơ sau đây :

Đại đạo bản vô ngã
 Thanh xuân trường dữ quân
 Trung châu nga di đảo
 Chí lý đắc nhi văn
 Minh chúa giảng hoàng ốc
 Thời nhân khán bạch-vân

Đại ý : Đạo lớn vốn là vô ngã (không có mình) xuân xanh theo mãi với ông, chỉ thoát chốc về đến Trung châu, khiến chúng tôi được nghe những lẽ sâu sắc kỳ-diệu của đạo. Đấng minh chúa từ nhà vàng xuống đón mời, người đời trông mây trắng mà biết đạo-sĩ đi về.

Đông Nhạc chân nhân Trương-luyện-Sĩ,
Cao tình nhả-đạm thế-gian hi.

Xem như vậy, người tu đạo ở đời Đường có đạo-hạnh và đạo tâm thì được cảm tình của nhân-dân thế nào.

Dưới đời Tống, địa-vị của Đạo cũng rất tốt đẹp. Vua Tống-huy-Tông tự xưng là giáo-chủ Đạo-quân hoàng-đế. Song từ Nam-Tống (1127-1279), Đạo-giáo suy sụp dần, chia ra phái Nam, phái Bắc, mỗi phái truyền đạo theo một thuyết riêng, đó là điều tai hại cho Đạo.

Đến nhà Kim, nhà Nguyên vào chiếm Trung-Nguyên, Đạogiáo lại chia rẽ phen nữa, lần này thành ba phái : Một là Chân-đại Đạo-giáo do Lưu-đức-Nhân triều Kim đứng ra. Hai là Thái-nhất-giáo do người cháu đời thứ 36 của Trương-đạo-Lãng, là Trương-Tông-Diên vâng lệnh vua Thế-Tổ nhà Nguyên quản lĩnh Đạo-giáo miền Giang Nam. Ba là Thát-nhất tam nguyên-giáo do Tiêu-bảo-Chân cũng dưới nhà Nguyên sáng lập. Dầu vậy, dưới đời Nguyên, Đạo-giáo có nhiều phen thất bại : dưới đời Hiến-Tông bị thế-lực Phật-giáo lấn át — dưới đời Thế-Tổ lại có hồi bị cấm chế nữa. Mãi cho đến đời vua Thái-Tổ nhà Minh, khoảng năm Hồng-Vũ thứ 10 con cháu Trương-

đạo-Lãng (tức Trương thiên-sư) mới phục-hồi được địa-vị trước (1377) nhất là dưới triều Minh Thế-Tông năm Gia-Tĩnh (1522-1566) nhà vua rất tin dùng đạo-sĩ để học thuật trường sinh. Triệu-Nguyên-Tiết được phong làm Thái-Nhất chân-nhân thường nói chuyện cho vua nghe về huyền-lý của Đạo. Thiệu giải-thích như sau :

« Chân giáo chỉ thu vào trong một chữ Tĩnh. Tĩnh sinh trí, trí sinh sáng, sáng sinh yên. Động thì mờ, mờ thì tối, tối thì loạn. Đấng thánh quán trị thiên-hạ quý vô-vi. Chính nho-gia cũng vô-vi. Không-Tử có nói: « Vô-vi mà trí là vua Thuấn chẳng ! Nào có làm gì đâu, chỉ tự cung kính ngồi ngoảnh về phía Nam mà thôi ».

Sang đời nhà Thanh, thế-lực của Đạo-giáo dần suy lạc và không được triều-đình tôn-trọng cho tới khi khoa-học Tây-Phương tràn vào Trung-Quốc như ánh sáng mặt trời soi vào đám sương mai mù mịt. Đạo-giáo bị lung lay đến nền tảng vì những phương-thuật mê-tín hơn nghìn năm để lại chống sao nổi những kỳ-diệu của nền văn-minh cơ-giới rất đặc-lực trong việc phụng-sự nhân-sinh. Nhân dân dần dần hết tin Đạo rồi Dân-quốc cách-mệnh nổi lên với các tư-tưởng cải-cách, duy-tân, Đạo-giáo tan rã nhường không còn gì nữa. Thêm vào đó, chính-phủ Quốc-dân đã ra nghiêm-lệnh thủ-tiêu Đạo-giáo và phá-hủy cơ-sở của nó là Long-hồ-sơn.

Ngày nay hệ-thống tư-tưởng và luân-lý nước Trung-quốc đang thay đổi mạnh do sự hiện-diện của chính-phủ Cộng-Sản Mao-trạch-Đông. Phật-giáo và Nho-giáo ở Trung-Quốc cũng đến lượt bị đào-thải trước trào-luу mới.

TUÂN HUỐNG

Ngoài những nhà đạo-đức, triết-gia, khoa-học, chính-trị trên đây mà một số đáng coi là những ngôi sao sáng trên nền trời văn-minh, học-thuật của Trung-Quốc, người ta còn phải kể đến nhà đại-tư-tưởng và khoa-học Tuân-Huống cũng sinh vào thời Chu-mạt và ngay thời đó Tuân đã có rất nhiều ảnh-hưởng đối với văn-học giới nhất là về đời Tây-Hán.

Nhưng vào thuở đó danh-tiếng của ông không lẫy-lừng như các bậc trên đây do ông không ưa tuyên-truyền và phô-tương. Có thể

ví ông như Kant ở Âu-Châu đáng lẽ còn trẻ danh hơn Copernicus người đã tìm ra trái đất tròn, mà vẫn bị lu mờ tên tuổi.

Ông có trí-thức rất uyên-bác, những kiến-giải rất tinh-tế, những sáng-tác đặc-biệt, những nhận-dịnh rất sát với khoa-học. Trên 2.000 năm trước đây mà có một nhà khoa-học như vậy kể cả ngay trên Thế-giới chớ chẳng riêng ở Trung-Quốc cũng còn là điều hãn-hữu lắm thay.

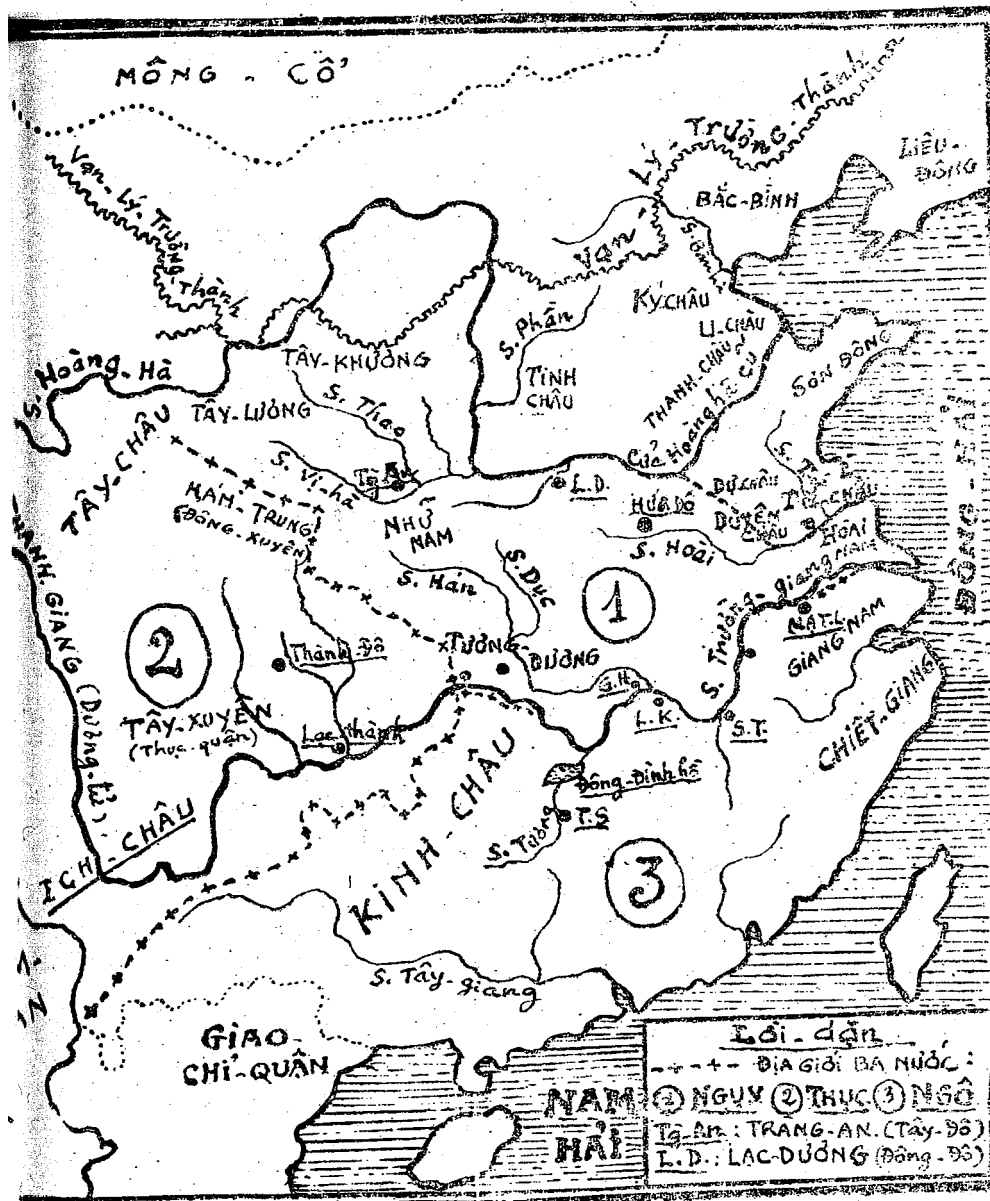
Ông cống-hiến gì cho đời bây giờ ?

Tư-tưởng của ông về triết-lý và khoa-học ra sao ?

Thời đó tại phương Nam Trung-Quốc, và ở nước Tề, theo sách của Tư-Mã-Thiên người ta rất « mê-tín việc đồng bóng, chuộng diêm-quái gở ». Tuân-Tử (tức Tuân-Huống) bài-xích kịch-liệt những việc cúng mặt trời, lạy mặt trăng, tin thần rắn trên cây lớn, sợ sấm sét, sao sa cùng ma quỷ. Ông nhận rằng mưa gió không đáng sợ mà chỉ là những điều tự-nhiên, những hiện-tượng rất thường trong trời đất ; người ta phải khống-chế thời-tiết, ngự-trị Thiên-Nhiên, lợi-dụng Thiên-Nhiên trong đời sống của mình để giải-quyết mọi vấn-đề xã-hội, chính-trị, nhân-sinh. Nhà đại triết-học Russel ngày nay nói : « kẻ thù địch lớn của loài người, chính là loài người vậy. » Còn Tuân-Tử nói : Muốn làm xong chính-trị của người (tức là dân-chủ) phải quét sạch những sự quái gở trong tâm-hồn con người. Để tránh sự hỗn-độn trong xã-hội phải thi-hành một chính-sách cương-quyết và phải áp-dụng lễ-nhạc mềm mại để điều-hòa cùng làm êm dịu việc trị dân, nhiên-hậu nước mới có an-lạc và thái-bình.

Bàn về tính tình con người ông nói : những điều tự-nhiên mà đến mà có là tính. Tính có ham ghét; mừng giận thương vui gọi là tình. Những điều lựa chọn, dẫn do gọi là lo. Tính là sự thành tựu của trời. Tình là bản chất của tính; dục là sự ứng-dụng của tình. Cho rằng cái lòng dục có thể được mà đi kiếm nó, đó là cái tình ắt không tránh khỏi. Cho rằng được mà làm, đó là do sự biết. Tính dục nếu không cần-thiết phải dẹp bỏ hoặc đè nén bởi người ta còn biết lo-lắng, suy xét để thắng bớt nó. Nhân nghĩa đạo-đức người ta sinh ra mới tập được. Tập các điều đạo đức phải theo phép dạy bảo của các thánh hiền. Tập

MÔNG - CÔ



Lời dặn

----- ĐỊA GIỚI BA NƯỚC :
NAM ② NGUY ② THUC ③ NGÔ
Tg. An : TRANG-AN (Tây-Đô)
L.Đ. : LAC-DUONG (Đông-Đô)

This page is intentionally left blank

các điều lễ-nghi phải do âm-nhạc nung-dúc. Thực lòng giữ điều nhân điều nghĩa mới có thể khiến sui được điều nhân nghĩa và biến điều nhân-nghĩa đạo-đức thành tính thứ hai của con người, do đó mới tránh được mọi sự tương-tàn, tương-sát để đi tới thái-bình”.

Lý luận của ông đều do phương-pháp khoa-học thực-nghiệm không hoang-đường như Trang-Chu (Trang-Chu nói : Thiên-hạ chẳng gì lớn hơn mảnh lông mùa Thu. Núi Thái-Sơn là nhỏ, chẳng gì nhỏ hơn đứa con sáo thai. Bành-Tồ là yếu).

Tuân-Tử nói : *“Xưa nay vẫn chung một mực, loại không trái nhau, trước và sau vẫn cùng một lẽ...”* Thật là đúng với những quan-niệm khoa-học đời nay, căn-cứ vào luật nhân-quả trước những điều biến-hóa của vạn-vật do những định-luật bất-di bất-dịch chi-phối, từ Đông qua Tây, từ kim tới cổ. Đại khái : ở Trung-Hoa nước đến độ «Không» thì đóng giá. Ở Tây-Phương nước đến độ «không» cũng phải như vậy. Ngàn năm về trước cho tới ngàn năm về sau, định-luật này không bao giờ thay đổi hay vượt ra ngoài lẽ lối trên đây. Ông ngược cả với Mặc-tử, Huệ-Thi đã đưa ra những điều lầm lạc (Mặc-Tử nêu thuyết : *Thánh-nhân không tự yêu mình giết trộm cướp chó chẳng giết người...* Huệ-Thi nói : *Núi với vực cũng bằng phẳng như nhau...*) Ông tôn thờ Khổng-tử, nhưng sửa-đổi mở-mang thêm học-thuyết của họ Khổng. Ông theo chỗ “hư không lạng-lẽ của Lão-Trang, lựa góp sự cân-nhắc lợi hại của họ Mặc, lấy sự “thành thật sáng suốt” của Tử-Tư, Mạnh-Kha” rất chú-trọng đến Lễ là khuôn phép ở bên ngoài. Theo ông con người không lễ thì không sống, việc không lễ thì không thành, nước không lễ thì không yên... Lương Khải-Siêu phê bình Tuân-Tử là nhà triết-học theo “chủ nghĩa lễ-tự”! Lễ-trị tức là triết trung giữa hai thứ “Đức-trị và Pháp-trị” có thể nói là khuôn khổ của thuyết xã-hội dân-chủ trên Lịch-sử thế-giới ngày nay vậy.

Ngoài tư-tưởng triết-học, tư-tưởng văn-nghệ của ông như trên đây đã nói cũng gây nhiều ảnh-hưởng cho văn-học đời Lương-Hán (Tây-Hán và Đông-Hán) sau này. Đối với 300 bài thi của văn-học

phương Bắc, ông nhận-định rất rõ ràng. Khi về già ở ẩn tại phương Nam, ông thường thức lối văn Sở-từ, âm-diệu và khuôn-khô của nó. Sau này ông tổng-hợp văn-ngệ hai miền Nam, Bắc thành một thứ tân-văn-học đối với đời bấy giờ nó mở đường cho lối phú và thi nhạc phú đẹp-đẽ cho hai triều-đại trên đây. Đến cả chế-độ giáo-dục bằng lối học kinh cũng chịu ảnh-hưởng của ông nữa. Còn thiên Khuyến-học của Tuân-Tử bàn về các quy-mô giáo-dục, học-chế, tư-cách giáo-sư ta thấy thật là hết sức sâu sắc, chu-đáo. (Bài này trích dịch trong một tạp-chí Trung-Hoa).

Phần thứ hai

BẮC THUỘC THỜI ĐẠI

CHƯƠNG I

NHÀ TRIỆU

BẮC THUỘC LẦN THỨ NHẤT

(207-111 trước Công-lịch)

- | | |
|-----------------------------|---------------------------|
| 1) <i>Triều-Vũ vương</i> | 2) <i>Triều-Văn vương</i> |
| 3) <i>Triều-Minh vương</i> | 4) <i>Triều-Ai vương</i> |
| 5) <i>Triều-Dương vương</i> | |

Theo các Việt-sử chữ nho và quốc-ngữ từ xưa đến nay, Bắc-thuộc chia ra làm 5 thời-kỳ, kể từ nhà Hán lấy Nam-Việt của con cháu Triệu-Đà (111 trước C.L.) đến năm Khúc-Tiên chúa gây nền tự-chủ cho dân-tộc chúng ta (906 sau C.L.).

Gần đây nhiều học-giả xét lại vấn-đề này cho rằng Bắc-thuộc (lần thứ nhất) phải kể từ khi Triệu-Đà chiếm nước Âu-Lạc (207 trước C.L.), chúng tôi cũng tán-thành nhận-định này là xác-đáng vì Triệu-Đà là một tướng nhà Tần, dòng dõi người Trung-Quốc xâm-

lãng nước ta để làm thuộc-dịa thì việc ngoại-thuộc phải kể từ khi Triệu-Đà đặt chân vào đất Việt. Đồng thời, ta phải bỏ nhà Triệu ra ngoài cuốn sử nước nhà mới hợp-lý. Trái lại, coi Bắc thuộc thời-dại bắt đầu từ nhà Hán lấy Đế-quốc Nam-Việt (111 trước C.L.) tức là đặt nhà Triệu vào một triều vua chính-thống của dân-tộc Việt-Nam.

Chúng tôi đề-nghị chia Bắc thuộc ra làm 5 thời-kỳ như sau này :

— Thời-kỳ thứ nhất : *Kể từ Triệu-Đà thôn-tính Âu-Lạc (207 trước C.L.) đến năm 111 trước Công-Lịch con cháu nhà Triệu bị dốt.*

— Thời-kỳ thứ hai : *Kể từ năm 111 trước C.L. nhà Tây-Hán đặt nền đô-hộ ở Giao-Chi đến năm 40 sau C.L. có cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc do hai bà Trưng lĩnh-đạo. Chúng ta được một thời-kỳ độc-lập tuy ngắn ngủi từ năm 40 — 43 sau C.L.*

— Thời-kỳ thứ ba : *Kể từ năm 43 đến năm 544, nước ta bị lệ-thuộc về nhiều vương-triều Trung-Quốc, bắt đầu là nhà Đông-Hán đến Nam-Bắc-Triều. Qua năm 544 nhà Tiền-Lý ra đời đến thời Hậu-Lý Nam-Đế tan rã (602) là thời-kỳ tranh-thủ và vận-động độc-lập.*

— Thời-kỳ thứ tư : *Kể từ 603 đến năm 906 nước ta thuộc về nhà Tùy, nhà Đường, sau giai-đoạn này có Khúc Thừa-Dụ ba đời, Dương Diên-Nghệ 14 năm, Kiều Công-Tiến 1 đời, Ngô-Quyền 3 đời và một thời 12 sứ-quân, cộng tất cả 62 năm rồi mới đến Đinh Tiên-Hoàng nhất thống nước Nam. Từ đó người Việt-Nam kế tiếp nhau cai-trị lấy nước Nam.*

— Thời-kỳ thứ năm : *Tức thời nhà Minh chiếm cứ nước ta (1407-1428).*

1 — Chỗ rẽ của Lịch-sử Âu-Lạc Trong khi Văn-Lang biến thành Âu-Lạc thì tấn bị-kịch đẫm máu và nước mắt của xã-hội Trung-Quốc đã kéo dài trên 600 năm, dưới đời nhà Chu, từ từ hạ màn. Nhà Tần ra đời và nền thống-nhất của dân Hán thành hình. Rồi triều-dại Tần Thủy-Hoàng đã đánh dấu

lịch sử nước Trung-Hoa bằng một chế-độ vô cùng tàn ác. Với chế-độ này người ta thi-hành một chính-thể tuyệt-đối chuyên chế và bạo-liệt : Chôn học trò, đốt sách nho đề ngu dân, đề diệt-trừ mầm loạn bên trong, xây thành Vạn-Lý về phương Bắc bằng «xương máu của hàng triệu sinh linh đề đề-phòng «ngoại họa », dựng cung A-Phòng nhốt ba ngàn gái đẹp đề tận hưởng lạc-thú nhân-sinh, tung ra trên 50 vạn quân về phương Nam mở rộng cương-vực Hán Tộc .., tất cả mọi sự việc này đều ngược với quyền-lợi đại-chúng nên binh hùng tướng mạnh, thành Vạn-Lý sau này cũng chẳng bền-vững được bao lâu. Rồi nhà Tần đổ, nề Phong-Kiến Trung-Hoa lại một phen nữa toi bời như tro bụi. Giữa lúc này trên nội-địa, Hán-tộc lâm vào thế biến thì các quan lại ở biên-cương cũng thay lòng đổi dạ.

Nhâm-Ngao và Triệu-Đà cát-cứ bấy lâu ở Nam-Hải nghe có loạn Trần-Thắng bên kia giải Nam-Lĩnh liền nảy ý muốn lập riêng một triều-dinh miền Nam và thôn tính Âu-Lạc nữa. Quý-Ty năm thứ 50 (năm thứ hai đời Tần Nhị-Thế) Nhâm-Ngao khi gần chết đã khuyên Triệu-Đà lợi-dụng thời-cơ dựng nền tự-chủ ở phương Nam. Chẳng bao lâu viên huyện-lệnh Long-Xuyên (thuộc quận Nam-Hải) đã ngang nhiên xưng vương, dời hai quận Quế-Lâm và Nam-Hải ra nước Nam-Việt, chưa phi-chí, Triệu-Đà còn nhìn sang Âu-Lạc nữa.

Theo *Việt-Nam sử-lược* trang 29 có nói khi Tần mở cuộc Nam chinh An-Dương vương xin qui phục nhà Tần vì thế nên Âu-Lạc bị dời ra Tượng-Quận. Cuối trang này tác-giả, V.N.S.L. lại nói : « Năm thứ 50 đời vua An-Dương vương Triệu-Đà đem quân sang đánh Âu-Lạc.... »

Theo chỗ suy cứu của chúng tôi qua các cổ-sử và cả các tài-liệu do các học-giả hiện-đại sưu-tầm chẳng thấy chỗ nào nói An-Dương vương xin qui phục nhà Tần hết. Và xem ngay V.N.S.L. ta cũng thấy điều không ổn, vì nếu An-Dương vương đã qui phục nhà Tần thì Tượng-Quận cũng như Quế-Lâm và Nam-Hải đã đặt dưới quyền của bọn Nhâm-Ngao, Triệu-Đà rồi, đâu còn phải sau này cất quân đi đánh nữa. Phải chăng đây là một sự mâu - thuẫn của V.N.S.L. ?

Hay đây chỉ là một sự thần-phục về tinh-thần chăng ?

Cũng không, vì chẳng sách nào nói như vậy. Tóm lại, ta chỉ có thể tin như trên đây sau cuộc chinh phục của nhà Tần, ảnh-hưởng của Tần chưa ra khỏi đất Quế-Lâm và Nam-Hải. Vì vậy khi Triệu-Đà dựng xong nước Nam-Việt mới lo kiểm-tính cả Âu-Lạc.

Trước khi xưng vương, Triệu-Đà truyền hịch đi các cửa ải Hoàng-Phổ, Dương-Sơn, Hoàng-Hắc nói rằng cuộc biến loạn đang xảy khắp nơi, triều-đình xa biên-cương, hai quận Quế-Lâm và Nam-Hải cần phải tự chủ đề đối phó với tình thế. Các quận, huyện đều hưởng-ứng, Đà liền cho giết hết các quan-lại của nhà Tần đã đặt ra và đưa các tay chân của mình lên sau đó đem quân đi đánh Âu-Lạc.

Cuộc chinh-phục Âu-Lạc đến nay chưa có gì rõ rệt trong các sử sách. Có thuyết nói rằng buổi đầu Triệu-Đà đánh Âu-Lạc bị thất bại sau xin kết làm thân-gia với An-Dương vương. Rồi sau này nhân An-Dương vương chệnh-mãng việc nước, Triệu-Đà đem quân đánh úp. Âu-Lạc mất, và do cuộc diệt-vong của Âu-Lạc mới nảy ra một thiên tình-sử đầy máu và nước mắt giữa Trọng-Thủy, con trai Triệu-Đà và My-Châu, con gái An-Dương vương.

Dù sao ta đã thấy về thực-tế An-Dương vương mất nước. Theo *Tư-Mã-Thiên* "Triệu-Đà đem binh uy-hiếp biên-thùy và lấy của cải dụ-dỗ hai xứ Mân-Việt và Tây-Âu-Lạc nên sai khiến được họ". Việc này xảy vào năm thứ 9 đời Hán Cao-Đế.

2 — Chinh-trị của Triệu-Đà trên đất Giao-Chi

Sau khi chinh-phục được Âu-Lạc, Triệu-Đà không áp-dụng chế-độ phương Bắc, ý giả cho rằng dân Âu-Lạc vốn khó cai trị hơn dân Nam-Việt (tại Quảng-Đông và Quảng-Tây).

Đà chỉ chia Âu-Lạc ra thành hai quận Giao-Chi và Cửu-Chân. Có lẽ quận Giao-Chi gồm hết địa-phận Bắc-Việt và một phần đất phía Nam tỉnh Quảng-Tây nữa. Ở mỗi quận, Đà đặt một quan Điền-Sứ để coi việc chính-trị, hành-chính, một quan Tả-tướng coi việc quân-sự, còn các quý-tộc bản-xứ vẫn giữ được thái-ấp và trị dân như cũ. Con cháu của

Thục-Phận ở đất Tây-Vu, trung-tâm-điểm Loa-thành vẫn được xưng vương (Tây-Vu vương) và được biệt-dãi hơn cả. Chế-độ Triệu-thuộc xét như vậy không có gì là quá khắt-khe và không thay đổi đời sống của dân-tộc Lạc-Việt là bao nhiêu về các phương-diện. Chúng tôi nói như vậy không phải là vì căn cứ vào chỗ Triệu-Đà đóng kinh-dô ở Phiên-Ngung (Quảng-Tây) và tập-trung hết thầy các hoạt-động chính-trị quân-sự và kinh-tế ở đây, mà xét về chính-trị của Giao-Chỉ và Cửu-Chân. Hai xứ này bây giờ về chế-độ thực-tế chỉ là hai xứ phụ-dung của Đế-quốc Nam-Việt ở dưới quyền họ Triệu, Giao-Chỉ vẫn giữ được đầy đủ các cá-tính quốc-gia, tinh-thần cố-hữu của nó. Lại nhân cuộc thay trò đổi cảnh hai xứ này được thêm sự mở mang kinh-tế và chấn-hưng nông-nghiệp. Điều đó phải nhận là có lợi cho dân bản-địa.

Và tuy sử-sách không nói nhiều về việc cai-trị dưới thời Triệu-Đà hay dở thế nào ở đất Giao-Chỉ nhưng ta tin chắc rằng họ Triệu đã đối đãi dân Giao-Chỉ không khác gì với nhân-dân hai quận Quế-Lâm, Nam-Hải. Họ Triệu coi Giao-Chỉ và Cửu-Chân là giang-son riêng của mình không như nhà Hán, nhà Đường trước và sau đó đã có sự phân biệt Trung-Hoa ngoại-dĩ và do sự phân biệt này các quan-lại Tàu nhờ chỗ triều-đình xa biên-cương tha hồ vét đầy túi tham, vì vậy mà máu và nước mắt của chúng ta đã đổ ra rất nhiều. Trái lại Đà muốn các đất đai của Đế-quốc Nam-Việt mạnh và tiến-bộ để sự nghiệp của ông ở phương Nam được vững-vàng và lâu bền.

3— Nam-Việt và Tây - Hán

Nam-Việt lúc bấy giờ đã-mạnh về quân-sự, về chính-trị Nam-Việt cũng thiết-lập được mọi quy-mô, khiến Hán-triều phải thắc-mắc. Điều này rất dễ hiểu vì Triệu-Đà không những là một nhà tướng có tài mà lại còn là một nhà chính-trị khôn-ngoaan sâu-sắc, nếu so sánh ông với những người đồng-thời tại Trung-Quốc, có lẽ ông cũng không thua kém ai. (Xem cách ứng đối, tiến thoái sau này giữa ông với Lục-Già, phái-viên của Hán-triều cử sang Nam-Việt). Ông lo mở mang Nam-Việt mục-dịch không chịu lệ-thuộc về Trung-Quốc, gây cơ-sở riêng có đủ tính-cách độc-lập giữa lúc Lưu-Bang bên Tàu đánh đổ nhà Tần dựng nên nhà Tây-Hán. Nhân-tâm Trung-Quốc hướng cả vào họ Lưu như một cứu-tình vì đã từ lâu họ bị ngột-ngạt trong cái không

khí « bạo Tần ». Lần này với người anh-hùng đất Bái nền thống-nhất linh-thở và sự thống-nhất nhân-tâm mới có hiệu-lực thật sự, do đó Triệu-Đà 13 năm sau đành chịu xưng thần với Hán-chúa.

Năm Ất-Tị (196 trước Công-Lịch) Hán Cao-Tổ phái Lục-Giả sang chiêu-dụ phương Nam. Nhà Triệu bấy giờ đã ra đời được 12 năm rồi và nhà Hán cũng được 11 năm. Trong cuộc gặp gỡ Hán-sứ đã có một giai-thoại như sau : Triệu ngồi thần-nhiên khi sứ Hán tới. Lục-Giả vốn là tay chính-khách ngoại-giao rất có tài nhưng trước thái-độ kiêu-căng của họ Triệu, ông vẫn bình-tĩnh. Ông nói : « Nhà Vua hẳn rõ Hán-đế bây giờ đã bình-định được toàn cõi Trung-Nguyên, thế-lực ra sao không phải bàn. Mồ mả và bà con thân-thích của nhà Vua ở cả châu Chân-Định, nay nhà Vua không chịu thụ phong, không tiếp sứ, cái hại trước mắt hẳn nhà Vua cũng trông thấy.... Vũ-Vương thấy lời sứ-giả quyết-liệt tuy cách diễn-tả điều lợi hại vẫn mềm dẻo liền niềm-nở bước xuống tiếp sứ cười mà nói rằng : *« Tiếc thay ta không khởi nghiệp ở Trung-Quốc ! »*

Do cử-chỉ này ta hiểu Triệu-Đà bấy giờ trong thâm-tâm cũng thấy rằng dù sao Hán vẫn mạnh hơn Nam-Việt. Hán chỉ cần sự thần phục của phương Nam để Trung-Quốc có một uy-thế về tinh-thần đối với các ngoại-biên mà thôi. Thực ra Hán cũng chẳng mong đòi hỏi và bó buộc gì hơn, Hán vừa gây dựng sự nghiệp, thế còn đang hăng, chống lại Hán chỉ có hại, hưởng hồ Nam-Việt so với Hán-triều vẫn có thể thua cả lượng lẫn phẩm.

Cuộc bang-giao Hán-Việt êm đẹp được một thời, đến năm Mậu-Ngọ (185 trước C.L.) Hán Cao-Tổ qua đời, triều-chính nhà Hán trải qua một cuộc khủng-hoảng. Vợ Cao-Tổ là Lã-Hậu cướp ngôi của Huệ-Đế. Chính-sự ngửa-nghiêng Lã-Hậu nghe lời dèm-phá bãi bỏ việc thông-sứ với Vũ-Vương lại còn ra lệnh cấm người Hán không được buôn bán đồ vàng, đồ sắt và các dụng-cụ canh-nông với dân Nam-Việt. Tóm lại mọi việc giao-dịch về chính-trị và kinh-tế đều đoạn-tuyệt hết.

Vũ-Vương lấy làm bất bình, ngờ Trường-Sa vương thêu dệt điều kia nọ với Lã-Hậu, một mặt tự xưng là Nam-Việt Hoàng-Đế (Mậu-Ngọ năm 25 tức năm 5 đời Hán Cao-Hậu), đề tỏ ý đứng ra ngoài vòng lệ-thuộc của Hán-triều, một mặt cất quân đánh vào quận Trảng-Sa là khu-vực cai-trị của Trảng-Sa vương (Quận Trảng-Sa ở vào địa-hạt Hồ-Nam bây giờ, chắc là nơi giáp giới của đất Nam-Việt).

Phản-ứng đó kích-thích Hán-triều khá mạnh nên hai năm sau là năm Canh-Thân, Cao-Hậu phái Long-Lân hầu Chu-Táo đem quân qua Nam-Việt trả thù. Thủy-thò phương Nam không thích-hợp với Hán-quân, nên họ ốm đau, chết hại rất nhiều. Về chiến-sự quân Hán cũng không tiến được bước nào đáng kể. Kịp tới Cao-Hậu mất (năm 180 trước C.L.) Hán-triều xét việc Nam-chinh không lợi liền ra lệnh bãi binh. Vũ-Vương bấy giờ nhất thống phương Nam, sau vụ này uy-danh càng lừng lẫy. Họ Triệu từ đó dằng hoàng dùng mọi nghi-thức Hoàng-Đế nhường như sánh đôi với Hán-Đế ở Trung-Quốc.

Họ Lã mất, Hán Văn-Đế lên ngôi, cuộc bang-giao Bắc-Nam lại tiếp tục. Sự thần-phục của Đế-quốc Nam-Việt thuở đó rất quan-hệ cho uy-tín của các vương-triều Trung-Quốc, nhường như vương-triều nào không có Nam-Việt trong vòng lệ-thuộc của mình thì vương-triều đó không rõ rệt là chúa-tể bốn-phương, mặc dầu «*tiên-triều Trung-Quốc*» vẫn coi khinh dân tộc miền Nam là «*Nam-man*» cũng như đã gọi giống người bên kia Vạn-lý trường-thành là Hung-Nô hay «*Phiến-Ngung*» hoặc «*Rợ Hồ*». Sự miệt-thị đó đã tỏ rõ cái tính kiêu-ngạo của vương-triều Trung-Quốc tuy ngay trong thời đó và sau này, lịch-sử từng chứng dẫn nhiều phen, vương-triều Trung-Quốc đã thất-cơ lỡ vận và điều-đứng vì bọn «*man-dị mọi-rợ*» đó : Mông-Cổ chiếm Trung-Hoa, Mãn-Thanh vào làm vua Trung-Quốc. Lý thường Kiệt nhập Tống, Trần hưng-Đạo bại Nguyên, Nùng trí-Cao đánh chiếm Hoa-Nam v.v...

Hán-triều lại phái Lục-Giả sang Nam-Việt và biết rằng xứ này dưới quyền điều-khiển của một danh-tướng xưa kia của Trung-Quốc luôn mấy chục năm đã càng ngày càng mạnh, hưởng hồ

vàng thau đã có phen thử lửa, vậy áp-dụng một giải-pháp chính-trị có lợi hơn là một giải-pháp quân-sự.

Rồi Lục-Giả mang một bức thư có những lời lẽ rất nhún nhặn, nhờ vậy mà đôi bên Hán-Việt lại nối tiếp cuộc hòa hiếu.

4 — Xã-Hội Việt - Nam dưới thời Triệu-Đà

Triệu Vũ-Vương mất năm Giáp-Thìn (137 trước C.L.) làm vua được 70 năm, thọ 121 tuổi. Sự nghiệp của Vũ-

Vương thế nào, tới nay Lịch-Sử không có biên-chép rõ-rệt lắm, ngay cả sự-nghiệp của các vua đời Hồng-Bàng.

Ta chỉ biết đại-khái rằng dưới đời Triệu-Đà, mọi tổ-chức chính-trị, kinh-tế, xã-hội và văn-hóa của Nam-Việt đều rập theo đúng khuôn khổ của Trung-Quốc.

Với Triệu-Đà ta thấy xã-hội Việt-Nam bắt đầu tiến do sự phát-triển về nông-nghiệp nhờ sự cải-thiện của nghệ-thuật canh-tác trước đây còn quá thô-sơ (Nghề săn-bắn, chài lưới bấy giờ vẫn còn thịnh). Họ Triệu nhập-cảng lưới cây sắt để thay chọ lưới cước bằng đá trau, cho dùng trâu bò thay vào sức người, đem gia-súc từ Tàu qua để mở mang việc chăn nuôi, nhờ vậy mà sinh-sản-lượng tăng gia gấp bội; sự phát-triển về văn-hóa, chính-trị, quân-sự cũng do cái bản-lĩnh hơn người của họ Triệu đã thúc-đẩy dân-tộc Việt-Nam lên một bước đáng kể, nếu ta nhớ rằng dưới đời Hồng-Bàng người Việt-Nam vẫn chưa thoát-ly hẳn tình-trạng bán-khai, mọi điều còn ở trình-độ rất thấp kém trước khi nước ta nội-thuộc về phương Bắc.

Sự tiến-hóa về các phương-diện trên đây tuy còn ít-ỏi nhưng cũng đã làm nảy nở ít nhiều ý-thức quốc-gia của người Việt, nhất là sau những cuộc xô-sát bằng quân-sự và ngoại-giao với Hán-triều trong thời Lã-Hậu cầm quyền. Ý-thức quốc-gia đó qua các triều-dại sau càng thêm mạnh do những cuộc đảo lộn chính-trị ở Trung-Quốc và trên đất Việt. Ý-thức quốc-gia còn nảy nở trong những giai-đoạn người Việt độc-lập, tự-chủ và tự-cường nữa. Tóm lại, ta có thể nhìn nhận người cầm cái mốc đầu tiên trên đường tiến-hóa của chúng ta là tướng Triệu-Đà. Còn nói rằng dân Việt có nên biết ơn sự-

ngiệp của Triệu-Đà hay không thì ta thấy rằng họ Triệu đã mang hết tài năng thi thố trên đất Việt chỉ do một chủ-trương kiến-tạo một giang-sơn giàu mạnh cho mình và cho con cháu chớ họ Triệu đâu có ý phụng-sự một dị-tộc.

5— Những vua kẻ-nghị Triệu-Đà

Với những trang trên đây, ta thấy Triệu-Đà khôn ngoan, tài giỏi thế nào, điều này không ai chối cãi, nhưng đến đời con cháu tiếc thay lại quá đốn hèn. Ta than cho họ Triệu đã dày công xây-dựng một đế-quốc có uy-thế tại phương Nam, được Trung-Quốc kiêng nể, biệt xử thì ta lại không khỏi buồn cho dân-tộc chúng ta vừa bột-khởi được một giai-đoạn lại bị Trung-Quốc nhân sự bất-lực của con cháu Triệu-Đà mà dè bẹp ngay xuống.

Vũ-Vương truyền ngôi cho cháu đích-tôn là Hồ, con trai Trọng Thủy và My-Châu tức là Triệu-Văn vương, tại vị được 12 năm. Văn-Vương tính tình nhu-nhược, tài năng thấp kém lên ngôi được hai năm thì bị quân Mân-Việt (Phúc-Kiến) xâm-lãng miền biên-cương. Vì không đủ sức chống chọi được với quân Mân-Việt, Văn-Vương liền phái người sang cầu cứu Hán-triều, Hàn-An-Quốc và Vương-Khôi được lệnh Hán-Đế đem quân đánh Mân-Việt. Quân Mân-Việt khiếp uy Hán-triều sinh nội-phản, giết quốc-vương lấy đầu dâng nộp. Nam-Việt tránh được cái họa Mân-Việt thì lại lần đi vào một mối nguy khác, nghĩa là do sự lộn xộn giữa Nam-Việt và Mân-Việt, nhà Hán hiểu rằng con cháu Triệu-Đà bất-lực liền nghĩ ngay đến việc chiếm nốt mảnh đất phương Nam để mở rộng cương-vực Đế-quốc. Ta có thể tin rằng Hán-triều khi đó chắc là mạnh lắm nên quân Hán chưa tới Mân-Việt thì bên trong hàng ngũ quân Mân đã có sự rối loạn và sau đó có cuộc nội-phản. Sau vụ Mân-Việt bấy giờ chẳng mất đất đai thì cũng ít nhất phải xưng thần, tức là lệ-thuộc về Hán, Hán-Đế liền tính chiếm nốt Nam-Việt. xét cơ-hội lúc bấy giờ vô cùng thuận tiện. Khi Triệu-Đà còn sống Hán-Đế có bao giờ dám nghĩ tới việc này.

Giải-quyết xong vấn-đề Mân-Việt, Hán-Đế phái luôn người Trang-Trợ sang dụ Triệu-Văn vương vào chầu. Ai mà không nhớ cái lối vua chư-hầu vào chầu Thiên-tử thời Xuân-Thu Chiến-quốc I (thời đó là một thời đại-loạn, vua chẳng ra vua (thời Đông Chu khi

sắp tàn) tôi chẳng ta tôi, trật-tự xã-hội đảo điên, mạnh được yếu thua, lớn biếp bé, cho nên có tục tới châu hầu Thiên-tử (Phong-tục này chỉ áp-dụng cho bọn nhược-tiểu) nhà vua không đến châu thì phải cho con đi thay thế để tỏ lòng trung-tín, đó là không kể chuyện xưng thần nạp cống hàng năm theo thường lệ. Người làm con tin có khi bị giữ lại 5 hay 10 năm không được quay về xứ-sở, trừ dịp may có cuộc biến-cổ ở chính-quốc. Lệ đó đến đời Hán vẫn còn truyền lại; Hán-triều đòi Triệu Văn-vương sang châu xem Nam-Việt có phản-ứng gì chẳng và nếu không có phản-ứng tức là Nam-Việt chịu hoàn toàn lệ-thuộc Trung-Quốc. Triệu Văn-vương vờn-hèn, nhu-nhược tất-nhiên không dám trái ý « *Thiên-triều* » còn quân-thần của nhà vua khi đó rất là lúng túng. Người ta nhớ lại Triệu Vũ-Vương lúc còn sống đã nói một câu do nhiều kinh-nghiệm : « *Thờ nhà Hán cho đủ lệ, chớ nên sang châu vì sang châu ít có cơ vớ* ». Nghĩa là đối với Hán phải xử theo lối « *kính nhi viễn chi* ».

Cực chẳng đã, Văn - Vương phái Thái-tử Anh-Tề đi thay. Anh-Tề ở luôn tại đất Hán mười năm có thừa, trong khi đó Hán-triều tha hồ làm mưa nắng với triều-đình Nam-Việt. Năm Đinh-Thìn tức năm 125 trước Công-Lịch, Văn-Vương mất, Anh-Tề mới được quay về quê-hương để nối ngôi.

6 — Đế - quốc Nam-Việt sụp-đổ

Mười năm sống trên đất Hán, Anh-Tề có dan díu với một cô gái diêm ở đất Hàm-Đan tức là Cù-Thị. Sau này, Anh-Tề trở nên Triệu-Minh-vương. Cù-Thị cũng theo về Nam-Việt. Minh-Vương cũng chỉ ở ngôi được 12 năm thì thở hơi cuối cùng năm Mậu-Thìn (113 trước C.L.). Con là Thái-tử Hưng lên thay thế giữa buổi ấu-niên. Cù-Thị được tôn làm Thái-Hậu đóng vai chỉ-dạo cho Triệu-Ai-vương.

Hán-triều lúc này rất chăm-chú đến nội-tình Nam-Việt, dĩ-nhiên vì Nam-Việt là miếng mồi ngon, thịt béo. Cơ-hội tốt đã đến bởi Ai-vương đã kém, con cũng lại chẳng hơn gì cha, cháu lại đang ở trong vòng thơ dại. Thảm hại hơn nữa, chính-sự Nam-Việt lại có người đàn bà chen vào, triều-thần lại thiếu kẻ xuất-sắc. Hán-triều nghĩ ngay đến việc lấy hân Nam-Việt. Lần này việc thôn tính có thể chắc chắn và dễ

dàng hơn, không phải cần đến binh đao. Cũng năm Mậu-Thìn ấy, Hán-đế phái sứ-giả An-Thiếu-Quý sang Nam-Việt dụ Ai-Vương qua châu, bọn Chung-quân biện-sĩ, làm chức Giám-Nghị Đại-phu sang tuyên-cáo lời dụ ấy. Theo kế-hoạch, bọn Ngụy-Thần làm dũng-sĩ phụ-tá đề quyết-định; Vệ-úy Lô bác-Đức đem binh đóng ở đồn Quế-Dương đợi hiệu-lệnh của sứ-giả, giữ nhiệm-vụ hậu-tập. Quân-đội tiên-phong do Hàn-Thiên-Thu và Cù-Nhạc (em Cù-Thị) điều-khiển, tiến vào cõi Nam-Việt đánh phá các ấp nhỏ cách thành Phiên-Ngung 40 dặm...

Tóm lại, mưu của Hán-triều là đem vua Nam-Việt và thái-hậu ra khỏi bờ cõi, rồi chiêu hàng triều-đình Nam-Việt, nếu không xong thì quân đội sẵn sàng tập-công ngay tức-khắc. Việc đánh phá của Hàn-Thiên-Thu có ý tiên báo triều-đình Nam-Việt chính-sách cương-quyết của Hán-đế, nếu Nam-Việt không chịu khuất-phục.

An-Thiếu-Quý là nhân-vật thế nào, và có quan-trọng chăng? Y là tình-nhân của Cù-Thị thuở trước khi Cù-Thị còn là kỹ-nữ. Y xin lãnh sứ-mạng đó, do hai mục-đích công và tư. Rồi những việc gì phải đến đã đến: Hằng ngày y ra vào cung cấm tư-thông với Cù-Thị không kể là điều ngang tai chướng mắt người Nam-Việt. Y lại xui mẹ con Ai-Vương đem Nam-Việt dâng nhà Hán, việc này được mẹ con Ai-Vương hưởng-ứng.

Nhưng một người đã không chịu cái trò ‘*Về Hán*’ ấy, là Thái-Phó Lữ-Gia. Ông là một kẻ huân-thần của họ Triệu, làm quan trải 3 đời vua, con cháu tới 70 người dự chính. Ông khuyên can mẹ con Ai-Vương nhiều lần không chuyển liến truyền hịch đi khắp nơi tố-cáo nhân-dân ý-định dâng nước của Cù-Thị và Ai-Vương, cùng mưu-mô sâu độc của triều-Hán. Liền ngay đó, ông họp đại-thần đem Cấm-binh vào trừ An-Thiếu-Quý và mẹ con Cù-Thị, trong khi bọn này sửa soạn lên đường... Ông lập con trưởng Minh-Vương là Hoàng-tử Kiến-Đức, con bà Thuật-Dương dòng dõi Việt, lên làm vua tức là Dương-Vương.

Cuộc đảo-chính vừa xong, thì ngoài biên-giới quân Hán-Việt đã chạm trán nhau. Hàn-Thiên-Thu tử-trận. Lữ-Gia cho gởi cờ Tiết

của sứ-giã trả về nhà Hán, và viết thơ nói khéo đề tạ tội, mặt khác ông chia quân đóng giữ các nơi hiểm-yếu.

Mùa Đông năm Canh-Ngo (111 trước T.C.) Phục-Ba Tướng-quân, Lộ-bác Đức và Dương-Bộc đem 9000 binh chia làm 5 đạo, ò-ạt kéo sang Nam-Việt. Lộ-bác-Đức dùng đường Dự-Chương đi xuống Hoành-Phổ. Qua-thuyền Tướng-quân là Nghiêm và Hạ-Lại Tướng-quân là Giáp, ra Linh-Lang vượt Ly-Thủy đến Thương-Ngô. Tri-Nghĩa-hầu là Quý lấy quân Dạ-Lang qua sông Trường-Kha cùng vây đánh Phiên-Ngung.

Hán quân trước hết hãm đường Tầm-Thiếp thuộc Quảng-Đông, phá bến đá của Lữ-Gia, cướp được thuyền thóc của Nam-Việt. Bác-Đức đem tội nhân ở Ba-Thục hơn 1.000 tiến sau, trong khi Dương-Bộc vây kín mặt Đông-Nam kinh-đô Nam-Việt. Bác-Đức tới phong-tòa mặt Tây-Bắc, Trong lúc này triều-đình Nam-Việt hết sức chống đỡ, sau dịch quân phá được thành và phóng hỏa khắp nơi, thành mất, dân phải ra hàng.

Thương-Ngô vương Triệu-Quang cùng họ với vua Nam-Việt và quan Giám ở Quế-Lâm là Cư-Ông cũng xin giải giáp. Mấy đạo quân Hán của Hạ-lại, Qua-thuyền và quân Dạ-Lang của Tri-Nghĩa-hầu chưa tới, Nam-Việt đã mất. Vua Kiến-Đức bỏ chạy ra bể xuống thuyền đi về phía Tây. Hiệu-Úy Tư-Mã là Tô-Hoàng đuổi theo bắt được Kiến-Đức. Việt-Lang, Đổ-Kế bắt được Lữ-Gia. Nam-Việt phút chốc tan tành, vua tội bị giết, năm đó là năm 111 trước Công-Lịch. Vì cuộc bại trận này, Nam-Việt rơi vào vòng nô-lệ của Trung-Quốc và bị đổi ra làm Giao-Chỉ-Bộ, chia ra 9 quận trực-thuộc quyền cai-trị của quan lại Trung-Quốc. (Theo ch. Patris, Dương-Vương và mẹ bị chết trong cũi giam khi Hán quân hãm thành).

Nhiều nhà viết sử hay phê-bình nhân-vật Lịch-Sử đã từng lên tiếng kết án hoặc mặt sát Cù-Thị, cho rằng mẹ con Cù-Hậu đã đưa lại cho người Việt cái họa mất nước. Ý-kiến đó thiết tưởng quá khắt khe, tuy Cù-Hậu không hẳn là vô tội đối với người Việt. Theo giáo-lý Khổng-Mạnh, Cù-Hậu phải thờ chồng nuôi con để kế-nghiệp tiên-tổ. Về phương-diện xã-hội, địa-vị của thị lại vô

cùng quan-bệ vì là kẻ phụ-đạo cho thiếu-quân. Nếu triều-đình Nam-Việt chẳng thừa-nhận cái ưu-thế tuyệt-đối của Cù-Thị, Cù-Thị đâu có thể dựa vào quốc-chính. Chỉ hiềm người đàn bà này đầu óc quá tầm thường nên không ý-thức được cái địa-vị cao quý của mình, chỉ biết nghe theo tiếng gọi của ái-tình. Ngoài ra, thị tưởng một cách đơn-giản rằng mình là người Hán, nay có cơ-hội đem nước Việt sáp-nhập vào đất Hán là làm được một việc ái-quốc hưởng - hồ việc này lại còn do áp-lực của tình-nhân nữa. Xét cho phải, việc tồn vong của Nam-Việt bây giờ là do thời thế và chỉ nên quy trách-nhiệm vào đám người lãnh-đạo Nam-Việt mà thôi.

Chúng ta ai mà không thấy từ Triệu-Văn vương, Minh-Vương, Ai-Vương đến Dương-Vương thực-lực Nam-Việt mỗi ngày một kém, do chính-sự suy-bại dần, nhân-tài không có. Sự yếu hèn đó là hậu-quả của mấy tiền-triều liên-tiếp. Triều-đình Hán mỗi ngày một mạnh thì trái lại hùng-khí phương Nam lại sút kém dần. Tề-tướng Lữ-Gia và đám triều-thần dưới đời Dương-Vương, lòng trung-quân ái-quốc có lẽ có thừa nhưng tài kinh-bang tế-thể quả đã thiếu sót. Con thuyền mục nát ấy tất nhiên phải tan tành trước cơn gió dữ. Nếu quy tội lỗi cho người đàn bà góa vô-hạnh và đưa trẻ thơ-ngây chẳng hóa những ông mũ cao áo dài của luôn mấy triệu không có trách-nhiệm gì chẳng ? Đây là ý-kiến riêng của chúng tôi, nhưng để so sánh hai quan-niệm cổ-kim trước các biến-chuyển của Lịch-sử, chúng tôi xin giành ít lời phê-bình cho Cụ Cử Dương bá-Trạc và sử-thần Ngô-thời-Sĩ qua các dòng dưới đây :

Nước nào cũng có sử,
 Chuyện xưa ghi chép đều hoang đường,
 Nước ta có nước từ bao giờ ?
 Họ vua đâu hết là Hồng-bàng.
 Truyền rằng vua lấy bà Âu-Cơ,
 Con vua Thủy-đế là nghĩa gì ?
 Con rồng cháu tiên đẻ trăm trứng,
 Biển non hai ngã chia đường đi,
 Nước mình lúc ấy chưa có sử,
 Người Tàu thuật lại làm chỗ kỳ,
 Thần quyền thời-đại tư-tướng thế,

Càng nói ma quỷ càng không nghĩ.
 Cho hay tiền nhân thương nước nhi !
 Nói quý người mình trong quốc-thê ?
 Như người Nhật kẻ giống Thiên-Hoàng,
 Như người Tàu khoe giống Hoàng-đế.
 Bấy giờ chia nước mười lăm khu.
 Phong-châu một xứ là kinh-đô.
 Nam giáp Hồ-tôn, tây Ba-Thục,
 Đông biên, Bắc đến Động-Đình hồ.
 Cứ trong bản đồ thật không sai,
 Nước ta rầy giáp Quảng-đông, tây,
 Xưa là một nước tưởng cũng phải,
 Bờ cõi ba phần nay mất hai.
 Thục-phán, Triệu-Đà hai vua sau,
 Người ở Âu-Lạc, người Phiên-Ngung,
 Hợp với nước mình xáp làm một
 Dựng thành nước lớn trên địa-cầu,
 Phải chăng giang-sơn có hào kiệt,
 Tắc vàng tắc đất dừng cho Tàu.
 Sau giong Chiêm-Thành lấy Chân-Lạp,
 Vấy vùng biển Á nhường ai đâu.
 Tiếc thay con cháu hai nhà này,
 Giã người lừa người đốt đang tay,
 Người thì yêu con, kẻ mê vợ,
 Nước đã gần mất còn chưa hay.
 Nỏ rùa thành ốc, khéo bày đặt,
 Cho hay Thục-Phán người huyền-hoặc,
 Giữ gìn thành quách nhờ binh oai,
 Trấn áp nhơn-tâm mượn thần thuật,
 Ông cha thì thế ! con cháu ngu,
 Vô phúc để phải nàng My-Châu.
 Nặng tình gổi dèm, nhẹ xả tắc,
 Hớ-hênh đem nước cho quân thù.
 Triệu-Đà người Bắc sang làm vua,
 Khai-hóa người mình công cũng to,

This page is intentionally left blank

Lễ giáo phong-tục của Trung-Quốc,
 Du nhập Nam-thổ từ bấy giờ.
 Tội với nước mình cúng nhà Triệu,
 Vua hiền không có, nước liền yếu.
 Kết cuộc, Minh-vương lấy vợ Tàu,
 Đem cả non sông làm quà biếu.
 Quân gì bán nước, hừ là hừ !
 Lịch-sử nước mình từ đây nhớ.
 Về sau Đinh, Lê lập quốc lại,
 Đất nước còn có như bây giờ.

7— Bàn về công tội
 của Thái-phó Lữ-Gia,
 Ngô thời - Sĩ viết :

“... Lữ-Gia cầm-quyền một nước,
 nắm giữ việc binh từ trong đến ngoài
 Cung phủ, đâu chẳng thuộc quan
 Chúng - tề. Giả sử Lữ - Gia là một

kẻ sáng suốt, canh phòng cẩn mật, khám xét gắt gao : những
 lời ở sứ quán không lọt được vào cung, nhưng hạng đẳng-tần không
 được vượt ra khỏi cửa, rồi hậu-lễ đề tiếp sứ-giã, nhún lời đề đáp
 vua Hán, bề ngoài tỏ lòng kính thờ nước lớn, bề trong làm vững
 công-cuộc phòng-bị đề chống cuộc chinh-phục của nhà Hán, khiến
 họ biết trong nước có người tài thì dù họ có muốn ngốn nuốt đi
 nữa tự-khắc cũng phải đổi đường toan tính. Mà từ đó mỗi binh-
 tranh cũng đến phải ngừng.

“VẬY mà Lữ-Gia đề cho Cù-hậu và Thiệu-Quý gặp nhau,
 bêu chuyện dâm-ô ra khắp trong nước, càn nhau làm thành cái
 mưu phụ-thuộc vào nhà Hán. Lại trùng-trình ngày tháng, biếu qua
 thư lại, đợi đến khi họ đã sửa soạn hành-trang mới có thư cản
 ngăn, tiệc rượu không lành mới tính việc nổi loạn ! Kịp lúc quân
 Hán đã kéo vào bờ cõi, không còn biết xoay mưu tính chước ra sao,
 bèn thì vua giết hậu đề đi gặp đến bước diệt-vong ! Đâu lại có
 hạng người lo nước như vậy mà mong làm nên công chuyện được ?

“VẬY thấy cái cuồng của Cù-hậu và cái ngu của Lữ-Gia mà
 biết cuộc bại-vong của họ Triệu đã gây nên, xây móng ngay từ lúc
 Anh-Tề lấy vợ và phong tước rồi”.

Nhưng đến một chỗ khác, sử-thần Ngô thời-Sĩ nhường nói tay đối với Lữ-Gia và thề-lượng cho cái khỗ-tiết của khách cô-trung ấy :

«... Lữ-Gia là thế-thần họ Triệu, đương lúc chúa thơ ấu, nước nguy nghi, đối với nước lớn không biết lấy lễ để thờ, toan tính cái chức giữ nước mình cho bền vững thì phương-lược lại làm-lỡ, bên trong gây nên cái mưu của Cù-hậu, bên ngoài chọc giận vua Hán, rồi không lượng sức, tự làm cho chóng bại-vong ! Phiến-Ngung không giữ-được, rồi thế như đất lở không sao cứu nổi đến nỗi mất hết cả phần đất nước cũ của vua An-Dương trước, khiến cho cái khu-vực mà Hòa-Trọng đã dựng ấy cũng thuộc về người Tàu từ Hán đến Đường hàng 5, 6 trăm năm !

* Truy-nguyên đến cái vạ ban đầu thì Lữ-Gia không tránh khỏi tội vậy. Nhưng đó đều là những việc « đã rồi ». Gia riêng không lấy ăn tin nhà Hán làm vinh, giữ vững cái thuyết cho nội-phụ là không tiện, không thề bảo là không trỉ.

* Giết Thiệu-Quý, diệt Thiên-Thu, gói trả sứ-tiết nhà Hán, dàn quân giữ mọi nơi hiểm yếu, rửa sạch cái tức giận cho tiên-quân ở nơi suốt vàng ; không thề bảo là không đúng.

* Bỏ một vua này lại lập một vua khác, chỉ biết có con cháu Vô-Đã, xâ-tắc họ Triệu, liêu sống chết để giữ lấy, chứ không nghĩ đến chuyện khác : không thề bảo là không trung.

* Quân-tử bàn người nên lấy từng đốt một. Đến như bỏ hiểm yếu làm mất nước, đành rằng Gia vẫn đắc tội với nhà Triệu. Nhưng từ nhà Triệu đến nay (triều Lê, đời Ngô-Thời-Sĩ) chưa bao giờ có thể thu trọn được cả đất Ngũ-Linh, nhìn thẳng tận mặt để tranh với Trung Nguyên thì là chuyện còn phải đợi đến những tay thánh-hiền, hào-khệt ở sau này, cũng không đủ cho đó là tội của Lữ-Gia được (Trích dịch theo nguyên-văn chữ Hán trong Đại-Việt Sử-ký, ngoại-thuộc Triệu-Ký)

CHƯƠNG II

NHÀ TÂY - HÁN

BẮC - THUỘC LẦN THỨ HAI

(111 trước Công-lịch — 39 sau Công-lịch)

— Đơn-vị Hành-chính trên đất Giao-Chỉ

— Bộ máy chánh-quyền của Tây Hán

1 — Những khu-vực hành - chính trên đất Giao-Chỉ dưới đời Tây - Hán.

Đế - quốc Nam-Việt mất thì ở bên Giao-Chỉ các quan lại của nhà Triệu cùng các Lạc-hầu Lạc-tướng cũng mất tinh-thần xin đầu hàng tuy Hán quân chưa vào cõi. Hai quan điền-sứ Giao-Chỉ và Cửu-Chân,

nghe lời dụ của quan Giám quận Quế-Lâm là Cư-Ông, cũng đến dinh Lộ Bác-Đức xin quy-phục và nộp sổ dinh của dân Âu-Lạc bấy giờ có 40 vạn. Một điều đáng chú-ý, tại đất bản-bộ của An-Dương vương là đất Tây-Vu mà trung-tâm điểm là Loa-Thành, khi nghe thấy con cháu họ Triệu suy-vong, các quý-tộc địa-phương toan thừa cơ-hội đề quật-khởi. Tả-tướng Hoàng-Đồng do nhà Triệu đặt ở Giao-Chỉ đàn-áp ngay được mưu-toan cách-mạng này.

Đối với Nam-Việt và Giao-Chỉ (nước phụ-dung của đế-quốc Nam-Việt) nhà Tây-Hán lập thành các quận như sau :

- | | | |
|---------------|---|--------------------------------------|
| 1) Nam-Hải | } | vào địa-hạt Quảng-Đông. |
| 2) Hợp-Phố | | |
| 3) Uất-Lâm | } | gồm đất-dại tỉnh Quảng-Tây. |
| 4) Thương-Ngô | | |
| 5) Giao-Chỉ | } | gồm Bắc-Việt và mấy tỉnh Trung-Việt. |
| 6) Cửu-Chân | | |
| 7) Nhật-Nam | | |
| 8) Châu-Nhai | } | tức là Đảo Hải-Nam. |
| 9) Đạm-Nhĩ | | |

Theo *Hán-thư địa-lý chí*, Giao-Chỉ gồm 92.440 nhà, 746.217 người, có 10 huyện là Liên-Lâu, An-Định, và Câu-Lâu, Mê-Linh, Khu-Lương, Bắc-Đại, Tây-Vu, Long-Biên và Châu-Diên. Mỗi huyện là một thái ấp của quý-tộc cũ. Xét vị-trí của 10 huyện trên đây, ta thấy rằng đại-khái địa-bàn của Giao-Chỉ là vùng Trung-du và Hạ-du Bắc-Việt, khoảng giữa lưu-vực sông Nhị-Hà và sông Thái-Bình. Trị-sở quận Giao-Chỉ bấy giờ là thành Mê-Linh nay là làng Hạ-Lôi, tỉnh Phúc-Yên. (Sử cũ gọi là Châu-Phong, trung-tâm-diềm của các Lạc-vương xưa).

Còn Tây-Âu xưa kia An-Dương vương đã hợp nhất với Văn-Lang. Có lẽ nhà Hán đã đem sáp-nhập vào với quận Uất-Lâm ở Quảng-Tây.

Cửu-Chân gồm có 35.743 nhà — 166.013 người — 7 huyện : Tư-Phổ, Cư-Phong, Đô-Lung (Đô-Lương ngày nay chẳng), Dư-Phát, Hàm-Hoan, Võ-Thiết (xưa là Võ-Công) đại-khái tương-đương với miền Thanh-Hóa — lưu-vực sông Mã, sông Chu và miền Nghệ-Tĩnh.

Trị-sở miền Cửu-Chân có thể gọi là Tư-Phổ tức là làng Đông-Sơn gần Hàm-Rông, mà 25 năm trước đây nhà Bác-Cồ Viễn-Đông đã khai quật được nhiều di-tích về thời-dại đồ đồng. Quận Cửu-Chân từ trước đến bây giờ thuộc địa-bàn của người Lạc-Việt.

NHẬT-NAM

Quận Nhật-Nam đến đời Tây-Hán mới có, ở phía Nam Cửu-Chân, phạm-vi của nó kể từ phía Nam Đèo-Ngang đến miền Nam đèo Hải-Vân tức là vào khoảng giữa Trung-Việt bây giờ. Quận này gồm có 15.460 nhà, 69.485 người, có 5 huyện là Chu-Ngô, Ty-Cảnh, Lộ-Dung, Tây-Quyên và Tượng-Lâm. Trị-sở, theo sự suy đoán của Đào duy-Anh, ở Tây-Quyên tức là nơi Chiêm-Thành sau này dựng thành Khu-Túc để giữ biên-giới của họ về phía Bắc. Địa-điểm này giáp sông Gianh, tỉnh Quảng-Bình, mà di-tích thành Hời vẫn còn đến bây giờ. Dân ở đây là các bộ - lạc thuộc giống Anh-đô-nê-diêng sống tại các nơi rừng rậm hay theo dọc sông, biển. Di-duệ của họ là những người người Mọi, nhưng trên bờ sông Gianh bây giờ đã xuất hiện một số người Lạc-Việt ở đây rồi, căn-cứ vào các đồ đồng đào được ở đây giống hệt đồ đồng đào được ở Đông-Son.

2 — Bộ máy cai-trị của Giao-Chi dưới thời Tây - Hán.

Nhà Tây-Hán đề nguyên vẹn bộ máy cai-trị cũ của Giao-chi đã do nhà Triệu thiết-lập. Xin nhắc rằng nhà Triệu xưa kia cũng tôn-trọng tình-trạng và chế-độ của dân bản-địa nên ta đã có thể coi dù thay thầy đổi chủ dân Lạc-Việt ta vẫn giữ được nền-nếp xưa về chính-trị cũng như phong-tục, bởi vậy một vài học-giả ngày nay cho rằng trên thực-tế nước ta đã là một nước phụ-dung dưới đời nhà Triệu.

Nhà Tây-Hán vẫn dùng hai quan Điền-Sứ của nhà Triệu, và họ được đổi sang chức mới là Thái-Thứ. Trên các Thái-Thứ có quan Thứ-Sử tất nhiên là người Trung-Quốc. Các Lạc-hầu, Lạc-tướng dưới quyền Thái-Thứ coi việc trị dân như cũ. Họ vẫn giữ quyền thế-tập và chỉ phải mỗi năm nộp thuế cống cho Thái-Thứ, các Lạc-dân vẫn làm ruộng nộp lúa cho các Lạc-hầu, Lạc-tướng như dân Mường, Thờ, đối với các quan Lang ngày nay. Họ có bổn phận phục-dịch vào các việc xây thành, đắp đường, dựng lâu-dài, doanh trại. Bên cạnh quan Thái-Thứ có một võ-quan chức Đô-Úy, chỉ-huy một số quân đồn-trú để giữ-trật-tự. Tóm lại, nhà Tây-Hán trong 119 năm đô hộ đối với dân Lạc-Việt buổi đầu bằng một chính-sách tương-đối tự-do và nhân-nhượng, nhưng sau khi Vương-Mãng thoái-vị, nhà Hán

trung-hưng đối với các châu quận xa có sự thay đổi do mục-dịch kiểm-soát ráo-riết các miền ngoại-biên. Trước kia, quan Thứ-sử (như chức Thủ-Hiến, hay Toàn-quyền thời Pháp thuộc) cứ tháng 8 bắt đầu đi kinh-lý, rồi đến đầu năm sau về Kinh trình-bày mọi việc. Như vậy vị Thứ-sử không ở nhất-định tại châu-trị. Đến đời Trung-Hưng, các Thứ-sử không được rời châu-trị, dù có tang cha mẹ. Sự ngặt nghèo này gián-tiếp cho ta biết trong thời Tây-Hán, mằm cách-mạng của dân ta thường hay nảy nở làm cho Bắc-Triều phải ngày đêm thắc-mắc, nên buộc các Thứ-Sử phải luôn luôn có mặt tại trị-sở để đối phó với tình-thế, đề-phòng sự bất-trắc, và thi-hành những luật-lệ khắc-nghiệt.

Cơ-cấu hành-chính thời đó đã thiết-lập như sau đây : Thứ-sử có các Lạc-viên tức là Tông-sự-sử giúp việc. Dưới là quan Thái-thứ có một viên Quận-thừa thay mặt Thái-thứ khi có nhiều việc. Chung quanh Thái-thứ có các Duyên-sử chia ra các Tào tức là các phòng giấy. Tì-dụ Công-tào-sử lựa chọn người có công lao để tuyên-dụng. Mỗi Tào có 1 số Thư-tá (thư-ký) chuyên việc giấy tờ, bảm báo. Các quan lại cấp trên giúp việc Thứ-Sử và Thái-thứ là người Trung-Quốc còn từ Duyên-sử và Thư-tá thì không nhất-định phải là người Trung-Quốc, tức là người bản-xứ cũng được dùng đến, miễn có văn-tự.

Trước cơ-cấu chính-trị và hành-chính trên đây, ta nhận thấy tuy nhà Tây-Hán có đặt ra nhiều phép tắc để ràng buộc dân-chúng bản-thổ, quân-đội thường-trú lúc nào cũng có mặt để đề-phòng mằm loạn, nhưng việc cai-trị trực-tiếp nhân-dân vẫn ở trong tay quý-tộc ta. Và chỉ có quý-tộc bản-thổ mới có đủ uy-lực tinh-thần và vật-chất để cai-trị nhân dân khi đó còn sống lễ-tề từng đoàn-thể theo hệ-thống phong-kiến. Vì vậy, nhà Hán không thể bãi bỏ cái vai-trò của quý-tộc Giao-Chi, mặc dầu bao giờ cũng nghi-ngờ, e-ngại.

Có điều khiến ta phải suy nghĩ là chế-độ Lạc-hầu. Lạc-tướng đời bấy giờ rõ rệt giống chế-độ phong-kiến thời Trung-Cổ ở Âu-Châu sau này, các công, hầu, bá, tử, đã sống nhơn-nhờ trên mồ-hôi nước mắt đám nông-nô. Duy tình-trạng quý-tộc và dân-chúng Giao-chi thuở đó có sự đặc-biệt là họ cùng bị áp-chế mỗi giới một cách. Do

chỗ đồng thuyền đồng-diệu này, sau trên một thế-kỷ đau-khổ, họ đã hợp sức với nhau để đánh đuổi kẻ thù chung.

Viên Thứ-sử đầu tiên trên đất Việt là Thạch-Đái, đóng ở Lũng-Kê, (thuộc phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh bây giờ), không thiện mà cũng không ác. Trong một thời gian, việc giao-dịch giữa Giao-Chỉ bộ với nhà Tây-Hán không thấy sử-sách ghi chép mấy. Mãi đến năm Kỷ-Sửu tức là năm Kiến-Vô thứ năm, đời vua Hán Quang-Vũ (nhà Đông-Hán), mới thấy có chuyện Thứ-Sử Giao-Châu là Đặng-Nhượng cho sứ đem cống-vật về Trung-Quốc. Trong thời Vương-Mãng cướp ngôi nhà Hán, các quan cai-trị Trung-Quốc tại Giao-Chỉ bộ không chịu thần phục (Đặng-Nhượng, Tích-Quang, Đỗ-Mục...). Cuộc bang-giao giữa Hán-triều và Giao-chỉ bộ đứt đoạn hẳn. Sau này vua Quang-Vũ trung-hưng mới có sứ-bộ Giao-chỉ đi lại. Đáng chú-ý, một số quan lại, trí-thức Trung-Quốc lánh nạn chính-trị chạy qua lưu-trú ở Giao-chỉ đã góp một phần đáng kể trong việc mở-mang văn-hóa ở đây. Và lương-quan của nhà Tây-Hán có một vài người như Tích-Quang và Nhậm-Diên (không phải là Nhâm-Diên), Thái-thú Giao-chỉ, Cửu-chân đã tỏ được lòng nhân chính với người Việt trong những năm đầu của Công-lịch là lúc xảy ra cuộc đô-hộ được ít lâu.

Tích-Quang sang bên ta từ đời vua Bình-Vương (Tây-Hán) vào khoảng năm thứ hai, thứ ba và Nhậm-Diên từ năm Kiến-vô nhà Đông-Hán. Họ khai-hóa cho nhân-dân, nhờ vậy dân mới được hiểu biết các điều lễ nghĩa, luân-thường, đạo-lý. Họ khuyến-kích nông-nghiệp bằng cách chỉ-bảo trồng-trọt canh-tác, khẩn-hoang để tăng-gia sản-xuất. Trước kia, dân Giao-Chỉ quen sinh sống bằng nghề săn bắn, chài lưới. Họ dạy việc lễ-nghi, hiếu-hỷ đặt thành quy-tắc, và đáng chú-ý họ thực-hành cả lòng nhân-đạo bắt đầu ngay từ họ là những nhà cầm-quyền (các lại-thuộc phải san-sẻ một phần lương-bổng của mình để cấp đỡ dân-chúng trong việc lấy vợ, lấy chồng). Do điểm này, ta hiểu nhân dân Giao-Chỉ bây giờ tưng quăn như thế nào. Và ta nên nhớ rằng các công cuộc Nhậm-Diên và Tích-Quang chỉ là sự tiếp tục sự-nghiệp của tướng Triệu-Đà trước. Tiếc rằng Nhậm-Diên chỉ cai-trị quận Cửu-Chân có 4 năm rồi phải dời đi nơi khác. (Dân ta nhớ

ơn ông nên làm đền thờ và lấy tên ông để đặt cho con, có lẽ theo ý họ, nhờ có ông mà họ có dòng có giống ?.)

Sau này chế-độ Tây-Hán mỗi ngày một khe-khắt do chính-sách trực-trị được thi-hành triệt-đề, quý tộc và sĩ-dân Giao-Chi không chịu được sự bóc-lột và tàn-ác của đế-quốc nên phải vùng dậy cùng nhau tranh-đấu, chống kẻ xâm-lăng.

CHƯƠNG III

NHÀ TRƯNG

(40 - 43 sau Công-lich)

CUỘC CÁCH - MẠNG GIẢI - PHÓNG DÂN-TỘC ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT-NAM

- Hai bà Trưng đuổi Tô - Định
- Cuộc phục-thù của nhà Đông-Hán
- Tính-chất Cách-mạng của cuộc khởi-nghĩa
- Những cuộc cải-cách của Mã - Viện

1 — **Phất cờ** Như ta đã thấy nhà Triệu bị dứt vào năm 111 trước
Nurong - tử C.L. rồi nhà Tiền-Hán đô-hộ nước ta 150 năm.
Trong khoảng thời-gian này, tuy Nam-Việt bị dời
ra Giao-Chỉ bộ và sáp-nhập vào lĩnh-thổ Trung-Quốc, nhưng dân
chúng ở đây được hưởng thề-chế một nước “ *phụ dung* ” nghĩa là
quý-tộc bản-xứ vẫn trực tiếp cai-trị nhân-dân. Mỗi quận có một quan
Thái-thú chịu quyền quan Thứ-sử là người điều-khiển tối cao của
Bộ. Ngoài chức Thái-thú còn chức quan lệnh đề trông nom hành-
chính ở cấp *huyện* thường là người Tàu bộ sang. Xét ra nền hành-
chính ở Giao-Chỉ bộ không khác gì nền hành-chính ở các địa-phương

khác tại lục-địa Trung-Quốc nhưng có điều đặc-biệt là các Lạc-hầu, Lạc-tướng của chúng ta vẫn được tại vị nguyên vẹn dầu phải lệ-thuộc vào bộ máy chính-quyền của người Tàu như trên đã nói.

Nhưng đến đầu thế-kỷ thứ nhất (C.L.) nhà Tiền-Hán suy kém dần rồi Vương-Mãng cướp ngôi nhà Hán từ năm thứ 9 đến năm thứ 26 Giao-Chỉ-bộ xa triều-đình nên không còn liên-lạc gì với chính-quốc. Nhiều văn-thần võ-tướng của Hán-triều sang tị-nạn ở nước ta để được yên ổn rồi bọn người di-cư này được thay thế dần dần quan lại bản-xứ. Họ lại chiếm cả một số ruộng đất ở đây dựa vào thế họ là người của "Thiên-triều".

Bị xâm-lăng về quyền-hành, lại bị đe dọa cả về kinh-tế, quý-tộc cũng như nhân-dân Giao-Chỉ rất lấy làm công-phẫn và thấy đời sống bị đe-dọa. Lại ngay bấy giờ (Giáp-Ngọ (34) năm Kiến-Vũ thứ 10) Tô-Định sang làm Thái-thủ ở quận bắc lộ nhân-dân quá tẻ, dân Việt đến nước không còn chịu đựng được hơn nữa.

Họ tuyệt-vọng rồi Giao-Chỉ bộ trở thành một đồng thuốc súng chỉ đợi người ta ném xuống một chiếc que diêm là bùng nổ.

Đây là nguyên-nhân gần nhất.

Nguyên - nhân xa hơn nữa trước khi Tô - Định đến Giao - Chỉ bộ, dân Việt đã quá nghèo khổ rồi đến nỗi đầu thế - kỷ thứ nhất, nghĩa là trước đó trên 30 năm, Tích - Quang và Nhậm - Diên (1) hai lương - lại của Trung - Quốc phải hô-hào các lại-thuộc bớt tiền lương giúp dân bản-địa lấy vợ lấy chồng. Tích - Quang cũng như Nhậm - Diên nhân dịp này du-nhập văn-hóa Trung - Quốc vào đất Việt bằng cách dạy dân về lễ-nghĩa và nghề canh-tác, nhờ vậy mới có đủ thóc gạo ăn thì dư thừa hơn 150 năm sống trong cảnh nô-lệ, dân Việt đã lụn bại cả về tinh-thần lẫn vật-chất. Họ ở yên trong bấy lâu là vì trước

1) Tích-Quang đến Giao-Chỉ vào đầu thế-kỷ thứ nhất năm thứ hai hay là thứ ba đời vua Bình-Vương nhà Tây-Hán.

Nhậm-Diên làm Thái thú quận Cửu Chân từ năm Kiến-Vũ nhà Đông-Hán. Cả hai chỉ ở nước ta khoảng 4 hay 5 năm mà thôi.

đây Tích-Quang, Nhậm-Diên đã dùng nhiều thủ-đoạn khôn khéo xoa-dịu nổi đau-khổ của họ phần nào. Nhưng đây chỉ là những hạt mưa hiềm-hoi trong một cánh đồng bị hạn-hán lâu ngày. Sự kiện này chỉ trì-hoãn được cuộc nổi loạn nhất thời mà thôi. Hai lương-lại này đi rồi, Tô-Định đến Giao-Chỉ đã áp-dụng một chế-độ bạo-ngược tham tàn. Một phần cũng tại từ thời Trung-hưng (Vương-Mãng đổ, nhà Đông-Hán ra đời), chính-sách ngoại-biên bắt đầu cứng rắn, nhiều luật-lệ ngặt-nghèo được đặt ra và các Thứ-sử phải ở luôn phủ-trị không được đi về như trước để phòng loạn. Đây là những việc đã khêu ngọn lửa oán-hờn của nhân-dân Nam-Việt.

Bấy giờ quý-tộc ở Mê-Linh, làng Hạ-Lôi, tổng Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên, có nhà Lạc-tướng dòng dõi Lạc-vương có nhiều uy-danh nhất. Con gái là Trưng-Chắc rất dũng-cảm kết-hôn cùng con trai Lạc-tướng Chu-Diên là Đặng Thi-Sách bấy giờ đang làm quan lệnh tại địa-hạt này (1).

Đặng Thi-Sách cũng là một nhân-vật anh hùng, khí khái, đã cùng Trưng-Chắc nên duyên chồng vợ vì đôi bên cùng yêu dân thương nước như nhau, cùng có đầu óc bài Hán. Vợ chồng họ Đặng đã âm-mưu cùng mẹ (mẹ bà Trưng) là bà Man-Thiện cháu ngoại Lạc-Vương góa chồng từ sớm, đề lật đổ chế-độ Hán-thuộc. Tình ý của gia-đình cách-mạng này đã lọt vào mắt của bọn thống-trị nên Tô-Định thi-hành gấp nhiều biện-pháp để ràng buộc và bắt bớ các nhà Cách-mạng người Việt mà vợ chồng Thi-Sách được coi là nguy-hiểm nhất. Xin nhớ thêm rằng bên cạnh vợ chồng Thi-Sách còn Trưng-Nhị cũng là một chiến-sĩ rất hăng hái. Sau lời hiệu-triệu bí-mật của Thi-Sách và Trưng-Chắc, quý-tộc và hào-kiệt cùng nhân-dân khắp nơi đều hưởng-ứng chẳng khác chi thời kháng-chiến chống quân Tần xưa kia.

Bắt đầu là các đồng-chí ở Đông-Sàng (?), Liên-Chiều, Phù-Xá (Phúc-Yên) đem nữ binh đến giúp. Quân số mới có 2.000 sau được quân của các bộ-lạc, các huyện, châu, quận gần xa nổi lên ủng-hộ đông tới hàng vạn.

1) Chu-Diên thuộc phủ Vĩnh-Tư trước thuộc về Sơn-Tây sau thuộc về tỉnh Vĩnh-Yên.

Cuộc tổ-chức võ-trang chống Hán còn ở trong vòng âm-thầm, bí-mật thì Tô-Định cho quân đến bắt vợ chồng ông Đặng thi-Sách. Thế chẳng dừng, cớ Mê-Linh liền phát lên công khai nhưng Thi-Sách chưa chuẩn-bị đầy đủ nên bị tử-trận. Việc rất không may này không làm nản lòng hai vị nữ chiến-sĩ; Bà Trưng vội thay chồng cầm quyền đại-tướng xông ra trước quân thù sau khi thiết-lập xong đại bản-doanh ở Nam-Nguyên (Hát-môn).

Quân Cách-mạng đánh thẳng vào Liên-lâu thành (Theo Maspero và C. Patris phủ-trị của Giao-chỉ-bộ bấy giờ đóng ở phía Nam tỉnh Hà-đông, bên bờ sông Nhuệ gọi là thành Liên-lâu).

Trương-truyền khi xuất trận hai Bà cưỡi voi, mặc áo giáp vàng, che lọng vàng, trang sức rất lộng-lẫy, tinh thần không vì việc tang tóc mà suy-giảm (1).

Quân Hán bấy giờ phần nhiều là quân Bắc, vóc người to lớn, khí-giới lại sắc bén, giáp trụ đầy đủ, tiến lui có phương-pháp và kỷ-luật, tướng tá của họ thông thạo chiến-thuật, chiến lược.

Quân Việt thì ô-hợp, vũ-khí thô-sơ, thiếu thốn lại kém rèn luyện ít kinh-nghiệm chiến trường. Tuy vậy khi hai quân gặp nhau, quân Việt nhờ có lòng căm thù bốc mạnh như gió bão nên đánh rất hăng, quân Hán khắp nơi phải bỏ chạy. Chẳng bao lâu, các quận Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phổ và toàn bộ Giao-Chỉ thuộc quyền kiểm-soát của quân Cách-Mạng. Núi sông của Lạc-Việt lại trở về tay chủ cũ sau khi Tô-Định và lũ bộ-hạ chạy tháo thân về Nam-Hải. (2)

Đẹp yên quân Hán thu được 56 thành (3) hai Bà xưng vương

-
- 1) Quân-sĩ tỏ vẻ ngạc nhiên. Hai Bà giải-hích rằng việc nước là hệ-trọng, không thể vì nỗi đau buồn riêng mà hủy bỏ dụng nham khiến thần khí kém đi. Trái lại, phải phấn khởi quân sắc y-phục rực rỡ để quân địch bị xúc-dộng mới dễ thắng.
 - 2) Tô-Định bỏ chạy. Thứ-sử lúc này ở Liên-lâu-thành với họ Tô cũng tháo lui một lúc bởi bấy giờ nước ta chia ra làm 2 quận: Giao-Chỉ và Cửu-Chân. Thứ-sử đóng tại Giao-Chỉ nên cùng ở một nơi với Thái-thứ.
 - 3) Hai Bà thu được 56 thành chứ không phải 65 thành như nhiều sách sử đã chép. Xin coi Việt-sử tân-biên trang 188-39-90.

đóng đô tại quê nhà là Mê-Linh. Nền độc-lập được khôi phục từ năm Canh-tí đến tháng hai năm Quý-Mão (40-43 sau C.L.). Các qui-mô lập quốc chưa kịp thành hình và có điều đáng kể; hiệu-lệnh cũng chưa thấu được ra các châu, quận xa vì đường giao thông khó khăn. Trên thực tế uy quyền của hai Bà chỉ thi thố được trong nội-địa Mê-Linh và Chu-Diên, nhiều nhất là trong thành ấp, quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân mà thôi. (1)

2— Cuộc phục-thù của nhà Đông-Hán

Trong giai-đoạn có cuộc cách-mạng nổi lên ở Giao-Chỉ, nhà Đông-Hán cũng đang mắc-mứu vào nhiều vụ lộn xộn bên Trung-Quốc nên chưa đối phó ngay được với nhà Trưng. Họ mới chỉ ra lệnh cho các quận miền Nam dự bị xe cộ, thuyền bè, binh sĩ, bắc cầu, đắp đường cùng dự-trữ lương-thực.

Tháng 12 năm 17 hiệu Kiến-Vô (tháng 1 năm 42) Hán-triều cử Mã-Viện là một lão-tướng hữu-danh 70 tuổi, vừa dẫn-áp xong cuộc quật-khởi của Lý-Quảng ở Hoãn-thành (An-huy) trở về. Mã-Viện được phong chức Phục-Ba tướng quân cầm đầu cuộc viễn-chinh Phụ-tá của Mã có Lưu-Long và Đoàn-Chí. Họ Đoàn phụ-trách về thủy-quân.

Các tướng Hán mang hơn một vạn binh sĩ lấy ở các quận Trảng-Sa, Quế-Dương, Linh-Lăng và Thương-Ngô. Tháng 9 năm 17 hiệu Kiến-Vô (năm 42 sau C.L.) ; họ lấy thêm 12.000 ở các quận thuộc về bộ Giao-Chỉ, (chắc là ở các địa-hạt thuộc Nam Quảng-Tây chưa chịu ảnh-hưởng của nhà Trưng).

Bộ-binh của Hán từ Hồ-Nam tiến xuống Quảng-Tây và Quảng-Đông tập-trung với thủy-quân của Đoàn-Chí ở Hợp-Phố. Đoàn-Chí đến đây chưa bao lâu thì bị bệnh và chết. Vua Hán ra lệnh cho Mã-Viện theo đường thủy mà tiến vào, Họ Mã phải đi tắt qua Quảng-Yên rồi do sông Thái-Bình mà xâm nhập vào nội-địa của

1) Miền Hợp-Phố và Nhật-Nam bấy giờ không có quan-hệ trực-tiếp với Mê-Linh vì cách quá xa.

dân ta (1). Quân lâu-thuyền (*thuyền chiến có lâu*) lục tục đi theo do sông Bạch-Đằng.

Ở những miền Hán quân đi qua bấy giờ không có sự kháng-cự nào đáng kể, có lẽ các bộ-lạc chưa kịp tổ-chức kháng-chiến hoặc không chịu mệnh-lệnh của Mễ-Linh. Theo Ch. Patris các tù-trưởng đã kết-hợp với hai Bà chỉ do mục-dích đả-phá chế-độ trung-ương tập-quyền của nhà Hán không lẽ họ lại tự-y khuất-phục hai Bà dù sao cũng chỉ là một trong các nhóm tù-trưởng ở xứ Giao-Chỉ như họ bấy giờ mà thôi...

Hình như thấy việc đi sâu vào nội-địa của nhà Trưng là điều bất lợi; quân Đông-Hán lại rút ra hoặc bị đánh bật ra, rồi họ về đóng ở Lãng-Bạc gần Tiên-Du-Son, thuộc tỉnh Bắc-Ninh ngày nay (Theo H. Maspéro, Lãng-Bạc đây không phải Hồ-Tây bây giờ mà là một địa-diểm ở sát hai con sông chảy về phía Nam Giao-Chỉ, giữa thành Cô-Loa ở phía Tây và Long-Uyên ở phía Đông. Giáo-sư H. Maspéro dựa vào sách *Thủy-Kinh chú*).

Tới đây khí-hậu ác-độc của phương Nam đã làm cho binh-sĩ Đông-Hán tật bệnh nhiều, nào nước lụt, nào mưa nhiều, nắng hạ bốc lên như lửa đốt, trên trời điều hâu đang bay bỗng rớt xuống mà chết. Chính Mã-Viện lúc này cũng thấy ngao ngán cho cái ản phong-hầu và cái quyền đại-tướng của mình.

Nhưng nghĩ đến sứ-mạng quận-vương trao cho rất là trịnh trọng, Mã phải gắng. Rồi một trận lớn đã diễn ra tại Lãng-Bạc do sự tấn-công của Việt quân tự Tây-Vu (hay *Tây-Lý*) kéo đến (vào tháng 3 năm 18, hiệu Kiến-Vũ tức là tháng 4 năm 43).

Trưng-Vương đại bại rút về Cầm-Kê (theo *Cương-Mục*) Cầm-Kê thuộc phủ Vinh-Tường, tỉnh Vinh-Yên. Theo chúng tôi ở bên sông Thao, tỉnh Phú-Tho 10 cây số về phía Bắc có huyện

1) Theo Nguyễn-văn-Tổ, Mã-Viện dùng đường biển qua vùng Ô-Hứa (Lạng-Son men theo một bên là núi, một bên là nhánh Bắc sông Thái-Bình để tránh các đầm lầy bởi thuở đó nước thủy-triều còn vào đến Trung-châu ngày nay.

Cầm-Kê, trước mặt có nước, sau có rừng rậm núi cao, có thể Trưng-Vương đã cố lợi-dụng địa-diềm quân-sự này chăng ? Ngay tại làng Hiền-Quan trông sang tỉnh-lỵ Phú-Thọ có một ngôi đền lớn thờ một vị nữ-tướng của nhà Trưng, điều này cũng đáng cho ta suy nghĩ).

Theo *Hậu-Hán-thư*, Lưu-Long phá được nghĩa quân, bắt được Trưng-Nhị nhưng *Mã-Viện truyện* cũng trong sách ấy chép rằng tự Mã-Viện đuổi được quân của nhà Trưng đến Cầm-Kê và đánh tan được nghĩa-binh. Tháng giêng năm sau, Mã Viện chém được Trưng-Chắc và Trưng-Nhị rồi gởi đầu về Lạc-Vương báo tiệp. Theo sử ta và theo thần-tích làng Hạ-Lôi chỉ có Trưng-Nhị tử trận, còn Trưng-Chắc thì lên núi Hi-Sơn rồi hóa. Dã sử của ta nói hai Bà tự trầm ở Hát-Giang. Nay ở bãi Đồng-Nhân gần Hà-nội có đền thờ hai Bà hàng năm đến ngày 6-2 thì có hội và quốc-tế.

Sau cuộc đại thắng này Mã-Viện tiến vào Cửu-Chân với hai ngàn chiếc thuyền và hai vạn quân trừ nốt được thủ-túc của Trưng Vương là bọn Đô-Dương từ huyện Vô-Công đến huyện Cư-Phong, chém được hơn hai ngàn thủ-cấp.

3— Tính-chất Cách-mạng của cuộc khởi-nghĩa năm Canh-Tý

Cuộc chống đối một Đế-quốc xâm-lăng hay thống-trị để giải ách cho nhân-dân và để thoát-ly nô-lệ phải được gọi là một cuộc Cách-mạng. Sử ta trước đây chưa quen với danh-từ mới này còn các nhà chép sử vào thời Pháp-thuộc cũng e-dè là điều ta đã hiểu nên chỉ gọi cuộc chống đối của hai Bà Trưng là cuộc khởi-nghĩa.

Cuộc Cách-mạng năm Canh-Tý ngày nay được quan-niệm là một cuộc đấu-tranh do thị-tộc mẫu-hệ linh-đạo, do quý-tộc chỉ-huy và do nhân-dân tích-cực tham-gia, hưởng-ứng.

Nó biểu-thị được tinh-thần bất-khuất của ông cha người Việt chúng ta đã luôn luôn coi Tự-do, Độc-lập là lẽ sống duy-nhất từ thuở còn qui-tụ ở lưu-vực sông Dương-Tử xuống đến phần đất cuối cùng của Hoa-Nam ngày nay. Cuộc Cách-mạng trên đây đã thành công mau lẹ buổi đầu nhờ sự đoàn-kết giữa các bộ-lạc không cam khuất thân làm

tôi tớ người ngoài. Về sự thất bại của nó. Theo ô. Bùi-quang-Tung, giảng-sư tại trường Văn-Khoa đại-học : *"Nhà nước tự chủ do Trưng-Vương xây-dựng với sự tập-hợp của các bộ-lạc trong ấy về kinh-tế thì quan-hệ sản-xuất thị-tộc còn nặng về chính-trị thì xu-hướng phân tán tự-lập còn mạnh, chưa có cơ-sở nào tổ-chức vững chắc nên trước sự phản-công mạnh mẽ của Hán-quân là lực lượng quân-sự của một quốc-gia hùng-cường, thì nó không thể duy trì nổi. Vì thế mà sự thất-bại cũng mau chóng và dễ dàng..."*

Lương-đức-Thiệp trong *Việt-Nam tiến-hóa-sử* nói : *"Một xã-hội không thống-nhất như xã-hội phong-kiến đâu có thể gây được sức đoàn-kết lâu dài, hưởng chi xã-hội nông-nghiệp lại không phải là chỗ tựa vững bền cho xã-hội thị-tộc mẫu-hệ sinh-tồn. Ngay những mâu-thuẫn nội tại này cũng đủ làm cho sự-nghiệp của hai Bà phải nghiêng ngả, hưởng chi hai Bà còn phải đương đầu với những lực-lượng binh-bị có tổ-chức nữa, nên khi Mã - Viện đem quân sang chinh-phạt, hai Bà đương không nổi đều bị hại. Đám quân ô-hợp tự tan rã Bọn quý-tộc phần thì bỏ trốn, phần thì đầu hàng..."*

Về nguyên-nhân phát-sinh ra cuộc Cách-mạng năm Canh-tý, một số sử cũ của ta đã vô tình cho rằng động-lực thúc đẩy nó là một cuộc báo-phục của cá-nhân bà Trưng. Tỉ-dụ *Đại-Nam quốc-sử* diễn ca có câu :

Bà Trưng quê ở Châu-phong,

Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.

Chị em nặng một lời nguyện,

Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân v.v...

rồi từ *Việt-Nam sử lược*, *Việt-Nam văn-hóa sử-cương*, *Khâm-định Việt-sử* v.v... cũng không có sự trình bày rõ-rệt tính-cách của cuộc Cách-mạng này khiến hậu sinh chúng ta có thể lầm rằng bà Trưng đã vì thù nhà hơn vì hận nước.

Nhưng nhiều sách sử của Trung - Quốc lại nhắc đến việc hai Bà phân minh hơn.

Hậu-Hán thư viết : Người đàn bà ở Giao-Chi tên là Trưng-Chắc với em là Trưng-Nhị làm phản • Chú : Trưng-Chắc là con gái Lạc-tướng ở Mê-Linh, vợ người huyện Chu-Điền tên là Thi-Sách rất hùng-dũng • Thái-thú Giao-Chi là Tô-Định lấy pháp-luật mà ràng buộc, Chắc oán giận nên làm phản.

Việt-kiều thư, Annam chí nguyên cũng xác nhận như trên, sau này giáo-sư Maspéro cũng cho rằng : dân-tộc Lạc-Việt bấy giờ oán ghét Tô-Định lắm. Họ đã sắp đặt âm-mưu chống Hán và người đứng đầu là Thi-Sách. Như vậy ta hiểu rằng Thi-Sách không bị giết thì cuộc Cách-mạng vẫn bùng nổ chỉ khác việc Tô-Định giết Thi-Sách đã thúc-dẩy cuộc Cách-mạng tiến gấp mà thôi. Ngoài ra ta nên nhớ rằng nếu lòng người không chán ghét Tô-Định và chế-độ cay nghiệt của nhà Đông-Hán, người ta có thể vì cuộc báo thù của một cá-nhân mà nổi lên như sóng cồn chống quân thống-trị chăng ? Dân Giao-Chi, Cửu Chân đã vậy, còn dân Nhật-Nam, Hợp-Phố là những dân ở xa ảnh-hưởng của quý-tộc Giao-Chi thì sao ? Tóm lại, khi mà toàn dân nổi lên tranh-đấu thì cuộc tranh-đấu phải là vì chính-nghĩa chứ không bao giờ vì quyền-lợi của một cá-nhân, dầu cá-nhân đó có nhiều uy-vọng đến đâu !

Do những lý kể trên, ta có thể kết-luận việc chống Hán năm Canh-tý bắt nguồn ở ý-định lật-đổ chế-độ Hán-thuộc và do lòng ham sống tự-do của giống dòng Hồng-Lạc vậy.

CHƯƠNG IV

BẮC - THUỘC LẦN THỨ BA (Từ Đông-Hán đến Nam - Bắc-triều) (43 - 544)

1 — Cuộc cải - cách của Mã-Viện tại Giao-Châu

Nhà Trưng bị diệt rồi, Mã-Viện thấy cần phải thiết-lập một chế độ chặt-chế để kim-hãm tinh-

thần quật-cường của dân Giao Chỉ, đồng-thời để thanh-toán bằng uy-quyền và võ-lực những yếu-tố bảo-thủ còn ngăn trở ít nhiều chính-sách đồng-hóa của Trung-Quốc. Thực ra những yếu-tố bảo-thủ này còn non nớt do từ đời Hồng-Bàng đến nhà Thục, nhà Triệu cho tới thời nhà Trưng mở nước, dân Lạc-Việt ta chưa ra khỏi tình-trạng sơ-khai. Nền văn-hóa cổ-hữu của chúng ta dù sao cũng chỉ là một sự chớm nở đầu có đủ sức chống lại được nền văn-hóa của Trung-Quốc bấy giờ đang tràn đầy sinh-khí. Mã-Viện đã thắng một cách dễ dàng, nhất là lúc này dân Giao-Chỉ vừa bại trận, tinh thần đang bị tê-liệt hẳn, trước một chính-sách hoàn-toàn dựa vào sắt máu.

Mã-Viện đi kinh-lý khắp mọi nơi từ Giao-Chỉ đến Cửu-Chân đặt đồn ải, thành-trị để phòng-ngự cuộc dấy loạn. Chỗ nào có cư-dân đông đúc, Mã-Viện đặt quận, huyện rồi dùng người Trung-Quốc điều-dộng guồng máy cai-trị. Nơi nào rộng quá thì xẻ ra cho nhỏ đi để tiện việc kiểm-soát. Chỗ nào có thể mở mang việc canh-tác, Mã-Viện cho đào sông khai ngòi. Về luật-pháp, Mã-Viện

xin Hán-triều ban-bổ một chế-độ riêng biệt giữa người Việt và Hán, tất nhiên đề câu-thức dân bản-địa gặt gao hơn. (*Hán-Hậu thư* quyển 44). Với chế-độ này, giai-cấp phong-kiến và quý-tộc Giao-Chỉ mất hết uy-quyền và ảnh-hưởng mà Bắc-phương đã nhận rõ là rất nguy-hiêm cho việc đô-hộ, do kinh-nghiệm ở những việc đã xảy ra tức là từ nay Giao-Chỉ bộ phải chịu chế-độ trực-trị. Về phương-diện kinh-tế, xã-hội. Mã-Viện cũng du-nhập vào xứ này mọi phương-thức của Trung-Quốc.

Kết-quả của cuộc thay trò đổi cảnh này bi-đát như thế nào ? Chúng tôi nói cuộc cải-cách Mã-Viện là điều bi-đát bởi chúng tôi nghĩ rằng nó đã thủ-tiêu một phần quan-trọng cái tinh-thần cố-hữu của người Lạc-Việt, là một cái gì cao quý nhất cho một dân-tộc tuy rằng sau này cũng có sự bù trừ một phần nào.

Theo Đào duy-Anh, về phương-diện nhân-chủng, buổi đầu người Lạc-Việt có lẽ còn mang rất ít yếu-tố Mông-gô-lích, rồi trải qua hai thế-kỷ thuộc nhà Triệu và nhà Tây-Hán do sự hỗn-hợp Việt-Hán, yếu-tố này tăng lên, nhưng yếu-tố Anh-đô-nê-diêng vẫn còn giữ phần chủ-yếu. Sau này với Mã-Viện và cuộc đô-hộ trên một ngàn năm, sự tạp-chủng với người Hán lại mạnh-mẽ và ráo-riết hơn lên, vì vậy sự thay đổi trong con người Lạc-Việt càng rộng lớn. Chúng có lẽ cái mặt của người đàn-bà Việt đào được ở Đông-Sơn dưới đời Tống, sau thời-kỳ Bắc-thuộc, đã có nhiều nét Mông-gô-lích, duy cái sọ là còn dấu tích Anh-đô-nê-diêng mà thôi. Tuy vậy tính-tình, phong-tục, chế-độ của người Việt-Nam nhất là người bình-dân dưới các đời Trần, Lê vẫn còn giữ được một phần nào đặc-biệt hay cố-hữu, nếu so với dân Trung-Quốc về phương-diện này. Đến nay ta có thể nói rằng dù cuộc đồng-hóa trong thời Bắc-thuộc đã đi sâu, bén rộng vào cơ-cấu chủng-tộc và văn-hóa của người Lạc-Việt, nhưng qua thời-kỳ nô-lệ Trung-Quốc, người Việt đã lấy tư-cách Lạc-Việt dung-hòa những yếu-tố chủng-tộc và văn-hóa của người Hán-tộc và một ít yếu-tố của các giống khác để thành một nhân-cách riêng. Nhân cách này đã được cấu-tạo và đào-luyện trong các cuộc tranh-dấu đầy gian lao, đau khổ giữa những ngày nhục-nhã và vinh-quang qua 10 thế-kỷ.

Một điều đáng kể sau khi hỗn-chủng và đồng-hóa với người

Hán, cái gốc Lạc-Việt chia làm hai chi-phái: một chi-phái ở đồng-bằng do sự sinh-hoạt và giao-thông dễ-dàng đã chịu khá nhiều ảnh hưởng của Hán-tộc. Một chi-phái tản-mác lên các miền Thượng-du ít xúc-tiếp với người Hán nên còn giữ được nhiều yếu-tố Lạc-Việt thuần-túy hơn. Đó là những người Mường mà một số đồng-bào chúng ta ngày nay còn ngộ-nhận là đị-tộc.

Về văn-hóa Lạc-Việt, từ cuộc cải-cách Mã-Viện, ta còn thấy có sự biến đổi (về kỹ-thuật) do những đồ cổ-tích đào được ở Đông-Sơn, trọng-yếu nhất là đồ đồng mà nhà khảo-cổ-học Goloubew đặt vào thế-kỷ thứ nhất tức là thời kỳ Mã-Viện làm mưa nắng ở đây. Những đồ đồng này chia ra làm ba bộ: bộ thứ nhất là những trống đồng, lưỡi búa, lưỡi rìu, mũi mác, mũi tên, gươm hai lưỡi, dao găm có hình người cùng một số đồ trang sức thuần-túy Lạc-Việt, nhất là cái trống đồng Ngọc-Lư. Bộ thứ hai là cái bình kiểu biển hồ, cái gương kiểu nhà Hán, những đồng tiền ngũ-thù do người Trung-Hoa đem đến. Bộ thứ ba là những đồ mà về mặt kỹ-thuật đã chịu ảnh-hưởng của Trung-Quốc, đại khái cái bình lớn có vết khuôn những miếng giáp đồng, những dao găm, những đồ nửa đồng nửa sắt. Đề kết-luận, ta nhận thấy vài ảnh-hưởng của Trung-Quốc giữa thế-kỷ thứ nhất về mọi phương-diện chưa đậm đà lắm, nhưng sau này do cuộc đô-hộ của nhà Đông-Hán tiếp tới hơn 10 thế-kỷ Bắc-thuộc, ảnh-hưởng của Hán tộc càng ngày càng mạnh nên những đồ dùng đào được ở Đông-Sơn về đời Tống chỉ còn là đồ gốm của người Trung-Hoa, đồ đồng của người Lạc-Việt không thấy dấu vết nữa, chắc là mai-một từ thuở đó.

Sự-trạng này đã giúp luận-cứ cho Maspéro đề-kết rằng chính Mã-Viện là người đầu tiên đã dùng bạo-lực cưỡng-gian văn-hóa Lạc-Việt tức là văn-hóa Trung-Quốc đi sâu xa vào đời sống của xã-hội chúng ta từ cuộc tái-chiếm Giao-Chỉ của nhà Đông-Hán.

Mã-Viện chết đi, người Trung-Quốc ở thị-trấn Đông-Hưng (1)

1) Thị-trấn Đông-Hưng của Tàu trông sang Moncay của ta chỉ cách con sông hẹp và cái cầu sắt.

có dựng đền và đúc tượng để thờ, ý chừng họ muốn thị-oai với dân Việt. Một nhân-vật vô-danh đi qua có đề bài thơ dưới đây :

Trèo non vượt bể biết bao trùng !
Một trận Hồ-Tây chút vấy vùng
Quắc-thước khoe chi mình tóc trắng,
Cân đai độ với khách quần-hồng !
Gièm chê luống những đầy xe ngọc,
Công cán ra chi dựng tượng đồng ?
Ai đó chép công, ta chép oán
Công riêng ai đó, oán ta chung.

Một bài Vịnh hai Bà cũng của một tác-giả khuyết tên tuổi :

Một bụng em cùng chị,
Hai vai nước với nhà.
Thành Mê khi để bá,
Sông Cấm lúc phong-ba.
Ngựa sắt mờ non Vẹ,
Cờ lau mờ động Hoa.
Ngàn năm bia đá tạc,
Công-đức nhớ Hai Bà.

CHƯƠNG V

NGƯỜI VIỆT-NAM HỌC CHỮ TÀU

- *Việc truyền-bá Hán-học*
- *Ảnh-hưởng của Phật-đồ với nền văn-học cũ của chúng ta*
- *Một vài điều sai lầm về Sĩ-Nhiếp*

1— Việc truyền-bá Hán-học

Hồi Hán-thuộc, người Việt-Nam học chữ Hán, cũng thi cử, cũng đỗ đạt. Có thể nói rằng tinh hiếu học của người Việt là một điều đặc-biệt, ai ai cũng thần-phục. Đối với cái gì gọi là văn-minh tư-tưởng cho đến cả tôn-giáo, người Việt rất hoan-ngheh chỉ trừ những chính-sách đô-hộ, thực-dân, đế-quốc thì ở tình-thế nào người Việt cũng cương-quyết chống lại.

Có tiếng trong đám người theo đuổi Hán-học thuở xưa là : Lý Tiến, người Cao-Hưng, đất Giao-Chi, do tài học đã được giữ chức Thứ-sử, khoảng niên-hiệu Trung-Bình đời Hán Linh-Đế (183-189). Lý Cầm người Giao-Châu làm túc-vệ trong triều Hán (205 trước T.C. 219) sau giữ chức Tư-Lệ hiệu-úy. Hai ông này đã tranh-đấu đề các người trí-thức Giao-Châu được trọng-dụng vào các địa-vị ngang hàng với người Tàu. Trương-Trọng, người Hợp-Phổ có tài biện-bác và nhanh- trí khôn cũng làm một chức hầu cận vua Hán, sau làm Thái-thú Kim-Thành, đã biết giữ gìn thể-diện quốc gia trong khi ứng-đối với vua

Hán. (Vua Hán một hôm có hỏi : Dân Nhật-Nam đều hướng về phương Bắc, châu mặt trời phải không ?). Trương-Trọng trả lời : Tên quận cũng có nơi gọi là Vân-Trung hoặc Kim-Thành, nhưng sự thực có thể đâu. Quận Nhật-Nam, mặt trời cũng mọc ở đằng Đông... còn chỗ ở của quan và dân cũng tùy tiện về phương-hướng, hoặc Đông, hoặc Tây, hoặc Nam hay Bắc... chứ không nhất-dịnh về phía nào).

Tĩnh-Thiếu cũng là một nhà văn-học thuở nhà Lương (505-543) cai-trị Giao-Châu. Ông không thêm nhận chức Quảng-Dương môn-lang do Sài-Tiến thượng-thư triều Lương đề-nghị. Ông lui về quê hương rồi giúp ông Lý-Bôn (Lý-Bi) năm 544 đánh đuổi Thứ-Sử Tiêu-Tư-lập ra nước Vạn-Xuân. Khương công-Phụ đậu Tiến-Sĩ dưới đời Đường Đức-Tông (789-804) làm quan đến Chức Bình-Chương (*An-Nam chí-nguyên*).

Chúng tôi giới-thiệu đây mấy nhà khoa-mục và văn-học thời Bắc-thuộc để các bạn đọc hiểu sự truyền-bá văn-học của Sĩ-Nhiếp, Nhậm-Diên, Tích-Quang đã tạo nên những đệ-tử sau này đến bậc nào. Nhưng chắc chắn muốn học đến trình-độ cao cả thì học-sinh người Việt phải sang tận Trung-Quốc mới thành đạt lớn được. Dầu sao ta cũng có thể nói rằng được ăn học đầy đủ, khả-năng của trí-thức Giao-Chỉ chẳng kém gì trí-thức Trung-Quốc. Chúng có là nhiều người Việt đã từng giữ những chức Thái-thú, Thứ-sử và Tiết-độ sứ, do chính người Tàu đặt ra thì rõ người Giao-Châu đã làm cho các vương-triều Trung-Quốc kiêng-nể e ngại là phải. Và Lý-Tiến, Lý-Cầm dâng thư lên vua Hán đề-dòi được đãi ngang người Hán đã chỉ căn-cứ vào thực-tại của những trí-thức Giao-Chỉ bấy giờ.

Ngoài ra, ta lại nhớ rằng các nhà trí-thức trên đây đã dự một phần quan-trọng trong việc truyền-bá Hán-học. Thân-thể và sự-nghiệp của họ cũng là một điều đã có ảnh-hưởng cho phong-trào Hán-học dưới thời Hán-thuộc rất nhiều. Có người chê rằng bọn người này chỉ là tay sai cho các Đế-quốc đời bấy giờ thì dù sao mọi hoạt-động của họ cũng không đáng kể. Xét lời phê-bình có phần quá nghiệt-ngã và quá câu-chấp, vì ta nên nhìn nhận ảnh-hưởng của họ nếu quả họ đã gây được một ảnh-hưởng nào khả-quan ; và chẳng trong khi chưa đủ sức chống lại kẻ mạnh thì hãy học đòi cái tài giỏi của kẻ

manh đầu có phải là chuyện vô-ích. Còn việc khôi-phục độc-lập, mưu-dồ phú-cường phải tùy thời, tùy thế, chẳng hơn cứ đóng cửa, ngồi nhà để ôm lấy sự u-tối sao ? Mà thái-độ cố-chấp tiêu-cực có phải là một lợi-khí, một phương-tiện tranh-đấu bao giờ đâu !

2 — Ảnh-hưởng của Phật-Đồ với nền văn-học của chúng ta

Đạo Phật lan vào đất Việt
do đường Ấn-Độ-Dương,
và do các nhà cai-trị Trung-

Quốc. Tôn-giáo này, du-nhập vào xứ-sở chúng ta trong thời Bắc-thuộc qua ba thời kỳ :

A) Từ đầu thế-kỷ thứ III đến hết thế-kỷ thứ VI. Ban đầu, Khang tăng-Hội (Sogdien Seng-Houei = 280), thứ đến Khương-Lương Lâu-Chí (Indoscythe Kalyanaruci = 255 hoặc 256) rồi tới các thầy tu Ấn-Độ Ma-La-Kỳ-vực (Ksudra = 294) là những nhà truyền-bá Phật-giáo trước nhất. Sau là Mậu-Bắc (Meou-Po), người Tàu, vì nghiên-cứu Phật-giáo mà tới Bắc-Việt.

B) Sư Ti-Ni Da Lưu-Chí (Vinitaruci) từ năm 580 đến Bắc-Việt giảng-dạy tại chùa Dâu về Thiên-Tông và lập một tông-phái ở Bắc-Ninh lấy danh-hiệu là xứ đó.

C) Vô ngôn-Thông (họ Trịnh) sang trú ở chùa Kiến-Sơ, làng Phù-Đồng, huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh hồi tháng 9 năm Đường Nguyên-Hòa thứ 15 (820) tu theo lối « Bích-Quan » của Đạt-Ma (Bodhi-dharma) và lập ở chùa đó một thiền-tông mới.

Các Phật-đồ kể trên đây trong khi truyền-giáo đã gián-tiếp giúp rất nhiều cho nền văn-học của chúng ta buổi đầu tiên suốt 700 năm. Rồi sau Vô ngôn-Thông, nhiều tăng-sĩ ra đời. Bọn người này đã phải dùng Hán-học làm cái chìa khóa để mở cửa Phật và khi giảng dạy kinh-kệ, nếu không thâm-thúy về Hán-học đâu có thể cắt nghĩa được các điều màu-nhiệm, xa-xôi của Phật-giáo. Ta còn nên nhớ rằng dưới triều Đường có 4 vị cao-tăng (Vô-Ngãi tu ở chùa Sơn-Tĩnh, hạt Cửu-Chân, Phụng-Định, Duy-Giám... đã sang cả bên Trung-Quốc giảng kinh trong cung nhà Vua và khi già mới trở về nước.

Ngoài ra, tầng-giới Việt-Nam sau thời Bắc-thuộc cũng sản-

xuất được nhiều vị khác nữa dự vào văn-học và chính giới, đóng những vai trò rất quan-trọng. Chúng tôi xin kể ở những trang sau.

Đề kết-luận, vấn-đề văn-học thời Bắc-thuộc chúng ta có thể tóm tắt rằng nhờ việc người Trung-Hoa đặt chủ-quyền trên đất Giao-Chi Hán-học đã ảnh-hưởng lớn lao đến đời sống dân-tộc và quốc-gia của chúng ta. Dân ta trở nên một quốc-gia văn-hiến, có nhiều thuần-phong mỹ-tục. Đó là một điều lợi ích vĩ-đại chẳng nên chối cãi. Đem sự đau khổ dưới ách thống-trị của ngoại bang mà đổi lấy một nền văn-hóa sáng-sủa tốt đẹp, người Việt thức-thời chúng ta hẳn không phàn-nàn, đã đành rằng người Việt học chữ Hán chỉ mới biết đại-khái về văn-tự, từ-chương mà thôi, chứ chưa thật đã đi sâu vào cội học-thuật và tư-tưởng của Trung-Quốc, hướng-hồ vào đời Tần Thủy-Hoàng các việc đốt sách Nho, chôn học trò (246-208 tr. C.L.) tất nhiên sách vở đưa sang đây không đầy đủ được. Người Việt xưa kia hẳn chỉ mới bước tới cái bậc từ-chương mà thôi nhưng trong giới văn-học bấy-giờ cũng đã có nhiều người tỏ ra thông-minh lỗi-lạc chẳng kém gì các danh-sĩ Trung-Quốc, cứ xem việc xướng-họa và ngoại-giao dưới đời Lê Đại-Hành với Bắc triều sau này đủ rõ. Và sử chép rằng vì bài thơ tiễn sứ (tiễn Lý-Giác) mà Giao-Chi là một nước mới mẻ, non nớt đã nổi tiếng là văn-hiến đối với người Tống,

3 — Phật-giáo

Ngoài ảnh-hưởng của Phật-dồ đối với văn-học sơ-khai thuở ấy, ta còn nên tìm hiểu qua một vài nét chính của tôn-giáo này và sự phát-triển của nó trên đất Trung-Quốc trước khi qua Việt-Nam.

Phật-giáo do đức Thích-Ca-Mâu-Ni xướng lên, chủ-trương giải-thoát con người ra khỏi một điều khổ nào là : *sinh, lão, bệnh, tử*. Ngoài bốn điều này đã do tạo-hóa gây nên trong khi cấu-tạo con người cũng như khi xây-dựng vũ-trụ, Tạo-hóa còn đặt ra những định-luật khắt-khe là có sinh phải có diệt, có hình-hài thì phải chịu sự hủy-hoại, suy vong, lại còn bao nhiêu điều đau khổ khác phát-sinh bởi lòng dục. Lòng dục của con người là những sự ham-mê danh lợi, phú-quý, sắc đẹp v.v.. nó là những nghiệp báo, những căn-nguyên của mọi sự sa-đọa, truy-lạc. Đạo Phật quan-niệm rằng muốn tránh

được các điều nghiệp - báo, oan-gia thì phải cỡi bỏ lòng dục, thi - hành việc thiện ích cho đời, cho đồng - loại, cho muôn vật. Những hành - động có thiện - lương ở kiếp này sẽ có những ảnh-hưởng tốt đẹp cho kiếp sau. Đó là luật nhân-quả. Trái lại, nếu con người cứ đắm chìm trong dục-vọng sẽ phải luân-quần mãi mãi trong vòng luân-hồi. Ngoài ra, cắt bỏ được lòng dục đầy tội lỗi không những người ta tránh được các điều hệ-lụy của kiếp này mà lại còn được hưởng thụ nhiều về kiếp sau hay sẽ được lên cõi Nát-Bàn và thành Phật. Khi đó sẽ không còn vấn-đề sinh-diệt nữa.

Không tham danh lợi khỏi ưu-phiền,

Niệm chí từ-bi dứt nghiệp duyên.

Vớt kẻ trầm luân nơi khổ hải,

Nói theo tôn-chỉ hội quần tiên.

Phê-bình đạo Phật về phương-diện thực-hành người ta cho rằng đối với cuộc cạnh-tranh và đời thực-tế, nhất là trong kỷ-nguyên Nguyên-tử này, chủ-trương *Nhập-thế* và *Xuất-thế* của Phật-giáo không thích-hợp với nhân-sinh, thế-sự. Loài người lúc này chỉ tôn-thờ sức mạnh, không có triết-lý nào hơn là sức-mạnh và quyền-lợi thì một tôn-giáo xây-dựng trên căn-bản đạo-đức thuần-túy không thể nào giải-quyết được mọi vấn-đề hạnh-phúc và hòa-bình trên thế-giới. Ít nhất mọi dân-tộc trên thế-giới đều cùng chấp-thuận một quan-niệm tôn-giáo và hòa-bình theo Phật-giáo thì mới có kết-quả được.

Cội rễ của đạo Phật là đạo Bà-la-Môn (Brahmane) nhưng tôn-chỉ của đạo Phật lại chống với đạo này rồi hai tôn-giáo đã mâu-thuẫn nhau trong một khoảng thời-gian khá-dài. Sau ba bốn thế-kỷ, đức Thích-Ca mất đi rồi, đạo Phật mới hưng-khởi ở Ấn-Độ.

Đức Thích-Ca Mâu-Ni, thủy-tổ của Phật-Giáo đã áp-dụng lý-thuyết của Ngài trước hết (sau cái quan-niệm : *đời là sông mê, bể khổ...*), Ngài thuộc dòng vương-tộc ở Ấn-Độ, có vợ có con. Ngài đã bỏ lâu son gác tía đi tìm đạo, mục-đích dắt dìu người đời ra khỏi cảnh trầm-luân đầy đoạ. Theo đạo phái miền Bắc Ấn-Độ, ngài sinh năm 1028 (trước Thiên-Chúa) vào đời Chu-Chiêu vương. Đạo

phái miền Nam cho rằng ngài sinh khoảng 624. Nhưng theo các nhà bác học ngày nay thì ngài đồng thời với Không-phu-Tử nghĩa là Ngài xuất-thế vào năm 558 hay 520.

Đời vua Hán-Vũ-Đế (140-86), quân nhà Hán đánh Hung-Nô lấy được tượng Kim-nhân và thấy người Hung-Nô thấp hương thờ Phật, đến đời vua Ai-Đế là Công-lich năm thứ hai, vua Hán cho Tần-Cảnh-Hiến sang xứ rợ Nhục-Chỉ học truyền khẩu các kinh Phật. Người ta thấy tôn-giáo này có nhiều điều tốt đẹp và cũng muốn văn hồi nhân-tâm, thế-tục nên nhập-cảng Phật-giáo vào Trung-quốc. Có thể rằng văn-hồi nhân-tâm thế-tục không phải chỉ là phục-hưng tinh-thần đạo-đức trong đám dân chúng mà còn cả ở trong các giai-cấp phong-kiến, quý-tộc từ ngàn năm trước đã vì cuộc tranh dành quyền-vị mà gây nên bao nhiêu cuộc đảo-lộn xã-hội, thảm-cảnh máu đổ xương rơi. Các nhà chính-trị xưa và nay đều thường nhìn các tôn-giáo vào đời này trước hết, còn những người thường chỉ lưu-ý vào phần triết-lý và luân-lý của nó.

Rồi Phật-giáo mỗi ngày một đi sâu rộng trên đất Tàu qua các triều-dại. Vua Minh-đế nhà Đông-Hán phái Ban-Siêu đi sứ các nước Tây-vực. Hán-sứ báo cáo tình-hình Phật - giáo thịnh - hành ở đây nên sau đó nhà vua cử Thái-Am sang Tây-Trúc mời các thầy tăng Ấn-Độ về nước để thuyết-giáo tại Trung-quốc. Thái-Am mang về được 42 chương kinh. Đến đời Tam-Quốc mới có người Tàu giữ việc truyền-bá đạo Phật. Việc sưu-tầm kinh kệ càng ngày càng mạnh rồi các kinh kệ được dịch ra chữ Tàu để phổ-biến khắp dân gian. Đến đời nhà Đường (630) nhà sư Huyền-Trang (tục gọi là Đường Tam-Tạng) cũng qua Ấn-Độ với sứ-mạng khảo-cứu Phật-giáo và đem về Tàu được 650 bộ kinh. Bốn mươi hai năm sau, dưới đời Đường Cao-Tông, ông Nghĩa-Tĩnh rước về được 400 bộ nữa.

4— Một vài điều sai lầm về Sĩ-Nhiếp

Chép thân-thể và sự-nghiệp của Sĩ-Nhiếp, một lương-lại có tiếng thời Bắc-thuộc, trọng-nhập ở nước ta giữa buổi loạn-ly, nhiều nhà chép sử đã đề-rao một cách quá đáng vị quan cai-trị này : người ta tôn Sĩ-Nhiếp lên bậc Vương ; có người tặng cho Sĩ-

Nhiếp một sự-nghệp vĩ-dại hơn nữa : « *Nam-Bang học-tổ* ». Người ta còn gọi thời Sĩ-Nhiếp cai-trị đất Giao-Chỉ là một *Kỷ* : « *Sĩ-vương kỷ* » !

Chúng tôi không phủ-nhận sự-nghệp đáng kể của Sĩ-Nhiếp trong ngót nửa thế-kỷ cai-trị ở nước ta, nhưng chúng tôi muốn đính-chính những điều gì không được xác-thực, bằng những giòng dưới đây :

Năm Quý-Mùi (203), là năm thứ 3 đời vua Hán-Đế, Sĩ-Nhiếp bấy giờ làm Thái-thủ cùng với Thứ-sử Trương-Tân xin Hán-Đế dời Giao-Chỉ ra Giao-Châu. Lúc này Trung-Quốc giặc cướp nổi lên lung tung, ở Giao-Châu cuộc rối loạn cũng nhóm lác đác ở nhiều nơi. Sĩ-Nhiếp đã khéo léo trong việc cai-trị, hợp anh em trong nhà, chia nhau giữ các châu quận, nên lại khôi-phục được trật-tự ở Giao-Châu. Ngoài ra, ông khôn ngoan đối với Hán-triều (ông vẫn giữ lễ tiến cống) nên được phong làm *An-Viễn tướng-quân Long-độ-đỉnh hầu*. Sau này, nhà Đông-Hán đổ, Trung-Quốc lâm vào thế chân vạc do sự tranh giành ảnh-hưởng của ba nhà : Bắc-Ngụy, Tây-Thục và Đông-Ngô, thì Giao-Châu nằm trong khu-vực Đông-Ngô. Sĩ-Nhiếp liền theo về Đông-Ngô. Ông cũng vẫn giữ được hết thảy mọi quyền hành như với Hán-triều xưa kia. Tính ra tuy không là Thứ-sử nhưng ông đã làm được một sự nghiệp đáng kể ở Giao-Chỉ suốt 40 năm ròng. Chính-trị của ông rất khéo léo ở chỗ biết an-dân, trọng đãi trí-thức, được toàn-thể nhân-dân Giao-Châu ủng-hộ và tôn-sùng nên địa-vị của ông mới bền vững được lâu dài như vậy. Còn đối với các vương-triều Trung-Quốc, gió chiều nào ông che chiều ấy. Về việc người ta xưng ông là học-tổ Nam-Bang, đó là theo trong lệnh-chỉ của Trịnh-Tạc (1657-1682) và của Trịnh-Sâm (1767-1782) chép trong quyển *Sĩ-Vương sự-tích* trang đầu, bản sao của Trương-Bác-Cổ số A-426 tờ 41b và 46a — Trong bia đá làng Tam-Á và làng Lũng-Kê phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh, ông Nguyễn-Quán, đỗ Thám-Hoa, khoa Kỷ-Hợi (1659) cũng ghi như vậy.

Sự thực trong chính-sử không thấy chép Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang Việt-Nam, ngoài câu : « *Nước ta thông thị thư, tập lễ nhạc, gọi là văn - hiến bắt đầu từ Sĩ-Vương* » bởi văn-hóa Trung-Quốc nhập-cảng vào Giao-Châu đã có từ 3 thế-kỷ trước khi có Sĩ-Nhiếp. Tới khi Sĩ-Nhiếp cầm quyền ở nước ta người Giao-

Châu đã có một số đồ *Hiếu-liếm* và *Mậu-tài* rồi. Có chỗ tôn thời Sĩ-Nhiếp là *Sĩ-Vương kỷ*, có lẽ sử-thần giặc trong khoảng 100 năm quan lại Tàu không có người chính-thống trong sạch, nay gặp một nhân-quan như Sĩ-Nhiếp, dân được yên vui hơn 40 năm cho nên đã tôn Sĩ-nhiếp là Vương.

Sĩ-Nhiếp tuy có tiếng là quan cai - trị cả 7 quận nhưng thực ra ông ta chưa hề nắm giữ được toàn-cối Giao-Châu bao giờ. Trong đời Sĩ-Nhiếp, chính Trương-Tân mới là người được vua Hán Hiến-Đế phong làm Thứ-Sử Giao-Châu. Ta nên nhớ Châu cai-trị Quận. Còn về ảnh-hưởng thì lấy sự công-bằng mà nói Đào-Hoàng bốn đời, Đỗ-Viện ba đời làm thứ-sử, độc-quyền cả Châu-Giao còn gây được nhiều ơn-ích hơn Sĩ-Nhiếp.

So sánh với các lương-lại kể trên đã lấy việc lễ-nghi, điều nhân nghĩa dạy cho dân Giao-Chỉ và Cửu-Châu để người ta biết đạo vợ chồng, nghĩa cha con, tình thầy trò, bằng hữu biết thương yêu kính mến nhau, sự-nghiệp của Sĩ-Nhiếp chưa dễ đã hơn, vậy mà họ còn chưa được chép riêng ra một kỷ.

Còn điều Sĩ-Nhiếp được gọi là Sĩ-Vương, là do triều Trần phong ông làm Đại-Vương theo lệ phong-tặng bách-thần, sau Ngô-sĩ-Liên dưới đời Lê đã nhân tước Đại-Vương mà chép là Sĩ-Vương. Dù sao chúng ta cũng phải nhận rằng việc tôn-kính Sĩ-Nhiếp như thế cũng có một vài phần đích-dáng, do ông đã dựng chính-sách nhân-nghĩa đối với dân ta xưa kia. Còn chuyện ông đã đem chữ Nho sang dạy ta đầu tiên thì không có bằng chứng. Đây là ý-kiến của Ưng-Hồ Nguyễn văn-Tổ.

CHƯƠNG VI

CUỘC CÁCH-MẠNG GIẢI-PHÓNG DÂN-TỘC THỨ HAI CỦA DÂN GIAO-CHỈ

- Bà Triệu chống nhau với Đông-Ngô
- Lâm - Ấp quấy phá Giao - Châu

1 — Bà Triệu chống nhau với Đông-Ngô

Thời-cuộc của các vương-triều Trung-Quốc bấy giờ luôn luôn có ảnh-hưởng đến Giao-Châu. Trên đây đã nói nhà Đông-Hán đồ thì Trung-Quốc chia ra làm 3 nước Bắc-Ngụy, Tây-Thục, và Đông-Ngô, Giao-Châu thuộc về khu-vực của nhà Đông-Ngô. Tuy rằng Sĩ-N hiếp lúc sinh-thời rất khôn-ngoa, chịu lệ-thuộc về Ngô-Chủ nhưng tình-thế Giao-Châu dưới con mắt của nhà Đông-Ngô chỉ có thể coi là một chuyện tạm thời, bởi khi đó chính quyền của Đông-Ngô chưa được củng-cố đầy đủ. Khi thế của Đông-Ngô hầu vững thì triều-dinh Đông-Ngô không chịu để kéo dài chế-độ tự-trị của Giao-Châu nữa. Đông-Ngô cũng muốn đặt một chế-độ trực-trị tại đây vì xét có lợi hơn hoặc dễ nắm chặt được dân bị trị hơn. Lúc này, Sĩ-Nhiếp đã qua đời (năm Bính-Ngọ, 226 sau Công-Lịch), con là Sĩ-Huy tự-dộng lên thay quyền Thái-thủ. Đông-Ngô liền xếp đặt lại mọi việc. Về đất đai, Đông-Ngô chia đất Giao-Châu từ Hợp-Phố về Bắc đặt tên là Quảng-Châu, cử Lữ-Đại làm Thứ-sử. Từ Hợp-Phố về Nam gọi là Giao-Châu, đặt Đái-Lương làm Thứ-sử. Còn quận Giao-Chỉ

về miền Bắc-Việt bấy giờ phái Trần-Thì làm Thái-thủ thay con cháu Sĩ-Nhiếp. Như vậy quan-niệm và tổ-chức chính-trị của Đông-Ngô không khác gì Đông-Hán trước đó.

Thật là một cuộc thay đổi lớn-lao và đột-ngột. Sĩ-Huy chống lại việc thay đổi đó, nhưng thấy binh-lực của bọn Lữ-Đại mạnh nhiều, sau năm anh em Sĩ-Huy phải thuận theo lời chiêu dụ. Lữ-Đại liền bắt chém hết bọn Sĩ-Huy và đưa đầu về nộp triều-đình Đông-Ngô. Quảng-Châu và Giao-Châu lại sáp-nhập, trong lúc này quận Cửu-Chân cũng rồi ren. Lữ-Đại lại một phen nữa đem quân đánh dẹp giết hại hàng vạn người rồi phái các chức tòng-sử-sự tới tuyên-truyền đức hóa của vua Ngô. Các nước Lâm-Ấp, Phù-Nam, đều cho sứ sang cống. Đề thưởng công, Ngô-Chủ phong thêm cho y chức *Trấn-Nam tướng quân*.

Dưới chế-độ của Hán-triều, dân Giao-Chỉ đã đau khổ lắm than. Cuộc thay đổi mới mẻ này với Đông-Ngô cũng không cải thiện được đời sống của Giao-Chỉ phần nào. Tóm lại, chế-độ trực-trị của Trung-Quốc bao giờ cũng tàn ác, do sự tham bạo vô độ của các quan lại Tàu, vì vậy lửa loạn lại âm-i trong tâm-hồn người Giao-Chỉ.

Năm Mậu-Thìn (248), tức là năm thứ 11 nhà Đông-Ngô, khi Lục-Dận sang làm Thứ-sử Giao-Châu, non sông Việt-Nam lại sản-xuất thêm một vị nữ-kiệt, rồi một phen nữa, ngọn cờ nương-tử được phất lên tại quận Cửu-Chân theo gương hai chị em bà Trưng trước đó 2 thế-kỷ. Lần này, người khởi cuộc Cách-mạng năm Mậu-Thìn cũng là một phụ-nữ sinh trưởng ở huyện Nông-Cống (thuộc tỉnh Thanh-Hóa) mới trên 20 xuân xanh tên Triệu thị-Trinh, cũng thuộc giòng quý-tộc, và chưa có chồng (có sách chép tên là Triệu-Nguyên). Người Tàu căm giận đặt tên là Triệu-Ấu. Chữ Ấu có nghĩa là «mẹ».

Bà Triệu (người Việt tôn là Bà đề tổ lòng sùng-kính hơn), trong cuộc Cách-mạng Mậu-Thìn đã biểu-dương sự phản-úat của quý-tộc và dân-chúng Giao-Châu, mặc dầu lực-lượng của mình đối với quân xâm-lăng rõ rệt quá sút kém. Bà mồ-côi cha mẹ từ thuở nhỏ nên phải ở với anh là Triệu quốc-Đạt. Bà gặp người chị

dầu cay-nghiệt và tầm thường nên không chịu được tính-tình hiền-ngang khác người của bà. Quả vậy, cô gái thơ ầy có một thể-chất cương-cường, một tinh-thần bất-khuất ngay kẻ nam-nhi cũng ít sánh kịp. Có lẽ vì các dị-tính đó mà bà Triệu đã giết chỉ dầu để khỏi có sự cản-trở trên con đường tranh-dấu của mình cho dân, cho nước. Không những bà có chí khí anh hùng, bà lại có sự sức mạnh và mưu-lược nên hàng nghìn tráng-sĩ đã xin theo chiến-dấu dưới cờ và cùng vào rừng núi để rèn hình luyện võ.

Buổi đầu, ông Triệu quốc-Đạt không tán-thành công cuộc của bà và lấy những lời lẽ thông thường để khuyên can, nhưng sau ông chịu theo ý-kiến của em gái, xét cuộc tranh-dấu dầu thành hay bại vẫn là điều hữu-ích. Bà Triệu trong cuộc biện-luận với anh, đã đề lại sau này trong Lịch-sử một lời khẳng-khái bất-hủ :

" Tôi muốn cưới cơn gió mạnh, đập đường sóng dữ, chém cá tròng-kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đầm đui, chứ không thêm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng làm ti-thấp cho người ta... "

Triệu quốc-Đạt cũng Em khởi binh đánh quận Cửu-Chân. Trong chiến-trận, bà tỏ ra can-đảm phi-thường nên được tôn làm chủ tướng. Bà mặc áo giáp vàng, cưỡi voi xông ra trước quân địch như đi vào chỗ không người. Tiếng *" Nhụy-kiều tướng-quân "*, một thời đã vang lừng cõi Giao-Châu và từng làm khiếp-dảm quân Ngô luôn trong 6 tháng. Sau cuộc chiến-dấu vì quân ít, thế cô nên bắt lợi dần. Bà lui binh đến xã Bồ-Điền (ngày nay đổi tên là Phú-Diễn thuộc huyện Mỹ-Hòa, Thanh-Hóa) rồi tự tử. Để kỷ-công người nữ chiến-sĩ đã hy-sinh cho nền Tự-do của dân-tộc, Vua Nam-Đế nhà Tiền-Lý sau này cho dựng miếu thờ và phong là : *" Bật chính anh-liệt hùng-tát trính-nhất phu-nhân "*.

Cuộc cách-mạng Mậu-Thìn (248) bị dập tắt thì 16 năm sau (năm Giáp-Thân 264) đất đai Giao-Châu lại chịu thêm một cuộc phân chia khác. Nhà Ngô hợp đất Nam-Hải, Thương Ngô và Uất-Lâm lại

thành Quảng-Châu, đặt châu-trị ở Phiên-Ngung. Hợp Phố, Giao-Chỉ, Cửu-Chân và Nhật-Nam thành Giao-Châu, châu-trị đóng ở Long-Biên. Xét như vậy đất Nam-Việt của nhà Triệu xưa kia do cuộc phân chia này thành ra Giao-Châu và Quảng-Châu bấy giờ. Việc này có tính-cách tập-trung để tiện việc cai-trị.

Trung-Quốc từ khi có cuộc tam-phân Bắc-Nguy, Tây-Thục và Đông Ngô, lại mở màn cho nhiều cuộc biến-loạt liên-miên. Sau nhà Tấn phá được nhà Ngụy rồi đem binh chiếm Giao-Châu. Nhà Ngô phái tướng Đào-Hoàng sang đánh lại. Sau đó, Đào-Hoàng được phong là Giao-Châu-Mục cho đến năm 280, Ngô mất thì Đào-Hoàng đem Giao-Châu nộp cho nhà Tấn. Họ Đào được giữ nguyên địa-vị.

Cuộc tập-trung đất đai trên đây của nhà Đông Ngô để để điều-kiện guồng máy cai-trị không đạt được mục-dích. Bọn quan-lại của Trung-Quốc trước tình-trạng đại loạn, loạn từ chính-quốc sang tới thuộc-quốc, tất nhiên thấy địa-vị của mình luôn luôn bất chắc, nên chỉ lo vơ vét cho đầy túi tham, hưởng-hồ từ bao nhiêu họ lại thêm cái bệnh phong-kiến hay sinh trưởng ở cái huyết-thống phong-kiến sẵn chất tham tàn. Còn dân Giao-Châu từ hai cuộc Cách-mạng Trung-Triệu bắt đầu đứng trước cái đà đã mở, hoàn-cảnh chính-trị khắt-khe lại luôn luôn thúc-bách nên họ không sao ngừng tranh đấu. Đến đời nhà Tấn vẫn không có sự thay đổi tốt đẹp nào, lại tệ hơn là khác. Tấn dựng được cơ-nghiệp xong trên đất Trung-Hoa liền phong cho bà con thân thuộc trấn giữ các nơi để làm vây cánh. Bọn này tranh nhau quyền lợi đem quân đánh phá lẫn nhau, chính họ đã thốc-sinh ra một phần lớn sự biến-loạt ngoài những hành-động nhúng-lạm. Từ Ngô qua Tấn, dân Giao-Châu thường nổi lên giết bọn Thái-thú. Trong nước không mấy khi có sự yên-ôn hẳn.

BÀ TRIỆU

Cao một trượng, cả một vùng,
Bỏ tóc ngang lưng, vú chấm sừng.
Hợp chúng rừng xanh oai náo nức,
Cưỡi đầu voi trắng, tiếng vang lừng.

Mắc dài trở vấy tan đàn giặc,
 Ngồi cả lăm le học họ Trung.
 Vì có anh-hùng duyên định mảy,
 Thời chi Đông-Hán dám lung-lăng.

Vô-danh (Thơ đời Hồng-đức)

2— Lâm-Ấp quấy phá Giao - Châu

Trên đây chúng ta thấy dưới đời nhà Tấn dân Giao-Châu có phần cơ-cực hơn bao giờ hết. Họ bị lôi cuốn vào cuộc đánh phá lẫn nhau của các thân vương khi đó giữ quyền ở các phiên-trấn, ngoài cái nạn bóc-lột đã từ lâu thành một sự-trạng thường xuyên. Sự đói khổ trong dân gian cũng là một mầm biến-loạn nữa. Thêm vào đó là sự quấy nhiễu của nước Lâm-Ấp. Vị-trí của nước này bắt đầu từ tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị vào tới lục tỉnh Nam-Việt ngày nay. Người ta phỏng đoán cội rễ người Lâm-Ấp thuộc giống Mã-Lai, theo văn-minh Ấn-Độ và giống Mã-Lai tức là giống Anh-dô-nê-diêng (Indonésiens) xưa kia bị giống Aryens đánh bật ra khỏi Ấn-Độ rồi lan tràn sang bán-đảo Hoa — Ấn. Họ đồng-hóa với giống Cao-Mên và giống Chiêm-Thành trong khi một chi-phái của họ hợp với giống Mông-Cồ làm thành dân-tộc Việt-Nam hấp-thụ văn-minh Trung-Quốc.

Văn-hóa của Lâm-Ấp là văn-hóa Ấn-Độ. Người Lâm-Ấp đã hùng-cường kể từ đệ-nhi thế-kỷ. Họ thường đem quân quấy nhiễu địa phận Nhật Nam là một địa phận giáp giới. Khi dân Giao-Châu ta còn thuộc nhà Đông-Hán, tại địa-diểm này có một quan cai-trị Tàu trọng nhậm đề phòng sự đánh phá của Lâm-Ấp. Qua các triều-dại sau như đời Tam-Quốc, đời Đông-Tấn sự rối loạn ở đất Nhật-Nam cứ luôn luôn tiếp diễn.

Năm Quý-Sửu (353) dưới đời vua Mục-Đế nhà Đông-Tấn Thứ-sử Giao-Châu là Nguyên-Phu đánh vua Lâm-Ấp, phá được 50 đồn lũy thì năm 399 Lâm-Ấp cướp được 2 quận Nhật-Nam và Cửu-Châu rồi định tràn tới cả Giao-Châu. Thái-thủ Giao-Châu là Đỗ-Viện ngăn được và lấy lại cả hai châu đã mất, sau được phong làm Giao-Châu Thứ-sử. Từ năm Quý-Sửu (413) đến năm Canh-

Thân (420) cứ luôn luôn có cuộc xung đột giữa Lâm-Ấp và Giao-Châu, nhưng từ năm Cash-Thân, Giao-Châu đại thắng chém giết người Lâm-Ấp vô cùng tàn hại, sự quấy rối của Lâm-Ấp mới tạm yên ít lâu và hằng năm Lâm-Ấp phải tiến-cống voi, vàng bạc; đổi mỗi v. v...

Dưới thời Nam-Bắc-Triều (420-588) khi Tấn đồ, nhà Tống hưng khởi ở phương Nam và Ngụy thân được Lương, Yên, Hạ lập nên Nam-Bắc triều. Trung-Quốc lại trở về với cái cảnh tam phân ngũ liệt gần như dưới thời Đông-Chu : một lực-lượng cát-cứ miền Hoa-Bắc, một lực lượng ngự-trị miền Hoa-Nam. Các ngai vàng luôn luôn thay đổi. Do vị-trí của nó, Giao-Châu thuộc về Nam-Triều. Lâm-Ấp muốn nhân cơ-hội biến-loạn ở Trung-Quốc cho sứ sang điều-đình với Tống-Triều cho " bao thầu " đất Giao-Châu, nhưng đề-nghị của họ không được chấp thuận.

Trái lại năm 468 tháng ba, mùa hạ, triều Tống cử Đoàn hòa-Chi sang làm Thứ-sử Giao-Châu và cầm tướng lệnh đi đánh Lâm-Ấp. Vua Lâm-Ấp là Phạm Dương-Mại hoảng sợ xin trả lại các người dân Nhật-Nam bị Lâm-Ấp bắt trước đây và xin nộp một vạn lạng vàng và mười vạn lạng bạc để tạ tội.

Đoàn hòa-Chi dâng biểu về Tầu xin ý-kiến; trong khi này nội bộ Lâm-Ấp kẻ chủ hòa, kẻ chủ chiến nên sứ-giã của Tống đến nói chuyện bị giữ lại. Tức thì quân Tống hăm ngay thành Khu-Lật. Tướng Lâm-Ấp giữ thành này là Phù-Long bị giết. Phạm Dương-Mại ở tình-thế chẳng đứng, phải đứng ra chống Tống cứu thành cũng bị bại rồi mang vợ con đi trốn. Quân Tống vào thành tha hồ vơ vét vàng bạc.

Sử không ghi rằng sau cuộc thắng trận này nhà Tống có lập nên đô-hộ ở Lâm-Ấp không, có lẽ họ đã cho Lâm-Ấp đầu hàng và hàng năm nộp cống.

CHƯƠNG VII

NHÀ TIỀN-LÝ (544-602)

- 1) *Lý Nam-đế*
- 2) *Triệu Việt-vương*
- 3) *Hậu Lý-Nam đế*

1— **Lý-Nam-Đế** (544 - 548)

Năm Kỷ-Mùi (479) bên Trung - Quốc nhà Tống mất ngôi, nhà Tề lên thay rồi 22 năm sau Tề bị Lương đánh đổ. Bọn quan cai-trị Tàu cũng quen thói như những bọn trước là nhân cuộc biến-loạn bên chính-quốc mà tranh quyền-lợi ở các biên-cương và mưu-sự độc-lập lối địa-phương tự-trị. Bấy giờ Thừ-sử Tiêu-Tư cai-trị đất Giao-Châu cũng đi theo vết xe đổ của bọn Tô-Định, Lục-Dận, Lữ-Đại; nhân dân Giao-Châu thấy ngột-ngạt vì cái không khí nội-biến, ngoại-xâm (việc cướp phá của Lâm-Áp) liền họp cơ-hội chính-quyền của bọn thống-trị nghiêng ngửa liền hưởng-ứng theo tiếng gọi của ông Lý-Bôn (còn tên khác là Lý-Bí) người huyện Thái-Bình thuộc Phong-Chuy, tức là Sơn-Tây ngày nay, ông vốn cội rễ là người Tàu. Tò-tiên ông chạy loạn dưới đời Tây-Hán qua Giao-Châu đến ông là 7 đời nên có tính-tình hoàn-toàn như người bản-địa. Ông có đủ tài văn võ, đã có thời làm quan với nhà Lương, sau bất-đắc-chí liền cùng nghĩa-sĩ bốn-phương họp nhau đánh đuổi Tiêu-Tư. Việc khởi nghĩa nhằm năm Tân-Dậu (541) tức năm Đại-Đồng thứ 7 đời Lương Vũ-Đế.

Bấy giờ ông coi quận Cửu-Đức, liên-kết được vài châu, các hào-khiết đều hưởng-ứng. Tại Chu-Diên có tù-trưởng Triệu-Túc đem quân theo trước nhất.

Tháng chạp năm Nhâm-Tuất (542) nhà Lương sai Lư-Tử-Hùng là Thứ-sử châu Tân và Tôn-Quỳnh Thứ-sử châu Giao sang đánh. Bọn này dùng dằng không muốn tiến quân. Tiêu-Tư làm sớ về triều Lương vu-tấu bọn Hùng, Quỳnh giao-thông với người ngoài cõi, nên hai người này bị tử tội.

Lúc này Lý-Bôn đã chiếm thành Long-Biên được 3 năm (năm Quý-Hợi 543). Tháng 4 năm ấy vua Lâm-Áp là Luật-dà-la-bát-ma (Rudravarman I) vào cướp phá quận Nhật-Nam (Nhật-Nam còn được nhà Lương gọi là Đức-Châu) Lý-Bôn sai Phạm-Tu đem quân đánh dẹp, Phạm-Tu thắng trận ở Cửu-Đức. Vua Lâm-Áp bỏ chạy.

Năm Giáp-Tí (544) Lý-Bôn tự xưng Nam-Việt Đế lấy niên-hiệu là Thiên-Đức, ngang với nhà Lương là năm thứ 10 hiệu Đại-Đồng, và lấy quốc-hiệu là Vạn-Xuân sau khi đuổi hẳn được Tiêu-Tư. Ông thiết-lập triều-dình, cho Triệu-Túc làm thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng văn, Phạm-Tu làm tướng võ.

Cũng năm ấy, nhà Lương phái Tả-vệ tướng-quân là Lan-Khâm sang đánh Nam-Việt Đế. Lan-Khâm mới vượt khỏi Ngũ-Lĩnh đã bị bệnh và chết. (*Đại-Việt sử-ký* quyển 5 tờ 2 a-b).

Tháng sáu năm Ấp-Sửu (545) là năm thứ hai hiệu Thiên-Đức, nhà Lương cử Dương-Siêu (*Việt-Nam sử-lược* chép là Dương Phiêu) làm Thứ-sử châu Giao, Trần bá-Tiên (sau là Cao-tổ nhà Trần bên Tàu) làm Tư-mã và hạ lệnh cho Thứ-sử châu Định là Tiêu-Bột hợp quân với Dương-Siêu cùng đánh.

Ông Lý-Bôn đem ba vạn quân chống nhau với quân Lương ở Chu-Diên bị thua, chạy đến sông Tô-Lịch lại bại trận lớn hơn nữa, sau phải rút về Gia-Ninh (phủ Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên). Tháng giêng năm Bính-Dần (546) quân Lương vây hãm được thành và chiếm được vào ngày 25-2-546. Lý Nam-Đế chạy thoát được về vùng Tân-Xương (tỉnh Sơn-Tây). Đến tháng tám, Lý Nam-Đế

đem 2 vạn quân ra đóng ở hồ Điền-Triệt (nay ở huyện Lập-Thạch, tỉnh Vĩnh-Yên) chế-tạo thuyền bè định phản-công. Tại đây quân Trần bá-Tiên lại thắng trận lớn nữa vì Lý Nam-Đế không kịp phòng-bị. Ngài lại rút về Tân-Xương (có chỗ chép là Tân-Hung) để chấn-chỉnh lại quân-đội sau giao binh quyền cho Tả-tướng quân Triệu quang-Phục (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5 từ 3 và *Toàn thư* quyển 4 từ 16 b - 17 a).

Từ năm 547 miền đồng bằng Bắc-Việt và miền Bắc Trung-Việt lại lệ-thuộc về Tàu. Anh Lý Nam-Đế là Lý Thiên-Bảo cố đánh được Đức-Châu (Nghệ-An, Hà-Tĩnh ngày nay) nhưng không bao lâu lại bại trận ở Ái-Châu, phải đào-tàu.

Triệu quang-Phục là con Thái-phó Triệu-Túc ; hai cha con ông theo Lý Nam-Đế đã lâu, vừa là tướng có tài, vừa là người trung-thần nên được lĩnh sứ-mạng đó ; thấy quân Tàu còn mạnh, Triệu rút quân về Dạ-Trạch là nơi đồng lầy, chung quanh sần rừng núi (thuộc tỉnh Hưng-Yên bây giờ). Ông thiết-lập doanh trại ở bên trong rất là bí-mật, hiểm trở rồi cứ đêm tối dùng thuyền độc mộc đem thủy-quân ra đánh, cướp được lương-thực về nuôi quân - đội. Lối du-kích chiến này ông là người thực-hành đầu tiên đã mang lại nhiều thắng-lợi, nên Trần bá-Tiên mặc-dầu quân hùng tướng mạnh đánh mãi không xong Năm Mậu-Thìn (548) Lý-Nam-Đế mất. Năm sau Triệu lên thay xưng là Việt-Vương, nhưng lương-thực hao mòn dần. Tình-thế giữa đôi bên vẫn nhùng-nhằng, chẳng ngã ngũ bề nào thì nhờ dịp bên Trung-Quốc có loạn Hầu-Cảnh, Trần bá-Tiên phải triệu về đề từ-tướng là Dương-Sán ở lại trông nom việc quân. Triệu thừa dịp này tấn-công quân Tàu rồi lấy lại thành Long-Biên.

Về phía quân Tàu được yên thì Triệu Việt-Vương lại phải đối-phó với Lý Phật-Tử. Nguyên Lý Phật-Tử là người họ của Lý Thiên-Bảo, Thiên-Bảo là anh họ của ông Lý-Bôn khi ông Lý-Bôn thất thế thì cả bọn chạy vào quận Cửu-Chân rồi bị quân Lương đuổi phải bôn tâu qua xứ Lào, đến đóng ở Dạ-Năng xưng là Đào-Lãng vương lấy quốc-hiệu là Dạ-Năng. Lý Thiên-Bảo mất (năm thứ 7 đời Triệu Việt-Vương) không con nên giao binh quyền cho Lý Phật-Tử. Năm Đinh-Sửu (557) Lý Phật-Tử đem quân về tranh giành địa-vị với Triệu

Việt-Vương nhưng đánh mấy trận đều không có kết-quả liền xin Việt-Vương chia đất giảng-hòa. Việt-Vương nghĩ tình cố-chủ và thương hại trăm họ bấy lâu đau khổ vì chiến-tranh nên ưng lời đề-nghị của Lý Phật-Tử. Địa-giới của Việt-Vương kể từ Long-Biên ra bãi Quần-Thần làng Thượng-Cát, huyện Từ-Liêm. Còn Lý Phật-Tử đóng tại Ô-Diên (tức làng Đại-Mỗ huyện Từ-Liêm trở về xuôi). Triệu Việt-Vương còn gả con gái là Cảo-Nương cho Phật-Tử để mưu-cuộc hòa-hiếu lâu dài, không ngờ Phật-Tử vẫn giữ manh-tâm trước.

Năm Tân-Mão (521) Phật-Tử xuất quân đánh bắt thành-linh vào Long-Biên. Triệu Việt-Vương xuất kỳ bất ý phải chạy đến sông Đại-Nha (huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định) thì nhảy xuống tự vẫn.

HẬU LÝ-NAM-ĐẾ (571-602) Hạ được Triệu Việt-Vương. Lý Phật-Tử xưng Đế-hiệu (tức là Hậu Lý Nam-Đế) cắt Lý đại-Quyền giữ thành Long-Biên, Lý Phò-Đĩnh giữ Ô-Diên, kinh-dô rời về Phong-Châu (thuộc huyện Bạch-Hạc tỉnh Vĩnh-Yên). Chính-quyền như vậy đã được thống-nhất, công cuộc của ông không thành-tựu lâu dài vì chính-sự bên Trung-Quốc lại được ổn-định. Nhà Tùy đánh đồ, được nhà Lương đầu hàng gồm được cả Nam-Bắc, đến năm Nhâm-Tuất (602) phái Lưu-Phương đem 27 doanh sang đánh Hậu-Lý Nam-Đế. Xét không kháng-cự nổi quân nhà Tùy, Lý Phật-Tử chịu nghe lời dụ và kéo cờ hàng. Giao-Châu lại lệ-thuộc về Trung-Quốc thêm một giai-đoạn nữa (giai-đoạn này kéo dài 336 năm).

CHƯƠNG VIII

BẮC - THUỘC LẦN THỨ TƯ (603 - 939)

- Nhà Tùy và nhà Đường đối với Lâm-Ấp và Giao-Chi
- Mai Hắc-Đế và Bồ-Cái Đại-vương
- Cuộc xâm-lãng của Nam-Chiếu
- Sự-nghiệp của Cao-Biên

1 — Nhà Tùy đánh Lâm - Ấp Nhà Tùy mất năm Mậu-Dần (618) sau 28 năm ở ngôi. Vương triều này không để lại gì trên Lịch-sử Việt-Nam vì quá ngắn-ngủi nhưng sử chép rằng năm Nhâm-Tuất (602) khi nhà Hậu-Lý Nam-Đế hết thời (Ất-Sửu - 605) tướng nhà Tùy là Lưu-Phương được lệnh đem quân đánh Lâm-Ấp vì nghe nói nước này có nhiều vàng bạc và quý vật.

Lâm-Ấp lúc này cũng khá mạnh. Quốc-Vương là Phạm phạm-Chi, nghe tin quân Tùy tới bèn sửa soạn chống đỡ.

Hai quân buổi đầu gặp nhau ở sông Đà-Lê (?). Quân Tùy vượt qua sông đánh quân tiền-đạo của Lâm-Ấp. Đại binh của Lâm-Ấp đến cứu với một số voi trận (Việt-Nam dưới đời nhà Trưng đã biết sử-dụng tượng binh).

Lưu-Phượng liền bày mẹo, đào hố phủ cỏ lên rồi như đối-phương tới. Quân Tùy vờ bại trận chạy, tượng-binh Lâm-Ấp đuổi theo sa hết xuống hố. Tức thì quân-Tùy trở lại phản-công kịch-liệt, cung nỏ bắn tên bay qua như mưa cũng làm cho một phần tượng binh phải kinh sợ tháo lui giày xéo lên quân Lâm-Ấp chết hại nhiều.

Trận đánh tiếp diễn luôn 8 ngày đêm sau đó quân Tùy mới tiến được vào thủ-đô Lâm-Ấp. Vua Lâm-Ấp bấy giờ đã cùng Hoàng-gia rút khỏi kinh-thành.

Quân Tùy vào cướp phá rồi rút về sau khi quốc-vương xin tiếp tục cuộc hòa-hiếu và tiến cống như cũ. Đến đời Đường Thái-Tông vào năm Trinh-quan, vua Lâm-Ấp là Phạm Đầu-Lê chết đi, con là Phạm Trấn-Long nối ngôi bị giết, người con của bà cô là Chư-Cát-Địa được tôn lập.

Chư-Cát-Địa đổi quốc-hiệu ra Hoàn Vương - Quốc nhưng nước này vẫn quen thói quấy nhiễu Giao-Châu. Đã có phen họ chiếm được châu Hoan, châu Ái (tức là hai tỉnh Thanh-Nghệ của ta).

Hai thế-kỷ sau vào năm Mậu-Tí (808), Đô-hộ Trương-Chu lại đem quân đánh Hoàn Vương-Quốc rất tai hại khiến họ phải lui xuống phía-Nam (hai vùng Nam-Ngãi bây giờ).

Lại một lần nữa do sự thất-bại, quốc-hiệu Lâm-Ấp đổi ra Chiêm-Thành cho tới ngày nay.

2 — Nhà Đường đổi với Việt - Nam

Năm Mậu-Dần (618), nhà Tùy mất sau 28 năm thống trị, nhà Đường lên thay. Ba năm sau, vua Cao-Tô phái Khâu-Hòa làm đại-tổng-quản sang cai-trị Giao-Châu. Việc phái một võ-tướng qua Giao-Châu cho ta hiểu rằng nhà Đường đã áp-dụng một chế độ quân-phiet đối với chúng ta. Họ rút kinh-nghiem ở dĩ-vãng giữa Giao-Châu với các vương-triều Trung-Quốc trước nên đề-phòng cẩn-mật mọi sự bất-chắc bằng một chính sách hoàn toàn võ-lực, chính-sách này ta, nhiên phải dùng đến nhiều luật-lệ khe-khắt, thời nào cũng vậy và ở đây, ta thấy nhà Đường đã rất am-hiếu vấn-đề Giao-Châu.

Năm Kỷ-Mão (679), Giao-Châu đổi ra An-Nam đô-hộ phủ

dưới đời Đường Cao-Tông, chia ra 12 châu, 59 huyện. Nhiều tỉnh bên Trung-Quốc cũng lâm vào cuộc cải-cách này. (Nước ta đeo cái tên An-Nam kể từ thuở đó).

Mười hai châu như sau :

- 1) Giao-Châu có 8 huyện (Hà-nội, Nam-Định v.v..)
- 2) Lục-Châu có 3 huyện (Quảng-Yên, Lạng-Son)
- 3) Phúc-lộc-Châu có 3 huyện (Sơn-Tây)
- 4) Phong-Châu có 3 huyện (Sơn-Tây)
- 5) Thăng-Châu có 3 huyện
- 6) Trường-Châu có 3 huyện
- 7) Chi-Châu có 7 huyện
- 8) Võ-Nga-Châu có 7 huyện
- 9) Võ-An-Châu có 2 huyện
- 10) Ái-Châu có 6 huyện (Thanh-Hóa)
- 11) Hoan-Châu có 4 huyện (Nghệ-An)
- 12) Diễn-Châu có 7 huyện (Nghệ-An)

Còn một châu nữa ở phía Tây Bắc Giao-Châu, hẳn là vùng Thượng-du Bắc-Việt bây giờ, có dân Mường, Mán trú-ngụ, gọi là Man-Châu, (có 3 huyện) hàng năm phải tiến-cống nhà Đường và chịu một chế-độ riêng biệt.

3 — Mai Hắc-Đế khởi nghĩa (722)

Dưới bàn tay sắt của nhà Đường, phương Nam có được yên trị không ? Ta có thể nói rằng không.

Từ khi nhà Đường lên ngôi là năm Mậu-Dần (618) đến năm Nhâm-Tuất (907) tức là trong vòng ba thế-kỷ, phương Nam luôn-luôn rối loạn, khi ở địa-hạt này, khi ở khu-vực khác, tuy không to tát. Đến năm thứ 10 dưới đời Đường Huyền-Tông (sau hơn một trăm năm) Mai Thúc-Loan, người Hoan-Châu thuộc huyện Thiên-Lộc (hay Can-Lộc, Hà-Tĩnh) phất cờ Cách-Mạng. Ông rất khoẻ mạnh, to lớn mặt

đen xì, thấy nhân-dân quần quai dưới ách tham-tàn của bọn quân lại nhà Đường, liền hô hào trăm họ đứng dậy chống quân xâm-lược. Ông được các nơi hưởng-ứng nhiệt-liệt. Việc đầu tiên của ông là chiếm lấy một nơi để làm căn-cứ tại Hoan-Châu thuộc huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An, xây thành đắp lũy, tự xưng là hoàng-đế và được mệnh danh là Hắc-Đế. Ông liên-kết ngay với Lâm-Áp và Chân-Lạp để có hậu-thuần và rộng đường lui tới, càng làm cho nhà Đường thêm lo ngại.

Nhà Đường phái quân do Dương tư-Húc điều-khiển, sang hợp với Đô-Hộ Quang Sở-Khách đánh Mai Hắc-Đế. Hắc-Đế không cầm cự nổi phải bỏ chạy và ít lâu bị bệnh mà mất.

Theo Đông-Tùng trong *Minh-Tân tạp-chi* số 48, nghĩa-quân chạy tới sườn núi Hùng-Sơn tục gọi là Rú-Đụn, bên bờ Lam-Giang sau một trận ác-chiến cuối cùng, Mai Hắc-Đế đã vì nước hy-sinh một cách vô cùng anh dũng.

Nay ở núi Vệ-Sơn, huyện Nam-Đường, tỉnh Nghệ-An còn có di-tích thành cũ của vua Hắc-Đế và còn đền thờ Ngải ở xã Đức-Nậm, huyện Nam-Đường (Nam-Đường nay đổi là Nam-Đàn), kiến-trúc rất huy-hoàng.

4— Giặc Côn-Lôn và Đờ - Bà

Năm Đinh-Vị (767), là năm Đại-Lịch thứ hai đời vua Đại-Tông nhà Đường, giặc bề là quân Côn-Lôn và Đờ-Bà vào cướp phá Giao-Châu, vây hãm phủ-trị. Kinh-lược sứ là Trương bá-Nghi cùng với Đô-Úy Cao chính-Bình hợp nhau trừ được quân giặc bề. Sau này Trương bá-Nghi cho đắp La-thành để đề-phòng mọi cuộc biến-loạn. La-thành có từ bấy giờ.

5 — Bô-Cái Đại-Vương

Việc đánh dẹp yên, năm Tân-Vị (791) Cao chính-Bình được cử giữ chức Đô-Hộ Giao-Châu. Y cai-trị dân rất là tàn ác, lòng người oán giận vô cùng.

Tại quận Đường-Lâm thuộc huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây, Phùng-Hưng vận-dộng dân-chúng đánh phá phủ-trị khiến Cao chính-

Bình lo sợ mà chết. Quân Giao-Châu chiếm được La-thành và phủ-trị nhưng mấy tháng sau Phùng-Hưng bị bệnh qua đời, nhân-dân nhớ ơn ông lập đền thờ và gọi ông là Bổ-Cái đại vương Bằng danh-từ này, dân tỏ ý quý ông như cha mẹ vì nhận thấy ở ông một tấm lòng thương giống xót nòi, như cha mẹ đối với con cái. Con ông là Phùng-An được nhân-dân tôn lên để kế-nghiệp.

Nhà Đường lại đem quân sang dẹp, cử Triệu-Xương làm Đô-hộ. Phùng-An yếu thế, đành phải hàng.

6 — Cuộc xâm-lăng Giao-Châu của Nam - Chiếu

Giao-Châu đau khổ về cuộc thống-trị của nhà Đường cũng như của các tiền-triều Trung-Quốc như trên đã nói ; Giao-Châu còn bị Lâm-Ấp luôn luôn cướp phá, đó là cái nạn thứ hai. Khi nhà Đường sắp mất, Giao-Châu lại bị cuộc xâm-lược của Nam-Chiếu, đó là cái nạn thứ ba.

Nam-Chiếu là nước nào và ở đâu ?

Phía Tây-Bắc Giao-Châu thuộc miền Tây tỉnh Vân-Nam, có một xứ mà dân là người Thái xưa kia, chia làm 6 chiểu tức là thuộc 6 tù-trưởng (*chiểu* đối với dân Thái tức là vua) địa-phương quản-trị : Mông-Huê, Việt-Thác, Lãng-Khung, Đẳng-Đạm, Thi-Lãng và Mông-Xá. Sáu *chiểu* này đã cùng thần-phục nhà Đường.

Mông-Xá ở phía Nam đối với các *chiểu* trên kia và giáp địa-phận Giao-Châu. Đó là Nam-Chiếu. Dân Nam-Chiếu đã từng sống nhiều phen khá oanh-liệt và quật-cường. Dưới đời Ngô Tôn-Quyền (thời Tam-Quốc) họ đã biết tìm những nơi sông ngòi, núi non hiểm trở như Hà-Hoa, Quế-Chữ, Vọng-Cái, Hoành-Sơn, Trường-Sa, Hải-Ngan, Lô-Lôi, Ô-Tôn, thuộc Hoa-Nam để tụ-hợp. Ngoài-rá, họ còn giao-dịch mật-thiết với nước Tây-Bà-Dạ để lấy vây cánh. Có sách chép họ là con cháu của Triệu Vũ-Đế và quan Thái-phó Lữ-Gia bị các tướng nhà Hán là Lộ bác-Đức và Dương-Bộc đánh xiêu-bạt đến các xứ trên đây.

Dưới đời Tấn (265-316), họ lại hợp-lực với bọn thổ-tù lân-cận là Triệu Công-Lý chiếm-cứ châu Quý, châu Diên đặt làm lộ Da-

La lấy châu Cầm, châu Hoan làm lộ Lâm-An, cùng nhau cai-trị. Họ lập thành-trị ở xã Cao-Xá, thuộc đất Diên-Châu, phía Đông giáp bể, phía Tây giáp Tây-Bà-Dạ, phía Nam giáp núi Hoành-Sơn rồi tự xưng vương.

Đời Đông-Tấn (317-420) Tào-Nhĩ được cử đi đánh, nhiều phen đuổi được Nam-Chiếu ra tận bờ nhưng quân Nam-Chiếu rất khôn ngoan, biết trốn tránh sức mạnh, biết áp-dụng chiến-thuật co dãn và tiêu-hao. Quân Tấn không chịu được thủy-thò, đau ốm chết hại nhiều, phải rút lui. Nam-Chiếu lại trở về hoành-hành như cũ. Khoảng năm Khai-Nguyên (713-741) đời vua Đường Huyền-Tông, Bi-La-Cáp là vua Nam-Chiếu có chí lớn, dứt lốt Tiết-độ-sứ đạo Kiêm-Nam là Vương-Dục, xin thống-nhất và quản-lĩnh cả 6 chiểu và lấy cớ rằng năm chiểu kia suy nhược không đứng vững nổi. Đường-triều, theo lời đề-nghị của Vương-Dục chấp-thuận việc thống-nhất này và đặt tên cho 6 chiểu hợp nhất là Qui-Nghĩa. Việc thống-nhất thực-hiện xong, Nam-Chiếu trở nên một quốc-gia cường-thịnh xuất quân đánh phá các dân-tộc lân-cận. Trước nhất là nước Thồ-Phồn (sau này là Tây-Tạng) bị Nam-chiếu xâm-lăng. Thắng trận này, Nam-chiếu dời đô đến thành Thái-Hòa để có một vị-trí vững vàng hơn. Sau này, Nam-chiếu tự đặt thêm một tên khác là Đại-Lý và thành một mối lo ở biên-cương cho Trung quốc.

Năm Tân-Ty, Đường Thiên-Bảo thứ 9 (750), quân Nam Chiếu vây thành Còa-Minh (quận Vân-Nam) cướp được hai châu Tiêu-Di và Riêu gồm tất cả đến 32 xứ. Nam-Chiếu biết lợi-dụng rừng núi, nhử quân Đường vào sâu rồi vây hãm và tấn công. Tiết độ-sứ ở Kiêm Nam là Trọng-Thông rồi tới Tiết-độ-Sứ Đường quốc-Trung hai lần huy-động 28 vạn quân đánh nhau với Nam-Chiếu đều bị thua rất thảm hại.

Năm Đường Trinh-Nguyên thứ 16 (800) An-phủ-sứ Vân-Nam là Vi-Cao đánh quân Nam-Chiếu thua ở Thiết-Kiều, phủ Lệ-Giang.

Năm Bính-Dần (846) Nam-Chiếu tràn qua Giao-Châu nhưng Kinh-lược-sứ là Bùi nguyên-Dụ đánh đuổi được. Sau đó, đến Vương-Thức thay Bùi nguyên-Dụ biết cách cai-trị nên

mọi mầm loạn đều tắt. Đến năm Canh-Thìn (860), Lý-Hộ sang làm Đô-Hộ thì Nam-Chiếu đã mạnh thêm nhiều lắm. Con Phong-Hưu (vua Nam-Chiếu) là Tư-Long tự xưng đế và đặt quốc-hiệu là Đại-Mông, sau lại đổi ra Đại-Lễ. Tư-Long lo tăng-cường ráo-riết về quân-sự, động-viên thanh-niên từ 15 tuổi đề đưa vào quân ngũ. Rồi một việc đã xảy ra dẫn đường cho quân Nam-Chiếu bước thêm lần nữa vào đất Giao-Châu. Nguyên Lý-Hộ quen ý-thể mạnh của « thiên-triều » giết người tù-trưởng của dân Mường là Đỗ-Thủ-Trừng khiến toàn thể dân Mường bất mãn. Dân Mường vốn có liên-lạc với Nam-Chiếu, muốn báo thù nhưng không đủ sức liên vạch đường chỉ neo và xui dục quân Nam-Chiếu xâm-lược Giao-Châu. Tháng 11 năm ấy, thành Đô-hộ bị thất-thủ, Lý-Hộ và Giám-Quận bỏ chạy về Vũ-Châu. Tháng giêng năm sau Đường triều phải cho Vương-Khoan đem quân Ung-Châu và các miền lân-cận sang cứu-viện. Quân Nam-Chiếu lại rút về, nhưng hai năm sau họ lại lần đến. Tướng Đường là Thái-Tập đem ba vạn quân sang đối phó, Nam-Chiếu lại lui binh. Sau này, Tiết-độ-sứ Lĩnh-Nam là Thái-Kinh sợ Thái-Tập lập được công to, mật-tấu về triều-đình rằng tình-hình Giao-Châu đã ổn-định không cần phải đề quân-đội ở lại. Vua Đường liền rút đoàn quân viễn-chinh về, Thái-Tập muốn đề lại 5.000 binh cũng không được.

Hiệu được sự lực-đục kể trên, năm Quý-Mùi tức là một năm sau Nam-Chiếu mở cuộc tấn-công mãnh-liệt hơn bao giờ hết, bằng số 50.000 quân tràn như nước lũ vào Giao-Châu, chiếm được phủ-thành. Thái-Tập thế-có phải tự-sát. Tướng Đường là Nguyên-duy-Đức đem 400 quân Kinh-Nam đến cứu cũng thua, chạy ra đến bờ sông thì bí lối vì không có thuyền bè. Y liền hô hào quân-sĩ quay lại, liều sống mái với quân Nam-Chiếu vì thế nào cũng chết. Cuộc phản-công này hại được hai ngàn binh-sĩ Nam-Chiếu nhưng đến đêm Nguyên-duy-Đức kiệt-lực, bị tướng Nam-Chiếu vây đánh và giết được cả bọn. Thắng trận hoàn toàn, quân Nam-Chiếu vào phủ-thành sát hại tới 15 vạn nhân-mạng.

Giao-Châu lọt vào tay Nam-Chiếu. Vua Nam-Chiếu là Mông-Thế-Long cử Dương tư-Tấn trấn-thủ Giao-Châu với 2 vạn quân, và đặt Đoàn tú-Thiên làm Tiết-độ-sứ.

Trong câu chuyện này, ta thấy rõ vì sự đố-ky nhau của bọn văn võ-tướng nhà Đường mà Giao-Châu lâm vào cuộc binh lửa vô cùng tàn hại. Nhưng vẫn chưa hết !

Mất Giao-Châu, tạm thời nhà Đường thiên An-Nam Đô-hộ phủ về Hải-Môn (?) rồi triệu-tập quân các đạo về Lĩnh-Nam, lo việc thuyền bè và lương-thực. Mùa thu năm sau (864), Cao-Biến được lệnh xuất-quân.

7 — Cuộc thất-bại của quân Nam - Chiếu và sự-nghiệp của Cao-Biến

Năm Ất-Dậu (865), Cao-Biến được nhà Đường cử làm tướng hợp cùng Giám-quận là Lý duy-Chu đem quân sang đóng ở Hải-Môn (?) để giải-quyết vấn-đề Nam-Chiếu, Cao-Biến sinh ở cửa tướng lại là tay văn-học uyên-thâm, dẫn 5.000 quân làm tiền-đạo và ước cùng Lý duy-Chu điều động quân hậu-viên tiến sau. Lý duy-Chu không muốn Cao-Biến thành-công, biết rằng Cao-Biến giàu mưu-lược, có tài quân-sự, tất sẽ thắng trận, và Nam-Chiếu tuy đông nhưng man mọi và ô-hợp, chiến đấu lại không có phương-pháp. Y chỉ còn cách không đem quân tiếp-viên để Cao-Biến hao mòn dần thực-lực mà thất bại chẳng. Cao-Biến cất quân đi rồi, Lý duy-Chu vẫn cứ đóng nguyên vẹn tại chỗ.

Giám-quận nhà Đường là Trần-Sắc lại phái thêm một đạo quân 7.000 người nữa, do tướng Vi trọng-Tề lĩnh-đạo, sang tăng-cường cho đoàn quân viễn-chinh của Cao-Biến. Bấy giờ Cao-Biến mới xuất-trận, thắng được Nam-Chiếu mấy kỳ, (năm 866 hồi tháng 6) và cho báo tiếp về Trung-Quốc. Hồi tháng 9, năm thứ 6 hiệu Hàm-Thông (865) Cao-Biến đánh lên 5 vạn quân Nam-Chiếu lúc đang gặt hái ở Phong-Châu (Vĩnh-Yên) giết được một số quân Nam-Chiếu và cướp được thóc lúa đem về nuôi quân lính. Ta nhận thấy Cao-Biến khôn ngoan ở chỗ không đánh mạnh ngay vì chưa có tiếp-tế và chưa đầy đủ lực-lượng. Việc đánh Phong-Châu trước đó chỉ do vấn-đề cần lương-thực. Và khi có tiếp viện hẳn hoi (quân của Vi trọng-Tề đến) Cao-Biến mới thực sự lâm chiến.

Biết tình-thế khó khăn, vào khoảng tháng 4 năm 866, Tư-Long thăng cho Đoàn tú-Thiên làm Tiết-độ-sứ đất Thiên-Xiền (kinh-đô riêng của Nam-Chiếu ở phía Tây-Bắc Giao-Châu) cho Dương thấp-Tư (*An-Nam chí-nguyên* chép là Dương-Tư-Tấn) đến giúp Tú-Thiên giữ Giao-Châu, cho Phạm-Nê-Ta làm Đô-thống-phủ đô-hộ. Nay Vân-Nam còn thành Phủ-Ta ở huyện La-Thư.

Tin báo thắng trận của họ Cao đến Hải-Môn thì bị Lý duy-Chu chặn lại. Triều-đình Trung-quốc lâu không thấy tăm hơi của bọn Cao-Biến liền cho hỏi Lý, thì Lý nói dối rằng Cao-Biến không chịu xuất trận và vẫn án binh bất-động ở Phong-Châu. Thực ra, lúc đó Cao-Biến đã phá được quân Nam-Chiếu là bọn Trương-Thuyên, Lý-Ta và Long-Man, hàng được hơn 1 vạn quân, nhờ được ba lũy ở Ba-Phong và đang vây hãm quân Nam-Chiếu ở La-Thành quá 10 hôm rồi. Cuộc đắc thắng chỉ còn là vấn-đề thời-gian thì vua Đường Ý-Tông phái Vương án-Quyền và Lý duy-Chu tới thay. Họ Cao trước khi về kinh đã mật-phái tiều hiệu Tăng-Cồn về Trung-Quốc trình bày tin-tức thắng trận và mọi sự hãm hại của Lý. Rồi sau khi giao binh-quyền cho Vi trọng-Tể, Cao-Biến cùng 100 thủ-túc lên đường. Khi Vua Đường hiểu rõ mạnh mẽ, Cao-Biến lại được thăng chức *Kiểm-hiệu công-bộ thượng-thư* và được quay gót về Giao-Châu tiếp tục việc đánh dẹp. Trong lúc này, bọn Vương án-Quyền, Lý-duy-Chu mới đánh thành. Vương án-Quyền nhút-nhát, việc gì cũng tùy ở Duy-Chu. Còn Duy-Chu thì tham-lam, tàn ác, tướng tá không phục, nhờ vây quân Nam-Chiếu giải được hai lần vây, trốn được quá nửa. Đến khi Cao-Biến trở lại, hạ được thành, bại được Dương thấp-Tư, chém được bọn Tú-Thiên, Nê-Ta, Nặc-Mi và Chu-Cồ-Đạo là Thồ mán đã làm hướng-đạo cho Nam-Chiếu, cùng giết được 3 vạn quân Nam-Chiếu.

Cao-Biến lại đánh phá 2 động Thồ Mán đã theo Nam-Chiếu và giết tù-trường. Thồ mán quy phục một vạn bảy nghìn người.

Mùa Đông tháng 11 năm ấy, vua Đường ban chiếu đặt Tĩnh hải-quân ở Châu-Giao, cho Cao-Biến làm Tiết-độ-sứ kiêm Hành-đoanh-chiều-thảo-sứ các đạo. Từ Lý-Hộ tham nhúng, độc ác, quân

Man khởi loạn gần 10 năm đến bấy giờ mới yên và 'An-Nam đô hộ-phủ' đổi là Tĩnh-hải-quận bắt đầu từ đây.

Xét ra, Giao-Châu bị nạn Nam-Chiếu ròng rã 10 năm vô cùng tàn hại. Từ đó Cao-Biến phục hồi được uy-tín cho nhà Đường và ở lại làm Tiết-độ-sứ Giao-Châu. Theo Tu-viện-Trưởng A. Launay, Hội truyền giáo ngoại-quốc, tác-giả « *Histoire ancienne et moderne de l'AnNam* » trang 34, sau khi bại trận vài năm, Nam-Chiếu lại lợi-dụng cơ-hội Trung-Quốc có loạn để dấy quân : Vua Đường phải điều đình gả Công-Chúa cho Vua Nam-Chiếu. Theo lời khuyên của Cao-Biến, nhà Vua đánh thuốc độc chết 3 đặc-phái-viên sang đón Công-Chúa là linh-hồn của Nam-Chiếu. Do đó nước này tê liệt và nhà Đường giữ được Giao-Châu thêm một thời-gian.

Cao-Biến thi-hành những công-cuộc gì ở đây ?

Ông ta đã làm tất cả những việc của một võ tướng và một văn quan có tài. Trước hết ông ta khởi việc xây thành đắp lũy ở các nơi biên cảnh đề đề - phòng giặc - giã, do đó ông vội cho đắp ngay lại thành Đại-La bên bờ sông Tô-Lịch Thành này bề mặt dài hơn 1.982 trượng, cao 2 trượng linh 6 thước. Bên ngoài thành có một con đề chạy theo đề bao bọc lấy thành. Đề dài hơn 2.125 trượng linh 8 thước, cao 1 trượng rưỡi, dày 2 trượng. Trong thành có tới 40 vạn nóc nhà (?) Sự sống của nhân dân rất là sầm uất. Ông lại khai phá các ghềnh thác để mở rộng đường thủy cho các thuyền bè buôn bán đi lại.

Về mặt cai-trị ông cũng có một chính-sách rõ-rệt tránh được mọi điều nhầm-lam của bọn thừa hành nên ông đã gây được thiện-cảm giữa ông và dân chúng cho nên ông được tôn là Cao-Vương. Ông lập các sở thuế đề có tiền chi dụng. Sau này người ta cho rằng người Việt-Nam phải đóng sưu-thuế từ thuở Cao-Biến làm Tiết-độ-sứ ở Giao-Châu. Điều đó không hẳn thế. Có lẽ rằng với Cao-Biến Giao-Châu chịu một chế-độ thuế khóa phân minh thì phải hơn, còn trong thời các tiền-triều vì không có hẳn một chính-sách thu nạp rõ rệt

nên sự đóng góp của dân phần lớn chỉ vào cái túi tham không đáy của bọn quan lại Trung-Quốc.

Năm Ất-Vị (875) vua Đường dời Cao-Biên đi làm Tiết-độ-sứ tại Tây-Xuyên (Tứ-Xuyên) và ưng-thuận lời đề-nghị của Cao-Biên cho Cao-Tầm (cháu Cao-Biên) thay thế chú ở phương Nam.

Chẳng bao lâu nước Tàu lại loạn và cái cảnh tam phân ngũ liệt lại tái diễn. Cũng như mọi lần, cuộc thay đổi chính-sự bên Trung-Quốc là một dịp tinh-thần quốc-gia Việt-Nam được thức tỉnh.

CHƯƠNG IX

CUỘC TRANH-ĐẤU CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM TỪ HỌ KHÚC ĐẾN HỌ NGÔ

Trận thủy-chiến đầu- tiên của Việt - Nam

Nhà Đường mất ngôi năm Đinh-Mão (907) và kế tiếp nhà Đường là đời Ngũ-Quý. Nước Tàu lại một phen chia năm sẻ bảy như biết bao lần trước. Nếu trước thời Đông-Hán có loạn Tam-Quốc, (Ngô, Ngụy, Thục tranh hùng) thì giờ đây là Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tấn, Hậu-Hán, Hậu-Chu gây cuộc biến-loạn để nắm cái ngôi chúa-tể Trung-Quốc. Đó là bọn Ngũ-Quý hay là đời Ngũ-Quý, Ngũ-dại, chẳng nhà nào mạnh hẳn và được lâu bền. Mỗi nhà đứng vững được năm ba năm rồi bị đào-thải. Dân Trung-Hoa bị lửa loạn bùng cháy liên miên trên nửa thế-kỷ.

Dân Giao-Châu tất nhiên không bỏ lỡ cơ-hội. Khi Đường triều bắt đầu nghiêng đổ, uy-quyền trung-ương không thấu mạnh ra ngoài bờ cõi thì một người dân Giao-Châu là ông Khúc thừa-Dụ quê ở Hồng-Châu (thuộc địa-hạt Ninh-Giang, tỉnh Hải-Dương) đứng lên chiếm đoạt lấy guồng máy chính-quyền ở đây. Ông vốn là một nhà hào-phú, phóng-túng, đạo-đức nên nhân-dân kính-phục. Nhà Đường (năm 906) rất khôn ngoan liền cử ông lên làm Tiết-độ-sứ (sau phong thêm làm Đồng-binh chương sự) thay Tăng-Côn bỏ thành trốn về Tàu để yên dân. Sự thực, nếu nhà Đường được vững vàng yên tĩnh như thuở nào, người ta đâu có đại phó thác vận-mệnh một thuộc-

quốc vào tay một người bản-xứ, nhất là người đó lại được nhân-tâm nhiệt-liệt quy-phục, và có tinh-thần độc-lập. Chẳng qua thế chẳng dừng và là một cách hòa-hoãn với nghịch-cảnh mà người ta phải đẩy con thuyền chính-trị thuận theo chiều gió.

Năm sau Đường bị diệt hẳn đến nhà Hậu-Lương kế tiếp, người ta cũng đề ý ngay vấn-đề Giao-Châu — Lưu-An được phong làm Nam-Bình Vương kiêm Quảng-Châu Tiết-độ-sứ với dự-định đem quân-đội sang Giao-Châu một khi có cơ hội thuận-tiện. Ông Khúc thừa-Dụ ở địa-vị chưa được một năm thì qua đời trao lại cho con là Khúc-Hạo cái sứ-mạng nặng nề của ông là tiếp-tục giữ gìn đất nước và chống xâm-lãng.

Khúc-Hạo là một người kế-nghiệp rất xứng đáng và là một nhà chính-trị có tài. Ông sửa sang nền hành-chính, đặt các quan-lại thế vào bộn tay sai của ngoại-quốc trước đây, mở mang các phủ, châu, xã, sửa soạn đường lối giao-thông, chia nước ra từng xứ, lộ, phủ đặt chức lệnh-trưởng và tá-lệnh-trưởng, biên tên làng, quận và làm sổ hộ-tịch. Việc thuế má được chia đều, chính-trị khoan nhân giản dị, dân nhờ ơn ông "mà sống lại" (*Khâm-định Việt-sử tiền biên*). Do tình-trạng Giao-Châu được thịnh đạt nên quân nhà Lương mặc dầu có ý định tái-chiếm xứ này nhưng vẫn chưa dám bước chân vào biên-giới của chúng ta. Trong lúc này ông Khúc-Hạo phái con là Khúc thừa-Mỹ sang Quảng-Châu, bề ngoài là đi việc sứ-bộ nhưng bề trong là dò xét tình-ý và thực-lực của họ Lưu. Sự phục tòng nhà Lương bấy giờ chỉ là về hình-thức mà thôi.

Lưu-An đóng phủ-trị ở Quảng-Châu được 4 năm thì mất. Em là Lưu-Cung được lên thay nhưng sau có điều bất mãn với triều Lương (Hậu-Lương) Lưu-Cung tuyên-bố biệt-lập và xưng đế, lấy quốc hiệu là Đại-Việt. Sau này (năm Đinh-Sửu 947) Lưu-Cung lại đổi quốc hiệu ra Nam-Hán.

Năm Đinh-Sửu — 917) ông Khúc-Hạo mất. Nhà Lương giao chức Tiết-độ-sứ cho Khúc thừa-Mỹ là con ông. Trong giai-đoạn này ta nhận xét nhà Lương không mạnh nên phải chịu để người Giao-Châu giữ đất Giao-Châu và khoanh tay nhìn sự biệt-lập của dòng họ Lưu trên mảnh đất miền Nam Trung-Quốc.

Theo Trần Trọng-Kim, Nam-Hán thấy Giao-Châu giao hảo với nhà Lương có ý bất bình, sau Nam-Hán đem quân sang đánh Khúc Thừa-Mỹ. Thiết tưởng đây không phải là một cố vững chắc. Việc xâm lăng của Nam-Hán vào Giao-Châu chỉ do ý muốn gồm thu Giao-Châu vào lãnh-thổ của mình nghĩa là do ý-chí đế-quốc chớ đâu có phải do một chuyện hờn giận về tình cảm.

Năm Qui-Mùi (923) quân Nam-Hán thắng trận. Khúc thừa-Mỹ bị bắt, sau được thả về. Bàn về sự-nghiệp của ba đời họ Khúc tiên-Chúa, trung-Chúa và hậu-Chúa, sử thần Ngô Sĩ-Liên cho rằng nước Nam ta này mãi tự-trị từ 3 đời họ Khúc tuy chưa xưng Đế, xưng Vương. Mọi công cuộc cải cách chính trị của họ Khúc đã tỏ được sự trưởng-thành về chính-trị của chúng ta và đáng làm gương cho đời sau. Từ bấy giờ trở đi đến họ Đinh nhất-thống nước Đại Cồ-Việt hơn 60 năm nay (906-967) dân Nam thoát vòng lao lung của người Tàu. . . »

Lời bàn ấy xét ra rất đích đáng. Tướng Nam-Hán là Lý Khắc-Chính được ở lại chiếm đóng Giao-Châu, Lý-Tiến giữ chức thứ-sử, nhưng chính quyền của Nam-Hán cũng không được lâu bền. Tám năm sau (931) một kiện-tướng của Khúc-Hạo xưa kia là Dương-đình-Nghệ lại huy-động được dân chúng đuổi được bọn Lý Khắc-Chính và Lý-Tiến rồi lên thay vào chức Tiết - độ - sứ. Nam - Hán không có một phản - ứng nào đối với việc này, có lẽ rằng họ cũng kính - nể lực - lượng của Giao - Châu chăng ? Sáu năm qua đang êm-đẹp, đời sống của Giao-Châu như nước thuận dòng thì xảy ra cuộc chính-biến giữa người Giao-Châu với nhau : Dương đình-Nghệ bị nha - tướng là Kiều - Công - Tiến giết và cướp lấy quyền, nhưng rồi đến lượt Kiều Công-Tiến cũng bị ngã trong khi tập tềnh bước lên cái địa - vị chúa - tể Giao - Châu. Y bị Ngô Quyền là tướng của Dương Đình - Nghệ cử binh đánh phá để báo thù cho chủ và nhạc-phụ. Nguyên họ Ngô là một người tai-ba, lỗi-lạc, lại có lòng trung-thành nên Dương Đình-Nghệ yêu quý nên đem con gái gả cho. Ông quê quán ở Đường-Lâm (thuộc tỉnh Sơn-Tây) cùng một quê-hương với nhà ái-quốc Phùng-Hưng xưa kia. Dương Đình-Nghệ lúc sinh thời đã giao ông đảm-nhiệm chức trấn-thủ Ái-Châu là một địa-hạt quan-trọng hồi đó, vừa về chính-uj và quân

bởi cần đề-phòng quân Lâm-Áp. Kiều-Công-Tiến thua trận liền cho người sang cầu cứu nhà Nam-Hán.

Do nơi Kiều-Công-Tiến phái người sang cầu cứu và bày tỏ cuộc chính-biến ở Giao-Châu, vua tởi nhà Nam-Hán liền chụp ngay cơ-hội này mà họ chờ đợi từ lâu. Họ hiểu rằng mỗi khi Giao-Châu được người lĩnh-đạo có tài, có đức thì lực-lượng Giao-Châu chóng trở nên mạnh và đáng sợ vì sức đoàn kết của dân-tộc đã chặt chẽ và nguyện vọng tự do, độc-lập luôn luôn nung nấu lòng người. Cho nên mỗi khi muốn chinh-phục nước Nam, các triều đại Bắc phương rất là thận-trọng. Ta hẳn nhớ sự giao-dịch giữa nhà Hán với Triệu-Đà xưa kia là cả một sự kiêng-nề với những lý-do đích-đáng của nó. Nhưng khi họ Triệu qua đời, những kẻ thừa-kế uơ hèn thì « *thiên-triều* » lại áp-dụng ngay cái chính-sách kẻ cả. Tóm lại người phương Bắc tuy hơn chúng ta về phưong-diện văn-hóa nhưng vẫn phải e-dè cái tinh-thần quốc-gia của-chúng ta mà họ biết là khả kình.

Nam-Hán đối với chúng ta cũng vậy, nhất là địa-phận Quảng-Châu của họ lại sát nách chúng ta. (Xin nhớ rằng đến thời đó người Việt chúng ta đã chuyển-dịch xuống miền lưu-vực sông Hồng-Hà, miền Bắc-Việt bây giờ chứ không còn gồm ba tỉnh miền Hoa-Nam như dưới thời Triệu-Đà). Họ hiểu chúng ta hơn hẳn nhà Lương nhất là sau khi Dương Đình-Nghệ đã đuổi văn-thần, võ-tướng của họ ra khỏi Giao-Châu năm Tân-Mão (931).

Lần thứ hai này Nam-Hán qua Giao-Châu là một cuộc hành binh lớn lao, có thể nói họ đã xuất toàn-lực của họ bởi không phải chỉ có những võ-tướng lên đường mà còn cả thái-tử Hoảng-Tháo, con vua Nam-Hán góp sức. Hoảng-Tháo đem hậu-quân đi tiếp viện. Khi quân-kỳ của Nam-Hán phất phới bay gần sông Bạch-Đằng thì Kiều Công-Tiến đã bại trận và bị giết.

Vấn-đề nội-dịch đã giải-quyết xong, họ Ngô liền nghĩ ngay ra một kế là hạ Nam-Hán bằng cuộc thủy-chiến có nhiều hy vọng thắng-lợi hơn là địa-chiến. Nhà tướng này truyền-hịch cho quân dân đề-phòng xâm-lăng mặt và bề khác cho người cầm cộc

gỗ nhọn đầu bọc sắt ở lòng sông Bạch-Đằng trong khi nước triều lên đợi nước thủy-triều xuống mới mở cuộc phản-công. Giai-đoạn đầu, quan Nam-Hán và quân Giao-Châu xô-sát với nhau trên mặt sông. Dĩ-nhiên quân Giao-Châu đánh cầm chừng rồi bỏ chạy chờ nước rút xuống. Kế này thành công. Khi nước rút, thuyền của đại-quân Nam-Hán bị cọc dăm thủng nát và đồ võ không sao tiến thoái được. Quân Giao-Châu liền quay lại theo chiến-lược đã định và cuộc phản-công đáng kể là khốc-liệt hết sức. Quá nửa lực-lượng Nam-Hán bị tiêu-diệt. Thái-tử Hoảng-Thảo bị bắt sống và bị đem về giết đi. Sau khi dòng máu Nam-Hán lại lắng trên con sông Bạch, một ít tàn quân chạy thoát về Phiên-Ngung, mộng đế-quốc của Phương Bắc sau cuộc chiến thắng của Ngê-Quyền lại một phen nữa tan ra mây khói.

This page is intentionally left blank

Phần thứ ba

VIỆT - NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỘC - LẬP

(939 sau C.L.)

CHƯƠNG I

- | | |
|-------------------|---------------------|
| 1) Tiền Ngô-vương | 2) Dương Tam-Kha |
| 3) Hậu Ngô-vương | 4) Thập nhị Sứ-quân |

Nhà Ngô ra đời năm Kỷ-Hợi (939) sau khi đã làm nhiều việc lớn-lao hiên-hách : bên trong dẹp được nghịch-thần, bên ngoài đuổi bọn cường địch và chấm dứt cái nạn vòng-quốc đầy tủi nhục dài trên 11 thế-kỷ (1146 năm). Nói rằng nhà Ngô đã có công lớn trong việc mở đường dọn lối cho các triều-dại tự chủ sau này là Đinh, Lê, Lý, Trần tưởng không phải là ngoa vầy.

Ngô-Quyền xưng vương và thành Cồ-Lôa (Phúc-Yên) lại một phen nữa thành kinh-đô cho một triều-dại. Ngô-Vương tổ-chức triều-nghi đặt các phẩm-tước, định việc phục-sắc, chỉnh đốn mọi việc chính-trị quy mô đế-vương-kê đã đầy đủ. Ông muốn gây một sự-nghiệp lâu dài nhưng tiếc rằng số mệnh quá ngắn ngủi. Ông ở ngôi được 6 năm và qua đời năm Giáp-Thìn (944), thọ được 47 tuổi.

Ngô-Vương trước khi chết ký-thác việc lập-tự cho Dương tam-Kha là em vợ (Dương-hậu, con gái Dương đình-Nghệ). Họ Dương đáng lẽ phải tôn-phù Ngô xương-Ngập theo lời di-chức nhưng lợi dụng cơ-hội, tự đặt mình lên ngôi xưng là Bình-Vương (945-950). Ngô xương-Ngập biết rằng ở bên cạnh Dương tam-Kha có thể nguy đến tính mệnh, liền bỏ trốn sang Nam-Sách (Hải-Dương) và được Phạm-lệnh-Công ở làng Trà-Hương, huyện Kim-Thành giúp đỡ. Tam-Kha sai quân đuổi bắt vì e hậu-họa, nhưng Ngô xương-Ngập được họ Phạm đem giấu trong núi.

Ngô xương-Ngập còn một người em là Ngô xương-Văn, Dương tam-Kha nuôi làm con nuôi. Sau này tại Sơn-Tây có loạn (ở hai thôn Thái-Bình) Ngô xương-Văn và các tướng Dương cát-Lợi và Đỗ cảnh-Thạc được cử đi đánh dẹp.

Thời bấy giờ từ sĩ-phu đến dân-chúng không ai phục Tam-Kha nên «*nổi lên như ong*» chiếm các huyện-ấp. Nhận thấy lòng người chống lại họ Dương, các tướng cùng Ngô xương-Văn lợi dụng quân-lực trong tay trở lại kinh-sư gây cuộc đảo-chánh. Dương tam-Kha bị bắt. Ngô xương-Văn lên ngôi xưng là Nam-Tấn vương. Nghĩ tình cậu cháu, Xương-Văn không nỡ làm tội Tam-Kha chỉ giáng xuống làm Trương-Dương công và cấp cho thái-ấp để hưởng lộc. Bấy giờ ở gần nước ta, Nam-Hán đang cường-thịnh. Nam-Tấn Vương xin lệ-thuộc và Hán-chúa Lưu-Thanh phong Ngô-Vương làm Tĩnh-hải tiết-độ-sứ kiêm Đô-hộ (*Khâm-định Việt-sử* quyển 5 từ 25a và b).

Nạn Dương tam-Kha trừ xong, Ngô xương-Văn cho người đi tìm anh ở Trà-Hương về cùng chia ngôi vị. Ngô xương-Ngập xưng là Thiên-Sách Vương. Sử gọi là Hậu Ngô-Vương. Sau ít lâu, Thiên-Sách Vương ý mình là trưởng năm hết quyền chính, nhưng đến năm Giáp-Dần thì mất.

Việc chính-trị dưới thời Hậu Ngô-Vương mỗi ngày một suy kém. Nam-Tấn Vương cũng không tỏ gì là xuất-sắc.

Trong nước vẫn xảy ra biến loạn ở nhiều nơi. Lên ngôi vừa xong tức là ngay năm thứ nhất, Xương-Văn đem quân đi đánh Đinh Bộ-Lĩnh ở Hoa-Lư không thu hoạch được kết-quả nào đáng kể. Sau

này Nam-Tấn Vương đi dẹp Chu-Thái, thủ-lĩnh loạn-quân ở hai thôn Thái-Bình (thuộc Sơn-Tây), vì khinh địch và bất cẩn bị trúng tên chết ngay tại Đại-bản-doanh. Xét ra Nam-Tấn Vương ở ngôi được 15 năm (950-965), không có người kế tự.

Con Thiên-Sách Vương là Ngô xương-Xí lên thay nhưng cũng không hơn gì cha và chú nên các giai-cấp quý-tộc, phong-kiến không phục rồi nạn *Thập nhị Sứ-quân* bùng ra. Ngô xương-Xí đóng ở đất Bình-Kiều bấy giờ cũng chỉ là một trong 12 sứ-quân mà thôi. Thời *Thập-nhị Sứ-quân* ở nước ta là một thời đại-loạn, là một cuộc tranh giành xâu xé vì quyền-lợi giữa các lực-lượng địa-phương luôn 22 năm ròng.

Nguyên-nhân xa-xôi của loạn 12 sứ-quân :

Nếu chúng ta theo dõi Lịch-sử, ta thấy rằng loạn sứ-quân không phải một ngày mà có. Hoàn-cảnh xã-hội Giao-Châu trong thời Bắc-thuộc luôn luôn thay đổi, thăng trầm với cảnh hưng vong của Trung-Quốc. Quan lại Trung-Quốc và các đẳng cấp quý-tộc mới kế tiếp các giai-cấp phong-kiến thuần-túy Giao-Châu trước, đến giờ phút đó luôn luôn nghĩ đến sự tu-tạo cho mình một địa-vị dễ bề phòng tình-thế bất-chắc, hoặc trông chờ những cơ-hội thuận-tiện để tranh vương đồ bá.

Đầu thế-kỷ thứ 10, nhà Đường sắp đổ đã gây nên trạng-thái tâm-lý này. Qua đời Ngũ-Quý, tâm-lý Giao-Châu càng bị xúc-động thêm. Rồi họ Khúc, họ Dương, họ Ngô dấy nghiệp. Trong khi xây-dựng cơ-đồ các họ trên đây không thể không lấy các phần-tử phong-kiến làm vây cánh vì vậy mầm phong-kiến nảy nở càng thêm xanh tốt.

Sau này nhà Ngô đã thiết-lập hẳn một vương-triều để thống-nhất đất đai và chính-trị, quyền-hành của phong-kiến bị thu hẹp dần và mỗi mâu-thuẫn bắt đầu phát-động. Trong thời họ Khúc, họ Dương và Ngô cầm-quyền, phong-kiến nằm yên ngủ kỹ, không dám cựa quậy, vì các vị lãnh-đạo quốc-gia bấy giờ được nhân-dân hoàn-toàn cảm phục. Họ Khúc nổi tiếng về đức-độ và lòng ái-quốc. Họ Dương, họ Ngô là những anh-hùng giải-phóng dân-tộc. Dân chúng đâu có chịu vì những kẻ mưu đồ quyền-lợi riêng tây dễ chống lại với các thủ-lĩnh uy-danh sáng ngời đó. Các quý-tộc biết vậy nên đã không dám đi ngược với

lòng dân. Nhưng khi Ngô qua đời, Dương tam-Kha phụ lời ủy-ký, mới biến loạn đã có sẵn nay mới có cơ-hội đề bột-phát. Ngay từ lúc Dương tam-Kha tiến vị của cháu, tại hai thôn Thái-Bình thuộc Sơn-Tây đã náo động, rồi cuộc biến loạn lan tràn khắp mọi nơi trước sự bất tài của anh em Ngô xương-Văn và con cháu. Mọi loạn đó tất nhiên ta thấy rõ đã do các linh-tụ 12 địa-phương rải rác trên toàn cõi Giao-Châu gây ra. Họ đều thuộc đẳng cấp quý-tộc tất cả.

Mười hai sứ-quân dưới thời Hậu-Ngô Vương là :

- 1) Ngô xương-Xí (nay là làng Bình-Kiều, phủ Khoái-Châu, Hưng-Yên).
- 2) Đỗ Cảnh-Thạc giữ Đỗ Động-Giang (huyện Thanh-Oai, Hà-Đông).
- 3) Trần-Lâm xưng Trần-Minh Công giữ Bồ Hải-Khâu, tỉnh Thái-Bình).
- 4) Kiều Công-Hãn xưng là Kiều Tam-Chế giữ Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc tỉnh Vĩnh-Yên).
- 5) Nguyễn-Khoan xưng là Nguyễn thái-Bình giữ Tam-Đái (phủ Vĩnh-Tường tỉnh Vĩnh-Yên).
- 6) Ngô nhật-Khánh xưng là Ngô-Lâm Công giữ Đường-Lâm (Phúc-Thọ — Sơn-Tây).
- 7) Lý-Khue xưng Lý-Lăng Công giữ Siêu-Loại (phủ Thuận-Thành tỉnh Bắc-Ninh).
- 8) Nguyễn thủ-Tiếp xưng là Nguyễn-Lĩnh Công giữ Tiên-Du (Bắc-Ninh).
- 9) Lữ-Dương xưng là Lữ-Tá Công giữ Tế-Giang (Vân-Giang Bắc-Ninh).
- 10) Nguyễn-Siêu xưng là Nguyễn-Hữu Công giữ Tây-phù-Liệt (Thanh-Trì Hà-Đông).
- 11) Kiều-Thuận xưng Kiều-Lĩnh Công giữ Hối-Hồ (Cầm-Khe tỉnh Phú-thọ).

12) Phạm bạch-Hồ xưng là Phàm phòng-Át giữ Đẳng-Châu (Hưng-Yên).

Dân-chúng Giao-Châu đối với vấn đề sứ-quân thế nào? Lẽ tất nhiên họ không tán thành phong-trào qua-phân, nó là căn bệnh thường xuyên của phong-kiến. Họ đã thấy mọi sự đau khổ đều do nơi phong-kiến mà ra. Sau thời Bắc-thuộc, kinh-tế nông-nghiệp đã phát đạt, dân số tăng lên rất nhiều, lĩnh-thô quốc-gia toàn-vẹn, người dân chỉ muốn an-cư lạc-nghiệp. Do xu-hướng thống-nhất chính-trị và ham chuộng hòa-bình dân chúng đã ủng-hộ ông Đinh bộ-Lĩnh, người động Hoa-Lư tỉnh Ninh-Bình lên nắm chính-quyền.

Loạn Thập nhị Sứ-quân khởi-dầu từ năm 945 đến 967 cáo chung. Họ Đinh đánh dẹp xong thì quốc-gia Việt-Nam trở nên lành mạnh.

Phê-bình 12 Sứ Quân

Gần đây có nhà làm sử chữ nho bình-phẩm mười hai sứ quân như sau :

“ Xem cuộc đời 12 sứ quân tranh nhau thì biết nghĩa hợp-quần là khó nhưng cũng biết cái trí-não dân-tộc ta về hồi ấy đã đến trình-độ tiến-hóa. Lúc ấy hai vua Ngô tuy mất, Xương-Xí là dòng dõi Thiên-hoàng, cũng như Đông-Chu-quân nhà Chu, Hoài-Dương vương nhà Hán, nếu các thổ hào cùng nhau phục tòng hợp hơn mười bọn nhỏ làm một bọn lớn, tôn Ngô xương-Xí làm thiên-hạ cộng-chủ đề nối dòng họ Ngô, mà các bộ sứ quân thời tự-trị lấy trong bộ mình, khi quốc-gia vô sự thời áo xiêm ngọc bạch như Tần—Tấn liên hoàn. Khi quốc-gia hữu sự thời mồ hô răng lạnh, giữ gìn nhau như Ngu, Quắc kết nghĩa, thế thì Hợp-chúng-Quốc ở Bắc-Mỹ-lợi-kiến và hai mươi năm liên bang ở Nhật-Nhĩ-Man há chẳng xuất hiện vào nước ta về thế-kỷ thứ 12 rồi ư ?

Lại không làm thế, sớm chương trống, tối giáo mác, mạnh ăn thật yếu, rút cục bị tiêu-ma cả ở cuối ngọn cờ bông lau, há chẳng phải là cái tội quần học bất minh ” (không rõ nghĩa hợp quần). Nhưng mà còn có chỗ đáng khens vì trước hồi ấy mỗi khi gặp một phen biến loạn thì người nước phần nhiều dựa thế lực người Tàu như Đỗ hoàng-Văn đương khi cơ bệnh mà gặng đi xe sang nhà Tống,

Lý thục-Hiến đi đường tắt đề châu nhà Tề là mượn thế lực người ngoài đề bắt nạt đồng loại, thật đáng bĩ. Lúc bấy giờ các sứ-quân, mỗi người xưng hùng, xưng bá một phương, có Nam-Hán là một nhà khôa ngoan, muốn mở rộng đất đai, ở ngay kề nách, thế mà chưa hề nghe có người nào phải nhờ thế-lực người ngoài đề hại đồng-loại, vì rằng cái trình-độ dân-trí của ta bấy giờ đã khá cao cho nên tuy có cái lòng *“cá lớn nuốt cá con — giống mạnh ăn thịt giống yếu”* mà ai cũng biết *“công rắn cắn gà nhà”*. *“Rước voi về giày mỗ”* là không hay. Sau này Đinh tiên-Hoàng cả xưng Vạn-Thắng thì thế-lực không chống nổi, nhưng vẫn là người Nam làm vua nước Nam, tưởng 12 sứ quân có linh thiêng cũng ngậm cười ở nơi chín suối (*Đại-Việt Sử-ký cải-lương* A 1146, quyển 1 từ 63 đến 66b).

Về 12 sứ quân đời bấy giờ có câu ca-dao như sau này :

Của đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

Ngô-triều thế-phổ

Ngô - vương - Quyền

Thiên-Sách vương	Ngô xương-Ngập	Nam-Tấn vương	Ngô xương Văn
------------------	----------------	---------------	---------------

Sứ-quân	Ngô-xương-Xí
---------	--------------

CHƯƠNG II

NHÀ ĐÌNH

(968 - 980)

I.— ĐÌNH TIÊN-HOÀNG

- 1) *Tổ-chức nội-bộ* 2) *Ngoại-giao với Tống*
3) *Bình - chế* 4) *Chính - trị*

II.— ĐÌNH PHẾ - ĐẾ

1 — Đình Tiên-Hoàng (968-980)

Đình tiên-Hoàng tức Đình bộ-Lĩnh, ra đời vừa đúng giữa khi lịch-sử Việt-Nam đang trải một giai-đoạn hắc-ám trên 30 năm, kể từ khi Dương tam-Kha thoán nghịch đến loạn 12 sứ-quân, dân-chúng lâm-than không kể xiết. Thời thế đó đã cấu-tạo nên con người hào-kiệt đề chắm dứt cảnh cốt nhục tương-tàn và theo gót Trưng, Triệu, Lý, Mai, Ngô.v.v. họ Đình đã đặt thêm viên đá cho nền độc-lập và thống-nhất của nước nhà.

Đình bộ-Lĩnh là con Ông Đình công-Trứ, giữ chức Thứ-sử Hoan-Châu về đời Dương đình-Nghệ và Ngô Vương-Quyền. Cha mất sớm, ông theo mẹ về quê sống cuộc đời hoàn-toàn thảo-dã gần như mất hết dấu vết quý-tộc thuở trước. Nhưng, ngay từ khi còn thơ ấu Ông đã có những cử-chỉ và khí-phách khác người. Ngày

thường chơi với các bạn ở ngoài đồng bãi là những trẻ chăn trâu bò. bắt chúng phải khoan tay làm kiệu. Ông ngồi lên trên đê cho chúng rước đi chơi. Ông lại sai chúng lấy bông lau làm cờ và bày thế trận đánh nhau. Các trẻ trong địa-phương đều tôn Ông làm đàn anh. Tới tuổi trưởng-thành, uy-tín của Bộ-Lĩnh mỗi ngày một vang-dội, dân trong vùng theo rất nhiều. Do tính - tình ngang tàng, Ông và người chú bất hòa với nhau nên Ông phải rời bỏ quê-hương, cùng con trai là Đinh-Liến sang Bồ hải-Khâu (thuộc phủ Kiến-Xương, tỉnh Thái-Bình) theo sứ-quân Trần minh-Công. Từ đó trở đi, Bộ-Lĩnh tiến dần trên con đường sự-nghiệp. Thấy Ông chí-khí hiên-ngang, cử chỉ đĩnh-đạc, diện-mạo khôi-ngô, họ Trần yêu mến và cho dự phần quan-trọng trong việc điều-khiển binh-đội. Ông được họ Trần trao cho binh-quyền trước khi mất. Sau đó Ông chuyển quân-đội về quê nhà (Hoa-Lư) là nơi Ông đã đặt nhiều ảnh-hưởng lúc thiếu-thời, chiêu mộ thêm hào-kiệt và binh-lính. Lực-lượng của Ông mỗi ngày một mạnh. Năm Tân-Hợi (951), anh em Nam-Tấn vương đã có lần xuất quân đến đánh mà không được (1). Nhà Ngô mất, họ Đinh đánh bại được sứ-quân Phạm phòng-Át, phá được Đỗ cảnh-Thạc (huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Đông) rồi dần dần tiêu-diệt được hết các lĩnh-tụ địa-phương sau một năm ròng. Cuộc chiến-thắng của họ Đinh thật rực rỡ và đã quyết-định tình-thế thời bấy giờ vì những hào-kiệt của Giao-Châu hầu hết đều có mặt dưới cờ của Đinh bộ-Lĩnh (Giao-Châu thất hùng: Đinh bộ-Lĩnh, Đinh-Liến, Lê-Hoàn, Đinh-Điền, Nguyễn-Bặc, Phạm-Hạp, Phạm cự-Lạng). Sau những chiến-công oanh-liệt liên-tiếp ông được dân-chúng tôn là Vạn-Thắng vương.

- (1) Trong khi Đinh bộ-Lĩnh cất-cứ ở Hoa-Lư động, hai vua Ngô khởi binh đánh. Bộ-Lĩnh sợ sai con là Đinh-Liến đến làm con tin xin hoãn binh. Khi Đinh-Liến đến hai vua Ngô bắt giam rồi xuất-chinh. Đòi bên đánh nhau hơn một tháng không thắng bại, sau hai vua Ngô bên sai trói Đinh-Liến đem treo ở trên cầu rồi cho người sang bảo Đinh bộ-Lĩnh rằng: nếu không hàng sẽ giết Liễn. Bộ-Lĩnh nổi giận nói rằng: người đại trọng-phu cốt ở công danh sự nghiệp chứ đâu có bắt chước đàn bà con trẻ. Nói rồi sai 10 người cầm dao chia vào Liễn toan bắn. Hai vua Ngô thất kinh nói: Ta sợ dĩ treo con hửn là buộc lòng hửn phải theo. Nay bắt tàn-nhân như thế thì giết cũng vô-ích. Rồi không giết Liễn mà thu quân về.

(Khâm-định Việt-sử, 9.5, tờ 24 a, b).

TỜ-CHỨC NỘI-BỘ

Năm Mậu-Thìn (968), Đinh bộ-Linh lên ngôi Hoàng-đế, xưng là Đinh tiên-Hoàng-đế, đặt quốc-hiệu là Đại Cồ-Việt (nước Việt lớn); niên-hiệu là Thái-Bình nguyên niên, đóng đô ở Hoa-Lư, xây cung-diện, định triều-nghi. Quân-thần tôn Ngài là Đại-thăng Minh-Hoàng-đế. Đáng chú-ý Tiên-Hoàng-đế đã lưu-tâm nhiều đến việc quân-sự, vì thời đó là thời loạn, việc võ cần được mở mang nhiều, hưởng hồ nạn xâm-lãng của Bắc-phương đời nào cũng rình mò ngoài cổng ngõ của chúng ta. Những công-thần và đại-thần thuở đó đều là những tướng-linh : Nguyễn-Bặc được phong làm Đinh-Quốc công, Lê-Hoàn làm Thập-dạo tướng-quân, Đinh-Liễn (con cả Tiên-Hoàng đế) làm Nam-Việt vương.

Năm Canh-Ngo, (970) là năm đầu tiên niên-hiệu Thái-Bình, Tiên-Hoàng đế đặt 5 ngôi Hoàng-hậu : Đan-Gia, Trịnh-Minh, Kiều-Quốc, Cù-Quốc và Ca-Ông. (Về việc này, sử thần Lê văn-Hưu chê rằng : Đinh tiên-Hoàng là người không biết cồ-học mà bày tôi bày giờ không ai sửa chữa lại, đến nỗi mê-dắm, thiên tư lập 5 ngôi Hoàng-hậu ngang-nhau. Sau Lê, Lý phần nhiều bắt chước, chính là do Tiên-Hoàng khởi-xướng...). Tiên-Hoàng vừa khởi đế-nghiệp ở Việt-Nam thì Triệu khuông-Dẫn cũng lập ra nhà Tống bên Trung-Quốc, và luôn ngay khi đó, nhà Tống phái Đại-tướng Phan-Mỹ sang đánh Lưu-Thành, chúa nhà Nam-Hán, vì đã chống-cự mệnh-lệnh.

VIỆC NGOẠI-GIAO
VỚI NHÀ TỐNG

Đinh tiên-Hoàng xét thực-lực của mình chưa mạnh, quốc-gia vừa thành hình nếu bị Tống-triều đánh phá tất có sự bất lợi nên sai sứ sang thông-hiểu.

Lần thứ nhất, Tiên-Hoàng cử sứ-bộ qua Bắc-Triều vào tháng giêng năm 970. Lần thứ hai, năm thứ ba niên Thái-Bình nguyên niên, Nam-Việt vương Đinh-Liễn sang biểu Tống-triều đồ phượng-vật. Năm sáu nữa (972) sau, khi Nam-Việt Vương trở về, nhà Tống sang sách-phong Tiên-Hoàng làm * *Giao-Chỉ quận-vương* *. Đinh-Liễn làm * *Kiểm-hiệu Thất-sư Tỉnh Hải quận Tiết-đó sứ An-Nam đô-hộ* *.

BINH - CHE

Việc ngoại-giao yên-ôn, Tiên-Hoàng liền lo mọi vấn-đề nội-trị. Ngài tổ-chức quân-đội làm 5 cấp: *Đạo, Quân, Lữ, Tốt, Ngũ*. Mỗi đạo có 10 Quân, Quân có 10 Lữ, Lữ có 10 Tốt, Tốt có 10 Ngũ, mỗi Ngũ có 10 người. Như vậy là mỗi Đạo có 10 vạn người. Tổng số quân-đội của nhà Đinh có tới 1 triệu người. Sử-gia Trần trọng-Kim cho rằng bấy giờ nước ta còn nhỏ, dân ta còn thưa thớt, làm gì có đủ thực-lực để nuôi nổi 1 triệu quân. Nhưng, bàn về binh-chế của nhà Đinh, Ứng-Hoè Nguyễn văn-Tổ, trong báo *Trì-Tân*, phát-biểu rằng điều đó có thực do quân-đội bấy giờ chia làm 2 hạng: một hạng là quân-đội thường-trực hay hiện-dịch, một hạng là trừ-bị, luân-chuyển nhau trong 1 thời-hạn nhất-định để phụng-sự dưới cờ, tức là mần kỳ quân-dịch, quân-sĩ lại trở thành nông-dân. Theo đó, quân-số nhà Đinh có thể lên tới một triệu.

CHÍNH - TRỊ

Về chính-trị, Tiên Hoàng-đế ban hành nhiều luật-lệ rất khắt khe. Ngài đặt vạc dầu ở trước điện, nuôi hồ báo trong vườn, dựng cột đồng nung đỏ để trừng trị những kẻ gian ác và phản-bội. Nhờ có hình luật nghiêm-khắc này, nền an-ninh quốc-gia được văn-hồi. Đạo Phật từ 6 thế-kỷ trước đã có mặt ở nước ta, bấy giờ cũng khá phát-dạt. Tiên-Hoàng rất trọng-dụng các Thiền-sư vì họ có học-lực uyên-bác và Ngài cho lập ngạch tăng-thống. Sư Khuông-Việt đã được Ngài phong làm Quốc-Sư. Đinh Tiên-Hoàng tuy khởi-nghiệp trên mình ngựa, học hành ít ỏi, nhưng về phương-diện nội-trị và ngoại-giao, ta thấy họ Đinh không phải chỉ có tài-đánh Đông, dẹp Bắc. Luật lệ nghiêm-khắc bao nhiêu chứng tỏ tình thế bấy giờ hỗn loạn bấy nhiêu, vì vậy việc dùng kỷ-luật thép chỉ là do nhu-cầu thời-đại. Quả vậy, ta hãy coi thượng-tầng xã-hội là quý-tộc, là phong-kiến thì luôn luôn có chuyện tranh giành và phiến-động ở các địa-phương, lòng dân lại hết sức hoang-mang, mạnh dẫu theo đấy, thật chẳng khác gì xã-hội Trung-Quốc bên kia miền Ngũ-Lĩnh. Như thế, vạc dầu và hồ báo của Đinh Tiên-Hoàng chỉ có mục-dịch khuất-phục những kẻ phản-nghịch hơn là đề-đối-phó với dân-chúng, nếu ta nhìn sát vào nội-tình nước ta trước và sau đó. Và ta nên thừa-nhận mọi sự khe-khắt của hình-luật triều

Đinh đều chỉ lấy sự yên-ấm của nhân-dân làm mục-dịch. Điều này, họ Đinh đã thực hiện luôn 12 năm ròng khi cầm vận-mệnh dân-tộc cho đến lúc quá-cổ, đối với dân-chúng cũng như đối với giai-cấp quý-tộc.

Họ Đinh mất, ngay khi mờ tiên-chúa chưa xanh ngọn cỏ thì cuộc khủng-hoảng chính-trị đã xảy ngay giữa triều-đình, nhiều biến-cổ tai hại đã sinh ra truy nguyên cũng do một vài điều thất-sách của Tiên-Hoàng.

Việc biến-cổ thứ nhất của triều Đinh : Năm Thái-Bình thứ 9 (978), họ Đinh bỏ trưởng lập ấu. Thiếu-Tử là Hạng-Lang được phong làm Thái-tử, (tất vì bà Hoàng-Hậu đẻ ra Hạng-Lang được sủng ái nhất nên họ Đinh bất-chấp cả lệ thường) con thứ là Đinh-Tuệ làm Vệ-vương, còn Đinh-Liến là con cả theo cha từ lúc hàn vi, lập nhiều chiến-công, từng chịu nhiều vất-vả trong việc di-sử, nay bị bỏ nên Liễn giận lắm ngầm sai người giết Hạng-Lang. Mùa xuân năm 979 đã đánh dấu cảnh cốt-nhục tương-tàn này.

Việc biến cố thứ hai : Cận-thần Đỗ-Thích đã lên vào cung giết được Tiên-hoàng và Nam-Việt vương Liễn luôn trong một đêm, khi hai cha con cùng say rượu nằm ngủ ngoài sân. Đỗ-Thích bị bắt và bị làm tội. Vệ-Vương Đinh-Tuệ được tôn lên ngôi ngay nhưng mới có sáu tuổi. (1)

Kể từ bấy giờ (979) nhà Đinh coi như sụp đổ sau 12 năm nắm chính-quyền. Tiên-Hoàng thọ được 56 tuổi.

2— Đinh Phế-đế Vệ-Vương Đinh-Tuệ lên ngôi vào tháng 10 - 979. Mẹ là Dương thái-hậu làm triều dùng Nguyễn Bặc, Đinh-Điền, Lê-Hoàn làm phụ-chính Lê-Hoàn xưa chuyên giữ việc binh nhưng, được lòng Thái-Hậu và lại cùng Thái-Hậu tư-thông nên tự-do ra vào nơi cung cấm và có ý lộng quyền. Bọn

1) Theo dã-sử, Đỗ Thích một hôm nằm trên cầu mơ thấy một vì sao sa vào miệng cho là điềm thần dị báo trước hồng-vận, bèn nảy ra cuồng vọng giết vua Tiên-Hoàng và con trưởng là Nam-Việt vương để tiến ngôi,

Bặc, Điền là tôi trung của tiền-triều không chịu được những điều ngang chướng và ý định cướp ngôi của họ Lê nên âm-mưu chống lại

Đại-Nam Quốc-Sử diễn-ca viết :

...Nói sau Thiếu-đế thơ-ngây,
Lê-Hoàn nhiếp-chính từ rày dọc ngang.
Tiếm xưng là phó quốc-vương,
Ra vào cùng cả họ Dương chung tình.

Hai vị trọng-thần này cùng Phạm-Hạp là bộ tướng cũ của vua Đinh ngấm rút về Ái-Châu khởi-binh đánh Lê-Hoàn nhưng thất-bại và bị giết hết (Phạm-Hạp và Đinh-Điền bị bắt sống đem về xử-tử ở kinh-dô Hoa-Lư)

Sự lộn-xộn này bị bọn quan lại nhà Tống ngoài biên trông thấy. Tống-triều liền lợi-dụng ngay cơ-hội cử đại-quân do Hầu nhân-Bảo, Tôn toàn-Hung, Trần khâm-Tổ, Lưu-Trùng, Gia-Thực, dẫn qua nước ta. Hầu nhân-Bảo được lĩnh chức *Giao-Châu chuyên-vận sứ*, và theo kế-hoạch của nhà Tống, việc Nam-chính thành-công thì thiết-lập ngay việc đô-hộ.

Lê-Hoàn cử Phạm cự-Lượng làm Đại-tướng. Trước khi Phạm cự-Lượng xuất quân, họ Phạm tuyên-bố : ‘ Hiên-thời Vua còn nhỏ dại, tướng sĩ đi đánh giặc lấy gì là người biết đền thưởng phạt cho mình, chỉ bằng ta nên tôn ông Lê-Hoàn lên làm vua rồi hãy xuất quân’.

Quân-sĩ đều tán thành.

Thái-Hậu bèn cho đem áo hoàng-bào ở trong cung ra, tự tay khoác vào mình Lê-Hoàn. Đinh-Tuệ phải giáng-xuống làm Vệ-Vương. Đời sau cho rằng đây là cả một cuộc dàn-cảnh giữa các nhân-vật chính thời đó : Dương-Hậu, Lê-Hoàn và Phạm cự-Lượng.

Đinh-triều thế-phổ

Đinh tiên-Hoàng

Nam-Việt Vương
Đinh - Liễn

Vệ - Vương
Đinh - Tuệ

Đinh Hạng-Lang.

CHƯƠNG III

NHÀ TIỀN - LÊ

- Lê - Hoàn đánh Tống
- Việc ngoại - giao
- Sự-nghiệp của Tiền-Lê

1— Lê-Hoàn đánh Tống Lê-Hoàn lên ngôi xưng là Đại-Hành Hoàng-đế, lấy niên-hiệu là Thiên-Phúc (980-988) Hưng-Thống (989 - 993) và Ứng-Thiên (994-1005). Ông sinh ở xã Ninh-Thái, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà Nam. Vừa lên ngôi xong, ông hiểu manh-tâm của Bắc-triều liền mở ngay cuộc ngoại-giao để lựa xem tình-ý. Ông sai sứ mang thư sang Tống nói dối là của Đinh-Tuệ xin phong, không ngoài mục-dịch muốn hòa-hoãn với kẻ mạnh. Tống-triều không những đã không nghe còn trách Lê-Hoàn dám xưng đế, và nói : nhà Đinh nối-tiếp nhau đã 3 đời rồi, vậy phong cho Đinh-Tuệ làm Thống-soái, Lê-Hoàn làm phó. Nếu vì nhỏ tuổi không làm nổi chức-vụ thì Lê-Hoàn phải đưa mẹ con Đinh-Tuệ sang châu Bắc-triều rồi sẽ được phong quan-tước. (1)

1) Ý của triều Tống đòi mẹ con Đinh-Tuệ sang châu không ngoài mục-dịch nắm giữ lấy dòng chính-thống rồi diệt Lê-Hoàn sau. Dân mất dòng chính-thống thì đế-quốc xam-lãng mới tránh được chước-ngại vật lớn nhất là chính-nghĩa.

Biết nhà Tống có ý lừa gạt, Lê-Hoàn liền sửa-soạn việc quân. Quân Tống sang đất Việt có 2 đường : đường đất là Lạng-Son, đường thủy do sông Bạch-Đằng.

Tháng ba năm Tân-Ty (981), Hầu nhân-Bảo và Tôn toàn-Hưng dẫn lục-quân và bọn Lưu-Trường dẫn thủy-quân, do hai nẻo trên tiến vào nội-dịa Giao-Chi.

Lê Đại-Hành đem binh-thuyền giữ mặt thủy ở Bạch-Đằng giang. Hai bên xô-xát. Quân Tống thế mạnh, quân ta phải lui. Hầu nhân-Bảo đến Chi-Lăng (thuộc Ôn-châu Lạng-Son). Lê Đại-Hành lập kế trá hàng dụ Tống-tướng đến chỗ hiểm. Hầu nhân-Bảo bị bắt và bị chém. Quân Tống bị thiệt-hại quá nửa và hai bộ-tướng của họ Hầu cũng bị bắt làm tù-binh còn lại bao nhiêu đều tan-vỡ hết. Lưu-Trường giữ thủy-quân nghe tin mất vía liền rút lui. Riêng có một cuộc chạm trán tại Lạng-Son, Lê-Hoàn thắng Tống một cách oanh-liệt, kẻ cũng là một vinh-dự lớn cho dân-tộc chúng ta (1).

2— Việc ngoại-giao dưới đời Tiền-Lê (980-1005)

Quân xâm-lăng đã xa bờ cõi, nhưng Lê-Hoàn hiểu rằng dù sao lực-lượng của nhà Tống vẫn mạnh hơn lực-lượng của mình, chước cầu-hòa vẫn là thượng-sách.

Năm 982, Lê-Hoàn sai sứ sang Bắc-triều đem trả 2 viên-tướng của Tống bị bắt làm tù-binh ở Chi-Lăng (Lạng-Son) (rước đây là Quách quân-Biến và Triệu phụng-Huấn, và báo tin đánh được Chiêm-Thành cùng xin chịu lễ tiến-cống. Bấy giờ, Tống đang lo vào cuộc quấy-phá miền Bắc của quân Khiết-Đan (Hung-Nô) nên hoàn-cảnh trở nên rất thuận-lợi cho Giao-Châu. Tống-triều phong cho Lê Đại-Hành chức Tiết-độ-sứ.

Nhưng theo Nguyễn trường-Phượng, sau khi nhận được chế-sách, Lê Đại-Hành mới đem trả lại 2 viên bộ-tướng kể trên.

1) Sau việc đánh Tống, giữ yên bờ cõi Đại-Việt, các quân-thần dâng lên Lê-Hoàn tôn-hiệu là «Minh-càn ứng-vận thần-vũ thắng-binh chí nhân, Quảng-biểu Hoàng-Đế» — Khâm-Định Việt-sử 9. I - tờ 18 a.

Mới nghe, ta tưởng như nhà chép sử đã xuyên-tạc sự thật để nâng cao phong-thể quốc-gia, nhưng quả vua Tiền-Lê đã có những cử-chỉ rất hiện-ngang đó với Bắc-quốc. Ta xem cách Ngài tiếp sứ sau này thì rõ (Có nên khen Ngài vừa mới dựng nước, quốc-gia tuy chưa hùng-mạnh lắm mà đã lưu-tâm ngay đến vấn-đề quốc-thể chẳng?).

Năm 985, (Thiên-Phúc thứ 6), có sứ Tàu qua, khi về Lê Đại-Hành đưa rùa vàng, ngà voi sang biểu đề xin lĩnh tiết-trấn. Tháng 10 năm sau, Bắc-triều phái chức *Tả-cử-khuyết* là Lý nhược-Chuyết và Quốc tử-giám bác-sĩ là Lý-Giác mang chế-sách sang phong cho Lê-Hoàn «Kim-sử quang-lộc Đại-phu, kiểm-hiệu Thái-Úy An-Nam Đô-hộ Tỉnh-hải Tiết-độ-sứ, Kinh-Triệu quân Khai-Quốc hầu».

Trong chế-sách, Bắc-triều có nhắc lại vài trang lịch-sử giữa Trung-Quốc và phương Nam « Sĩ-Nhiếp là người thông-minh khai-hóa cho dân-tộc đất Việt được yên-ôn. Triệu úy-Đà là người kính-thuận theo chiều chỉ của nhà Hán mà không trái, võ-về dân di-lạc để tỏ rõ đức-hóa của Trung-triều».

Các việc giao-dịch giữa Giao-Châu với Bắc-triều dưới đời Tống có thể tóm tắt như sau :

Cùng năm 986, có Lý-Giác sang sứ nước ta, vua Lê Đại-Hành sai Ngô quốc-Ấn đem phương-vật sang biểu nhà Tống và nói có người Chiêm là Bồ-la-Ất đem họ hàng hơn trăm người sang xin nội - phụ.

Tháng 10 năm ấy, nhà Tống ban chế-sách phong Lê-Hoàn làm chức « Kiểm-hiệu Thái-bảo, An-nam Đô-hộ sung Tỉnh-Hải quận Tiết-độ-sứ Giao-Châu Quân-Nội Quán Sát Xứ-Trí Đẳng-sứ, Phong Kinh Triệu-Quân hầu ».

Đến năm thứ nhất hiệu Đoan-Củng (988), Lê-Hoàn được gĩa-phong « Kiểm-Hiệu Thái-Úy Đô-hộ bộ ». Viên-Ngoại-lang là Nguyễn-Tường, Trục-sứ quân là Lý-Bộ đem chế-sách tiến phong.

Năm 990, Vua Tống sai Tả-chính-ngôn là Tống-Cảo, Hữu-chính-ngôn là Vương thế-Tắc đem chế-sách phong cho vua Lê Đại-Hành «Đặc-tiến» là chức quan đặt từ đời nhà Hán. Các chư hầu,

vương, công, tướng quân, người công cao đức trọng, triều đình kính phục mới được ngôi này.

Sau khi Tống-Cảo trở về, Lê-Hoàn sai Đào-Cân đem phương-vật sang biểu. Việc này vào tháng hai năm Tân-Mão (991).

Năm 993, vua Tống cho Vương thế-Tắc và Lý cư-Giản đem chiếu-sách phong Lê-Hoàn làm «Tĩnh-hải quận Tiết Độ sứ Giao-Chi Quận-vương».

Bấy giờ, Hoàn sai sứ sang cống và gửi tờ biểu của Đinh-Tuệ nhường ngôi. Vì nhà Tống bại trận nên vua Tống không dám hạch-sách lỗi thời như trước.

Năm 994, Lê-Hoàn sai Nha-hiệu Phi sùng-Đức sang biểu quý-vật.

Năm 995, Lê-Hoàn lại cho cống phương-vật nữa nhưng cũng năm này, Lê-Hoàn cậy có rừng rậm núi cao, địa-thể hiểm-trở thả bọn dân ở biên-cương sang ăn-cướp các vùng lân-cận đất Tàu. Chuyên-vận-Sứ ở Quảng-Tây là Trương-Quan và chức Bình-mã giám-áp ở trấn Như-Hồng (thuộc Khâm-Châu) là Vệ chiêu-Mỹ dâng sớ tấu về triều rằng Giao-Chi có hơn trăm thuyền chiến vào cướp trấn, hiếp dân, tước đoạt kho tàng rồi bỏ đi.

Mùa hè năm ấy, Tô-Mậu của ta đem 5.000 hương-binh vào lấn Châu-Ung, nhưng bị chức Đô-tuần-kiêm là Dương văn-Kiệt đánh đuổi được. Nhà Tống cũng lơ đi vì không muốn có việc động binh.

Trước đây ở Trào-Dương (nay là Quảng-Yên) có bọn Văn-Dũng làm loạn giết người trốn sang trấn Như-Tích ở Khâm-Châu. Trấn-trưởng là Hoàng lệnh-Đức chứa bọn ấy. Trấn-trưởng của Giao-Chi ở Trào-Dương là Hoàng thành-Nhã đuổi bắt. Lệnh-Đức không trả. Khi Trần nghiêu-Tần đến thay bọn Trương-Quan liền đem giao lại hết thầy là 113 người vừa nam phụ lão ấu.

Lê-Hoàn sai sứ sang cảm tạ và bắt được 27 người Đản (dân chài) không hiểu tiếng Tàu đem nộp cho chức Chuyên-vận-sứ Quảng-Tây nói là giặc bề xin trả lại.

Cùng năm ấy Lý nhực-Chuyết đem chiếu-thư và đai ngọc sang phong cho Lê-Hoàn. Họ Lê thông thả bảo Nhực-Chuyết :

« Ngày xưa cướp ở Như-Hồng là giặc bề ở ngoài-cõi, Hoàng-đế đã biết không phải là quân Giao-Châu chưa ? Giả-sử phải quân Giao-Châu thì trước đánh Phiên-Nguang, sau đánh Mân-Việt, há chỉ trấn Như-Hồng mà thôi ! » (thật là luận-diệu hào-hùng của kẻ chiến thắng).

Đến năm Đinh-Dậu (997) Tống Thái-Tông mất, Chân-Tông lên ngôi. Lê-Hoàn lại được gia-phong Nam-Bình vương. Năm ấy quân Chiêm quấy rối ngoài biên, Lê-Hoàn đánh đuổi được lại đem phương-vật sang biểu nhà Tống và gửi tờ biểu thuật chuyện dẹp Chiêm-Thành, nhưng kết-luận rằng việc thắng trận là nhờ “ đức-hóa của Triều-đình ”. Vua Tống ưu-dãi sứ-giả và ban cho đai-ngọc cùng ngựa và áo giáp (*Khâm-Định Việt-Sử* Quyển 1 tờ 33a).

Đến năm Giáp-Thìn (1004) Lê-Hoàn sai Hành-Quận vương là Minh-đề xưng Nhiếp Hoan-Châu Thứ-sứ sang châu vua Tống. Vua Tống vui vào tiền điện, yên ủi hỏi han, ban cho rất hậu rồi phong Minh-Đề làm Kim-Tự Vinh-Lộc đại-phu, Kiểm-hiệu thái-úy Hoan-Châu Thứ-sứ.

Tóm lại vua Lê Đại-Hành về mặt ngoại-giao đã nâng-cao được địa-vị nước nhà vì bên trong đã gây nổi được an-ninh, trật-tự, bên ngoài biết dùng sức mạnh để làm Trung-Quốc phải kiêng-nể. Nếu không làm nổi việc trị-loạn và trị bình thì đâu có thể nhìn thẳng mặt người Hán-tộc.

3— Việc đánh Chiêm-Thành.

Năm 981, Lê Đại-Hành sai Từ-Mục và Ngô tử-Cảnh sang sứ Chiêm-Thành, người Chiêm đã cự-tuyệt lại bắt giam sứ-giả, Lê Đại-Hành tức giận, nên sau khi đã yên-ôn với Bắc-triều (982) liền huy-dộng quân-đội mở cuộc Nam-chinh. Quân Chiêm đại-bại, tướng Chiêm là Tỳ-My-Thuế chết tại trận, quân Chiêm bị bắt làm tù-binh rất nhiều cùng 100 cùng-nữ Chiêm và một nhà sư Thiên-trúc. Vàng bạc, châu báu bị tịch-thu không kể xiết.

Năm 989, Dương tiến-Lộc là quản-giáp vâng mệnh đi thu thuế châu Hoan và châu Ái, dụ dân hai châu làm loạn và liên-lạc với Chiêm-Thành; Lê Đại-Hành đem quân đi đánh bắt được Dương tấn-Lộc giết chết cùng một số đông dân ở địa-hạt này.

Năm Giáp-Ngọ (994), vua Chiêm sai Chế-Đông sang dâng phương vật. Lê Đại-Hành trách Chiêm vô lễ; vua Chiêm lo sợ liền sai cháu là Chế-Cai sang châu.

4 — Việc mở mang trong nước Sau khi bờ cõi trong ngoài yên-ôn, Lê Đại-Hành nghĩ đến việc đúc tiền. Trước thời Tiền Lê, dân chỉ lấy đồ đạc, vật liệu đổi chác cho nhau, có thứ tiền bên Tàu đem sang nhưng chưa lưu-thông, nên mọi việc công, tư đều không tiện; năm 984, vua Lê Đại-Hành cho đúc tiền Thiên-Phúc (*Khâm-định Việt-Sử*, quyển 2 — tờ 1-20a)

Năm 986, Lê Đại-Hành chọn những người khoẻ mạnh sung vào quân túc-vệ gọi là thân-quân, có khắc ở trán ba chữ "*Thiên-tử quân*".

Năm Giáp-Thân (984), Đại-Hành cho dựng điện Bách-Bảo Thiên - tuế ở núi Đại - Vầu trong thành Hoa - Lư (nay là núi Trường-Yên).

Năm 1002, Lê Đại-Hành tăng cường quân-sự, tổ-chức các đội, các ngũ, chia tướng-hiệu làm 2 ban.

Cùng năm ấy, định lại luật-pháp để trị dân, mở mang nông-nghiệp, khuyến dân cày ruộng tịch-diên, đổi 10 đạo làm lộ, phủ và châu; đào cảng (ngòi, kinh) và sai Ngô từ-Yên đem 3 vạn quân mở đường đi bộ từ bể Nam-giới đến châu Đại-Lý.

Trước công-cuộc bành-trướng đất đai để giải-quyết nạn nhân-mãn ở đồng-bằng sông Nhị, và bảo-vệ nền nội-an của quốc-gia mà dân Chiêm-Thành hay phạm đến, ta phải tốn thường cái công-lao và sáng kiến của nhà Tiền-Lê vậy (*Khâm-định Việt-sử* quyển 1-tờ 20a).

Vua Lê đại-Hành mất năm Ất-Tỵ (1005), làm vua được 24 năm, thọ được 65 tuổi.

Tiếc rằng sau khi Ngài qua đời, mọi việc đang mở mang bị ngừng lại.

CÁI ÁN LÊ-HOÀN VÀ DƯƠNG-HẬU

Bản về Lê-Hoàn cũng như xét công, luận tội nhiều nhân-vật khác trên Lịch-sử sau này (Lý công-Uân, Trần thủ-Độ, Mạc đăng-Dung v.v...) các sử nho hay nêu ra cái án giết Vua, thoán quốc lộng thần, theo tư-tưởng và chủ-nghĩa tôn quân của thời phong-kiến.

Sự thật, quả Lê-Hoàn cùng bề đảng là Phạm cự-Lượng và Dương-hậu, đã đồng tình với nhau phế bỏ Đinh-Tuệ, một ông vua nhỏ tuổi nhất của dân-tộc Việt-Nam bấy giờ mới lên sáu. Họ đã làm một cuộc đảo-chánh giữa lúc chính-tình nước ta do cái chết bất thình lình của vua Đinh và con cả của Ngài là Nam-Việt vương Liễn đang đi vào chỗ bế-tắc : vua còn quá thơ ấu, các đại-thần tướng lĩnh mỗi người một bụng một dạ. Bên ngoài nhà Tống đã lợi-dụng cơ-hội này để đem quân xâm-lăng vào cõi như thói thường của các vương-triều Trung-Quốc trước và sau. Chính việc xâm-lăng này đã thành một động-lực nó thúc đẩy cái triều-dinh đang khủng-hoảng này phải dứt khoát trong vấn-đề lập-vị nguyên-thủ : Vua nhỏ thì việc nước phải vào tay các đại-thần, và các đại-thần trong giai-đoạn nền độc-lập của quốc-gia còn non nớt thì làm sao đã có ngay sự nhất-trí được. Tất nhiên mạnh ai, người nấy làm, chia rẽ nhiều sớm muộn phải thành loạn, cuộc biến-động chỉ là vấn-đề đầu hôm, sớm mai mà thôi.

Lê-Hoàn đã mạnh dạn bước ra lĩnh trách-nhiệm với quốc-dân và Lịch-sử. Việc phải đến đã đến. Nó là một nhu-cầu của thời-thế, nó là một sự-kiện tất-nhiên của Lịch-sử. Rồi Thái-hậu họ Dương đã khoác hoàng-bào lên cho Thập-đạo tướng-quân họ Lê trước sự hoan-hô nhiệt-liệt của số đông triều-thần. Sau đó Lê-Hoàn đã mang quân ra độ tài, thử sức với đám binh-sĩ viễn-chinh của nhà Tống, lập nên một triều-đại được Bắc-phương kính-nể, được quốc-dân hoan-nginh. Chính việc chiến thắng hết sức vẻ vang này đã gỡ cho Lê-Hoàn khá nhiều về cái tội cướp ngôi, lấy Hậu. Nói cách khác, cuộc chiến thắng của họ Lê đã làm mờ cái án trên đây mà các sử-thần đời xưa đã buộc cho ông.

Ngày nay chúng ta nghĩ khác : Trên bình-diện quốc-gia chính-quyền không thể ở trong tay một trẻ nhỏ, một người đàn bà xưa nay chỉ có quanh-quẩn ở chốn buồng thêu. Ai tài giỏi thì cứ việc ra lĩnh.

đạo việc nước, miễn đảm-đương nỗi sứ-mạng. Vai trò nguyên-thủ của quốc-gia chẳng là địa-vị độc-quyền của một dòng họ nào hết. Như vậy việc âm-mưu cướp ngôi nhà Đinh không thành vấn-đề, đến cả cái áu Dương-hậu cũng chẳng là một điều đáng đề quốc-dân thắc mắc. Trái lại người ta có thể khen Dương-thị có mắt tinh đời, biết lẽ tới lui, nếu cố chấp biết đâu một cuộc đảo-chính sẽ chẳng xảy ra với một phương-pháp khốc-liệt thì Hoàng-gia sẽ khó lòng thoát được chuyện đổ máu và nhiều nhân-vật quan-trọng đời bấy giờ cũng sẽ là những nạn-nhân bị thảm. Bề tôi lấy vợ vua, đối với quan-niệm đạo-đức thời xưa tất nhiên là có tội, nhưng ở đời phải biết lẽ *kính quyền* mới khỏi lỡ nhiều sự việc. Tóm lại, những biến cố xảy ra từ trong hoàng-cung của vua Đinh ra đến biên-thùy Hoa-Việt được kết-thúc một cách êm-đẹp thì nhà làm sử thiết-tưởng chẳng nên rườm lời kia khác.

CHƯƠNG IV

CÁC VUA KẾ TIẾP LÊ ĐẠI-HÀNH

I.— LÊ TRUNG-TÔNG

II.— LÊ NGỌA-TRIỀU

- *Việc ngoại-giao với Bắc-Triều*
- *Sự tàn ác của Long - Đĩnh*
- *Vụ âm-mưu cướp ngôi nhà Tiền-Lê*

1— Lê Trung-Tông

Năm 1005 Lê-Hoàn qua đời, và vua Đại-Hành đã lâm như nhà Đinh là bỏ trưởng lập ấu (lấy con thứ ba là Long-Việt lên làm thái-tử đáng lẽ địa-vị này thuộc về Ngân-Tích). Lúc này Long-Đĩnh là con thứ năm cũng xin được tôn-lập. Xét ra các ông hoàng, ai nấy đều muốn giành ngai-vàng cho mình cả, nhưng khi vua Đại-Hành còn sống, không ai dám có thái-độ gì chống đối.

Rồi mùa Xuân năm Giáp-Thìn (1004) Long-Việt được tấn-phong, đến tháng 3 năm Ấ-Tý (1005) thì vua Đại-Hành qua đời.

Đông-Thành vương Ngân-Tích, Trung-Quốc vương Long-Kính, Khai-Minh vương Long-Đĩnh nổi loạn luôn 8 tháng ròng, đến mùa Đông tháng 10 năm ấy Long-Việt mới thực-thụ lên ngôi. Ngân-Tích bỏ trốn rồi bị người ở Thạch-Hà giết.

Long-Việt bước lên ngai vàng chưa quá ba ngày thì Long-Đĩnh thuê người treo tường vào cung hạ-sát, sau đó lên ngôi xưng là *Khai-thiên Ứng-vận Thánh-văn, Thần-vũ, Tác-thiên Sùng đạo Đại-thống Minh-quang-hiếu Hoàng-đế*. Sau Long-Việt được truy đặt tên *Thụy* là *Trung-Tông Hoàng-đế*. Long-Việt bị ám-sát, cung-dình rối loạn và bị khủng khiếp khiến các quân quan phải bỏ chạy hết, duy có Lý công-Uân là Điện-tiền-quan ở lại ôm thầy ông vua xấu số mà khóc. Vua Trung-Tông mất bấy giờ mới 23 tuổi.

Long-Đĩnh khen Công-Uân là người có nghĩa nên thăng làm *Tứ-Xương-quân Phó Chỉ-huy-sứ*.

2— Lê ngoại-triều (1005 — 1009)

Long-Đĩnh lên ngôi, trong lúc này Ngũ-Bắc-Vương là Long-Ngân, Trung-Quốc-Vương là Long-Kính chiếm cứ trại Phù-Lan thuộc xã Phù-Vệ, huyện Đường-Hào, Tỉnh Hải-Dương, chống lại. Long-Đĩnh phải đem quân đi dẹp. Bên ngoài lại có giặc Cử-Long vào cướp phá ở huyện Cẩm-Thủy thuộc Thanh-Hóa. Long-Đĩnh ngự vào Ai-Châu. Việc bình-dịnh có kết-quả. Sang năm sau (Bính-Ngo) năm 1006 là năm Ứng-Thiên (vẫn theo niên-hiệu của Lê Đại-Hành) Long-Đĩnh lập con là Xạ làm Khai-Phong vương, con nuôi là Thiệu-Ly làm Sở-vương, Thiệu-Hưng làm Hán-vương.

Long-Đĩnh vì quá hoang dâm, tửu-sắc bị mắc bệnh trĩ phải nằm mà coi triều. Người đời bấy giờ gọi là « *Ngoại-triều-đế* ». Tuy vậy Long-Đĩnh cũng muốn làm nhiều việc mới: sửa đổi quan-chế văn vũ, tăng đạo và triều-phục hết thảy bắt chước kiểu mẫu của nhà Tống. Theo triều-phục của nhà Tống thì mũ có ba hạng:

- 1) Mũ tiên-hiền là phẩm-phục các quan nhất, nhị phẩm.
- 2) Mũ điều-thuyền là phẩm-phục các quan tam phẩm ở các ty, các Ngự-sử dài và chức ngũ phẩm ở hai sảnh.
- 3) Mũ giai-sai là phẩm-phục từ tứ-phẩm đến lục phẩm.

Còn phục-sắc từ công khanh trở lên mặc áo màu tía, ngũ phẩm mặc áo màu đỏ, thất phẩm trở lên mặc áo màu lục, cửu phẩm trở lên mặc áo màu xanh.

VIỆC NGOẠI-GIAO VỚI BẮC-TRIỀU

Long-Đĩnh cử em là Long-Xưởng với Chương thư-ký là Hoàng thanh-Nhã đem bạch tề sang cống nhà Tống, và xin 9 kinh (3 bộ sách Tàu : tôn làm kinh thuyết thứ nhất, xếp chữ Lễ, Nghi-Lễ, Lễ-Ký, Tả-truyện, Công-Dương, Cốc-Lương, Dịch, Thi và Thư làm 9 kinh thuyết thứ hai, xếp Dịch, Thi, Thư, Lễ, Xuân-Thu, Hiếu-Kinh, Luận-ngũ, Mạnh-Tử và Chu Lễ làm 9 kinh. Chín Kinh của ta xin của Tàu có lẽ là kinh thuyết thứ 2) và kinh Đại-Tạng (kinh phật chữ Phạn gọi là Xripitaka) vua Tống ưng thuận.

Vua Long-Đĩnh xin dùng áo giáp, mũ trụ có giắt vàng và thông thương với Ung-Châu. Các điều này cũng được như ý, duy về việc buôn bán đôi chác, vua Tống chỉ cho thi-hành ở các chợ Châu Liêm và trấn Thư-Hồng, có lẽ e-dè sự đi lại của người Giao-Châu quá sâu trong nội-địa của họ chăng ?

Năm Đinh-Ngo (1006), nghe nước ta rối loạn sau khi Lê-Hoàn mất, vua Tống sai Lang-sách là Tri-Châu và Thiệu-Việt là Điện-Biên An phủ-sứ sang kinh-lý Giao-Châu. Bọn này trở về tâu rằng các con Nam-bình vương Lê-Hoàn chia bè đảng, lập thành trại, sách mỗi người chiếm-cứ mỗi nơi, nhân-dân lo-sợ, xin đem quân sang đánh dẹp.

Vua Tống trả lời : ‘ Họ Lê thường sai con sang châu, nơi góc bể yên ổn, không bỏ lòng trung-thuận, nay nghe Nam-bình vương mất, chưa có lễ điều, lại đánh người trong khi có tang, đảng Vương-giả không làm những việc như thế ’. Rồi vua Tống phái Lang-Sách đem thư sáng phủ-dụ các con Lê-Hoàn không nên cốt-nhục tương-tàn.

Ngay sau đó, bọn Thiệu-Việt lại đem bản-đồ thủy-lục từ châu Ung đến Giao-Châu, trình lên vua Tống đề-dề-nghị Nam-chinh. Vua Tống cũng không thuận (*cứ-chỉ này thật là ít có ở những Vương-triều Trung-quốc*).

Tháng 8 năm sau là năm Đinh-Vị (1007), nhà Tống sang sách-phong cho Long-Đĩnh làm *Giao-Chi Quận-Vương*, lĩnh chức Tiết-độ-Sứ ở Tĩnh-Hải quận, cho tên là Chi-Trung. Tháng 6 vua

Tổng cho đức ấn Giao-Chỉ quận-vương do chức chuyền-vận-sứ Quảng Tây đem sang. Nguyên xưa Bắc triều phong cho Giao-Châu chỉ có Tiết-việt (Tiết là thẻ tre khắc tên họ và chức-tước sứ-giã, Việt là lưỡi vót, vua giao cho võ tướng đi đánh giặc nơi xa có quyền thay vua sinh sát để làm uy), chứ chưa có phong Vương. Nay Tống Chân-Tông cho rằng Giao-Châu là nơi biên-viên cần có "ấn-mệnh của triều đình" mới trấn phục được nhân-dân.

SỰ TÀN ÁC CỦA LÊ LONG-ĐỈNH

Long-Đỉnh là một ông vua nổi tiếng hiếu-sát trong lịch-sử nước ta. Hễ làm thịt các gia-súc như trâu, bò dê, gà, lợn, bao giờ cũng tự tay chộc tiết rồi mới trao cho nhà bếp. Kết tội tử-hình ai thì Long-Đỉnh tìm ra những cách nào tàn ác hơn hết như sai lấy rơm quấn vào tội-nhân rồi châm lửa đốt. Kẻ xấu số gần chết, Long-Đỉnh cho phùng chèo người Tàu là Liêu thư-Tâm cầm dao cắt những mối rơm để tội nhân không chết được ngay.

Long-Đỉnh lấy làm thú lắm.

Khi đi đánh dẹp, bắt được giặc, Long-Đỉnh đem ra bờ sông sai người làm thủy-lao nhốt tù vào dẫy đề nước thủy-triều dâng lên làm cho họ chết sặc, hoặc có khi bắt họ leo cây rồi cho người dẫn gốc.

Năm 1008, đi dẹp Man-Động, Long-Đỉnh bắt được quân Mán sai người đánh. Quân Mán đau quá kêu gào và thường phạm vào tên hủ của Đại-Hành. Long-Đỉnh lấy làm thích ý do lòng oán vua Lê Đại-Hành đã không muốn cho mình nối ngôi trước đây.

Có lần Long-Đỉnh đem nhốt phạm-nhân vào một cái quây rồi chắt củi xung quanh đề đốt. Nghe Ninh-Giang có nhiều rắn, Long-Đỉnh bắt trói người vào cạnh thuyền rồi cho thuyền bơi qua bơi lại đề rắn cắn chết. Lại có khi Long-Đỉnh cho róc mía trên đầu nhà sư (nạn-nhân thuở đó là Quách-Ngang), giã lờ tay hạ dao vào đầu cho chảy máu.

Trong những buổi chiều, hễ các quan có điều gì nói thì có tên hề đứng bên pha trò hay nhại đề làm rối các việc tấu đối. Triều-dình bấy giờ là một cái sân khấu, không hơn không kém.

Long-Đĩnh làm vua được 4 năm, đổi niên-hiệu là Cảnh-Thụy (1005-1009) qua năm sau thì mất, thọ 24 tuổi và làm vua vừa đúng được 4 năm.

3— Vụ âm-mưu cướp ngôi nhà Tiền-Lê

Vua Long-Đĩnh nằm xuống, con còn nhỏ. Triều-dại của Long-Đĩnh như ta thấy do sự tàn ác đã làm mất lòng dân chúng rất nhiều tuy Long-Đĩnh trong 4 năm ở ngôi cũng đã làm được một vài việc đáng kể (dẹp giặc Cử-Long, ngoại giao với Bắc-triều...) Đáng chú ý một điều là người dân Việt của chúng ta vốn rất không ưa việc chém giết một cách độc ác, dã man và bao giờ cũng có phản-ứng rất mãnh liệt đối với những chính sách tàn bạo đầu theo hình thức nào. Huống hồ vua Long-Đĩnh trong 4 năm trị vì chưa hề thi ân, thi đức đối với nhân dân. Lịch sử sau này còn dẫn chứng cho lời nói trên đây khi các vua chúa quá coi thường sinh-mệnh của nhân dân trong lúc cầm quyền.

Triều-dình nhà Tiền-Lê trong giờ phút Long-Đĩnh tạ-thế bắt đầu sinh biến. Việc phải đến đã đến. Trong triều bấy giờ Lý công-Uân giữ chức Điện-tiền-chỉ-huy-sứ là người có tư-cách và năng-lực hơn cả. Ông có tư chất thông-minh, thọ giáo nhà sư Vạn-Hạnh từ thuở nhỏ, lại thêm đức tính khảng khái và có chí lớn.

Vạn-Hạnh là nhân-vật thế nào ?

Đạo Phật du nhập vào Việt-Nam từ đệ-tam thế-kỷ và mỗi ngày một thịnh-dạt. Các sư nhờ chỗ uyên-thâm Hán-học đã được các vua chúa trọng dụng và có rất nhiều ảnh-hưởng đối với dân chúng. Hai vị sư đầu tiên tham-gia chính-sự giúp vua Đinh và Tiền-Lê là Khuông-Việt và Ngô chân-Lưu. Người thứ ba là sư Vạn-Hạnh bấy giờ cũng nổi danh chẳng kém và có lẽ sư đã hiểu rõ thời-cuộc, thấu đáo việc tương lai nên muốn chấm dứt triều-dại Lê Long-Đĩnh (nhất là Long-Đĩnh lại ngược đãi cả tăng-giới) cho hợp với nguyện-vọng của nhân-dân và canh-cải lại xã-hội đang đi tới chỗ rối loạn.

Một hôm trời mưa to, sét đánh ngã một cây bông lớn ở làng Diên-Hồng là nơi quê quán của Lý công-Uân, ở vỏ cây lộ ra một bài sấm như sau :

Gốc cây trắng trắng,
 Vỏ cây xanh xanh.
 Hoa đào mọc ngã,
 Thập bát tử thành.
 Đông-A nhập địa,
 Cây khác lại xanh.
 Cung Chấn vắng nhạt.
 Cung Đoài ẩn tĩnh
 Khoảng sáu bảy năm,
 Thiên hạ thái-bình

Vạn-Hạnh nói riêng với Công-Uần : « Hoa đào mọc là chữ Lê, Thập bát tử là chữ Lý, Đông-A là họ Trần, Nhập địa là phương Bắc sang xâm-lấn. Cây khác lại xanh là họ Lê sống lại, đó là nói họ Lê mặt, họ Lý nổi lên, sau sáu bảy năm sau thiên-hạ lại thái-bình ».

Lại còn chuyện một bữa vua Ngạc-triều ăn trái khế thấy hột lý trong ruột nhớ đến lời sấm liền cho người tìm những ai họ Lý để giết mà quên Lý công-Uần ở ngay cạnh vách.

Trong hai chuyện kể trên, vai chủ động dĩ-nhiên không ai khác hơn là sư Vạn-Hạnh. Chính Vạn-Hạnh đã làm ra lời sấm và ngấm cho tuyên-truyền trong dân-gian, cả chuyện vua Long-Đĩnh ăn phải trái khế có hột Lý. Mục-dịch của Vạn-Hạnh là lợi-dụng lòng mê-tin dị-đoan của dân chúng và của các người có học-vấn đương thời nhưng đầu óc còn tin chuyện quỷ thần, trời đất thuở ấy. Nhà sư thật đã khéo lung-lạc nhân-tâm và dọn đường cho học-trò của mình bước lên ngôi cửu-ngũ. Ta lại nên chú ý một điều nữa là các tác-dụng chính-trị trên đây đã thi-hành ngay khi vua Ngạc-triều còn tại vị. Nếu vua Ngạc-triều không yều-vong tất cũng vẫn sẽ xảy ra một cuộc giết vua cướp ngôi chứ chẳng không. May mà Ngạc-triều chết sớm nên Công-Uần đã không phải thi-hành việc thoán đoạt bằng sắt máu như Mạc đăng-Dung và Hồ quý-Ly bốn năm thế-kỷ sau.

Người thứ ba đồng lõa trong vụ âm-mưu chính-trị này là Đào cam-Mộc. Sử chép họ Đào khuyên Công-Uần : « Hồi trước

đức vua tối tăm bạc ác, trời chán ghét ngài mà con ngài thì còn nhỏ tuổi chưa thể đảm-đương buổi đa-nạn này, dân chúng đang khao khát chân chúa ra đời như đại hạn mong mưa. Vậy Thân-vệ nên thừa cơ-hội cương-quyết theo dấu vua Thang, vua Võ. Xem việc của họ Lê (chỉ việc vua Lê Đại-Hành cướp ngôi nhà Đinh) trước đây cũng là chính đáng, thuận lòng trời và lòng dân, sao lại khư-khư giữ cái tiết mọn ?... »

Đến hôm sau, Cam-Mộc lại nói : « Lời sấm đã rõ ràng, người trong nước ai cũng tin họ Lý sẽ chỗi dậy, việc đổi họa ra phúc cho đất nước chỉ ở đầu hôm sớm mai, Thân-Vệ còn ngại ngần gì nữa ? »

Công-Uần xiêu lòng nói : « Ý ông cũng như ý sư Vạn-Hạnh nhưng phải làm thế nào cho được êm ấm trong ngoài ? »

— Thân-Vệ công-bình, khoan thứ, hẳn là dân vui lòng theo. Hiện nay nhân-dân đói khổ, ta dùng ân đức vỗ về ắt sẽ thành công.

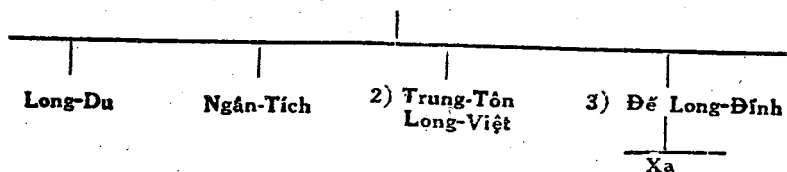
Sau việc bàn soạn này Đào cam-Mộc liền họp ngay trăm quan tuyên-bố cuộc đảo-chính. Việc đảo-chính thành-trụ một phần vì quân đội trong tay họ Lý, một phần vì Lý công-Uần quả có xứng đáng hơn ai hết trong thời bấy giờ. Ngoài ra Đào cam-Mộc cùng Lý công-Uần trước đó đã có sẵn vây cánh mạnh trong đám tiều-thần. Những người này cũng mong có cơ-hội thay thầy đổi chủ để bước cao trên bậc thang phú quý. Chính Đào cam-Mộc đã tuyên-ngôn trắng trợn như sau : « Nay ức triệu khác lòng, thần dân lia đức nếu không thừa dịp tôn ngài Thân-Vệ lên ngôi, rồi có quốc biến thì chúng ta đâu còn giữ được địa-vị ! »

Nếu ta đề ý, ta thấy sau cuộc thoán đoạt, Lý công-Uần lên làm vua, Vạn-Hạnh làm Quốc-sư, Đào cam-Mộc được làm phò mã và phong hầu thì có thể tin rằng sư Vạn-Hạnh là người chủ-trương thay đổi thời thế thuở ấy. Đào cam-Mộc là kẻ thi-hành và sửa soạn cuộc đảo-chính. Còn Lý công-Uần có lẽ chỉ là kẻ thụ động trong vụ này. Ngay khi Long-Đĩnh hạ sát Long-Việt (vua Trung-Tông) trong lúc các triều thần hoảng-hốt bỏ chạy hết, ông là người duy nhất dám

ở lại ôm thây vua mà khóc thì đủ hiểu con người giàu thiên lương ấy không có manh-tâm cướp ngôi của nhà Tiền-Lê. Nhưng sau này Ngọa-triều mất, con còn nhỏ, cơ hội thuận-tiện ấy mới tạo nên một lý-do, một sức mạnh nó thúc đẩy ông rời bỏ chữ Trung, chữ việc sấm ký mà sư Vạn-Hạnh đưa ra đề sửa soạn việc thoán đoạt chưa nên coi là điều đã quyết-định ở nơi ông đề tranh vương đồ bá.

Tiền-Lê triều thế-phổ

1. Đại-Hành Lê-Hoàn



CHƯƠNG V

NHÀ HẬU - LÝ (1010-1225)

- 1) *Lý Thái-Tổ* (1010-1028) 2) *Lý Thái-Tổng* (1028-1054)
3) *Lý Thánh-Tổng* (1054-1072) 4) *Lý Nhân-Tổng* (1072-1127)
5) *Lý Thần-Tổng* (1128-1138) 6) *Lý Anh-Tổng* (1138-1175)
7) *Lý Cao-Tổng* (1176-1210) 8) *Lý Huệ-Tổng* (1211-1225)
9) *Lý Chiêu Hoàng* (1224-1225)

1— Vua Lý Thái-Tổ Nhà Tiền-Lê cáo chung sau 29 năm ở ngôi. Ta nhớ nhà Đinh, nhà Ngô, hai vương-triều đầu tiên của Việt-Nam chỉ dài vào khoảng 20 năm. Tại sao có tình-trạng này? Rồi khi nhà Lý lên đảm-nhiệm sứ-mệnh lịch-sử đối với dân-tộc Việt-Nam, đây là một triều-dại đáng kể về đủ phương-diện vì nó thọ được trên hai thế-kỷ và ta thấy nền-tảng của chính-thề quân-chủ bắt đầu vững chắc.

Đặt câu hỏi trên đây trước khi xét các sự-kiện lịch-sử về đời nhà Lý là để tìm hiểu sự phối-thai của nền quân-chủ và quá-trình tiến-hóa của xã-hội Việt-Nam. Chúng ta hẳn còn nhớ tình-trạng nước ta dưới thời Bắc-thuộc dài 1146 năm. Trong giai-đoạn này dân Việt hấp-thụ và lĩnh-hội văn-minh Trung-Quốc nhờ đó chúng ta đã phát-triển được nhiều khả-năng dân-tộc. Nhưng trong khoảng trên 10 thế-kỷ chúng ta vẫn loanh-quanh trong cái bệnh thiếu-thời. Đáng lẽ

chúng ta tiến-bộ sớm sửa hơn nữa, nhưng những biến-cổ chính-trị luôn luôn xảy đến, khi thì ở ngoài biên đưa vào, khi thì phát-xuất ngay trong nội-bộ quốc-gia ta đã ngăn trở chúng ta rất nhiều.

Về phía các vương - triều đầu tiên cũng bị cái bệnh kể trên bởi giai-cấp lãnh-đạo và phong - kiến nằm trong nội - bộ chỉ đoàn kết ở những trường-hợp đặc-biệt mà thôi, vì xâm-lãng là cái nạn chung. Xong việc nó lại trở về với cái căn bệnh nguyên-thủy hay cổ tật là phức-tạp và chia rẽ. Ông vua bấy giờ chưa là hiện-thân của nền quân chủ, chưa đi tới mức có uy-quyền thần thánh tuyệt đối, chưa trấn-ngự nhân-tâm nhất là những người quanh mình vì thế Kiều công-Tiến giết Dương đình-Nghệ, Dương tam-Kha bất tuân lời ủy-ký của Ngô-Quyền, là Sứ-quân chống lại vương-quyền của nhà Hậu-Ngô, Lê-Hoàn mưu-mô lật đổ nhà Đinh bằng những tổ-chức và âm-mưu khôn ngoan khéo léo.

Lại nữa, trong giai-đoạn nhà Ngô, nhà Đinh cầm vận-mệnh của dân-tộc Việt-Nam, giai-đoạn này là giai-đoạn quá-độ. Các lực lượng phong-kiến và cát-cử vẫn còn đầy rẫy ở khắp mọi-nơi, mỗi lực-lượng nắm một phần kinh-tế địa-phương. Nông-nghiệp tuy phát-đạt nhưng chưa lan tràn khắp trong xứ vì luôn luôn có những biến-cổ chính-trị ngăn trở. Các dân-cư sơn-cước vẫn sống theo nền kinh-tế cổ thời (săn bắn, trồng trọt, hái lượm) hầu không có mối liên-quan gì với các dân miền đồng bằng. Vậy nếu ta hợp các yếu-tố chính-trị, kinh-tế đời bấy giờ vào với nhau, ta thấy giai-đoạn lịch-sử này đã bị mãm loạn ngự-trị, nó chỉ chờ có cơ-hội thuận-tiện là bùng lên. Những vương-triều đầu tiên chưa được ràng buộc vào một nền tảng, vững bền hay chưa có thực-lực nào đáng kể. Nó còn phải kiêng nể ít nhiều các chính-quyền địa-phương gần như tự-trị, nó bồng-bênh như nhà xây trên cát nên luôn luôn bị sụp đổ, hưởng hờ các người kế-vị các tiên-đế lại bắt tài, bắt lực hay thiếu đạo-đức càng như thúc đẩy xã-hội Việt-Nam vào những cuộc đảo lộn liên miên.

Đến Lý-triều tình-trạng quá-độ này chấm dứt. Từ Lý Thái-Tổ đến triều - đình đã rút được nhiều kinh - nghiệm chính - trị của các tiên-triều. Người ta đã hòa-hoàn được các mâu-thuẫn nội-tại. Các lực-lượng phong-kiến yếu dần. Vương triều có dần thêm

nhiều uy-thể. Sức bành-trướng của dân-tộc ở miền Trung-Châu tiến mạnh. Kết-quả tốt đẹp này đều do các phương-pháp tổ-chức kinh-tế, chính-trị, xã-hội đúng lệ-lối, nguyên-tắc. Lại tới các triều-dại sau này đã nhờ ở các khuôn nếp do Lý-triều tạo ra nên đưa dân-tộc chúng ta mỗi ngày đi một xa trên con đường tiến-hóa. Ngoài ra từ Lý-triều, nền quân-chủ bắt đầu đứng vững. Đó là điều thiết-yếu cho mọi sự tiến-triển của xã-hội...

Lý công-Uần, vua Thái-Tò nhà Lý đã có một tiểu-sử khá ly-kỳ bí-mật. Người ta chỉ biết ông là người làng Cồ-pháp, thuộc về huyện Đông-Ngạn, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh. Người ta không biết cha ông là ai. Tục truyền mẹ ông là Phạm-thị đi chơi chùa Tiêu-Sơn (thuộc phủ Từ-Sơn) nằm mộng gặp gỡ thần nhân rồi thụ thai đẻ ra ông. (Đối với thời khoa-học ngày nay, điều này không thể tin được). Khi ông lên ba, mẹ ông đem ông cho làm con nuôi nhà sư Lý khánh-Vân trụ trì chùa Cồ-Pháp, do đó ông được đặt tên họ là Lý công-Uần. Xét vậy ta có thể hiểu buổi thiếu thời ông đã sống một cuộc đời bình-dân và khổ-hạnh.

Đến tuổi trưởng-thành ông vào phụng-sự nhà Tiền-Lê ở Hoa-Lư lên dần tới chức Tả-thân-vệ Điện-tiền chỉ-huy-sứ giữa lúc nhà Lê đến buổi suy vong. Trong thời kỳ còn làm quan với nhà Tiền-Lê ông đã tỏ là người có tài năng và đức-dộ nên được mọi người quý mến. Khi vua Ngọa-triều mất, Đào cam-Mộc và sư Vạn-Hạnh lập mưu đưa ông lên ngôi. Lúc đó ông đã 35 tuổi.

Lý Thái - Tò lên làm vua vội mở - mang, canh - cải ngay nhiều việc : Ông dời kinh - đô về La - Thành, xét Hoa - Lư quá chật hẹp.

Sau khi dời đến kinh-đô mới, Lý công-Uần dời thành Hoa-Lư làm phủ Trường-Yên (tức là phủ Yên-Khánh, tỉnh Ninh-Bình bây giờ) dời châu Cồ-Pháp làm phủ Thiên-Đức (huyện Đông-Ngạn tỉnh Bắc-Ninh ngày nay) dời sông Bắc-Giang làm sông Thiên-Đức và con sông này chảy về sông Lục-Đầu vốn là một chi-lưu của sông Nhị-Hà đi qua huyện Đông-Ngạn và Quế-Dương. Việc triều-nghe, quan lại cũng định lại. Nông-nghiệp được chấn-hưng và khuếch-trương do

đó có việc đắp đê Cơ-Xá để tránh thủy-tai hằng năm làm hại mùa màng và gây sự thiệt hại cho quốc-gia.

Lý công-Uân cũng rất săn sóc đến việc văn-học. Ông cho lập nhà Văn-Miếu để tôn sùng Nho học và mở khoa thi Tam-Giáo (Khổng-giáo, Phật-giáo, Lão-giáo). Vì nhà vua xuất thân ở cửa Phật nên Phật-giáo kể từ nhà Lý rất được trọng-dãi và khuyến-kích. Ông cho sưu-tầm kinh Tam-Tạng để truyền bá đạo Phật trong dân gian. Luật-pháp cũng được quy-định.

Ngài xuất hai vạn quan tiền để dựng 8 ngôi chùa ở trong phủ Thiên-Đức, và tại Thăng-Long lập chùa Thiên-Ngự, chùa Vạn-Tuế, cung Thái-Thanh. Ngoài thành Thăng-Long ngài cho xây chùa Thăng-Nghiêm, Thiên-Vương, Cầm-Y, Long-Hưng, Thánh-Thờ, Thiên-Quang, Thiên-Đức. Ở các địa hạt khác các chùa bị đồ nát đều được tu-bồ.

Tháng chạp năm thứ nhất hiệu Thuận-Thiên (1010) cung Thuyết-Hoa dựng xong, có lễ khánh thành và ban chiếu đại xá. Mọi việc thuế má đều được miễn trong ba năm. Dân chúng vì thiếu thuế mà phải lần trốn và siêu-bại đều được trở về sinh-quán làm ăn. (Xét việc này ta thấy dân chúng bấy giờ cơ khổ nhiều lắm). Một số phạm nhân dưới đời Lê ngoạ-triều cũng được phóng thích và cho đủ quần áo, thuốc men để trở về xứ-sở.

Lý Thái-Tổ chia nước ra làm 24 lộ (cùng năm ấy) Hoan-Châu và Ái-Châu đổi làm Trại, thêm vào đó một trại mới ở phía Nam châu Hoan gọi là trại Định-Phiên.

Năm thứ 7 hiệu Thuận-Thiên (1016) trong nước được mùa, vua Lý Thái-Tổ lại tha thuế 3 năm nữa, năm thứ 9 tức là 2 năm sau lại có việc tha thuế ruộng một lần nữa.

Về binh-chế, năm thứ mười sáu hiệu Thuận-Thiên, Lý Thái-Tổ định ngạch lĩnh có từng giáp. Mỗi giáp có 15 người, có một Quản-giáp đứng đầu. Có nhiều ngạch Quản-giáp được đặt ra và chức hỏa-dầu được đổi ra chức chính-thủ. Theo Lê quý-Đôn trong *Kiến Văn-Lục* chức hỏa-dầu cũng như chức Đội-trưởng nhà Hậu-Lê (1428-1789) sau này.

Phái-bộ ngoại-giao đầu tiên của nhà Lý đã do viên-ngoại lang Lương nhâm-Văn và Lê tài-Văn cầm đầu sau khi vua Thái-Tổ lên ngôi (1010). Các đình-thần triều Tống có ý không tán-thành việc Lý thay Lê nhưng vua Tống vẫn ưng-thuận.

Tháng chạp năm ấy (1010) sứ Tống đem sắc phong cho Lý Thái-Tổ làm Giao-Chỉ Quận-Vương. Ta nhận thấy từ Đinh, Lê, nhà Tống bắt đầu phong cho các vua ta chức Kiểm hiệu thái-úy, qua chức Tiết-Độ, Đô-Hộ rồi mới đến Quận-Vương. Nay vua Lý Thái-Tổ được phong Quận-Vương ngay, dĩ-nhiên là do dân ta đã được Bắc-triều khi đó kiêng-nề hơn bao giờ hết thảy.

Năm sau tháng tư Viên ngoại-lang Lý nhân-Nghĩa và Đào khánh-Vân đi kỳ sứ-bộ thứ hai đem phương-vật sang biểu vua Tống. Khánh-Vân xong việc trốn ở Tàu không về nước. Người Tàu bắt trả vua Lý. Khánh-Vân bị đánh chết.

Năm thứ ba (1012) tháng chạp, Thái-Bảo Đào thác-Phụ và Viên-ngoại-lang Ngô-Nhượng lại qua Tàu thông hiếu.

Năm Thuận-Thiên thứ năm (1014) Man-tướng ở Hạc-Thác (cũng là Nam-Chiếu) là Dương trường-Huê và Đoàn-Kính đem 20 vạn quân vào cướp đất nước ta ở thượng-du đặt doanh-trại gọi là trại Ngã-Hoa. Viên Châu-Mục ở châu Bình-Lâm (tức huyện Quảng-Nguyên tỉnh Cao-Bằng ngày nay) tâu về triều. Dực-Thánh vương được cử đi chinh phạt, thắng trận giết được hàng vạn quân giặc và bắt được rất nhiều người ngựa. Bình-dịnh xong miền Thượng-du, vua Thái-Tổ cho Viên-ngoại-lang là Phùng-Châu và Lý-Thác đem một trăm ngựa bắt được của quân Man sang biểu nhà Tống.

Năm thứ bảy hiệu Thuận-Thiên (1016) vua Tống sai sứ sang gia phong cho Lý công-Uân chức Nam-Bình vương.

Năm Mậu-Ngọ tháng sáu (1018) sứ-bộ của ta là viên-ngoại-lang Lý đạo-Thành và Phạm-Hạc sang Tống xin kinh Tam-Tạng (chữ Phạn gọi là Tripitaka). Tháng 9 năm Canh-Thân (1020) sứ bộ mới về; Tăng-Thống là Phi-Trí được lệnh sang Quảng-Tây đón kinh về để tại nhà Đại-Hưng là kho chứa Kinh.

Năm Tân-Dậu (1021) Viên ngoại-lang Nguyên khoan-Thái. Nguyễn thủ-Cương sang Tống dựng kinh-tạng, nhà chứa kinh kiêu bát giác.

Tóm lại việc giao-dịch Lý-Tống thuở bấy giờ rất là êm đẹp và có được vậy vua Thái-Tổ mới có đủ thì giờ để đánh dẹp các mối loạn trong nước ở các miền sơn-cước và man-động thời nào cũng xảy ra. Thái-Tổ tự làm tướng đem quân đi tiêu-phạt (*Khâm-Định Việt-sử* q. 2. tờ 13 a).

Rợ Cừ-Long cậy có địa-thể rừng núi hiểm trở đã từng dấy động trước đây dưới đời vua Lê Đại-Hành đến năm 1011 lại nổi lên. Vua Thái-Tổ bắt được bọn thủ-lĩnh. Từ đó rợ Cừ-Long mới bị diệt.

Năm Nhâm-Tý (1013). Thái-Tổ lại xuất-chính đánh dẹp các quân phản-ngịch ở Diên-Châu, quân Mãn Hạc-Thái, có sự đồng-lỏa của Châu-Mục Hà trắc-Tuấn. Tháng 2 năm Ất-Mão, Hà trắc-Tuấn lại chiếm các châu Vi-Long (tức châu Chiêm-Hóa bây giờ). Đô-Kim, huyện Hàm-Yên tỉnh Tuyên-Quang, Thường-Tân (không rõ ở đâu) Bình-Nguyên (tức châu Vi-Xuyên, thuộc tỉnh Tuyên-Quang bây giờ). Dực-Thánh vương và Vũ-Đức vương đi đánh bắt được Hà trắc-Tuấn đem về kinh làm tội.

Tháng chạp năm Canh-Thân (1020) Lý thái-Tổ sai Khai-Thiên vương và Đào thạc-Phụ đi đánh Chiêm-Thành ở trại Bồ-Chính (thuộc Quảng-Bình (gồm ba huyện Bình-Chính, Minh-Chính và Bồ-Trạch) chém được tướng Chiêm là Bồ-Linh. Quân Chiêm đại bại.

Năm 1022 Mãn Đại-Nguyên-Lịch (ở khoảng giữa trại Như-Hồng và trấn Trào-Dương) quấy-nhiều. Dực-Thánh vương đi dẹp vượt sang đất Tống đốt cả kho tàng rồi về.

Năm 1024 khai-Thiên vương Phật-Mã và Khai-Quốc vương Bồ đi đánh châu Phong và châu Đô-Kim.

Năm 1026 tháng 10 Khai-Thiên vương đi đánh Diên-Châu.

Năm 1027 Phật-Mã đi đánh châu Thất-Nguyên (tức Thất-Khê bây giờ). Đông-Chinh vương tiểu phạt châu Văn-Uyên thuộc tỉnh Lạng-Sơn.

Xét trên đây, dưới đời vua Lý Thái-Tò tuy không có những võ công lớn lao nhưng những việc đánh dẹp kẻ cũng khá nhiều. Vì hiểu tình-trạng nước ta mấy triệu trước luôn luôn có việc nhiễu-loạn nên đến lượt Ngài cảm vận mệnh dân tộc, Ngài sửa soạn và tổ chức ráo-riệt việc quân. Các hoàng-tử đều phải luyện-tập quân-cơ, các hoàng-thân quốc-thích được phép tuyển mộ binh đội nên đã giúp một phần quan-trọng vào việc an-ninh và uy-thế quốc-gia thuở đó.

Tóm lại chính sách của vua Thái-Tò là thương dân, yêu nước giao hảo với Bắc triều, gây thực-lực cho quốc-gia từ trong ra đến ngoài. Chính-sách này đã thành công trong 19 năm Ngài ở tại ngôi.

Vua Thái-Tò mất năm Thiên-Thành (1028 thọ 55 tuổi, (Trong thời vua Thái-Tò nước ở xa như Chân-Lạp tức Cao-Mên bây giờ có 4 lần sang cống-Khâm-Định Việt-Sử quyển 2 từ 15 a),

II.— LÝ THÁI - TÔNG

(1028 - 1054)

- 1) Việc chính-trị
- 2) Việc quân-sự
- 3) Dẹp Chiêm - Thành

Vua Lý Thái-Tò vừa năm xuống thì Lý-Triều là nơi xảy ra cuộc tranh giành vương vị giữa bốn vị hoàng-tử. Theo ý Lý Thái-Tò thì Thái-Tử Phất-Mã được lên ngôi nhưng mấy anh em là Võ-Đức vương, Dực-Thánh vương và Đông-Chinh vương không chịu. Ai cũng muốn ngôi cửu-ngũ về phần mình, rồi sẵn quân-đội riêng các ông hoàng đem quân vây thành. Thật là một cuộc đại náo kinh-thành thời bấy giờ.

Trong các triều-thần có bọn Lý nhân-Nghĩa bàn cùng thái-tử không còn chước nào hơn nữa là dùng giải-pháp võ-lực để quyết-định tình-thế. Mặt trận đã dàn xong, về phía thái-tử, Võ-vệ tướng quân

Lê phụng-Hiếu rút gươm chỉ Võ-Đức vương và bảo : « Các người dòm ngó ngôi cao, khi dễ tự quân, trên quên ơn tiên-đế, dưới trái nghĩa quân-thần, vậy Phụng-Hiếu xin dâng nhát gươm này ». Nói dứt lời Phụng-Hiếu xông vào chém Võ-Đức vương. Dực-Thánh vương và Đông-Chinh vương khiếp uy bỏ chạy. Việc loạn chấm dứt. Thái-tử lên ngôi tức là vua Thái-Tông. Còn lại Đông-Chinh vương và Dực-Thánh vương xin về chịu tội. Vua Thái-Tông nghĩ tình cốt-nhục tha tội cho cả hai người và cho khôi-phục chức-vị như cũ. Nhưng vì còn thắc-mắc về tâm-thuật của những người chung quanh, từ các thân-vương đến các bề tôi, từ đấy vua Thái-Tông buộc các quan hăng năm thi hành lễ tuyên-thệ tại đền Đồng-Cồ (xã Yên-Thái, giáp Tây-Hồ, cạnh thành Hà-nội ngày nay) : *« Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung xin quý thần làm tội »*. Ai mà không tới làm lễ tuyên-thệ phải phạt 50 trượng.

1 — Việc chính-trị Thái-Tông là một ông vua thông-minh rất am-hiếu việc quân-sự và chính-tự. Ngài rất lưu-tâm về mọi vấn-đề dân sự vì lòng thương dân. Gặp những năm mất mùa hay có nhiều binh dịch, ngài xá thuế cho dân hàng hai ba năm. Về luật-pháp ngài cũng sửa đổi lại cho bớt sự gắt gao (ta hẳn nhớ luật-pháp của mấy tiền-triều có bề quá nghiêm-ngã). Đại khái ngài đặt cách tra hỏi các phạm-nhân, xác-định các trường-hợp giảm-khinh cho các người già hay vị thành-niên và cho lấy tiền để chuộc tội nếu không phạm vào thập-ác. Ngài đặt niên-hiệu là Minh-Đạo (1042) trong khi ban-bố các chính-sách nhân-đạo của Ngài. Với hai chữ Minh-Đạo, hẳn ngài muốn tỏ lòng thương dân, thương nước và lo sửa sang, đức-độ của nền quân chủ coi trăm họ như con. Năm sau ngài hạ lệnh bãi bỏ tục mua oánhg-nam để làm tội tó (hoàng-nam là người từ 18 tuổi trở lên). Ngài cho đức tiền Minh-Đạo để tiện việc mua bán trong dân gian và Ngài đặt ra nhà trạm để chạy công-văn, chia đường quan lộ ra từng cung cho thuận-tiện mọi việc giao-thông.

Trong cung Thái-Tông đặt hậu và phi 13 người, ngự-nữ 18 người, nhạc-ký 100 người. Các cung-nữ ngoài việc hầu hạ phải tập nghề dệt vóc gấm.

2— Việc quân-sự

Dưới thời vua Thái-Tông cũng có nhiều việc đánh dẹp vì sự rối loạn vẫn còn là một tình-trạng thường trực từ các thời trước, ngoại trừ phái phong-kiến đã bắt đầu vào dần khuôn khổ. Điều thất sách là nhà vua không đặt các quan Tiết-trấn hay Trấn-thủ ở các miền sơn-cước hay các miền lân-cận thượng-du nên quyền cai-trị và binh-bị đều giao hết cho các Châu-mục hay Từ-trưởng, do đó quyền hành của những người này rộng quá, họ dễ sinh phản nghịch. Vua Thái-Tông luôn luôn phải thân chinh đi đánh dẹp.

Năm Mậu-Dần (1038) người Nùng ở Quảng-Nguyên (Lạng-Son) thường hay nổi loạn. Đây là một thời đáng kể oanh liệt nhất của người Nùng.

Lính-tụ của họ là Nùng tồn-Phúc người đất Tương-Can, thuộc động hay châu Thạch-An, cát-cứ tại châu Đằng-Ro gồm Cao-Băng và Lạng-Son bây giờ. Vây cánh của Phúc là Nùng tồn-Lộc (em ruột Phúc) thủ-lĩnh châu Văn-Nhai (thuộc Thái-Nguyên) và Dương-Đạo (em vợ) thủ-lĩnh châu Vũ-Lạc (thuộc Cao-Băng, Lạng-Son). Tất cả các đất đai trên đây hợp thành châu Quảng-Nguyên về đời nhà Lý. Sau này Tồn-Phúc giết cả hai em để chiếm hết ảnh-hưởng vật-chất và tinh thần tại Quảng-Nguyên rồi xưng là Chiêu-Thánh Hoàng-đế phong cho vợ làm Minh-Đức Hoàng-hậu, con là Nùng trí-Thông làm Nam-Nha đại-vương rồi đổi châu Quảng-Nguyên làm nước Trừng-Sinh. Họ Nùng lại sửa sang bờ cõi, binh-bị và xây thành-trị, đồn ải cùng tuyệt giao với nhà Lý (tức là không xưng thần nạp cống) từ năm 1038.

Hồi tháng giêng năm sau (1039), Hà văn-Trinh là thủ-lĩnh Tây-Nông (tức huyện Tư-Nông ngày nay thuộc tỉnh Thái-Nguyên), làm báo cáo về triều Lý.

Năm Kỷ-Mão (1039) vua Thái-Tông phải thân đi đánh Nùng tồn-Phúc và con là Nùng trí-Thông bị bắt đem về kinh xử tội còn vợ và một con trai nữa là Nùng trí-Cao chạy thoát. Nùng trí-Cao cũng là một kẻ có tài và có tinh-thần quật-cường nên hai năm sau lại lập được quân-đội cùng mẹ trở về chiếm châu Đằng-Ro, sát châu

Quảng-Nguyên, đặt nơi này làm Đại-Lịch quốc. Nhà Lý lại thêm một phen khó nhọc và đến lượt Nùng trí-Cao bị bắt nhưng vua Thái-Tông nghĩ đã giết cha và anh Trí-Cao rồi không nỡ hại Trí-Cao nữa, cho trở về làm Quảng-Nguyên-Mục, sau gia-phong hàm Thái-Bảo.

Năm Mậu-Tí (1048) Nùng trí-Cao lại làm phản, tự xưng phen nữa là Nhân-huệ hoàng-đế lấy quốc hiệu là Đại - Nam. Quan Thái-Úy của triều Lý là Quách thịnh-Dật đem quân lên đánh không có kết quả. Nùng trí-Cao tính chuyện nương dựa vào Tống-triều và xin phụ-thuộc, Tống-triều không thuận. Kề rã họ Nùng cũng rất khôn ngoan trong ý định lợi-dụng sự mâu-thuẫn giữa Bắc-phương và Nam-phương đã có từ ngàn năm trước để xây-dựng cho «quốc-gia Nùng» một địa-vị trung-gian ở giữa hai lực-lượng. Còn Tống-triều không chấp-thuận lời thỉnh-cầu của họ Nùng hẳn là thấy từ nhà Ngô-dã nghiệp qua tới mấy triều-dại sau dân phương Nam đã thành một khối chặt chẽ, đã tiến-hóa và có một thực-lực đáng kiêng nể, việc thừa nhận quốc-gia Nùng có thể phát sinh ra sự thù oán với Lý triều không khỏi là điều bất lợi.

Vào khoảng tháng 10 năm 1052 quân Nùng hãm Tân-Châu và Ung-Châu, chiếm được 8 châu (Các châu : Hoành, Quý, Cung, Tầm, Đẳng, Ngô, Khang, Đơan) thuộc Quảng-Đông và Quảng-Tây làm cho Tống-triều phải xúc-dộng. Vua nhà Tống toan nhờ nhà Lý đánh dẹp họ nhưng tướng nhà Tống là Địch-Thanh can ngăn lấy lẽ có một mình Trí-Cao mà lực-lượng lưỡng Quảng không thể chế-ngự được phải nhờ ngoại-quốc thanh-trừ sẽ là một điều quốc-sĩ. Việc này còn có ảnh-hưởng khác không kém phần tai-hại là sẽ sinh mối biến-loạn khác nữa hoặc trong nội-bộ của Tống-triều, hoặc ở ngoài bên. Vua Tống cho là phải rồi cử bọn Dư-Tĩnh và Tôn-Miền đem quân đi đánh Trí-Cao. Bọn này làm không nổi việc, vua Tống và triều-dinh càng thêm lo. Trước sự lúng-túng của Tống-triều, Nùng trí-Cao dâng biểu xin phong làm Tiết-độ-sứ châu Ung và châu Quý. Vậy mà vua Tống đã toan ưng-thuận cho êm. Lại một phen nữa Địch-Thanh phản đối và tình-nguyện xin đi đánh. Ông được phong làm Quảng-Nam Tuyên phủ-sứ.

Bấy giờ quân của Dư-Tĩnh và Tôn-Miến đang đóng ở Liễu-Châu, địa-hạt Tân Châu thuộc Quảng-Tây. Tháng chạp năm 1052 quân Địch-Thanh đến Quảng-Nam hợp với quân của bọn Dư-Tĩnh, Tôn-Miến. Địch-Thanh hạ lệnh bất-động để xem xét tình thế và định kế-hoạch. Trong lúc này quan Kiểm-hạt Quảng-Tây là Trần-Thự không tuân tướng-lệnh cứ đem quân đi đánh Trí-Cao và bị bại. Địch-Thanh đem chém Trần-Thự và cho quân nghỉ 10 ngày. Trí-Cao thắng trận nhiều lần sinh khinh địch và không lo đề-phòng bất ngờ bị Địch-Thanh tấn-công tại cửa Côn-Lôn (thuộc Phú Nam - Ninh). Trong khi chiến-cuộc đang diễn-hành. Địch-Thanh dùng quân kỵ đánh vào hai bên sườn quân Trí-Cao. Bọn tướng tá Nùng là Hoàng sư-Mật Nùng kiên-Trung chết tới 157 người, còn quân bị hại tới hàng vạn và tàn vỡ hết. Trí-Cao thả lửa đốt thành rồi chạy trốn qua sông Hợp-Giang sang nước Đại-Lý (thuộc Vân-Nam) bị người Đại-Lý bắt được chém đầu đem nộp cho nhà Tống.

Theo *Đại-Nam-dật-sử*, Nguyễn-văn-Tổ nói: hai năm sau Dư-Tĩnh được phong làm Kinh-Chế Quảng-Tây có nhiệm-vụ đi bắt Trí-Cao. Dư-Tĩnh phái Tiêu-Chú là Đô-Giám qua đường Đắc-Ma đi tìm họ Nùng và dự-đăng chỉ có bắt được mẹ Trí-Cao, em là Trí-Quang, con là Kê-Tông và Kê-Phụng ; lại cử người sang Đại-Lý theo dõi Trí-Cao. Bấy giờ Trí-Cao đã chết ở Đại-Lý. Họ chặt đầu Trí-Cao đem về kinh-sư. Thân nhân của Trí-Cao sau cũng bị giết hết. Từ đó tại biên-giới Hoa-Việt không có sự quấy nhiễu của người Nùng nữa.

3— Dẹp Chiêm-Thành

Nhà Lý dấy nghiệp đã được 10 năm dân Chiêm nhân dịp bên Giao-Châu thay đổi ngôi vua liền bỏ việc tiến cống và thông sứ. Hơn thế nữa, quân Chiêm lại còn luôn luôn quấy nhiễu các vùng duyên-hải của chúng ta. Năm Giáp-Thân (1044) sau khi sửa soạn được binh thuyền, lương thực vua Lý thái-Tông ngự-giá đánh Chiêm-Thành. Hai quân gặp nhau ở phía Nam sông Ngũ-Bồ. Quân Giao-Châu đánh tràn sang, khí thế hăng-hái quá quân Chiêm bỏ chạy, 5 000 quân Chiêm và 30 con voi bị bắt. Ngay khi đó trong nội-bộ của Chiêm xảy ra việc bội

phản : tướng Chiêm là Quách Gia-Dĩ hạ sát quốc-vương Xa-Đầu rồi xin hàng. Thắng trận, quân ta chém giết dân Chiêm rất nhiều, vua Thái-Tông phải thiết quân-luật mới chấm dứt được cuộc tàn sát này.

Thái-Tông tiến đến thành Phật-Thệ bấy giờ là quốc-dô của Chiêm-Thành (thuộc làng Nguyệt-Biêu, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên) bắt được vương-phi Mị-Ê và một số cung-nữ Chăm đem về nước. Thuyền ngự về tới hạt Hà-Nam, Thái-Tông đòi Mị-Ê sang chầu nhưng tuyệt-vọng về tình nhà nổi nước, người đẹp của dân Hời đã quần chiến lẫn xuống sông tự vẫn. Ngày nay bên bờ sông Châu-Giang, cạnh tỉnh-lỵ, dân chúng địa-phương có dựng một ngôi đền thờ tiết-phụ đó.

Số 5.000 người bị bắt về Giao-Châu sau được triều đình nhà Lý cấp ruộng đất để lập ấp sinh sống.

III.— LÝ THÁNH-TÔNG

(1054 - 1072)

— *Việc mở mang Phật-giáo và Nho-giáo*

— *Vua Lý Thánh-Tông đánh Chiêm-Thành*

Kế nghiệp vua Thái-Tông là thái-tử Nhật-Tông, tức vua Thánh-Tông lấy niên hiệu lần đầu là Long Thụy-Thái-Bình (1054-1058) đặt quốc-hiệu là Đại-Việt. Nước ta ngót một trăm năm đến bấy giờ vẫn gọi là Đại Cồ-Việt.

Vua Thái-Tông nổi tiếng là một vị anh-quân và có nhiều đức-dộ. Chính-trị của ngài lấy sự thương dân như con làm căn-bản.

Tháng tư năm Bính-Thân (1056) ngài ban chiếu khuyên dân làm ruộng. Tháng tám năm Kỷ-Hợi (1059) ngài cho chế triều-phục

Các quan phải đội khăn bịt đầu, đi hài có bó tất vào chầu cho có vẻ trang nghiêm. Ngài lập điện Thủy-tinh, điện Thiên-Quang. Quan chức thì có chức Phụ-quốc Thái-Úy, Giám-nghị đại-phu, Tả-hữu lang-trung viên-ngoại-lang, Khu-mật-sứ, Kim-ngô, Lĩnh-binh. Triều-đại của ngài kể ra đến bấy giờ là văn vật hơn cả và tiến dần đến chỗ vẻ-vang. (*Khâm-định Việt-sử* 9. 3 từ 23 b).

Tháng tư năm Canh-Tuất (1070) trời làm đại-hạn, ngài cho lấy tiền của và thóc trong kho chần-cấp cho dân (*Khâm-định Việt-Sử* 9. 5 từ 29). Ngài đặt ra tiền dưỡng liêm để tránh sự sa-ngã cho quan lại. Năm Đinh-Mùi (1067) ngài cho Nguyễn Trọng-Hòa và Đặng-Thê-Tư làm Đô-hộ-phủ sĩ-sư, đòi 10 người thủ-gia làm lại án-ngục. Ngài ban cho Trọng-Hòa và Thê-Tư mỗi năm mỗi người 50 quan tiền và 100 bó thóc, cá và muối tùy tiện đủ dùng. Mỗi người ngục-lại mỗi năm được 20 quan tiền và 100 bó thóc để nuôi tính trong sạch cho các hình-quan).

(Về việc dưỡng-liêm. Ngô ngo-Phong, tức Ngô thời-Sĩ nói: Dưới đời nhà Lý các quan trong ngoài đều không có cấp bổng. Quan trong thì thỉnh-thoảng được ban thưởng. Quan ngoài được dân mỗi địa-phương tùy tiện đặt người thu những thuế điền thổ, bờ, đập mà cung cấp. Quan phải dạy dân cày cấy, thả cá để cùng hưởng lợi. Đến bấy giờ hình-quan mới có lương bổng.

Đối với các phạm-nhân, ngài cũng mở lượng khoan-hồng, cho ăn mặc đầy đủ. Năm Tân-Hợi (1071) ngài định lệ chuộc tội bằng tiền tùy theo nặng nhẹ. Về vấn-đề này (năm 1028 — 1054) trong đời vua Lý Thái-Tông đã lập thành lệ, vua Thánh-Tông sau này chỉ sửa đổi lại mà thôi.

Về võ bị, tuy nước được thái-bình, ngài cũng rất lưu ý đến. Năm kỷ-hợi (1059) ngài định các hiệu-quân là: Ngũ-Long, Vô-thắng, Long-Đức, Thần-Điện, Bồng-Thánh, Bảo-Thắng, Hùng-Lược và Vạn-Tiếp. Mỗi hiệu chia ra tả, hữu, tiền, hậu tức là 4 bộ. Bốn bộ hợp lại thành 100 đội. Mỗi đội có lính kỵ-mã và lính bắn đá. Do sự bổ-xung này số cấm-quân đến đời vua Thánh-Tông gần tăng gấp đôi; còn thứ binh sĩ để giữ an-ninh, trật-tự trong

nước và đề phòng xâm-lãng không có nhất định. Người dân đến tuổi phải đi lính một thời-hạn ngắn và có lẽ như dưới đời nhà Đinh, họ được luân-phiên đề vừa làm bôn-phận với Nhà-nước, vừa làm việc với gia-đình, tức là vừa là lính vừa là nông-dân. Việc này gọi là "đi phen". Trong khi đi phen, họ đóng ở các phủ, huyện, châu đề phòng khi động dụng. Hạng lính này dĩ-nhiên nhiều hơn lính cấm-vệ, nhưng tập-luyện ít-ỏi hơn.

Ngoài ra quân lính đều có khắc trên trán ba chữ "Thiên tử-Quân" như dưới đời Tiền-Lê. Binh-chế nhà Lý nổi tiếng đời bấy giờ khiến nhà Tống phải bắt chước. Chúng tôi tiếc rằng không thấy có sử-liệu nói nhiều về các tổ-chức quân-sự dưới triều vua Thánh-Tông đề bày tỏ đầy đủ hơn, chỉ biết theo *Văn đàn loại-ngữ* của Lê quý-Đôn, quyển IV, tờ 42a, : Thái diên-Khánh là quan nhà Tống làm Tri-châu ở Hoạt-châu (một châu của Tàu ở gần biên-giới ta) có dâng lên vua Tống Thần-Tông (1068 — 1085) cuốn *An-nam hành-quân pháp* bắt được của nhà Lý. Trong sách này có ghi chép việc tổ chức binh đội như sau đây, và chúng tôi ngờ rằng việc tăng-cường binh đội này đã phát xuất dưới hai triều Thái-Tông và Thánh-Tông đã có nhiều điều đặc-biệt nên binh đội của ta đã khá mạnh khiến Trung-Quốc phải chú ý :

Chính-binh là các đơn-vị sử-dụng cung tên và kỵ-mã do 9 phủ-tướng thống-xuất. Các đơn-vị này có 100 đội. Mỗi đội có 4 bộ : tả, hữu, tiền, hậu.

— Quân trú-chiến tức là quân-đội vừa đóng giữ vừa chiến đấu tại chỗ.

— Quân thác-chiến dùng vào các cuộc tấn công và lưu-động (Mỗi tướng đều có bộ kỵ-binh và vũ-khí như nhau).

— Phiên-binh thì đặt từng đội riêng, đề đề-phòng sự bất chắc. Đây là hạng lính già yếu đề giữ thành).

Do tài-liệu này ta thấy binh-chế đời Lý có một đặc-sắc nhất là biết sử-dụng kỵ-binh nó có giá-trị hay không thì coi cuộc phạt Tống bình Chiêm liên tiếp sau này đủ rõ. Ngoài ra nhà Tống phải